NĂM THỨ TÁM • #97 • MAY 1997

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

CHUYỆN MỘT NGƯỜI
VÕ ĐÌNH

MỘT LẦN DA ĐẾN THỊT
HỒ MINH DŨNG

CHUYỆN, TƯỞNG NHƯ KHÔNG AI NGHĨ RA
PHAN NHẬT NAM

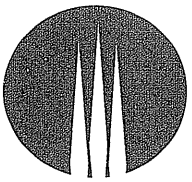

VNCR

VNCR VIETNAM CALIFORNIA RADIO 106.3 FM

Phát thanh 5 ngày mỗi tuần
từ Thứ Hai đến Thứ Sáu
Buổi sáng: 5am đến 7am
Buổi chiều: 12pm đến 4pm

Đài có công suất mạnh nghe được rất rõ tại các quận hạt
ORANGE, LOS ANGELES, VENTURA, SAN BERNARDINO, RIVERSIDE

TIN TỨC THỜI SỰ NHANH, CHÍNH XÁC & PHONG PHÚ
VĂN NGHỆ CHỌN LỌC
GIẢI TRÍ THOẢI MÁI, THANH LỊCH
HỘI THOẠI, PHỎNG VẤN ĐỀ TÀI THIẾT THỰC

QUẢNG CÁO VUI TƯƠI HẤP DẪN & HỮU HIỆU

VNCR Phone: (714) 534-9430 (714) 534-9431 (714) 534-9432
Fax: (714) 534-9433 E-mail: 75504.3510@compuserve.com
Web page: http://kicon.com/VNCR
11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640

MỚI LẠ! SAY MÊ! KINH NGẠC!

Với kỹ thuật tân kỳ về ÂM THANH và ÁNH SÁNG đi trước của năm 2000

Tất cả video Paris by Night từ trước đến nay, kể cả 37 và 38 dù đã lên TOP thị trường trong và ngoài nước, tất cả đều chào thua cuốn video xuất sắc nhất vừa mới thực hiện

PARIS BY NIGHT 39

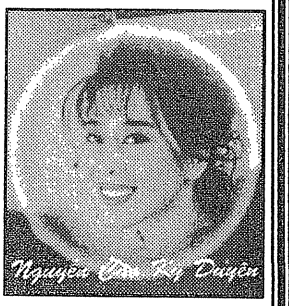

Điều khiển chương trình:

NGUYỄN NGỌC NGẠN & NGUYÊN CAO KỲ DUYÊN

Chủ Đề: **ÁNH ĐÈN MÀU**

với sự góp mặt các tài danh:

- Ái Vân - Bích Chiêu - Ý Lan - Như Quỳnh - Họa Mi
- Lưu Bích - Bảo Hân - Mỹ Huyền - Hoàng Lan
- Trang Thanh Lan - Lynda Trang Đài - Thiên Kim
- Thảo Mi - Đức Huy - Don Hồ - Thái Châu - Thế Sơn
- Nguyễn Hưng - Tommy Ngô- Hoài Nam - Khánh Hoàng
- Lay Minh - Ban Nhạc M.F.L. Toronto (Canada)

Xin liên lạc: **THÚY NGA**

GIÁ $28 1/BỘ

MỸ & CANADA: P.O. Box 2174 • Westminster, CA 92683 - USA • Tel.: (714) 893-2860 • Fax (714) 891-9673
ÂU CHÂU: 44 Ave D'Ivry - 75013 • Paris, France • Tel.: 45-83-34-30
ÚC: 323 Chapel Rd. • Bankstown - N.S.W. 2200 • Australia - Tel.: (02) 796-722

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HÓA • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 6 tháng / *6 months*	□ 1 năm / *1 year* US$40.00	□ 2 năm / *2 years* US$75.00
Gửi First Class:		□ 1 năm / *1 year* US$52.00	□ 2 năm / *2 years* US$96.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail)	CANADA	□ 1 năm / *1 year* US$56.00	□ 2 năm / *2 years* US$113.00
	ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ *1 năm / 1 year* US$76.00	□ 2 năm / *2 years* US$140.00
	Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ *1 năm / 1 year* US$86.00	□ 2 năm / *2 years* US$160.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 1 tháng Ba 1995. / *Effective from March 1st, 1995.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11822 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA ■ TEL. (714) 638-9510 FAX (714) 638-1944

MÓN QUÀ TAO NHÃ TẶNG CHO NGƯỜI MÌNH QUÝ MẾN BUỔI ĐẦU XUÂN
KHÔNG GÌ HƠN LÀ MỘT CUỐN SÁCH

TỦ SÁCH CÀNH NAM
GIỚI THIỆU SÁCH MỚI:

KINH THI

Bìa hai lớp, In offset - 600 trang - Ấn phí tại Hoa Kỳ $25 ***Cần nhiều Đại lý***

MỌI THƯ TỪ, NGÂN PHIẾU, CHI PHIẾU, XIN ĐỀ CHO:

TỦ SÁCH CÀNH NAM

2607 N. MILITARY RD. ARLINGTON, VA 22207

(703) 525 - 4538

Phiếu Đặt Mua Sách

Tôi tên: . . . . . .

Yêu cầu gửi . . . . cuốn . . . . . .

Về địa chỉ . . . . . .

. . . . . State . . . . .Zip code . . . . .

Tôi gửi kèm ngân phiếu trị giá . . . . . .

Công Ty Điện Toán Chuyên Về Những Dịch Vụ Internet

KICON

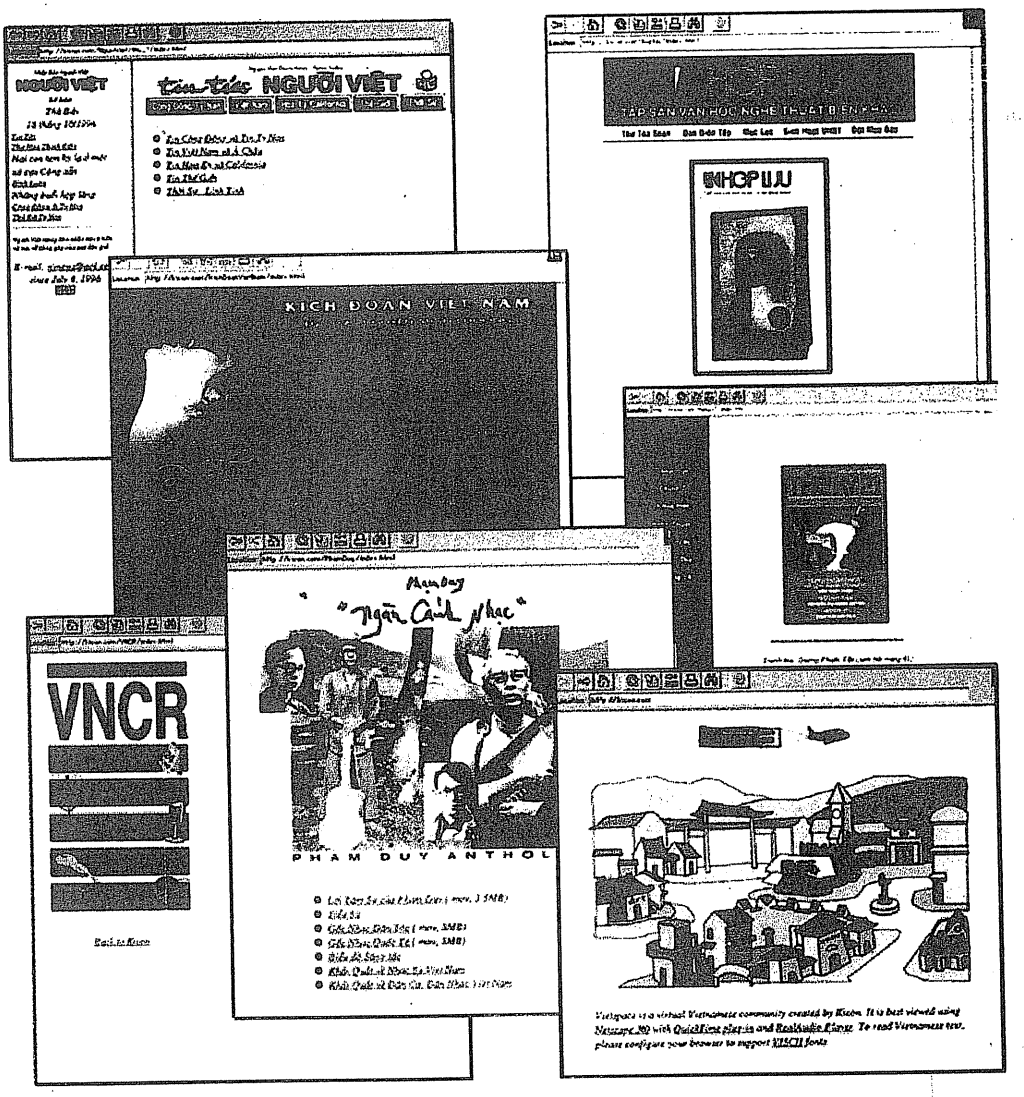

Kicon đảm nhận các dịch vụ đưa các cơ sở thương mại, hội đoàn, báo chí trên toàn thế giới lên mạng lưới Internet với những kỹ thuật điện toán mới nhất, một cách mỹ thuật và hiệu quả nhất.

12866 Main St., Suite 101, Garden Grove, CA 92840, Tel 714-590-3080, Fax 714-590-3084

http://kicon.com

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643

(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ *Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất mỹ đẹp.*
¤ *Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT

- *TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
- *LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
- *NHA KHOA NHI ĐỒNG*

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM ¤ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

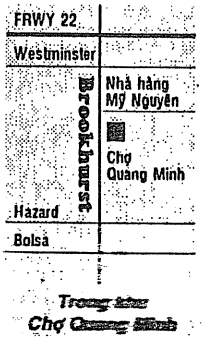

- *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
- *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NHÀ XUẤT BẢN

NGƯỜI VIỆT

Hân hạnh giới thiệu ba ấn phẩm mới nhất:

Món quà cho
cho các em thiếu nhi
Món quà cho
người yêu nhạc
Món quà cho
những người
bạn ngoại quốc

Mỗi gia đình
Việt Nam đều nên
có trong tủ sách
gia đình

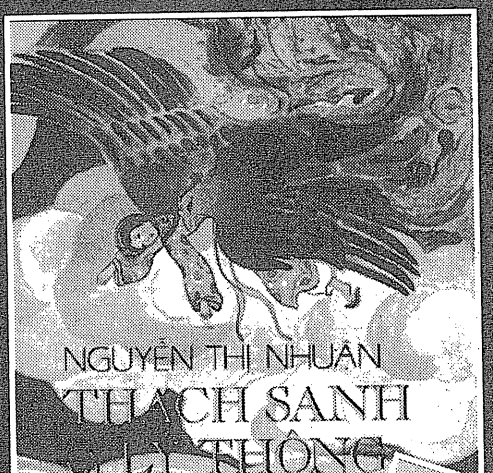

Truyện cổ tích
Việt Nam
bằng tranh
cho các em
thiếu nhi
bằng hai thứ tiếng
Anh - Việt
của Nguyễn Thị Hợp
và Nguyễn Thị Nhuận
Giá: US$ 10

Hai tập nhạc
Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ Lê Văn Khoa biên soạn
Giá: US$ 12/mỗi tập

Hỏi mua tại các nhà sách địa phương hoặc liên lạc:

NHÀ XUẤT BẢN NGƯỜI VIỆT
14891 MORAN ST., WESTMINSTER, CA 92683
TEL: (714) 892-9414 - FAX: (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com - World Wide Web: http://kicon.com/NguoiViet

Tranh bìa: Nguyễn Đồng
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường
Hí họa: Hiếu Đệ, Babui
Ảnh: Lê Tam Ca, Trần Đại Lộc

MỤC LỤC

Số 97 . Tháng Năm 1997

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ

13 Chuyện kinh tài của đảng Cộng sản Việt Nam -**Đoàn Thanh Liêm**
15 Đổi mới kiểu Trung Quốc và Việt Nam - **Quang Võ**
19 Hiến chương
34 Lê Đức Thọ, đệ nhất gian thần - **Vũ Thư Hiên**
77 tranh đấu cho nhân quyền và tự do dân chủ -**Nguyễn Thanh Trang**

TƯỞNG NIỆM TỪ CHUNG

21 Từ Chung giữa làng báo Việt Nam 1963-1965 -**Lê Thiệp**
25 Tự do báo chí và tiếng nói của người đã khuất -**Trần Thúc Linh**
26 Từ Chung và quyền tự do báo chí - **Thụy Giao**
27 Từ Chung qua các đồng nghiệp- **Tiền Tuyến** và **VTX**
29 Khóc Từ Chung - **Tú Kếu**
91 Tưởng niệm Từ Chung tại quận Cam - **Cam Vũ**

ĐỜI SỐNG - KHOA HỌC

55 Kể chuyện đời xưa - **Vũ Quốc Thúc.** 77Thích nghi: giá phải trả - **B.S. Trần Minh Tùng**
105 When East meets West - **Nguyễn Hùng Vũ**

VĂN HỌC

42 Trần Dần, một mối tình chung thủy... -**Nhất Uyên**
70 Tâm bút của Duyên Anh -**Lê Đình Thông**
89 Về chuyện Trần Quý Cáp thi Hội khoa 1904 - **Nguyễn Thị Chân Quỳnh**
94 Phỏng vấn Lê Đạt -**Lê Đình Điểu** thực hiện.96 Kể chuyện Hoài Thanh - **Huy Anh**

VĂN

51 Chuyện một người - **Võ Đình.** 59 Một lần da đến thịt - **Hồ Minh Dũng**
66 Chuyện, tưởng như không ai nghĩ ra -**Phan Nhật Nam**
72 Huế, một đôi điều - **Trần Doãn Nho.** 76 Trăn trối -**Miêng**
83 Bên bờ kinh Vĩnh Tế -**Nguyễn Tấn Hưng**

THƠ

45. Cũng một cuộc tình - **Nguyễn Thị Hoàng Bắc.** 49. Quê nhà -**Trần Công Nghị.** 57. Mưa tháng Ba trên Seattle - **Trịnh Cung.** 61. Đêm trai ngộ - **Hồng Khắc Kim Mai.** 62. Cây đa bến cộ - **Đỗ Thì Kênh G.** 64. Dư vang - **Bùi Giáng.** 68. Cố hương - **Phạm Băng Hồ.** 71. Biết bao nhiêu người vắng mặt - **Nguyễn Đức Bạn.** 84. Có không - **Hạo Nhiên**

MỤC THƯỜNG LỆ

8 Thư Tòa soạn: Tinh thần bất hại - **Vương Hữu Bột**
9 Bạn đọc viết. 11 Tòa soạn và bạn đọc - **Phạm Phú Minh**
12 Hộp thư trị sự - **Phan Mỹ Sương.** 30Sổ tay
98 Khách trong tháng - **Lê Đình Điểu**
99 Vòng chân trời Văn học Nghệ thuật - **Lê Tam Ca**
102 Sách báo trong tháng - **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) [illegible]-3510
Fax: (714) [illegible]-1944
E-mail:
75[illegible]4.3510@compuserve.com
hoặc theky21@kicon.com
WWW homepage:
http://kicon.com/theky21

Hội Đồng Quản Trị:

Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Đại Lộc, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: *Trích Thế Kỷ 21.*

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
1. *Lê Tất Luyện:* 45 83 19 12
2.*Phạm Thu Hương* 39 84 00 84
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371-439238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) [illegible]

ISSN [illegible]

TINH THẦN BẤT HẠI

Thánh Gandhi tặng cho nhân loại tấm gương sống bất hại - ahimsa. Có lần thánh Gandhi đã ví chính trị như một con rắn. Ta không thể trốn tránh, không sống bên cạnh con rắn đó, nhất là khi muốn sống hữu dụng. Làm cách nào sống với con rắn chính trị mà vẫn thể hiện tinh thần bất hại?

Cuộc sống chính trị sinh ra những ý kiến bất đồng. Những vụ đấu tranh quyền lực tựu trung là giành lấy phương tiện để có cơ hội thực hiện những chương trình, do các ý kiến khác nhau sinh ra. Thể hiện tâm bất hại trong một môi trường mà bản tính là đấu tranh như vậy, thật khó. Nhất là quyền lực chính trị vốn chỉ có hai thứ chính: quyền sử dụng bạo lực hợp pháp, và quyền thâu thuế. Sống chung với hai thứ nghiệp chướng đó, làm sao chế ngự tham sân si?

Có phương cách nào để tinh thần bất hại hy vọng thể hiện được trong đám phàm nhân như chúng ta?

Trong lịch sử, một phương cách đã thí nghiệm và cho thấy nhiều triển vọng, đó là thể chế dân chủ tự do. Cuộc sống dân chủ tự do nuôi dưỡng tâm bất hại dễ hơn, vì có những thủ tục, không những để tránh dùng bạo lực, mà còn thúc đẩy tấm lòng cởi mở, đối thoại.

Karl Popper có lẽ là một người đầu tiên nhấn mạnh

một tính chất khác nhau giữa dân chủ và độc tài, là chỉ trong chế độ dân chủ thì người dân mới có khả năng lật đổ chính phủ mà không gây đổ máu. Ông còn nhận thấy là rất hiếm khi xảy ra chiến tranh giữa hai nước dân chủ, từ khi thể chế này được đem thử trong thời hiện đại.

Liên hệ giữa thể chế dân chủ và tinh thần bất hại có hai chiều, tương sinh và tương dung, thiếu thứ này thứ kia khó tồn tại. Một định chế ràng buộc mọi người trong tinh thần trọng pháp, mọi ý kiến bất đồng được giải quyết theo các thủ tục mà mọi người đều chấp nhận, qua các cuộc bàn cãi hơn là dùng tay chân hay súng đạn, thì có vẻ hiền lành thật. Với một thể chế như vậy chắc chúng ta dễ thể hiện tinh thần bất hại hơn.

Ngược lại, một xã hội muốn sống được trong thể chế dân chủ chắc phải có một điều kiện là mọi người sẵn sàng nuôi dưỡng tinh thần bất hại. Nói "tất cả mọi người" thấy khó đạt được, nói "đa số mọi người" vẫn còn hơi khó, hãy thử nghĩ đến một thiểu số có ảnh hưởng lớn trong xã hội. Nếu như trong xã hội mà những người có ảnh hưởng lớn đều đồng ý tinh thần bất hại thể hiện trình độ văn minh, khi bị ai nói hay làm trái ý thì giận lắm cũng là mắng mỏ chứ không đấm đá, trong xã hội đó chắc chế độ dân chủ dễ thực hiện hơn thật.

Sống dân chủ thế nào cũng có bất đồng ý kiến. Dù tất cả đều có thiện ý như nhau, người ta vẫn bất đồng ý kiến, vì các ý kiến chính trị dựa trên những hiểu biết còn thô sơ về loài người, chưa có giá trị khách quan như khoa học vật lý. Nếu loài người đều toàn trí như Thượng đế cả thì không có bất đồng ý kiến, do đó không ai cần đặt vấn đề nên dân chủ hay chăng. Nên dân chủ, vì thể thức sống chung đó cho phép các ý kiến bất đồng được tự do nêu lên, và được giải quyết, thỏa hiệp một cách hòa bình.

Thói quen dùng áp lực giải quyết tư tưởng bất đồng chắc chắn là thiếu văn minh. Chính vì thế chúng ta thấy cần tôn trọng tự do báo chí, và không chấp nhận việc đàn áp những người bất đồng ý kiến. Hành động đàn áp có khi chỉ là cắt đứt kế sinh nhai của một nhà văn, đuổi nhà một người trí thức, và xấu nhất là giết hại người làm báo. Cần từ bỏ cái thói đàn áp đó, vì thói quen đó là thiếu văn minh, hạ thấp giá trị tất cả mọi người. Một dân tộc mà người cầm quyền chưa bỏ được thói quen đó thì đáng hổ thẹn trước nhân loại.

VƯƠNG HỮU BỘT

Cổ sử hay cận sử?

Trong bài "Nhận diện chân tướng vật tổ chim Lạc" đăng trong Thế Kỷ 21 số 95, ông Nguyễn Xuân Quang nêu câu hát

Chi chi chành chành
Cái đanh thổi lửa
Con ngựa chết chương
Ba vương, ngũ đế

và suy đoán rằng "Thần lửa của chúng ta cũng được nhắc đến trong câu hát trên. Đây cũng là một câu 'thai đố' về cổ sử." Ông giải thích, "Cái đanh thổi lửa là dùng vật nhọn, que nhọn như cái đanh, vừa dùi vào gỗ vừa thổi để gây lửa."

Về ý nghĩa bài hát tôi xin góp ý như sau. Nhưng trước hết xin ghi lại nguyên bài đồng dao:

Chi chi chành chành
Cái đanh nổ lửa
Con ngựa đứt cương
Ba vương tập đế
Cấp kế đi tìm
Ú òa ập

Bài hát này ám chỉ việc vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết thất bại trong mưu toan đánh úp quân Pháp lúc bấy giờ đã ngự trị trong thành phố Huế.

- Cái đanh nổ lửa: súng bắn tóe lửa
- Con ngựa đứt cương: quốc gia không người lãnh đạo vì vua Hàm Nghi đã bỏ kinh thành đi ra chiến khu.
- Ba vương tập đế: ba người con nuôi của vua Tự Đức được phong tước Vương và sau đều được lên ngôi vua (tập đế), đó là: vua Hiệp Hòa (1883) bị bức tử; vua Hàm Nghi (từ 1884 đến 1885) bôn đào; vua Đồng Khánh (từ 1885 đến 1888). Về sự việc này, còn có câu:

Một nhà sinh được ba vua
Vua còn (Đồng Khánh), *vua mất* (Hiệp Hòa), *vua thua chạy dài* (Hàm Nghi).]

- Cấp kế đi tìm: Pháp cấp tốc tìm bắt vua Hàm Nghi.
- Ú òa ập: bắt được vua (ở Tân Sở, Quảng Trị).

Nguyễn Xuân Thuyên *(Westminster, CA)*

Bảo vệ đảng hơn bảo vệ đất nước

Tôi xin góp ý kiến về bài "Hà Nội, Bắc Kinh và Dầu lửa ở Hoàng Sa" của tác giả Đỗ Hiếu Trung đăng trên số 96 của quý báo như sau:

1) Bản phóng ảnh thư của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi cho Tổng lý Quốc vụ viện Chu Ân Lai ngày 14/9/1958 mà quý báo cho sao chụp lại ở trang 15 không được rõ nét lắm. Xin quý báo cho đăng rõ hơn văn bản này.

2) Vào năm 1974, Hải quân Trung Quốc đã nổ súng bắn chìm tàu của Hải quân Việt Nam Cộng Hòa trong khu vực quần đảo Hoàng Sa gần Đà Nẵng và còn bắt giữ một số sĩ quan và binh sĩ Hải quân của Miền Nam. Lúc đó thì phản ứng của Hà Nội ra sao? Tôi nhớ ông luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Mặt trận Giải phóng miền Nam hồi ấy đã có tuyên bố sao đó, khiến có lợi cho phía Trung Quốc và bất lợi cho phía Việt Nam.

Xin đề nghị tác giả bài báo làm sáng tỏ thêm sự việc này. Riêng tôi thì có cảm tưởng là giới lãnh đạo Cộng sản ở Hà Nội xưa nay vẫn lo lắng bảo vệ cho đảng Cộng sản của họ hơn là cho nước Việt Nam của chúng ta. Tôi mong mỏi những người Cộng sản tiến bộ ở trong nước cũng lên tiếng về vấn đề Hoàng Sa, Trường Sa này.

Lê Quang *(New York City)*

Lá thư của ông Phạm Văn Đồng ký ngày 14 tháng Chín 1958, người đánh máy báo TK 21 đã lầm là 1959. Tác giả bài trên không nêu hết các chi tiết khác mà phía Trung Quốc đã nêu ra như bằng cớ là chính phủ Hà Nội đã thừa nhận chủ quyền của Trung Quốc ở Hoàng Sa. Thí dụ, ngày 15-6-1956 Thứ trưởng Ngoại giao Ung Văn Khiêm tuyên bố thừa nhận điều đó; tập bản đồ thế giới in năm 1972 ở Hà Nội ghi tên các quần đảo trên bằng tên Trung Quốc, nhìn nhận thuộc Trung Quốc. Đến cuối năm 1975 bản đồ của Hà Nội mới ghi hai quần đảo này thuộc Việt Nam, vì đó là lúc họ bắt đầu ngả hẳn về phía Liên Xô, chống Trung Quốc. Tác giả không có tài liệu nào về lời tuyên bố của ông Nguyễn Hữu Thọ, nhưng tìm trong thư viện đại học Cornell thì thấy ngay. Những chuyện đó kể vừa đủ thôi, nói ra nhiều chỉ "đau lòng con quốc quốc."

Nói thêm về việc thi cử của Trần Quý Cáp

Sau khi trả lời ông Nguyễn Hưng Quảng (Connecticut) về vấn đề Trần Quý Cáp không đỗ cử nhân mà được dự thi hội nhờ trúng tú tài và đậu thượng hạng kỳ thi khảo hạch tại tỉnh Quảng Nam, tôi vẫn chưa an tâm. Kết quả thi cử triều Nguyễn đều nằm trong hai bộ *Quốc triều đăng khoa lục* và *Quốc triều hương khoa lục* của Cao Xuân Dục. Trước năm 1975, tôi có sách nầy nhưng

sau đó bị chính quyền cộng sản tịch thu toàn bộ tủ sách gia đình và chỉ còn giữ được các ghi chú trong sổ riêng mà thôi. Do đó tôi viết thư qua Paris nhờ chị Chân Quỳnh giúp sao cho một bản photocopy sách *Quốc triều đăng khoa lục* để tôi kiểm chứng cho chắc một lần nữa. Dầu rất bận rộn, chị Chân Quỳnh đã sao gởi cho tôi tập sách nầy (các thư viện Toronto không có).

Theo *Quốc triều đăng khoa lục* của Cao Xuân Dục, Lê Mạnh Liêu dịch, bộ Quốc Gia Giáo Dục ấn hành tại Sài Gòn năm 1962, các trang 241-242, hai điểm sau đây được xác định cụ thể:

- Trần Quý Cáp nguyên là *thượng hạng học sinh trúng tú tài*
- Thứ tự thi đậu kỳ thi đình năm 1904 là:

1. Đặng Văn Thụy (Nghệ An)
2. Trần Quý Cáp (Quảng Nam)
3. Hoàng Kiêm (Nghệ An)
4. Huỳnh Thúc Kháng (Quảng Nam), hương nguyên, hội nguyên.

Xin cảm ơn chị Chân Quỳnh và một lần nữa cảm ơn ông Nguyễn Hưng Quảng.

Trần Gia Phụng *(Toronto, Canada)*

Thần thánh tạo nên bằng dối trá

Nhân đọc bài của ông Nguyễn Minh Cần về "chuyện đời tư của ông Hồ Chí Minh" trong Thế Kỷ 21 số 96 tháng Tư 1997, tôi xin góp thêm một vài chi tiết như sau:

1. Cụ Trần Trọng Kim trong cuốn sách "Một cơn gió bụi" xuất bản hồi 1950-51 có ghi rõ ràng là "Ông Hồ Chí Minh hồi ở bên Tàu đã ăn ở với một bà tên là Đỗ Thị Lạc, và đã có một người con gái với bà này."

Vào năm 1979-80, tôi còn được nghe một người Hoa ở Chợ Lớn cho biết là báo chí ở Hồng Kông đã có lần đăng cả ảnh của người phụ nữ Trung Quốc mà họ nói đó là con gái của ông Hồ Chí Minh. Không biết đây có phải là con của bà Đỗ Thị Lạc chăng?

2. Mấy năm trước đây có dư luận nói là ông Nông Đức Mạnh chính là con của ông Hồ Chí Minh, khi ông còn ở miệt rừng núi sát biên giới Việt Nam - Trung Hoa và ăn ở với một phụ nữ thuộc dân tộc thiểu số.

3. Ngay trên báo Thế Kỷ 21 hai năm trước đây, quý báo có đăng trong nhiều kỳ một bài dài của bà Sophie Quin Judge về sinh hoạt của ông Hồ Chí Minh tại Mạc Tư Khoa những năm 1930, trong đó có ghi rõ là ông Hồ đã "đăng ký" ở chung với nữ đồng chí Nguyễn Thị Minh Khai như một cặp vợ chồng.

Tôi không là sử gia, nên không có khả năng kiểm chứng các thông tin này. Nên tôi chỉ nêu lên mấy điểm tôi ghi nhận được như trên với mong ước được các vị có thẩm quyền về tiểu sử của "người sáng lập ra đảng Cộng sản Việt Nam" đưa ra ánh sáng những sự dối trá "thần thánh hóa lãnh tụ" của giới lãnh đạo đảng CSVN từ trên nửa thế kỷ nay.

Đó là cách giúp dân tộc chúng ta thoát được cái nạn lừa dối bịp bợm của giới hiện còn giữ độc quyền cai trị ở Việt Nam.

Tâm Đức *(El Monte, CA)*

Ngôn ngữ, khởi điểm của văn minh

Bài "Buổi chiều bên đại vực" của nhà văn Lê Tất Điều (TK 21 #96) đọc rất thú vị, nhất là đoạn ông nói đến sự phát minh ra ngôn ngữ của loài người, mà ông gọi là "cuộc Cách Mạng lớn lao nhất Vũ Trụ," và anh chấm dứt bài bằng một câu đầy ý nghĩa "Trong cái hùng vĩ của thiên nhiên, nó thấy ra sự hùng vĩ của con người."

Một nhà bác học đã từng phát biểu, "nhờ có ngôn ngữ con người mới có linh hồn," một điều thật đáng suy ngẫm. Nếu dựa theo thuyết tiến hóa mà nói và lấy ngôn ngữ làm khởi điểm của văn minh nhân loại,của trí tuệ, thì cái chúng ta biết về chúng ta, cái "cá nhân," cái "ngã," cái "tôi," cái "linh hồn," nghe qua tưởng to tát vĩ đại lắm, thực ra chẳng qua chỉ là một phó sản của ngôn ngữ, hình thành qua bao nhiêu thời đại từ ngày con người biết dùng ngôn ngữ để thông tin và truyền bá kiến thức cho nhau.

Thượng Đế không có tên, người tiền sử không có tên, tên là một sản phẩm của ngôn ngữ. Dựa theo kinh Cựu Ước, nguồn gốc của sự khác biệt giữa các ngôn ngữ là do Thượng Đế xuống thế gian để làm lộn xộn tiếng nói của những người xây tháp Ba-ben. Nếu như Thượng Đế không làm lộn xộn tiếng nói của loài người lúc đó thì biết đâu một ngày kia tháp lại chẳng cao ngất nghểu đụng đến... bàn chân của ngài không chừng!

Thượng Đế tạo ra con người, nhưng Kinh Thánh lại vô tình tiết lộ cho thấy ngài sợ sự phát minh ra ngôn ngữ, đến nỗi phải mất công xuống thế để làm lộn xộn tiếng nói của chúng ta!

Cám ơn ông Lê Tất Điều.

Nguyễn Hùng Vũ *(Chino Hills, CA)*

Sân cù

Dân ở làng Thọ Đà đang liều chết để bảo vệ mảnh đất sống của mình (bài "Đất và dân ở Thọ Đà" của Ngô Nhân Dụng, TK 21 số 94). Đó là một thảm cảnh đáng ra không phải có nếu việc trưng dụng đất được tiến hành một cách văn minh, "không xem dân như cỏ rác." Dĩ nhiên việc xây dựng sân golf đem lại rất nhiều tiền nên chính quyền CS mới tối mắt không cần đếm xỉa gì đến quyền lợi của dân như vậy. Trước đây đã có vụ làm sân golf tại đồi cù Đà Lạt, cũng có gây ra một số bất mãn của dân địa phương, nhưng vì sân golf đó không trùng vào vùng dân cư đang sinh sống nên việc làm sân tiến hành suông sẻ. Vừa rồi tôi tình cờ đọc một tờ báo nhân trong nước do một

người bà con về Việt Nam ăn tết mang qua, có bài nói về sân cù Đà Lạt, xin trích vài đoạn gửi đến quý vị:

- Việc trồng cỏ lại cho sân cù, do một người chuyên trồng trọt ở Đà Lạt kể: *"Cả đời tôi chăm bẩm không thiếu gì loại hoa khó tính nhất, vậy mà khi trồng cỏ sao mà khó thế. Phải đào tung sân Cù sâu tới hơn một thước đất. Dưới cùng là cả một công trình thủy lợi gồm những đường ống với những lỗ nhỏ li ti, rồi phải rải một lớp đá cuội bi lên trên, cốt sao không vít kín để cho nước phun tưới liên tục. Bên trên đổ một lớp cát dầy cho cỏ bengrass sống trên đó."*

- Khi sân golf trở thành "điểm nóng" kinh doanh của các hãng hàng không quốc tế, thì các tập đoàn siêu quốc gia tận dụng tổ chức tại đây các cuộc thi với những giải thưởng rất lớn lên tới 2 - 3 triệu USD. Do sinh sau đẻ muộn, uy tín còn mỏng và hoạt động kinh doanh chưa đáng là bao, Câu lạc bộ sân golf Đà Lạt chỉ định giá thẻ hội viên khoảng 13,000 - 15,000 USD. Thẻ hội viên đương nhiên trở thành tín phiếu và được quyền chuyển nhượng như một loại cổ phiếu và được thị trường chứng khoán thế giới chấp nhận. Sự chuyển nhượng thẻ hội viên sôi động không thua kém một thị trường chứng khoán nào.

(Trích Thời Báo Kinh Tế Việt Nam xuân Đinh Sửu)

Đem những kỹ thuật, công phu và viễn ảnh lợi nhuận có tính cách "quốc tế" như thế đặt cạnh đám nông dân lam lũ ở thôn Thọ Đà nghìn đời sống bám vào mảnh đất xưa cũ của mình, thật là cám cảnh! Phát triển là cần, nhưng chỉ nhìn có tiền mà bỏ qua bao nhiêu khía cạnh khác của dân chúng và đất nước thì sẽ tạo ra một hình ảnh dị dạng cho đời sống tinh thần và vật chất của dân tộc.

Trần Xuân Hương *(Anaheim, CA)*

Đính chính

Trong Thế Kỷ 21 số 96, tháng Tư 1997:

1. Trang Mục Lục: Bài "Hà Nội, Bắc Kinh và dầu lửa ở Hoàng Sa" tên tác giả là *Đỗ Hiếu Trung*, không phải Đỗ Trung Hiếu.

2. Trang 16, cột 2: các số năm đúng là 1958, không phải 1959.

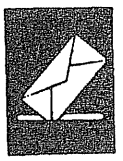

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn nhận được thư và bài của các tác giả sau:

Tôn Thất Phu, Lê Đình Thông, Dạ Sỹ, Dương Mai, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Ngô Thế Vinh, Thanh Trúc, Võ Đình, Nguyễn Đại Bằng, Minh Hân, Thái Chính Châu, Phụng Nghi, Lưu Nguyễn, Babui, Hiếu Đệ, Hà Kỳ Lam, Tôn Thất Thiện, Trịnh Cung, Đoàn Nhật, Nguyễn Gia Tiến, Trần Hồng Châu, Huỳnh Hùng, Quang Võ, Phan Nhật Nam, Nguyễn Văn Cường, Nguyễn Bích, Trần Quán Niệm, Lâm Lễ Trinh, Trần Thanh Hiệp.

Nguyễn Gia Tiến *(Prilly, Switzerland)*: Chúng tôi cũng nghĩ là những bài như "Young Vietnamese..." cần thiết cho lớp trẻ Việt Nam tại hải ngoại. Vì Tòa soạn nhận được trễ, bài ấy sẽ đi [illegible] sau. Chúc ông vui mạnh và viết nhiều.

Phan Khắc Hùng *(San Jose, CA)*: Những điều anh hỏi về tác giả ấy đều đúng. Ông ta vừa vẽ, vừa viết văn, làm thơ, mỗi môn ký một bút hiệu khác nhau. Cũng không có gì đáng ngạc nhiên quá đâu, những người thuộc nòi "văn nghệ" nhiều khi có thể sáng tác nhiều bộ môn một lúc. Việc hay dở thì cũng tùy lúc, tùy người, nhưng năng lực sáng tác được tập trung vào một người như thế thì cũng thường thấy. Thân.

Võ Đình *(Royal Palm, FL)*: Xin trả lời điều anh hỏi trong thư: hai tên đó, một là tên thật, một là bút hiệu, của cùng một người. Anh ta đã đọc anh, rất thích văn anh, vẫn mong có dịp được quen biết. Chúc anh khỏe và mong được tiếp tục nhận các bài viết của anh.

Nguyễn Bích *(Paris, France)*: Mới vừa nhận được bài phê bình cuốn NDTT, xin cám ơn ông. Sự quan tâm để ý về tình hình sách vở rất cần thiết cho người đọc sách và học giới nói chung, nhất là trong tình hình "xuống cấp" của sách vở như hiện nay, theo sự nhận xét của ông. Sách vở liên quan đến chữ Hán ngày càng ít người biết rành, vì thế càng cần sự chăm sóc của các vị "có thẩm quyền."

Cám ơn ông về các nhận xét tích cực và các ưu tiên ông dành cho tờ TK 21. Vâng, khi nào thấy có vấn đề gì bất như ý thì xin ông cứ nói. Kính.

Phan Thị Thu Vân *(Berlin, Germany)*: Thưa cô, vì tài chánh hạn chế, chúng tôi không thể gửi báo biếu đi xa với số lượng nhiều như thế được. Chúng tôi rất cảm động vì cảm tình của anh chị em bên ấy dành cho TK 21. Nếu có một số thư viện bên ấy đặt mua báo thì có lẽ giải quyết được một phần nhu cầu của người đọc. Cô và các bạn có nghĩ ra một hướng giải quyết nào giúp chúng tôi không? Thân.

Nguyễn Tấn Sĩ *(Tampa, FL)*: Khi nhìn thấy có những người cứ bỏ công đi tìm kiếm và cãi nhau về một việc cỏn con, "người ngoại đạo" có thể thấy sốt ruột lắm. Nhưng chắc ông cũng đồng ý là sự thật của lịch sử rất quan trọng đối với các thế hệ về sau. Một sai lầm nho nhỏ có thể kéo theo rất nhiều tai hại, vì vậy có chỗ nào ngờ thì phải làm cho ra lẽ. Kính.

Hộp thư tri sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới: Đặng Văn Tân (BELGIUM), Nguyễn Thành Lộc (Moundsview MN), Liscum Douglas & Hương (Diamond Bar CA), Nguyễn Quang Bình (Rosemead CA), Võ Tá Hân (SINGAPORE), Thiên Hương Sens (Seattle WA), Lương Phạm (Tulsa OK), Lê Quang Thông (GERMANY), Vương Hữu Thiệu (Dallas TX), Vũ Trọng Mục (Norwalk CA), Hà Mỹ Dung (FRANCE), Francois Guillemot (FRANCE), Trần Thị Thanh (Orange CA), Nguyễn Xuân Hoàng (Metuchen NJ), Trần Minh Hà (Lynnwood WA), Trần Thế Tiếu (Wichita KS), Đặng Chu (Midway CA), Huỳnh Hữu Ủy (Garden Grove CA), Biblio Ville Montreal (CANADA), Trần Đình Minh (Torrance CA), Huỳnh Văn Tinh (Harrisburg PA), Nguyễn Hữu Nam (CANADA), Trần Công Nghi (CANADA), Dau T Le (VA Beach VA), Trần D Quang (Lowell MA), Việt Anh Mai (Aloha OR), Thanh Nguyễn (St Paul MN), Lê Phú Ái (Iowa City IA), Trịnh Long Việt (Dublin OH), Sương Mai (San Jose CA), Bibliotheque Interuniversitaire Des Langues Orientales (FRANCE), Huệ Như Trần (Simi Valley CA), Hiếu T Lâm (Rosemead CA), Việt Dương (Chicago IL), Uyên Jackson (Gardena CA), Nguyễn Khắc Tôn (Riverside CA), Trần Bạch Tuyết (Santa Ana CA), Nguyễn Thế Truyền (Los Angeles CA), Trần Anh Cường (Irvine), Lê Minh Thư (Seattle WA), Đinh Thái Chuẩn (Dallas TX), Trần Văn Đường (Houston TX), Ngô Văn Lợi (Garden Grove CA), Trần Năng Tưởng (AUSTRALIA), Hoàng Thị Thủy Tiên (AUSTRALIA), Glenroy Public Lib (AUSTRALIA), Lê Hiếu Nghĩa (Wichita KS), Trần Đức Hiệp (Atlanta GA).

Nguyễn Đình Thiệp *(Wichita KS)*: Cám ơn ông đã có lời khen. Chúng tôi luôn cố gắng để độc giả được đọc báo sớm, nên dù phải tốn thêm tiền cước phí, chúng tôi cũng... ráng. Nếu gởi bằng book rate cũng phải $1.50, mà rất chậm. Còn bulk rate thì phải gửi cùng một lúc hàng trăm tờ mới có giá rẻ. Chúc ông vui.

Nguyễn Thị Lệ Giang *(Allston MA)*: Cô có thể viết check đề tên nhạc sĩ Lê Văn Khoa và gửi về TK, chúng tôi sẽ gửi sách tới cô. Cám ơn cô đã có lời thăm hỏi anh chị em TK. Thân chào.

Trần Diệu *(Carollton TX)*: Những quảng cáo đó là trao đổi giữa các đồng nghiệp với nhau. Ban biên tập TK cho biết việc trao đổi quảng cáo đó không ảnh hưởng gì đến đường lối chủ trương của mỗi tờ báo. Chúng tôi coi đó là bổn phận phải trả lời những thắc mắc của độc giả, chứ không dám coi là những "tò mò đáng ghét" như ông nói đâu. Cám ơn ông và chúc ông luôn vui.

Lê Đình Diên *(Chicago IL)*: Không biết anh có họ với anh LĐĐ không (MS hỏi thế để nhắc anh Đ gởi tặng anh tờ báo *Lê Hoa* của Hội họ Lê đấy!) Việc anh hỏi MS đã chuyển cho anh VDT nhờ giải quyết rồi. Anh có thể gọi điện thoại cho anh T, thường vào buổi chiều, giờ Cali. Thân chào.

Lê Kim Hằng *(St Louis MO)*: Đã chuyển sang tờ báo bà đặt mua, để bên đó giải quyết. TK chỉ đăng quảng cáo về tờ báo đó, chứ không đại diện phát hành. Tuy nhiên, các độc giả gởi về đây chúng tôi cũng sẵn sàng chuyển.

Vương Đức Hòa *(Paris, Pháp)*: Cuốn "Hùng Sử Ca" biếu chứ không bán, là chuyện... thực, chứ không phải dỏm đâu. Nhiều độc giả TK gởi thư, Hội VAALA đã biếu sách rồi. Dĩ nhiên, để giúp Hội có phương tiện ấn hành những tập nhạc, hoặc những sách văn học nghệ thuật khác, người nhận tùy nghi gởi tặng Hội một số tiền nào đó — nếu ở Mỹ, tiền này được khai vào bản khai thuế cuối năm để trừ thuế lợi tức; ở Pháp, chúng tôi không rõ ra sao. Cuốn băng thì đến tháng Sáu mới làm xong. Xin ông chờ, khi nào xong VAALA sẽ gởi tặng ông.

Nguyễn Mẫn *(Mainz, Đức)*: Muốn nghe chương trình phát thanh VNCR trên máy điện toán, máy của ông phải có CD-ROM nữa, chứ chỉ có modem thôi không đủ. Ông cứ liên lạc Kí Con, ở đó sẽ chỉ dẫn tường tận về kỹ thuật cho ông. Về TK 21 số tháng Tư lên lưới quá trễ là do Kí Con đổi máy mới nên phải lắp đặt lại nhiều thứ. Mong ông thông cảm.

Đặng Văn Tân *(Bruxelles, Bỉ)*: Toà soạn sẽ cho đăng bài *Viết Về Mùa Thu* của NT trong số báo tới. Về những tác phẩm của nhà văn PNM, xin ông vui lòng liên lạc với nhà xuất bản Văn Nghệ, đt: (714) 527-5761.

Nguyễn Phi Hùng *(Dortmund, Đức)*: Nhiều độc giả ở Đức đề nghị, nếu không có gì trở ngại, xin anh Hùng ghi số "konto" dưới số điện thoại của anh trên báo TK 21, để độc giả tiện trả tiền bằng Đức Mã. Cám ơn anh.

Mrs Bùi Hạnh Nghi *(Offenbach, Đức)*: Cám ơn chị đã gởi hình tặng MS. Đã chuyển địa chỉ của chị đến ban Ngàn Khơi, chị NTNS sẽ viết thư cho chị. Hè nầy MS chưa sang thăm anh chị được, xin hẹn hè hè năm sau. Thân kính.

CHUYỆN KINH TÀI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐOÀN THANH LIÊM

Nhu cầu chi tiêu cho các hoạt động của đảng rất lớn. Cho riêng đảng Cộng Sản với hai triệu đảng viên và cho các tổ chức ngoại vi của Đảng như: Mặt Trận Tổ Quốc Việt Nam, Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam, Đoàn Thanh Niên Cộng Sản Hồ Chí Minh, Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Việt Nam, Hội Liên Hiệp Thanh Niên Việt Nam v.v... Các tổ chức ngoại vi này phải có đến cả chục triệu đoàn viên.

Vì tính cách bí mật riêng tư của đảng, cũng như của các tổ chức ngoại vi đó, ta khó có thể tìm ra được số liệu chính xác về các sự chi tiêu để duy trì các sinh hoạt đoàn thể của đảng. Nhưng ta vẫn có thể dựa theo các loại hoạt động thường xuyên cũng như bất thường của các đơn vị lớn, nhỏ của đảng, mà phỏng đoán được các nhu cầu chi phí lên tới mức bao nhiêu. Chi phí này có thể xếp loại thành:

- lương bổng cho nhân viên, cán bộ làm việc toàn thời gian hay bán thời gian,
- chi phí điều hành thường xuyên,
- chi phí về huấn luyện, nghiên cứu, tài liệu học tập, sách vở, báo chí,
- chi phí về giao tế, hội họp, tổng kết thi đua, liên hoan v.v...
- chi phí xây cất, bảo trì cơ sở phòng ốc, trụ sở, hội trường, nhà khách, nhà nghỉ mát, bệnh viện, khu an dưỡng v.v...
- chi phí về chuyển vận,
- v.v...

Tính từ Trung ương xuống các đơn vị tỉnh, thành phố, các đơn vị quận huyện tới xã ấp, các ban, ngành và đoàn thể, các đảng bộ, chi bộ..., thì ước lượng có thể đến hàng chục ngàn tổ chức, với số nhân viên có thể lên đến hàng mấy trăm ngàn người.

Do đó mà nhu cầu chi tiêu hằng năm dành cho các sinh hoạt của đảng và các cơ sở ngoại vi có thể ước tính tổng cộng lên tới hàng trăm, hàng ngàn triệu Mỹ kim. So sánh với chi phí thuộc khu vực Nhà nước, thì sự chi tiêu cho đảng chắc cũng chẳng thua kém bao nhiêu.

*

Đảng lấy đâu ra tiền để chi tiêu như vậy?

Do rất nhiều nguồn cung cấp:

a) Thứ nhất là trích từ *Ngân Sách Nhà Nước* ở Trung Ương cũng như ở các địa phương tỉnh, thành phố, quận huyện xuống đến tận xã, ấp. Đó là *"nghĩa vụ"* mà Nhà nước phải đóng góp để cho đảng nắm giữ vai trò *lãnh đạo quốc gia!*

b) Thứ hai là do các *đảng viên, đoàn viên đóng góp* qua hình thức nguyệt liễm, niên liễm hay do tặng hiến. Phải nói rõ là nguồn tài chánh này chỉ có *tính cách tượng trưng,* thực chất không đáng kể.

c) Thứ ba là do các *hoạt động kinh tài* riêng của đảng. Đây mới chính là nguồn cung cấp tài chánh dồi dào cho các hoạt động của đảng. Cơ quan, đơn vị của đảng, của đoàn thể ngoại vi nào cũng có cơ sở kinh tài riêng cho mình.

Danh từ *kinh tài* đã có từ lâu lắm. Tôi đoán là nó được du nhập từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nôm na ra, ta có thể hiểu đó là các hoạt động kinh doanh nhằm gây quỹ để trang trải cho các chi phí của đảng. Trong thời chiến tranh, thì chủ yếu là các vụ buôn lậu, chứ đâu có thể tổ chức những chuyện kinh doanh sản xuất công khai được. Nhưng trong thời bình, thì hoạt động kinh tài bao gồm các hình thức kinh doanh rất đa dạng, độc đáo.

Vì đặt quyền lợi của đảng lên trên lợi ích của Quốc gia, nên trong các hoạt động kinh tài, đảng được quyền hưởng những đặc cách, những biệt đãi ngoại lệ, hầu như không có giới hạn. Theo

đúng chủ trương *"Cứu cánh biện minh cho phương tiện,"* đảng theo đuổi lý tưởng hi sinh phục vụ Nhân dân, thì đảng có quyền làm bất cứ cái gì đảng xét thấy thuận tiện, có lợi cho "mục tiêu cao cả," mà chỉ riêng có đảng mới có khả năng đạt được. Do đó, không có luật pháp nào, không có qui định nào lại có thể cản trở, giới hạn được các hoạt động của đảng. Có thể nói *"Đảng là một tổ chức siêu việt trên cả tổ chức Quốc gia,"* chứ không phải là "Một Quốc gia trong một Quốc gia" như người Pháp thường nói (Un Etat dans l'Etat).

Thực tế hiện nay, ta có thể thấy các cơ sở kinh tài hoạt động trong hết mọi lãnh vực kinh doanh sản xuất cũng như dịch vụ, và dàn trải ở khắp các địa bàn trong nước cũng như hải ngoại. Đặc biệt ở Sài Gòn, ta có thể đếm được *hàng trăm đơn vị kinh doanh liên hệ đến hoạt động kinh tài của đảng và của các tổ chức ngoại vi.* Hình thức phổ biến nhất là *kinh doanh về Nhà Đất.* Trong bảy, tám năm nay, sự đầu cơ nhà đất đã tạo ra một cơn sốt giá cả ghê gớm, có nơi *giá đất đã tăng lên gấp ngàn lần.* Do đó mà đã tạo thêm ra bao nhiêu là các nhà *"tư bản đỏ."* Riêng Ban Tài Chính Quản Trị thuộc Thành Ủy Sài Gòn đã nắm trong tay không biết bao nhiêu nhà, đất để mà kinh doanh, đổi chác, hay cấp phát cho các nhân vật *"ở Trên."* Nói gì đến Ban Tài Chánh Quản Trị Trung Ương của Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng. Các vụ án lớn gần đây như Tamexco, Epco, Minh Phụng, nhất là vụ Tamexco đã phơi bày phần nào về lề lối hoạt động kinh doanh của Ban Tài Chánh Quản Trị Thành Ủy ra sao.

Cũng như các vụ buôn lậu qua biên giới phía Bắc suốt đến phía Nam - Và cả những vụ cho *"vượt biên bán chính thức"* hồi cuối thập niên 70: tất cả đều nhân danh hoạt động kinh tài của đảng từ trung ương đến địa phương.

Trong hệ thống các đơn vị *Quốc Doanh,"* ta còn phải kể đến bao nhiêu là đơn vị *"Quân Doanh"* do Quân Đội điều khiển, và bao nhiêu là đơn vị *"Công Doanh"* do ngành Công An phụ trách. Đó là những lãnh địa riêng, bí mật vẫn tồn tại và phát triển từ bao nhiêu năm nay ở nước ta theo đúng tinh thần *"phong kiến địa phương cát cứ."* Tài sản quốc gia được cấp phát cho các loại kinh doanh này có thể lên đến hàng chục tỉ Mỹ kim.

*

Chuyện kinh tài úp úp mở mở của đảng Cộng Sản ở Việt Nam hiện đang gây ra những hệ lụy rất nghiêm trọng lâu dài cho Quốc gia về nhiều phương diện. Cụ thể là:

a) Thứ nhất là *làm tiêu tán tài nguyên quốc gia* để củng cố cho thế lực riêng của đảng. Sự thiệt hại tài sản này có thể ước tính lên tới hàng nhiều tỉ Mỹ kim.

b) Thứ hai là đã *tạo ra hàng ngàn, hàng vạn những vụ nhũng lạm, đầu cơ chụp giựt* do bản chất không công khai, không minh bạch thường xuyên cố đế của nó. Đó là nguyên nhân đưa tới sự sa đọa tha hóa con người, sự băng hoại của nền đạo lý dân tộc.

c) Thứ ba là *làm lũng đoạn hệ thống Luật pháp quốc gia,* do phát xuất từ chủ trương *"chuyên chính vô sản," "dân chủ tập trung," "giai cấp đấu tranh"...,* mà đảng tự cho mình có *độc quyền hành động,* bất chấp tập quán và truyền thống tôn trọng luật pháp của một quốc gia văn minh tiến bộ.

Những người có ưu tư đối với vận mệnh Đất nước cần phải chú trọng đến cái ung nhọt nhức nhối này. Và phải cùng nhau quyết tâm tìm phương cách cắt bỏ tận gốc rễ cái mầm mống đang gây tàn phá hủy hoại ngay trong cơ thể quốc gia chúng ta.

Đó là một việc làm cấp bách, không một người Việt thực tâm yêu nước thương nòi nào lại có thể lẫn tránh được.

California tháng Tư 1997

Văn Phòng Luật Sư

ROBERT M. VIEFHAUS & ASSOCIATES

27 NĂM KINH NGHIỆM HÌNH LUẬT VÀ BỒI THƯỜNG TAI NẠN

* Trộm cắp - Gian lận
* Tàng trữ - Mua bán ma túy
* Say rượu lái xe - DMV hearing
* Thiếu niên phạm pháp
* Đả thương - Vợ chồng xô xát
* Vi phạm probation - Xóa tiền án
* Tất cả tội đại hình & tiểu hình

* Bồi thường thương tích tai nạn
* Trial lawyer - nhanh chóng tối đa
* Những trường hợp đặc biệt đã thắng: 500 ngàn - 1 triệu - 3 triệu
* Luật Gia Đình: Ly dị, cấp dưỡng
* Luật Di Trú: Bảo lãnh, công hàm
* Luật Phá sản - Di chúc - Thừa kế

M - 5:00PM
Sa - 3:00 PM

MẪN PHẠM, J.D.
Phone: (714) 895-5533 - Pager: (714) 570-4986

7777 Center, Ste #470
Huntington Beach, CA 92647
(Gần ngã tư Beach & Edinger Trong Liberty National Bank)

ĐỔI MỚI KIỂU TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

QUANG VÕ

Từ khi Trung quốc (TQ) đổi mới (XHCN theo định hướng TQ) dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình gần 20 năm nay, TQ sẽ dần trở thành một cường quốc kinh tế. Cùng việc hiện đại hóa, mà điểm thứ tư là hiện đại hóa quốc phòng, TQ đã có nhiều tham vọng cường quốc, bắt đầu nhòm ngó về đất đai.

Từ khi đổi mới theo kinh tế thị trường có đặc tính Trung Hoa từ năm 1976, TQ nay có nhiều phương tiện, và kinh tế TQ ngày càng mở và phát triển mạnh. TQ đã thành công trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa, v.v... và xuất khẩu, có nhiều thặng dư với Hoa Kỳ.

Trong năm 1996, sau 10 năm đổi mới, Việt Nam đã tăng trưởng, qua cơn nguy "chết đói." Do đó khi tổ chức Đại Hội Tám ĐCSVN, Việt Nam đã đưa ra một đường hướng phát triển cho đến năm 2000 rất mập mờ. Hậu quả là đầu tư ngoại quốc đã có phần chậm lại trong năm 1996.

VN đã đổi mới 10 năm trong khi TQ đã thực thi việc này từ hơn 20 năm. Nhưng khi TQ thành công thì người VN ở hải ngoại lại lo. Ai ai cũng muốn một nước VN toàn vẹn, không bị xâm chiếm. Trước khi Hội nghị 3 của ĐCS vào tháng 6/ 1997 nhằm việc thay đổi guồng máy, luật lệ và tổ chức nhà nước để giúp việc phát triển, trước khi Quốc Hội mới họp vào tháng 9/ 1997 để ghi nhận những thay đổi trong guồng máy cũng như nhân sự trong lãnh đạo, đây là lúc rất tốt để đánh giá chính sách thực thi đổi mới phát triển của hai nước láng giềng.

Chúng tôi sẽ cố gắng đưa ra một số nhận xét về cách hai nước XHCH làm đổi mới để cho đọc giả tự rút bài học cho tương lai.

I. Đổi mới theo lối Trung Quốc

Điều đáng chú ý trong công cuộc Đổi Mới của TQ và VN là các vấn đề kinh tế, guồng máy luật pháp và hành chính và chiến lược thi hành việc này. Vậy ta lần lượt phân tích tình trạng hai nước và rút ra một số bài học.

Trong các năm qua, TQ là nước nhận nhiều đầu tư tư nhân nhất thế giới. Riêng năm 1996, TQ nhận hơn US$ 50 tỷ và trung bình từ US$ 30-49 tỷ từ nhiều năm qua. Riêng Đài Loan cũng đã đầu tư hơn US$ 30 tỷ trong các năm qua vào những vùng phía nam TQ. Các người gốc Hoa từ Singapore, Hồng Kông và Thái Lan đều đầu tư vào nhiều cơ sở kinh tế tại TQ. TQ cũng là nước nhận nhiều viện trợ ODA nhất từ nhiều nguồn khác nhau, nhất là từ Ngân Hàng thế giới. Trong hơn 20 năm qua, TQ tăng trưởng trung bình là 13-14% vào các năm 1992-1993 và sau đó TQ đã kiềm hãm tăng trưởng xuống khoảng 9-10% năm.

TQ đã thành công lúc đầu vì đã tháo gỡ cho Nông nghiệp, rồi dần dần xây dựng công nghiệp. Đến năm qua hai hối suất mới được nhập làm một. Về ngoại thương thì trong 10 năm qua, mỗi năm TQ đều có thặng dư mậu dịch với Hoa Kỳ.

Mặc dù tăng trưởng cao, TQ còn gặp nhiều khó khăn. Khu Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) tại TQ là một mối nguy cho kinh tế TQ. Chỉ có khoảng 30% DNNN là có lời. Trong chế độ XHCN tại TQ, công nhân hoàn toàn tùy thuộc vào các DNNN về các vấn đề xã hội như giáo dục, nhà, sức khỏe, v.v... Các DNNN chưa tách ra được việc tìm lợi nhuận và việc làm màng lưới xã hội, trong khi cơ thế thị trường, màng lưới xã hội là do chính phủ cấp. Các DNNN nợ chồng chất và có thể gây nhiều khó khăn cho màng lưới ngân hàng quốc doanh. Việc thay đổi DNNN là một công cuộc đòi hỏi nhiều thời gian vì phải gỡ dần dần. Ngoài mặt thì TQ không nói gì về DNNN nhưng trên thực tế các tỉnh ở Quảng Đông đã "giải tư - xã hội hóa" hoàn toàn các DNNN của họ một cách êm đềm (hơn 270 DNNN tại Zhucheng). *TQ vẫn gỡ dần khu DNNN.* TQ đã quyết định tái khẳng định vai trò "lãnh đạo" của DNNN trong kinh tế không phải bằng trọng lượng trong kinh tế mà bằng tính cách "lãnh đạo chiến lược" và vị trí của các DNNN trong các ngành được coi là quan trọng. Tỷ lệ của các DNNN trong kinh tế TQ ngày càng giảm (xem bảng).

Tỷ lệ DNNN trong kinh tế Trung Quốc			
Mục	1980		1995
Xuất khẩu	100%		56.9%
Nhập khẩu	99.8%		44.8%
Công nhân	94%		18%
Đầu tư hạ tầng	81.9%		54.5%
Tỷ lệ trong công nghiệp		80%	47%
Xây dựng	63.7%		38.6%
Thương nghiệp	61.4%		29.8%

Ngoài việc này thì tăng trưởng chưa đồng đều. Các vùng ven biển nhận được nhiều đầu tư ngoại quốc cho nên tăng trưởng rất cao trong khi đó thì các vùng nội địa còn rất nghèo. Việc chênh lệch nông thôn/thành thị khá cao. Trong một cuộc điều tra thì lợi tức vào năm 1994, lợi tức trung bình của Thượng Hải là US$ 2353/năm (hơn gần 10 lần VN) trong khi đó ở nông thôn thì nhiều nơi lợi tức trung bình/ đầu người chỉ có US$ 90/năm nay cỡ 1/26 lần lợi tức ở Thượng Hải.

Việc thực thi chính sách của Trung Quốc

Dưới sự lãnh đạo của Đặng Tiểu Bình (ĐTB), TQ đã có những bước tiến nhất định. Ê kíp lãnh đạo TQ có nhiều kinh nghiệm và độc nhất. TQ là một nước lớn, có nhiều dân tộc khác nhau, nói tiếng khác nhau, các lãnh đạo các tỉnh [một tỉnh nhiều khi còn đông hơn VN nhiều lần] có khuynh hướng tránh trung ương, nhiều tham vọng chia rẽ tuy chưa ra mặt.

Ê kíp lãnh đạo của TQ từ Đặng Tiểu Bình (đã du học tại Paris và trở thành cộng sản tại đây), Giang Trạch Dân v.v... phần đông là người có trình độ, được đào tạo, ở vào những năm 60, đã đi ngoại quốc rất nhiều lần. Chủ tịch Giang Trạch Dân, thủ tướng Lý Bằng, v.v... đều là những người có học, có trình độ đại học, được đào tạo tại Nga và các nước khác. Trong những năm đổi mới, TQ đã gởi rất nhiều sinh viên du học tại các nước tân tiến nhất là tại Hoa Kỳ. Hiện nay mỗi năm có khoảng 40,000 sinh viên Trung Quốc học tại Hoa Kỳ. Nếu phí tổn trung bình mỗi người là US$ 25,000/năm thì mỗi năm TQ phải chi ra US$ 1 tỷ cho việc đào tạo sinh viên tại HK. Đây là cố gắng đầu tư lớn lao về nhân sự. Nay những người này đã nắm trách nhiệm và cùng với giới Hoa kiều phía ngoài, đã tạo được nhiều điều kiện cho việc phát triển đất nước.

Ngoài mặt thì TQ hùng hổ, nhưng lúc nào TQ cũng có một chính sách khuyến khích kinh tế rõ ràng, đặt việc phát triển là mối lo âu hàng đầu. TQ có chính sách xích gần lại, làm hòa với HK, nước duy nhất có thể ngăn cản sự bành trướng của TQ. Họ không những chi tiền (qua một lobby TQ trong đó có Kissinger, Alexander Haig, các cựu ngoại trưởng HK, Diane Feinstein Thượng nghị sĩ tiểu bang California, v.v...) cho đảng dân chủ tranh cử, mà còn mời phó T.T. Al Gore và chủ tịch Hạ Viện Newt Gingrich, viếng thăm TQ. Đó là chưa kể hơn 80 dân biểu Thượng/Hạ nghị viện của hai chính đảng thăm TQ trong những năm gần đây. Muốn được tối hậu quốc (MFN), TQ tranh ảnh hưởng chính trị tại chính trường HK (tranh thủ Thượng/Hạ viện và chính phủ Hoa Kỳ, mướn bến tàu tại Long Beach, v.v...) và ở nhiều chỗ khác (ví dụ Hiện nay TQ đang cố gắng tránh bị lên án về nhân quyền tại buổi họp của Liên Hiệp Quốc tại Geneva. TQ hăm dọa Đan Mạch vì đề nghị lên án TQ).

Nói tóm, TQ có tầm nhìn xa, ngoại giao có đường lối hẳn hoi biết nhìn về lâu về dài và thực tế. Nhưng việc đổi mới của TQ còn đòi hỏi nhiều cố gắng, đòi hỏi nhiều thời gian.

II. Đổi mới theo lối Việt Nam

Trong các năm qua, VN cũng tăng trưởng khả quan. Về đầu tư ngoại quốc thì VN mới nhận được US$ 28 tỷ trong sáu năm qua và trong đó chỉ cỡ 30% là được thực thi (2 tỷ/năm). Người Việt ở hải ngoại, được gọi một cách rẻ rúng là Việt Kiều, mỗi năm gởi gần US$ 1 tỷ (không phải trả lời) nhưng vẫn bị coi là thù nghịch, bị ngược đãi trong việc đối xử (đi máy bay, vào khách sạn, v.v... đều bị trả mắc hơn), không được ưu tiên mà ngược lại còn bị phân biệt đối xử trong việc đầu tư kinh tế.

VN đã thành công vì đã tháo gỡ trước tiên cho Nông nghiệp (nghị quyết 10 trao đất cho dân, giải tán hợp tác xã và nông trường), rồi dần dần xây dựng khuôn khổ vĩ mô. Hối suất và lãi xuất ngân hàng đã được điều chỉnh và ngoại thương có phần cải tiến. Trong hơn 10 năm qua, VN tăng trưởng trung bình là 5-7%/năm và 8-9% từ những năm gần đây 1992-1996.

Khu Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) được cải tạo dần đi từ 12,000 xuống dần còn 6,000. Theo Ngân hàng thế giới thì nợ các DNNN chồng chất, có thể gây nguy hại cho hệ thống ngân hàng. DNNN là mối gây quỹ cho đảng, trả lương thứ hai cho nhiều người trong chính quyền cho nên còn là cớ cãi nhau giữa phe "cởi mở" và phe "bảo vệ XHCN đến cùng" (mặc dù là cha đẻ XHCN đã từ chối). Việc "giải tư hay xã hội hóa" các DNNN còn là một đề tài nóng bỏng.

Với kinh tế thị trường thì có việc chênh lệch nông thôn/thành thị, bắc và nam, miền núi và miền đồng bằng, v.v... xảy ra và cùng lúc cũng có nhiều tệ đoan xã hội, hiện tượng của tiêu cực. Trung bình GDP/đầu người cho cả nước là US$ 250 (1996) nhưng tại Vũng Tàu (có dầu khí) thì con số đó là US$ 2,000, tại Sài Gòn 820, tại Hà Nội US$ 600, và tại Quảng Bình là US$ 90. Tại nhiều nơi ở nông thôn như Daklak, Ban Mê Thuộc, Bắc Thái, v.v... nhiều chỗ chỉ có US$ 40/đầu người/năm.

Các nhà đầu tư ngoại quốc tại VN còn gặp nhiều khó khăn. Cách cư xử với công ty ngoại quốc không đồng đều. Ở trên, cách lãnh đạo theo bộ ba: Đỗ Mười - Võ Văn Kiệt - Lê Đức Anh gây chậm chạp trong những quyết định kinh tế. Ở dưới thì hành chính rờm rà, mỗi lần xin giấy phép gì thì phải qua nhiều cửa nhiều chữ ký, các nhà đầu tư thấy là VN có những thủ tục không rõ và không biết mình muốn ưu tiên gì. Chính sách "nửa muốn, nửa không" của chính quyền CS đã làm cho các nhà đầu tư ngoại quốc suy nghĩ nhiều trước khi đầu tư vào VN. Đầu tư tại VN nay kém thuận lợi, khó khăn (một tờ báo kinh tế phát hành tại Hồng Kông đánh giá môi trường đầu tư tại VN là một trong những chỗ khó nhất tại ĐNA) và hạ tầng cơ sở thiếu thốn và rất mắc. Giá cả đất đai, dịch vụ, tại Hà Nội còn cao hơn Bangkok, Kuala Lumpur hay Manila gấp nhiều lần.

Về khung luật lệ thì VN nay có khá nhiều luật nhưng hệ thống tòa án quá kém vì nhân sự chưa được hay thiếu đào tạo (nên nhớ là trong nhiều năm ĐH Luật bị đóng cửa) cho nên không thi hành được luật. Hành chính không có thể thống (không ai được đào tạo về hành chính mà chỉ được đào tạo về lý luận chính trị, làm "chủ tập thể" cho nên không ai có trách nhiệm, do đó việc làm chậm trễ vì luôn đẩy trách nhiệm lên trên), chức năng nhiệm vụ cũng không rõ cho nên dẫm chân lên nhau, một việc làm có thể có 5-6 cơ quan trách nhiệm cùng một lúc, không ai giải quyết, v.v... Trong tình trạng đó, nạn tham nhũng lộng hành và thẩm phán tối cao cũng bị kết tội là tham nhũng và bị bỏ tù.

Những vụ si-ca-đan như vụ Tamexco có dính Thành Ủy của Sài Gòn, Minh Phụng là những ví dụ điển hình thấy được. Luật chưa rõ ràng, ảnh hưởng đảng vẫn cao hơn cả luật pháp, khiến các ngân hàng quốc doanh cho các công ty này vay mà không có bảo chứng. Các Doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là một mối nguy. Theo phát ngôn viên chính thức của VN thì 30% DNNN là có lời, 40% là nửa sống nửa chết và 30% là lỗ. Các DNNN chưa tách ra được việc tìm lợi nhuận, làm "chính trị để sống." DNNN nhờ cậy vào "độc quyền," việc quen biết về chính trị, bè đảng để làm kinh doanh. Theo các phát ngôn viên chính thức thì các DNNN xuất nhập khẩu, làm ăn yếu kém và lỗ to. Chính phủ đang tìm cách bỏ việc độc quyền. Các DNNN hiện đang gây nhiều khó khăn cho mạng lưới Ngân hàng nhà nước đã yếu kém, nay các báo cáo lại không được tường trình các vụ về bê bối ngân hàng vì là bí mật quốc gia. Các quy định mới buộc DNNN phải thế chấp mới vay được tín dụng và các ngân hàng phải bảo đảm về rủi ro nhưng thực tế không như vậy.

Các si-can-đan cho thấy là các DNNN đang gây khó khăn và Ngân hàng trung ương phải can thiệp. Cách tổ chức kinh tế theo kiểu XHCN cho phép các DNNN được ủy quyền dùng vốn là tiền thuế - tài sản của dân và trao cho một số người - thân với đảng - làm mà không có những thủ tục kiểm tra, kiểm toán rõ ràng. Nay VN mới thấy là họ cần hệ thống luật lệ rõ ràng. Việc "xã hội hóa hay giải tư" DNNN còn là một mục tiêu xa vời vì còn quá nhiều người hưởng lợi trong tình trạng hiện tại.

Về quốc phòng thì sau khi chiếm miền nam, xâm chiếm Kampuchia, thì lúc nào guồng máy tuyên truyền cũng nhai đi nhai lại là đánh tây, đuổi Mỹ, thắng TQ, v.v... tự cao tự đại. Những cuộc tranh chấp Việt - Trung gần đây về các hòn đảo ở Trường Sa vào 1988 cho thấy là hải quân Việt Nam so với TQ còn kém nhiều. Trên lý thuyết, quân đội có một ngân sách gần US$/2 tỷ/năm nhưng sự thật, (cũng như TQ, VN cũng dấu ngân sách quốc phòng) các nhà nghiên cứu đánh giá là từ 2 đến 3 lần con số chính thức. Nhưng kinh tế VN nhỏ, các phương tiện tài chính cho quốc phòng cũng nhỏ và nếu so với láng giềng phía bắc thì VN ngày càng tụt hậu về quốc phòng. Hơn nữa, quân đội sử dụng phương tiện ngân sách để làm "bi-di-nét" (lính là thợ không công và ngân sách quốc phòng là vốn cho các xí nghiệp). Không biết hiện nay, VN có thể trang bị và hiện đại hóa bao nhiêu quân đội - hải quân? Những con số kinh tế không cho thấy là VN có thể làm nhiều được. Nếu việc này tiếp tục thì ta sẽ thấy một ngày nào đó, TQ chiếm dần các lãnh thổ trên Biển đông và các lãnh đạo CS anh em chỉ la ó và ngồi nhìn mà thôi.

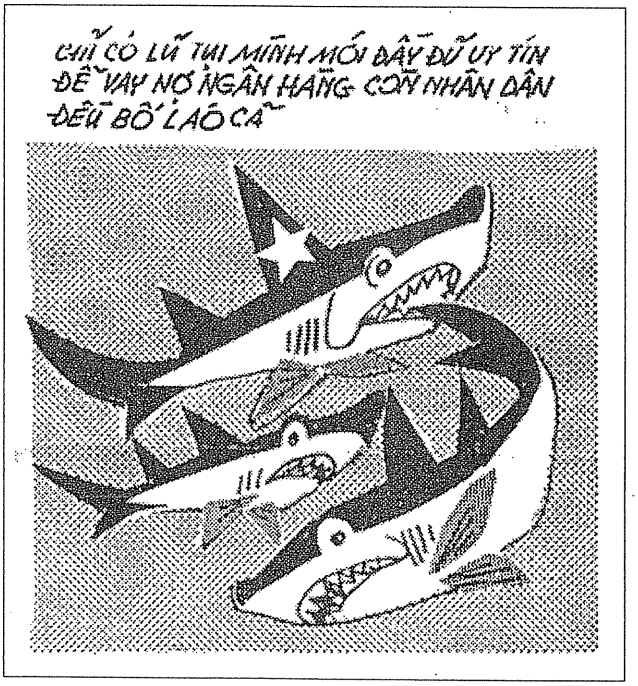

Việc thực thi chính sách đổi mới của VN

Lãnh đạo VN kiểu bộ ba - Đỗ mười - VV Kiệt - LĐ Anh chỉ mang lại việc dậm chân tại chỗ, không có hiệu quả. Lãnh đạo theo bộ ba này không mang lại "synergy trong lãnh đạo" [1+1+1 là số âm] mà mang lại tụt hậu cho VN vì thay đổi quá chậm so với các nước láng giềng và nhất là đối với TQ. VN luôn luôn có một chính sách kinh tế ngập ngừng, không rõ ràng. Một bên thì chính phủ cần và khuyến khích đầu tư bên ngoài còn bên kia thì đảng rêu rao vai trò của DNNN, của kinh tế thị trường theo định hướng xã hội (định hướng xã hội là gì chưa ai khẳng định), vai trò đảng trong các xí nghiệp kể cả các xí nghiệp ngoại quốc, v.v... cho nên việc thực thi chính sách phát triển kinh tế tại VN không có sự đồng nhất.

Cách lãnh đạo kiểu bộ ba - làm chủ tập thể [Đảng, Chính phủ và guồng máy an ninh] là không có hiệu quả. Ê kíp lãnh đạo là người không được đào tạo hay có trình độ, có cái nhìn hẹp hòi, hơn nữa luôn luôn sợ mất chỗ và phải bảo vệ ghế ngồi của họ. Họ luôn luôn sợ "diễn biến hòa bình," sợ CIA, cho nên còn sợ gởi một cách ồ ạt sinh viên du học tại các nước tân tiến như Hoa Kỳ. Tuy đã có nhiều cố gắng trẻ trung hóa thành phần lãnh đạo trong guồng máy hành chính và chính trị, việc trẻ trung hóa còn bị vô hiệu hóa vì trung bình thành phần lãnh đạo của Bộ chính trị là trên 70 tuổi.

Sau 1975, trong nhiều năm khi còn Liên Xô, VN vẫn tưởng mình là "rún vũ trụ." Nhiều cố gắng bang giao của TT J. Carter đã không thành vì CSVN có đường lối cứng rắn. Trái với TQ tự ý đổi mới, vào những năm 1985, 1986, VN bị bắt buộc đổi mới vì những khó khăn kinh tế chồng chất. Nhiều nơi tại miền Bắc đã có nạn đói, VN chỉ còn nước xích gần lại và làm hòa với HK để gỡ cấm vận. Vì là nước nhỏ, VN chưa hình thành được một lobby theo kiểu TQ (Qua Nguyễn văn Hảo, VN cũng cố gắng mua chuộc cố Bộ trưởng Brown để được bỏ cấm vận).

Vừa rồi, VN thương thuyết với Bộ Trưởng Tài chính Hoa Kỳ R. Rubins và đã phải nhận trả những nợ cũ của VNCH. Muốn được tối huệ quốc (MFN), VN phải biết là không thể tiếp tục nói láo, lém miệng, [kiểu như GP miền nam là từ miền nam, không có quân đội Bắc Việt tại miền nam]. Đúng là 'gậy ông đập lưng ông'. Nay muốn có bè bạn, muốn có người ủng hộ khi gặp khó khăn thì phải theo luật "chơi" quốc tế, cố gắng làm hòa với Hoa kỳ nhưng còn rất 'chuệnh choạng' (Khi gặp Đỗ Mười, BT Rubins đòi các doanh nghiệp Hoa Kỳ được cư xử đồng đều như DN Việt nam thì Đỗ Mười đòi hỏi cần một thời gian. Phía Hoa kỳ nói như vậy, Hoa kỳ cũng cần thời gian để bình thường hóa quan hệ. Trong quan hệ quốc tế không thể nào đòi hưởng lợi một chiều được).

Hiện nay ê kíp lãnh đạo VN không có một chính sách thống nhất về phát triển kinh tế. Nó cho thấy, là đàng sau những khẩu hiệu tuyên truyền, thì đó là một nhóm người tranh chỗ ngồi, tranh địa vị. Không ai nói là các người lãnh đạo không muốn VN tiến, nhưng vì thiếu học, cho nên dân chúng VN phải "lãnh đủ."

Nói tóm lại, VN đổi mới vì bị bắt buộc. Lãnh đạo không có tầm nhìn chiến lược (vision), lúc nào cũng muốn "ăn xổi," tiếp tục 'nói dối,' lãnh đạo theo phản ứng. Việc này có lẽ vì trình độ thấp kém của các quý vị lãnh đạo trong đảng.

Kết luận

Nhận xét về cách đổi mới kiểu TQ và đổi mới kiểu Việt Nam thì thấy là VN còn kém xa TQ. TQ đổi mới vì tầm nhìn của các lãnh đạo của họ. Họ thấy TQ cần thay đổi sau cơn ác mộng Mao Trạch Đông thì mới tiến được và tìm lại vai trò của họ trên thế giới. Họ dám lấy nhiều quyết định táo bạo. Tinh thần lãnh đạo TQ là tinh thần có suy nghĩ, có chiến lược tầm cường quốc và khéo léo khi thực thi chính sách mở cửa.

Đối với VN, thì thay đổi chỉ vì bị bắt buộc. Lãnh đạo chưa thành thật thấy sự cần thiết và do đó có chính sách "rọ cua," không cho ai ngóc lên. Hậu quả là dân VN phải chịu thiệt thòi và VN vẫn là 10 nước nghèo nhất thế giới.

Kinh tế có gia tăng 9.3% trong năm qua. Lạm phát giảm (4.5%) *nhưng cán cân thương mại còn thâm thủng trầm trọng (trên US$ 4 tỷ hay gần 17% TSLQD).* Việt Nam còn giữ một chính sách phát triển theo kiểu "úp mở - nửa nạc nửa mỡ," hậu quả của sự tranh chấp nội bộ trong hàng ngũ lãnh đạo. Lúc nào các lãnh đạo CS cũng muốn DNNN làm chủ yếu, mặc dù họ biết là các DNNN đang làm VN phá sản. Vì giáo điều cho nên tinh thần yêu nước của các lãnh đạo VN là kiểu "yêu nước là yêu XHCN," nghĩa là yêu đảng trên hết!

Trước tranh chấp TQ-VN về Biển Đông, người Việt hải ngoại đều cầu mong cho một nước VN được vẹn toàn lãnh thổ. Muốn quốc phòng mạnh, thì kinh tế phải mạnh. Muốn có kinh tế mạnh thì phải có tầm nhìn xa (vision), dám thay đổi, dám làm, dám bỏ những ý kiến cổ thụ đang làm VN tụt hậu.

Vào tháng Sáu này sẽ có Hội nghị trung ương 3 và tháng 9 này sẽ có Quốc Hội mới tại VN (theo lời Vũ Mão thì đảng CS hiện nay chỉ trên dưới 2% dân số VN nhưng nắm 92% thành phần trong QH). Dù sao đi nữa, trong hai cuộc họp này sẽ có nhiều thay đổi về nhân sự, tổ chức và guồng máy. Vậy các lãnh đạo Việt Nam có dám chấp nhận thử thách và lột xác đảng cộng sản để dân VN nhờ không?

MỘT BÀI HỌC TỪ TIỆP KHẮC: HIẾN CHƯƠNG 77 TRANH ĐẤU CHO NHÂN QUYỀN VÀ TỰ DO DÂN CHỦ

NGUYỄN THANH TRANG

Trong hơn 20 năm qua, đồng bào trong nước cũng như cộng đồng Việt Nam hải ngoại khắp nơi đã không ngừng tranh đấu đòi nhà cầm quyền Hà Nội phải chấm dứt mọi vi phạm nhân quyền và tự do dân chủ. Những hoạt động đó đã tạo được rất nhiều tiếng vang và nhiều sức ép đáng kể khiến Hà Nội phải chùn bước và giảm bớt mức độ vi phạm. Nhưng cho đến nay, các nỗ lực ấy vẫn chưa quy tụ được đông đảo đồng bào khắp nơi. Có lẽ một phần vì mô thức tổ chức và kế hoạch hoạt động chưa hoàn toàn thích ứng với hoàn cảnh, và một phần vì thời cơ chưa đến, vì thế cho đến nay công cuộc tranh đấu của chúng ta vẫn chưa đạt được kết quả mong muốn.

Một trong những bài học vô giá mà chúng ta có thể học được là công cuộc tranh đấu của nhân dân Tiệp Khắc, đó là Hiến Chương 77. Tổ chức này ra đời ngày 1-1-1977 và đã quy tụ được rất nhiều người Tiệp khắc ở trong nước cũng như đang tị nạn cộng sản tại những nước khác. Đa số họ thuộc ba thành phần quan trọng: trí thức, tôn giáo và cựu đảng viên cộng sản tiến bộ và đã giác ngộ. Họ không cùng chính kiến, nhưng mọi người đã sát cánh bên nhau vì cùng chung lý tưởng tranh đấu cho nhân quyền và tự do tín ngưỡng. Hiến Chương 77 không phải là một tổ chức chính trị, vì vậy không có nội quy và điều lệ gì ràng buộc. Mọi người chỉ đến với nhau vì ý thức dân chủ và tinh thần yêu nước.

Những hoạt động của Hiến Chương 77 chủ yếu nhằm vào nhân quyền và tự do tín ngưỡng, vì họ nghĩ rằng đó là những quyền căn bản và thiêng liêng nhất, nhờ thế tổ chức đã dễ dàng thu hút được hậu thuẫn rộng lớn của đông đảo quần chúng ở trong nước cũng như sự ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới. Trong Hiến Chương 77 người ta cũng không hề bàn đến định chế và chính phủ trong tương lai phải như thế nào, vì các vấn đề đó rất phức tạp và dễ đưa đến nhiều tranh cãi và bất đồng ý kiến. Nhờ sự tranh đấu bền bỉ và khéo léo của Hiến Chương 77, chế độ cộng sản độc tài đảng trị tại Tiệp Khắc đã bị giải thể để nhường chỗ cho một chính quyền dân chủ thực sự mà không phải trải qua nhiều xáo trộn và đổ máu. Chính vì vậy, thế giới đã ca ngợi và gọi đó là một cuộc "Cách Mạng Nhung."

Bây giờ chúng ta hãy nhìn về Việt Nam để thẩm định tình hình. Sau khi các chế độ cộng sản tại Đông Âu và Liên Bang Xô Viết đã bị sụp đổ hoàn toàn, hầu hết dân chúng cũng như cán bộ và đảng viên CSVN mọi cấp đều đã ý thức rằng chủ nghĩa cộng sản đã quá lỗi thời và sớm muộn gì cũng sẽ bị đào thải. Nhiều đảng viên đã mất hết niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản, một số không nhỏ đã bỏ đảng, số còn lại phần đông vẫn còn bám vào đảng chỉ để trục lợi. Lãnh đạo Đảng cũng bị khủng hoảng trầm trọng: đảng C.S. hiện nay không còn là một tổ chức đấu tranh vì lý tưởng như thời kỳ kháng chiến chống Pháp, mà đã biến thành một tập hợp "mafia" và tư bản đỏ rất nguy hại cho dân tộc và đất nước.

Khắp nơi từ Bắc chí Nam, cảnh sát, công an, quân đội và công chức mọi ngành, mọi cấp thi nhau buôn bán, mánh mung thâm lạm công quỹ và tham nhũng trắng trợn. Vì thế càng ngày dân chúng càng chán ghét và coi thường chứ không còn quá sợ chính quyền CS như trước nữa. Nhất là kể từ khi Hà Nội bắt đầu cho phép kinh tế thị trường phát triển để cứu nguy chế độ, tại quốc nội đã có nhiều cuộc vận động công khai đòi CSVN phải tôn trọng dân chủ và các quyền căn bản của con người như Hiến Pháp của CSVN cũng như Hiến Chương của Liên Hiệp quốc đã long trọng ghi nhận. Nhiều vị lãnh đạo các tôn giáo, cũng như nhiều nhà văn, nhà báo, chuyên viên, trí thức và ngay cả một số cựu đảng viên, cán bộ C.S. cao cấp, tiến bộ, phản tỉnh đã mạnh dạn lên tiếng chỉ trích chính quyền Hà Nội độc tài, bất lực và chủ

nghĩa cộng sản đã quá lỗi thời, lạc hậu. Họ hô hào mọi người phải từ bỏ chủ nghĩa C.S. càng sớm càng tốt để cứu nguy dân tộc.

Trong khi đó, sự rạn nứt và tranh dành quyền lực giữa các nhóm thế lực đảng quyền, chính quyền và quân đội càng ngày càng rõ rệt. Đã có những cuộc thanh trừng nội bộ vì xâu xé nhau, đặc biệt là trong thời gian gần đây sau khi chủ tịch nhà nước Lê Đức Anh lâm trọng bệnh, sự kèn cựa giữa các phe nhóm càng trở nên trầm trọng và gay gắt hơn.

Với sự ra đời của đài phát thanh Á Châu Tự Do trong thời gian gần đây, các nỗ lực đấu tranh cho nhân quyền và tự do, dân chủ từ trong nước cũng như ở hải ngoại sẽ được loan truyền về Việt Nam một cách rộng rãi và trung thực, nhờ đó đồng bào trong nước sẽ thêm phần phấn khởi và sẵn sàng tham gia hoặc hỗ trợ các nỗ lực ấy một cách mạnh mẽ hơn.

Chính vì những lý do vừa nêu trên, theo thiển ý của chúng tôi, bây giờ là thời điểm rất tốt để phát động một phong trào quần chúng quy mô phỏng theo mô thức của Hiến Chương 77 nhằm đấu tranh đòi nhà cầm quyền Hà Nội phải tôn trọng nhân quyền và tự do tín ngưỡng. Phong trào đó phải là một tổ chức có kế hoạch dài hạn, khéo léo và quy tụ được mọi người Việt Nam cùng chung ý hướng, tại quốc hội cũng như khắp nơi ở hải ngoại.

Có như thế, chúng ta mới tạo được một sức mạnh khả dĩ có thể chuyển hóa chế độ cộng sản chế độ đảng trị thành một thể chế tự do, dân chủ thực sự. Và theo thiển ý của chúng tôi, đó cũng là một trong những sách lược lý tưởng nhất hiện nay để cứu nguy dân tộc và đất nước.

VNCR

Nghe chương trình phát thanh trên lưới

http://www.kicon.com/vncr

Hàng ngày, từ thứ Hai đến thứ Sáu, buổi sáng từ 5 giờ đến 7 giờ, và buổi chiều từ 12 giờ đến 4 giờ (giờ California), quý vị có thể nghe trực tiếp chương trình VNCR đang phát thanh. Ngoài những giờ trên, quý vị có thể nghe lại chương trình lưu trong ngày.

Liên lạc:

(a)về chương trình VNCR:
- ĐT (714) 534-9431
- FAX (714) 534-9433
- E-mail vncr@kicon.com

(b)về kỹ thuật lên lưới c/o Kicon :
- ĐT (714) 590-3080
- FAX (714) 590-3084
- E-mail info@kicon.com

TỪ CHUNG GIỮA LÀNG BÁO VIỆT NAM 1963-1965

LÊ THIỆP

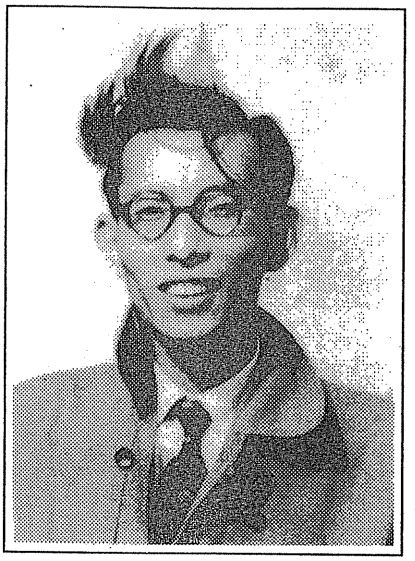

Từ Chung

1. Ít người chú ý đến cái đoạn văn ngắn đó đăng một cột phía trái ngay trên đầu trang nhất báo Tự Do vào ngày 4 tháng 11 năm 1963 dưới ký tên Hiếu Chân Chu Tử Từ Chung. Đó không thể gọi là thông cáo chung hoặc bạch thư, thư ngỏ vì nó rất ngắn, và không nhân danh đoàn thể hay một nhóm người. Nhưng nội dung đã phản ảnh rõ rệt sự suy nghĩ vào thời điểm đó của ba tên tuổi lớn trong làng báo Việt Nam của mình. Ba ông đã thú nhận sự bất lực và thiếu can đảm đóng góp vào nỗ lực dân chủ hóa Việt Nam. Ít lâu sau đó khi nói chuyện với ông Từ Chung về "lời thú tội" này, tôi hỏi tại sao lại chỉ có ba ông và cả ba đều là người Bắc, ông Từ Chung cười: "Cậu còn trẻ, cậu cũng phải cho tôi trẻ với chứ. Cái bồng bột có thể từ ông Chu Tử lây qua tôi và ông Hiếu Chân. Thật ra thì chúng tôi hơi tự cao tự đại khi đăng lời thú tội này. Ở tôi không hiểu sao lại không kéo ông Trần Tấn Quốc hay một ông Nam Kỳ nào vào cho nó vui hơn."

Lấy cái mốc là 1963 sinh hoạt báo chí Việt Nam quả đã có hai sắc thái khác hẳn. Thời ông Diệm mọi sự đã có các ông Nhu, ông Tuyến cầm chịch nên tin sôi nổi nhất, được bàn tán nhiều nhất là vụ Khỉ Cà Mau, vụ Vũ Nữ Cẩm Nhung bị tạt át-xít, vụ án Cô Gần ở Cầu Rạch Dừa. Sinh hoạt làng báo êm đềm như hồ thu trái hẳn với không khí xô bồ ồn ào và đầy sức sống của những năm sau 1963. Chiến tranh bắt đầu lan rộng, quân Mỹ đổ bộ ào ạt, xã hội bị bứng đến tận gốc. Cùng với quân đội Mỹ, một đội ngũ ký giả quốc tế hùng hậu không kém đổ xuống Việt Nam. Và làng báo Việt Nam cũng chuyển mình.

2. Khó tưởng tượng là năm 1963, tất cả báo hàng ngày ở Việt Nam vẫn in typo. Cái kỹ thuật cổ lỗ này khiến báo phát hành vào hai giờ chiều thì tin ngắn chót còn có thể được nhận để sắp chữ là 10 giờ sáng. Và một tờ báo phát hành ở Sài Gòn xuống tới Cần Thơ cách thủ đô 163 cây số vào ngày hôm sau và ra đến Huế trễ hai ngày. Xin mô tả sơ sơ về typo để những thế hệ laptop computer có một ý niệm về những khó khăn kỹ thuật của những người đi trước. Một bài viết dài cỡ một trang đánh máy khi đưa vào phòng sắp chữ sẽ được ông xếp typo xé ra thành 10 đến 15 mảnh giao cho thợ sắp. Mỗi người thợ typo đứng trước một khay gỗ có cả trăm ô nhỏ, mỗi ô chứa một mẫu tự khác nhau, cỡ chữ khác nhau. Họ bốc từng mẫu tự đúc chì ráp lại thành chữ. Thí dụ chữ Thủ Tướng, người thợ sẽ phải bốc chín lần để ráp thành, nên mất rất

nhiều thì giờ khi các mảnh đã xếp chữ xong, xếp typo ráp tất cả các mảnh lại thành bài, chuyển sang cho thầy cò sửa lỗi chính tả. Sau đó, người thợ đúc mới trải giấy lên ,mặt chữ chì vỗ nhẹ nhẹ bằng bàn chải mềm, và đắp thêm lớp giấy thứ nhì lên vỗ tiếp. Có một loại bột, hoặc hồ loãng để những tờ giấy ướt đó dính đè lên nhau. Bản vỗ giấy được gỡ nhẹ ra bỏ vào lò nước chín sau đó đổ chì lỏng lên. Chì lỏng ăn vào mặt lồi lõm của bản vỗ nướng chín thành bản chì đem in.

Một bài báo được viết ra, xé vụn, sắp chữ ráp trở lại, vỗ, nướng, đúc chì rồi đem in typo, tức chỉ in một mặt một. Quả là một tiến trình nhiêu khê. Cái trí tưởng tượng vốn phong phú của tôi vẫn khiến tôi ngạc nhiên khi bước chân lần đầu tiên khỏi cái cầu thang tối om đen xì, chui qua cái lỗ nhỏ để gặp ông xếp typo Cai Bí của Chính Luận và đội ngũ cả trăm em bé thợ typo đứng một giò, giò kia gác lên cho đỡ mỏi trước những khay chữ dính mực lem nhem. Cái kỹ thuật typo in báo hàng ngày rồi cũng bị đào thải vào khoảng đầu 1970. Hai nhà in lớn, Nguyễn Bá Tòng và một nhà in khác ở đường Hồng Thập Tự đã khiến báo Việt nam bước vào giai đoạn offset mà tiên phong có lẽ là báo Sóng Thần.

3. Sở dĩ dài dòng về kỹ thuật chỉ để nhấn mạnh đến sự cổ lỗ của làng báo Việt Nam ở cái mốc 1963. Tôi thực sự không rõ là có ký giả Việt Nam nào được huấn luyện chuyên môn về báo chí có mặt trong làng báo Việt Nam trước 1963 không. Ông Chủ Nhiệm Tự Do Phạm Việt Tuyền có nói rằng ông đã học nghề làm báo hàm thụ của Tây, ông Nguyễn Trọng, Tổng thư ký Tự Do lúc đó, đã từng làm ở BBC. Nhưng đọc tờ Tự Do thì thấy rõ cách trình bày từ *mise* cho đến tin, bình luận... đều thiếu tiêu chuẩn. Tôi nhớ bác Trực Ngôn được cử đi dự một phiên tòa và bài tường thuật là một bài văn tự sự mở đầu bằng thời tiết buổi sáng, một chi tiết chẳng ăn nhập gì với phiên tòa và đáng sợ hơn nữa là bản tin tường thuật quá dài nên đăng làm hai kỳ, có nghĩa là độc giả phải chờ thêm một ngày nữa mới được biết hết câu chuyện xảy ra, cứ như kiểu truyện Tàu đón đọc hồi hai sẽ rõ.

Cùng với hai ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu, chế độ đệ nhất cộng hòa xụp đổ và kéo theo đó là lề lối sinh hoạt báo chí có chỉ đạo ở miền Nam Việt Nam. Lật bất cứ tờ báo nào thời đệ nhất cộng hòa, chúng ta có cảm tưởng thiên hạ thái bình, tứ phương an lạc. Không hề có chuyện than vãn về kiểm duyệt, giống như thời gian sau này. Luật lệ cũng không khó khăn lắm để ra báo nhưng ra được báo hay không là tùy thuộc Phủ Tổng Thống hoặc Văn Phòng Chính Trị của ông Nhu. Nhưng ngay sau 1963, báo chí xuất bản ào ạt. Gần như tháng nào cũng có báo mới ra lò, đại diện đủ mọi khuynh hướng chính trị xã hội. Các tôn giáo lớn, các đảng phái, các xu hướng chính trị hoặc địa phương đều đồng thanh lên tiếng.

Làng báo Việt Nam bỗng thấy thiếu ký giả. Người viết bình luận, viết phiếm luận, tiểu thuyết thì có nhiều và có thể viết bừa bãi nhưng khi đụng chạm đến việc săn tin, viết tin, viết ký sự, viết tin truyện, hoặc khi phải đương đầu với chuyện sửa

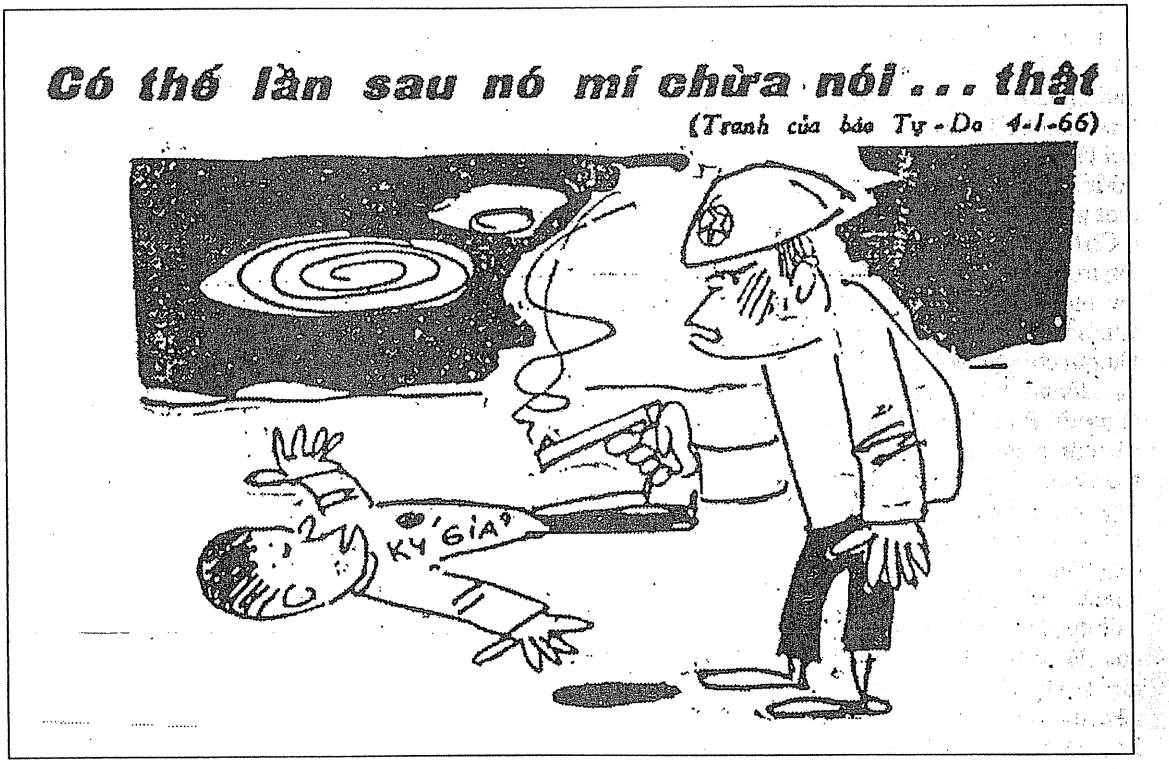

bài, đặt tít, trình bày trang báo, tức những công việc hàng ngày cần có học vấn và kiến thức chuyên môn thì làng báo Việt Nam lúc đó quả là thiếu người.

Trước 1963, mọi tin tức đã có Việt Tấn Xã cung cấp, hoặc cần thì có Bộ Thông Tin, Văn Phòng Chính Trị đảm trách. Nay Việt Tấn Xã không đóng nổi vai trò của một cơ quan thông tấn vô tư trong khi nhu cầu của người đọc đòi hỏi những tin tức chính xác và vô tư hơn. Lớp cựu trào bị đào thải thẳng cánh. Hãy lấy tờ Tự Do, một tờ báo tương đối nhất của đệ nhất cộng hòa làm thí dụ. Nhật báo Tự Do đã không chuyển mình kịp với đà tiến hóa. Mục Đàn Ngang Cung ngày xưa do thi sĩ Hà Thượng Nhân phụ trách không thể so găng với thơ Đen của Tú Kếu, Mục Nói Hay Đừng do ông Hiếu Chân đảm trách trở thành quá nhẹ ký so với lối viết của Chu Tử, Sức Mấy. Tranh khôi hài của Phạm Tăng vắng hẳn vì bấy giờ người ta thích Twist hơn hơn. Lão ký giả Trực Ngôn vẫn ngồi trên mô-bi-lét già nua, không thể nào chạy tin nhanh hơn những người trẻ vừa tốt nghiệp đại học. Tòa soạn Tự do vào khoảng 1964/1965 có ông chủ nhiệm P.V.T., ông Tổng thư ký Nguyễn Trọng, ông phóng viên già Trực Ngôn là hết. Ông Trọng vừa đặt tít vừa dịch tin Télétype. Và rồi Tự Do đình bản giống như cái "nối điêu" cuối cùng của làng báo đệ nhất cộng hòa. Cùng với Tự Do, những tờ báo vững vàng khác dưới chế độ ông Diệm như Tiếng Chuông, Dân Den, Saigon Mới, Tin Sáng ngày càng lu mờ trước một loạt đội ngũ những tờ báo mới. Mới thực sự về tên, về nội dung, về kỹ thuật.

Có thể ông Nhu và ông Tuyến đã quá giỏi để cầm chịch báo chí khiến không một tờ báo nào cựa quậy nổi trước 1963, không một tờ báo nào đi lệch ra khỏi con đường do chính quyền dọn sẵn. Và những người làm báo - chữ của các ký giả sau này là ký giả công nhân - đích thực như ba ông Từ Chung Hiếu Chân Chu Tử đã cảm thấy mình được giải phóng cùng với biến cố 1/11/1963. Từ đó, họ và rất nhiều ký giả công nhân trước lao đầu vào một không khí làm báo mới với những dự tính, mưu toan và nỗ lực hoàn toàn khác trước.

Để như là một chú thích, xin nói rõ danh từ ký giả công nhân. Hồi đó - và kéo dài cho đến 1975 - những ai có trong tay giấy phép ra báo là có rất nhiều cơ hội làm giàu. Giản dị nhất là bán "bông giấy". Giấy báo có hai giá, giá chính thức và giá chợ đen. Giá chính thức của chính phủ chỉ bán cho những người có phiếu của chính quyền, các phiếu đó là bông giấy. Chỉ cần có giấy ra báo, in độ 5.000 tờ nhưng áp phe với bộ thông tin để khai là 25.000 tờ, thì có 20.000 tờ giấy bán cho bọn con buôn chợ đen. Chênh lệch giữa giá chính thức và giá chợ đen tùy lúc nhưng lúc nào cũng rất cao. Các ông chủ báo rất giàu và các ông viết báo thì rất nghèo. Có nhiều ông ký giả leo lên chủ báo. Ký giả chủ báo và ký giả công nhân quả là hai giai cấp khác nhau vậy.

Làng báo Việt Nam lúc đó có nhiều tiếng buồn cười như "đi khách" chỉ một ký giả làm cho nhiều báo một lúc - "Tự ý đục bỏ" một hình thức kiểm duyệt trắng trợn - "Bán gáo" chỉ sự nguy hiểm có thể bị chết trong khi cố gắng săn tin săn hình bán cho báo ngoại quốc.

4. Cuộc đời của ba nhân vật Từ Chung Chu Tử Hiếu Chân, sau khi cùng ký tên vào bản văn tự thú trên đã có những nét đặc thù riêng, có những kết thúc hoặc âm thầm, hoặc bi thảm hoặc ngạo nghễ, nhưng ảnh hưởng của họ đối với làng báo Việt Nam không thể phủ nhận được.

Khi tờ Ngôn Luận của ông chủ báo Hồ Anh bị đóng cửa, ký giả làm việc cho Ngôn Luận tách ra làm hai nhóm. Nhóm đầu do ông Tử Vi Lang hướng dẫn đầu quân cho Tân Luận (tôi không nhớ rõ lắm nhưng hình như vẫn do ông Hồ Anh làm chủ) và nhóm thứ hai có các ông Từ Chung, Thái Lân, Thái Linh, Vân Sơn đầu quân cho Chính Luận. Bác sĩ Đặng Văn Sung hoặc ông Thái Lân chắc chắn có thể nói rõ tại sao có sự hợp tác giữa ông Đặng Văn Sung, Đại Việt quan lại và nhóm ký giả trên. Theo như lời thuật lại thì ông Từ Chung đã đăng lên mục rao vặt rằng ông và một nhóm ký giả công nhân muốn tìm người bỏ vốn để xuất bản một nhật báo và ông Sung là người duy nhất đáp ứng. Tôi nghĩ đây là một hợp tác hợp lý vì ngoài ông Từ Chung, hai ông Thái Lân và Thái Linh đều là những người có quá trình sinh hoạt và đấu tranh đảng phái. Ông Thái Lân Việt Quốc và ông Thái Linh được coi như có nhiều liên hệ với nhóm Phan Văn Hùm và Hồ Hữu Tường, hoặc đệ tứ. Đa số quí vị lão thành trong làng báo ít khi nói về mình, và luôn luôn tạo một cái gì huyền thoại. Ông Thái Linh là một thí dụ. Không ai biết gì về quá khứ ông, tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ... đều không thật. Một người nữa cũng của Chính Luận là ông Nguyễn Tú cũng từ chối không bao giờ nói về gốc gác mình. Phải chăng là do ảnh hưởng và thói quen cái sinh hoạt các hội kín thời chống Pháp, chống Việt Minh?

Ông Từ Chung thì rõ ràng hơn — xin đọc tiểu sử của ông - và khoa bảng hơn. Đây là một điều đáng nói; chúng ta có một tập hợp khá lạ lùng. Một ông chủ nhiệm đỗ bác sĩ nhưng chưa hề chữa bịnh cho ai. Một tổng thư ký đỗ bằng tiến sĩ kinh tế ở Thụy Sĩ. Và tất cả những người khác còn lại đều tự học, nhưng có một quá trình đấu tranh và nghề nghiệp làm báo không thể phủ nhận.

Sự pha trộn giữa một nhật báo đấu tranh có tính cách đảng phái và một nhật báo thông tin đã thể hiện rõ trong những số Chính Luận đầu tiên. Tất cả các tít tám cột chạy trùm lên manchette trong những số báo đầu là bài nghị luận về thời cuộc của ông chủ nhiệm Đặng Văn Sung. Cái khía cạnh thông tin của báo chí bị nhấn xuống hàng

thứ nhì. Rất may cho mọi người là cung cách đó không kéo dài quá lâu.

Công chúng bắt đầu chú ý đến ông TỪ Chung khi có lời đồn (?) rằng ông từ chối lời mời làm bộ trưởng kinh tế vì yêu nghề báo. Nếu lời mời có thật thì chuyện ông Từ Chung từ chối không có gì đáng ngạc nhiên.

Dáng người lảnh khảnh, phải nói là hơi gầy, ông Từ Chung là một nghệ sĩ, một nhà báo nhiều hơn là một chính khách, một người lặn lội trong quan trường. Ông ăn mặc giản dị, đôi khi trở thành lôi thôi, ăn nói rất mực thước, đi thẳng vào vấn đề nhưng không hề hoa mỹ, rườm rà. Lặn lội lâu trong nghề báo ở Việt Nam khó ai không trở nên xuề xòa. Hãy thử quan sát tòa soạn Chính Luận ở đường Võ Tánh (trước khi bị Việt Cộng đặt mìn nổ - Tòa soạn sau đó chuyển sang đường Lê Lai và đường Hai Bà Trưng.)

Phía dưới căn gác hai tầng, bên ngoài là cả ban trị sự lo về quảng cáo. Lách qua khỏi cái quầy thấp ngó vào phía trong tối om là mấy cái máy typo cũ kỹ của Đài Loan với người thợ in cầm một cái que tre dài bật bật để giấy khỏi đè lên nhau. Cái cầu thang hẹp lù mù đen thui dẫn lên lầu chỉ đủ một người đi - Một lần có tin Việt Cộng sẽ cho đặc công tấn công tòa soạn, anh Phan Nghị ôm máy chữ chạy xuống cầu thang húc vào tôi đi lên, cả hai ngã tưởng gãy tay gãy chân.

Ngoi lên khỏi cầu thang là một căn phòng khá chật, ngột ngạt vì thiếu không khí. Đó là tòa soạn của một tờ báo có ảnh hưởng nhất miền Nam lúc đó. Căn phòng ngang độ năm mét dài cỡ 10 mét vào lúc cao độ - cỡ 10 giờ sáng - nhét đôi khi tới 20 người, và mọi người cùng vừa hí hoáy làm việc vừa hút thuốc. Cái lạ là không ai bị chết vì đứng tim. Ông Từ Chung ngồi ở phía căn phòng tí tẹo phía trong.

Bài vở sau khi đã sửa chữa xong, đưa cho ông xếp typo qua một cái cửa đục thông vào phía sau nơi có gần cả trăm thợ lo sắp chữ.

Tòa soạn bắt đầu sinh hoạt vào lối 4, 5 giờ sáng. Những nhân viên lo tin lặt vặt như tin đô thành, từ thành đến tỉnh, tin tòa án... đến sớm nhất. Họ sẽ lọc các tin của thông tín viên địa phương, của các bản tin Văn Đô, tin tòa của ông Phúc, Tin Việt, để đi trang trong. Có mặt cùng một lúc là các "ông thợ dịch," tức là những người chuyên lo đọc các bản tin viễn ấn của AFP, Reuter, AP và UPI. (Trước 1963 những bản tin này không bán cho các báo). Những người này hoặc dịch thẳng bản tin từ télétype hoặc đọc và tổng hợp lại. Danh từ hồi đó chỉ các nhân viên ký giả loại này là "chân nằm" khác với "chân chạy" là những ký giả đi săn tin bên ngoài để viết tin, phóng sự, ký sự. Tòa soạn làm việc ồn ào nhất là khoảng từ 8 giờ sáng đến cỡ 11 giờ trưa, lúc bản vỗ cuối cùng được xếp typo đưa lên. Mọi người xúm lại nhìn bản vỗ, đọc hoặc đề nghị những thay đổi cuối hoặc đôi khi phải bóc bỏ một tin này thay vào tin khác... Sinh hoạt từ đó cho đến chiều là của các chân chạy, của ban phóng viên và những người ngồi tòa soạn nghỉ ngơi cho đến bốn giờ chiều. Họ tới để lo những bài có thể cho sắp chữ trước cho ngày hôm sau như các bài đặc ký, các mục trang trong như phụ nữ, trẻ em, truyện ngắn, truyện dài... hoặc đã thảo luận với các phóng viên về những tin cần săn, tin cần khai thác thêm... Công việc chấm dứt cỡ sáu bảy giờ tối.

Điều động cái guồng máy đó là ông Từ Chung. Sự phân công trong một tòa báo Việt Nam khá lỏng lẻo, nhưng cũng có thể tạm chia ra như sau. Tin trang nhất quan trọng thường liên quan đến sinh hoạt quốc gia quốc tế hay những loạt tin, bài đặc biệt. Tin trong nước hay trang trong (thường gọi là trang ba của tờ báo) và tin vặt gọi chung là tin tòa án, hay tin đô thành. Lúc đó ông Thái Lân lo tin trang nhất, ông Thái Linh lo trang quốc nội và ông Vân Sơn lo tin từ thành đến tỉnh. Ba nhân vật trên đồng thời phải lo những phần phụ linh linh tinh khác như truyện phiếm, tiểu thuyết, tranh vui cười kiểu Ký Điệu hay Mai Bê Bi... Công việc tóm lại khá nặng nhọc, phải đọc liên miên, đến nỗi đa số đều ôm một chồng bài vở về nhà mỗi tối để làm việc thêm.

Khi tôi trình diện ông Từ Chung lần đầu, ông đã dội cho tôi một gáo nước lạnh. "Nếu cậu chịu khó làm việc cho tòa soạn một ngày tám tiếng về nhà chịu khó học thêm sáu tiếng, may ra mười năm nữa cậu mới bằng tụi tôi được. Chúng tôi tối nào cũng phải đọc thêm đến một hai giờ sáng." Có lẽ cái tinh thần học hỏi đã giải thích tại sao tất cả những nhân viên ngồi tòa soạn Chính Luận đều giỏi cả Anh lẫn Pháp văn và như ông Lê Văn Anh còn làu thông cả chữ Nho, như cụ Phạm Duy Nhượng được tôi coi là pho tự điển sống. Mỗi lần bí hỏi cụ, cụ giảng chữ này nghĩa là gì, gốc La-tinh là gì, từ tiếng Pháp viết qua tiếng Anh đổi ra sao đến nỗi ông Lân đang túi bụi cũng phải ngưng lại nhắc: "Cụ ơi, bảo nó lật tự điển, hơi đâu mà giảng, cái bài cụ đang làm cần gấp lắm."

Tôi không nghĩ ông Từ Chung có tài chỉ huy, nhưng ông luôn luôn đảm đang đương đầu và chịu trách nhiệm. Đó là đặc tính khiến những người làm việc chung quanh ông yêu và nể phục ông. Khi ban trị sự loạng quạng, trễ phát lương, ông là người xuống dưới lầu gọi ông quản lý ra nói nhẹ nhàng "Anh em cần tiền lo cho vợ con, tòa báo hẹn trả lương ngày nào thì phải giữ cho đúng, đừng để anh em người ta chờ!" Công chúng bắt đầu thích đọc Từ Chung, thích những loạt bài về kinh tế Việt Nam lúc đó. Ông đem sở học về kinh tế để viết và giải thích những hiện tượng kinh tế đang xảy ra bằng một giọng văn bình dị và dễ hiểu. Những ý niệm kinh tế vô cùng rắc rối như cung và cầu, lạm phát, lạm phát phi mã, khiếm dụng, địa lý kinh tế, ảnh hưởng hỗ tương... đã được ông trình

bày một cách mạch lạc, dễ hiểu bằng chính những sự kiện đang xảy ra.

Một lần khi tôi viết loạt bài về đại học Việt Nam với cái tít "Sinh viên, ông là ai?", nội dung bài có những đoạn phê phán khá khắc nghiệt một số trí thức khoa bảng. Ông Từ Chung khen, bảo cho đăng liền nhưng sau đó ông nghiêm mặt nói với tôi "Cậu phải sống làm sao để đàn em cậu đừng chửi cậu như cậu vừa chửi chúng tôi."

Ông có những cái nhìn khá lạ về lịch sử. Một lần viết tin về giới Ba Tàu Chợ Lớn, ông cười bảo tôi "Cậu biết dân Việt Nam muốn sống còn phải làm gì không? Đẻ cho thật nhiều, càng đông càng tốt thì mới chống nổi với Hán tộc."

Ông không bao giờ nghĩ mình là khoa bảng là tiến sĩ và từ đó ông lê la với anh em mọi người xuống các quán tàu ở đầu Ngã Sáu Võ Tánh ăn hầm bà lằng đủ thứ từ vịt lộn, bánh đúc cho đến cơm gà, cơm thịt nướng.

5. Tình hình Việt Nam một lúc một đổi, chiến tranh mỗi lúc một lan rộng, xã hội càng ngày càng bị xáo trộn và sự dính dáng của người Mỹ vào Việt Nam một ngày một sâu đậm. Phe quân nhân mỗi ngày một lấn lướt và đòi hỏi của quần chúng đối với một chính phủ dân sự càng ngày càng cao. Cuối cùng ông Phan Huy Quát được ủy nhiệm thành lập chính phủ dân sự thay thế phe quân nhân. Những liên hệ của hai vị bác sĩ Sung và Quát đã khiến tờ Chính Luận có ảnh hưởng lớn đối với sinh hoạt chính trị. Uy tín của ông Từ Chung cũng mỗi ngày một lan rộng trong dư luận. Lập trường chống cộng của Chính Luận rất rõ rệt và đối với người Cộng sản thì đây là một mối nguy phải được dập tắt. Họ chọn cách dễ nhất là bạo lực. Đặc công Việt Cộng đã bắn gục Từ Chung khi ông trên đường về nhà. Ba vị ký giả từng ký vào bản văn hứa sẽ không lùi trước nỗ lực đóng góp cho vận mệnh đất nước, ông Từ Chung là người đầu tiên đã trả giá cho nỗ lực đó bằng chính sinh mạng của mình.

Một lần ông nói với tôi: "Làm báo chông gai lắm. Có khi ngã giữa đường, nhưng nhớ đừng quị luôn mà phải lồm cồm bò dậy mà đi. Có vậy thì hãy làm báo, không thà cậu đi làm nghề khác đỡ khổ hơn." Nhưng hắn không bao giờ ông lại nghĩ ông không thể bò dậy lồm cồm mà đi được vì một viên đạn của kẻ thù, vốn sợ những người trí thức như ông hơn là sợ những đội quân đầy đủ súng ống.

TỰ DO BÁO CHÍ VÀ TIẾNG NÓI CỦA NGƯỜI ĐÃ KHUẤT

TRẦN THÚC LINH

Hai giờ chiều thứ năm vừa qua (30-12-65) khi được tin Từ Chung bị hạ sát, tôi bàng hoàng, không tin.

Một học giả mảnh khảnh, hiền hậu, không đảng phái, không danh lợi, chỉ ham học, yêu việc làm, lo giúp ích, và đặc biệt, rất ôn hòa, chuyên mài rũa mọi góc cạnh gay cấn... sao lại bỗng dưng gặp một tai ương nhường ấy?

Nhưng, tin đi tin lại, tôi không thể tự dối mình lâu hơn. Rồi những kỷ niệm đối với người đã khuất dồn dập hiện ra trong ký ức.

Rõ rệt nhất là hình ảnh một người say mê yêu nghề, tha thiết với việc mở rộng kích thước thị trường báo chí.

Mỗi khi chánh quyền rục rịch ra một luật lệ gì hay áp dụng biện pháp nào liên quan đến báo chí thì, dù bề bộn công việc đến đâu, Từ Chung cũng thường "nhẩy" đến tôi. Có khi cùng đốt hết cả bao Capstan mà chưa nói hết nỗi niềm.

Tôi còn nhớ, trước ngày Đại hội Báo chí khai mạc, chúng tôi, đã hầu như cùng nhau thức thâu đêm, bàn đến một lối thoát, một hướng tiến cho Báo Chí Việt Nam. Sau đó có loạt bài Thanh Khiết Báo Chí của tôi trên Chính Luận hồi đầu năm 1965 và súc tích hơn, bao quát hơn, thiên đại luận mở rộng kích thước báo chí của anh trên Việt Chiến lối tháng bảy. Vì bề bộn công việc tòa soạn Chính Luận, anh nhắc nhở tôi sưu tầm các luật lệ, đào sâu vấn đề, phổ biến ý kiến... "Cụ cứ từ từ liên tục làm công việc ấy... Nước dỏ từng giọt còn đục thủng đá, huống chi đầu người." Ai hay lời của anh đêm ấy lại hóa một lời di chúc.

Tôi không sao quên được con người ấy, va chạm nhiều với thực tế, mà cứ như ở cung trăng, rất đỗi tin tưởng ở lý thuyết và tôn trọng luật lệ. Chắc chắn chỉ có một chế độ pháp trị mới gỡ nổi mớ bòng bong hiện thời, anh đã thúc dục tôi nghiên cứu luật lệ báo chí các nước: rồi khi tóm tắt lại cho anh nghe, anh đem những hiểu biết rất sâu rộng của anh về xã hội, về kinh tế phân tích lại cho tôi hiểu rõ nguyên tắc "xã hội nào, báo chí ấy." Lại những khi tôi chạy được bài của anh Lê Tài Triển, thì dù báo đã lên khuôn, anh cũng kiếm cách dành một chỗ xứng đáng cho những loạt bài

"Thượng Tôn Pháp Luật."

Tôi không sao quên được con người ấy, bình thường vui vẻ, dí dỏm, lịch sự, mà khi nói đến hạn chế báo chí, anh để lộ ngay một vẻ khinh bỉ ra mặt. Anh đã từng dồn cho tôi nhiều trận:

"Cậu tưởng báo chí của mình đã nhiều lắm hay sao? Mới có độ 15 tờ của ngoại kiều, 40 tờ Việt ngữ, tổng số ấn hành không quá 300,000 số, ngót 50 đầu dân đọc chung một tờ báo! Không nói đến Mỹ, tới 1755 tờ nhật báo, đến Tây Đức với 472 tờ... ngay những nước nhỏ như Đan Mạch cũng có tới 145 tờ, Hòa Lan 107 tờ, những nước chậm tiến như Ấn Độ, với 420 tờ, Ba Tây 268 tờ, Á Căn Đình 232 tờ... Không nói đến chuyện Anh, Mỹ, Nhật, Đức... Cứ đếm đầu người mà tính số báo phát hành, ngay ở Tân Gia Ba, ở Hồng Kông, ở Do Thái, cứ bốn người (bất luận già trẻ) là đã có một tờ báo... Theo cái tỷ lệ trung bình ấy đáng lẽ ta phải có ít nhất 120 tờ báo hàng ngày mới xứng đáng góp mặt với năm châu."

Nhất là khi nói đến những biện pháp hạn chế báo chí, lặt vặt như cấp phát "bông" giấy, ấn định số trang, số tiểu thuyết, giờ phát hành, hãng phát hành, hay quy mô hơn, như đóng cửa hàng loạt hay cả loạt báo hoặc nhất định không cho ra thêm tờ nhật báo nào nữa, thì, mặt anh tái xanh, không vì sợ hãi cho báo mình, nhưng vì uất ức về cái mà tôn trọng tính tình ôn hòa của anh, tôi tạm gọi là cái "lúng túng" của nhà cầm quyền. Hạn chế báo chí bằng cách không cho ra thêm báo mà vẫn giữ những thủ tục cấp phát phiếu mua giấy theo giá chính thức thì có khác chi loại trước khi đấu những người chân thành, yêu nghề, bít đường không cho những lớp thanh niên anh tuấn vào nghề, và dung dưỡng những tờ lá cải bán được vài trăm số, in dăm ngàn đem bán cân, dư giấy bán chợ đen kiếm lời. Lúc này giá chánh thức 162 đồng, giá chợ đen 380 đồng không có mà mua.

Tôi quên sao được ánh mắt sáng ngời của con người ấy, khi được nghe những đề nghị lập quỹ tín dụng cho báo chí, ban bố những biện pháp giúp đỡ báo chí để kỹ nghệ hóa nghề làm báo, bảo vệ những "quyền ra báo, quyền chỉ trích, quyền tường thuật" (theo danh từ của anh) để báo chí có tự do nhưng có trách nhiệm và chính quyền, dù trong những tình trạng đặc biệt, đừng quên giúp phương tiện cho các quyền tự do nói trên phát triển.

"Đẹp quá! Cháu chỉ xin các cụ, nếu không giúp được phương tiện, thì cũng đừng cản trở bước tiến của báo chí".

"Đừng cản trở bước tiến của báo chí" lời ấy tôi còn được đọc trong bài của anh đăng trong Việt Chiến số bốn.

Tôi tin chắc chánh quyền luôn luôn "muốn có một đồng minh đắc lực trong cuộc cải tạo xã hội để thực hiện Cách Mạng" sẽ không phụ lời của người đã khuất, ngã xuống trong niềm ước mơ kích thước thị trường báo chí mở rộng.

Như vậy, tuy khuất, Anh vẫn còn mãi trong lòng mọi người.

TỪ CHUNG VÀ QUYỀN TỰ DO BÁO CHÍ

THỤY GIAO

Trưa ngày 31-12-1965, lái xe về đậu trước cửa nhà (số 59 đường Nguyễn Lâm), vừa bước xuống xe vòng ra sau để mở cốp xe lấy tờ báo và cây viết, Từ Chung, Tổng Thư Ký nhật báo Chính Luận, bị hai cán bộ khủng bố nội thành cộng sản, chở nhau trên một xe gắn máy, rút súng bắn năm phát liền vào lưng. Từ Chung gục chết trong tay chỉ có tờ báo và cây viết ngay trước mắt đứa con trai đầu lòng 12 tuổi,

Ảnh hưởng của cây viết của Từ Chung được tìm thấy trong một tập sách có tựa đề là "Trui Rèn Trong Lửa Đỏ", trong đó đảng Cộng Sản đã kể lại thành tích dùng bạo lực giết hại những người dân vô tội của Miền Nam mà trong đó Từ Chung là một trường hợp. Thế nhưng Từ Chung là ai mà Việt Cộng phải ra tay giết hại như vậy?

Sơ lược tiểu sử

Từ Chung tên thật là Vũ Nhất Huy (tên khai sinh đầu tiên của ông là Vũ Mạnh Sơn Nhất Huy, nhưng sau này có lẽ thấy cái tên dài lê thê quá, ông đã ra tòa xin rút ngắn lại là Vũ Nhất Huy), bị ám sát vào ngày 30-12-1965 lúc ông 41 tuổi, như vậy là nếu còn sống, năm nay ông 73 tuổi, sinh quán ở Sơn Tây, Bắc Việt Nam. Từ Chung là anh cả trong một gia đình gồm bảy anh em trai, thế nhưng chỉ có hai người anh lớn trong nhà là Vũ Mạnh Sơn Nhất Huy và Vũ Mạnh Sơn Nhị Hoàng vào được miền Nam, năm người em phải ở lại miền Bắc với cộng sản sau năm 1954. Từ Chung mất đi để lại một vợ trẻ và bốn con thơ, cháu lớn nhất mới 12 tuổi.

Sau này đứa con trai lớn nhất của Từ Chung, Vũ Trọng Hiệp, sau khi tốt nghiệp sĩ quan Thủ Đức đã không chịu ở lại tiểu khu, mà xin đi chiến đấu. Vũ Trọng Hiệp đã bỏ mình tại Ban Mê Thuật năm 1975, vừa đúng 22 tuổi.

Từ Chung đỗ tú tài tại Hà Nội, vào Nam, ông được học bổng du học tại Thụy Sĩ năm năm và

đậu bằng Tiến Sĩ Kinh Tế tại Fribourg năm 1961. Về nước, ông được Linh Mục Cao Văn Luận, Viện Trưởng Viện Đại Học Huế mời giảng dạy tại trường Luật, và sau đó được mời làm ủy viên trong Hội Đồng Cố Vấn Kinh Tế nhưng ông từ chối vì yêu nghề viết báo.

Từ Chung viết rất nhiều thể loại, từ điểm sách, văn chương, văn hóa đến chính trị, kinh tế v.v... nhưng nổi tiếng nhất là các bài xã luận về kinh tế. Từ Chung là người Việt Nam đầu tiên đã giản dị hóa môn học khô khan khó hiểu là kinh tế học, đưa môn học này về gần với quần chúng bình dân. Những bài xã luận của Từ Chung về kinh tế được độc giả thuộc mọi trình độ khác nhau, từ các ông giáo sư đại học, các chuyên viên kinh tế thượng thặng đến các cậu sinh viên, các bà nội trợ đều thấu hiểu tường tận những biến chuyển kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến mình. Những bài viết xã luận về kinh tế của ông thường được một số trí thức gọi đùa là "mục kinh tế chợ" đã có ảnh hưởng rất lớn đến mọi tầng lớp giai cấp và thế hệ độc giả khác nhau. Về dịch thuật, Từ Chung có dịch cuốn "Bí Danh" (Secret Name) của Lâm Ngữ Đường.

Lược thuật ngày Từ Chung bị ám sát

Theo tường thuật của nhật báo Chính Luận, số ra ngày 1-1-1966, một ngày sau khi Từ Chung bị ám sát, thì vào khoảng 12:20 ngày 30-12-1965, Từ Chung từ tòa soạn báo Chính Luận số 15 đường Võ Tánh trở về nhà ở số 59 đường Nguyễn Lâm thì bị hai tên khủng bố dùng súng lục hạ sát. Từ Chung đi trên chiếc xe hơi cũ kỹ. Khu phố nhà ông lúc ấy thưa thớt người qua lại, chỉ có một số trẻ em nô đùa trên bãi cỏ.

Đau xót và thảm thương nhất là em Vũ Trọng Hiệp, 12 tuổi, học sinh đệ thất, người con trai đầu lòng của Từ Chung, khi thấy xe bố về liền chạy ra cửa đón bố. Nhưng không ra được khỏi nhà vì cửa khóa, em Hiệp đã mục kích, đã chứng kiến từ đầu đến cuối cái chết của bố em mà đành chịu không làm gì được.

Đứa bé kể lại cái chết của bố

Em Hiệp đã nức nở kể lại trong tiếng khóc:

Cháu nghe thấy tiếng còi ô tô của bố cháu. Cháu chạy ra đứng phía trong cửa để chờ bố, cháu thấy bố cháu xuống xe rồi mở thùng xe đằng sau để lấy cái gì đó. Thế rồi có hai người đi gắn máy dừng lại, cháu nhìn rõ xe hiệu Goebel sơn màu xanh. Một người xuống xe tay cắp cặp da, mặc quần mầu xanh màu da trời, áo xanh lạt có sọc, trạc độ 26 tuổi. Người ấy mở cặp da lấy ra một khẩu súng và tiến lại gần bố nhắm bắn luôn mấy phát liền. Bố cháu gục xuống.

Hiệp sau này lớn lên đã xung vào Thủ Đức và em đã bỏ mình tại Ban Mê Thuộc hồi năm 1975.

TỪ CHUNG QUA CÁC ĐỒNG NGHIỆP

Trích dẫn từ báo **Tiền Tuyến** và **VTX**

Thái Linh, một trong hai phụ tá thư ký tòa soạn của Từ Chung, ngồi chống tay lên cằm, quầng mắt vàng tím trong lòng kính. Anh rầu rầu kể lại những giây phút cuối cùng của Từ Chung cùng những nhận định của anh về con người Từ Chung như sau:

"Tôi còn nhớ rõ hình bóng anh trong những giây phút cuối cùng: anh mặc manh quần kaki sờn, đi đôi dép cao su 25 tì, áo quần lê la tại tòa soạn bẩn thỉu, bê bối quá.

"Thế rồi 12 giờ hơn anh đi về..."

Từ Chung là con người tốt nhất trong tòa báo, hiền lành, ngay thẳng và chăm chỉ nhất. Sống gần anh, tìm hiểu về anh tôi nhận thấy ý hướng tha thiết nhất mà anh hằng đeo đuổi là mong muốn đất nước hòa bình, dân chúng được hưởng tự do, dân chủ.

Quyển sách cuối anh đang soạn thảo là cuốn "Chính Trị Phổ Thông." Bài cuối cùng anh viết là bài 'Vô Tuyến Truyền Hình Việt Nam.' Độc giả đọc bài này sẽ thấy gói ghém một phần nào ý tưởng của anh, có thể nói đó là bài chúc thư. Trong bài anh đã nêu rõ rằng vô tuyến truyền hình là vũ khí để thực hiện tự do dân chủ nếu biết làm với tất cả thành tâm thiện chí.

Thái Linh cũng nhắc tới bức thư hăm dọa của Việt Cộng và nói:

"Khi nhận được thư cảnh cáo, anh đã nhờ tôi điều tra nội vụ, tiếp xúc với các chuyên viên an ninh để xét xem thư đó thực hay giả. Ngay sau khi nhận được thư, gia đình anh, họ hàng của anh đều can ngăn, chống đối việc anh vẫn tiếp tục làm báo Chính Luận nhưng anh vẫn tiếp tục đi làm.

Anh tự nghĩ mình là dân thường không có khí giới tự vệ, nếu Việt Cộng chủ trương giết anh thì chỉ chứng tỏ sự hèn yếu của chúng nên mới phải nhằm tấn công thường dân.

Rồi, Thái Linh bực dọc đứng lên trả lời câu hỏi chót của đại diện Việt Tấn Xã:

"Bày tỏ thái độ với ai bây giờ và bày tỏ thái độ để làm gì? Chúng tôi tiếp tục công việc làm báo. Cái chết của anh cũng như cái chết của một người lính ngoài chiến tuyến, người còn sống tiếp tục làm công việc."

Từ Chung và vai trò của báo chí Việt

Trước khi chết, trả lời một cuộc phỏng vấn của phóng viên Việt Tấn Xã về vấn đề tự do báo chí, Từ Chung đã bày tỏ quan điểm của ông về vấn đề này như sau:

Hiện báo chí Việt Nam chưa thực hiện được vai trò của mình. Báo chí Việt chỉ có vai trò do người ta gán ghép, đòi hỏi. Sau 10 năm dưới chính quyền nhà Ngô, báo chí được coi như một công cụ, ở đây có thói quen xử dụng báo chí vào mục tiêu chung cũng có, mục đích tư cũng có, nhưng chưa thấy thể hiện một quan niệm đúng đắn về vai trò của báo chí. Các nhà cầm quyền trước đây thường quy vào tình hình chiến tranh để gán một số trách nhiệm cho báo chí (một số trách nhiệm đáng ra báo chí không phải làm) nhưng khi trao phó những trách nhiệm đó người ta không cho báo chí phương tiện để thực hiện nhiệm vụ. Bởi vậy báo chí tuy không còn là công cụ lệ thuộc như trước có lẽ một phần vì người ta sợ mang tiếng giật giây hay chi phối báo chí, phần nữa có thể vì thâm tâm không muốn cho báo chí trưởng thành, e rằng báo chí khi tự lập có khả năng thể hiện công quyền vẫn thường được mệnh danh là quyền thứ tư trong các xã hội dân chủ. Công quyền đó một khi thành hình và lên mạnh tuy đồng chia sẻ trách nhiệm với những quyền khác nhưng lại có thể cạnh tranh với quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp.

Không tự coi báo chí là đồng minh nên các nhà cầm quyền trước đây khi cần đến thiếu hẳn một sự tiếp tay hiệu lực của báo chí.

Đề cập đến hiện tình sinh hoạt của nghề làm báo và sứ mạng của người cầm bút trong công cuộc cách mạng hóa nghề nghiệp và chung lưng tranh đấu xây dựng đất nước, anh nói:

"Trong tất cả sự khó chịu, phiền toái gặp phải hàng ngày, nếu tạm xếp để bình tĩnh lùi lại, thử so sánh quá khứ với hiện tại thì dù sao cũng phải xác nhận rằng bầu không khí của báo chí Việt Nam hiện tại dễ thở hơn trước nhiều. Có những điều chắc chắn xưa kia không nói được nay có thể nói được, có những điều chắc chắn xưa kia không đăng được, nay được tường thuật. Sự tiến bộ đó không phải là hoàn toàn do công lao của báo chí mà một phần lớn nhờ chính quyền đã có thái độ khá hơn đối với báo chí.

"Tự do báo chí không phải là một món quà biếu không mà phải đổ mồ hôi rán ra giật lấy, hôm nay một phần, mai hai phần, ngày kia có thể thụt lùi năm phần, ngã rồi lại dậy, lồm cồm bò lên nữa vói một tốc độ chậm thê thảm. Nếu cứ cộng mãi vào thì phải nói rằng càng ngày càng tới đích, mặc dù đích còn xa lắc.

Đối với thế giới có thể thẳng thắn nói rằng Việt Nam chưa có báo. Đây là một điều đáng buồn không riêng cho người cầm bút, cho độc giả nữa. Tôi tự hỏi không hiểu có phải vì muốn báo chí Việt ngoan ngoãn nên bây giờ chúng ta phải trả giá đắt đó chăng? Có điều chắc chắn là nếu so sánh phương tiện thì tại đây, dân Việt đánh nhau với cộng sản qua những tư tưởng hiện đại, riêng có cây bút đôi khi được nhận là đồng minh của cây súng thì cây bút của báo chí nếu so về mặt phương tiện và kỹ thuật chỉ mới là cây bút lông ngỗng của thế kỷ thứ 18. Có lẽ vì sự chênh lệch thảm hại đó mà cây súng phải cõng cây bút và chỉ thấy cây bút phiền hà vô tích sự. Nói như thế không phải để đòi những phương tiện tối đa người làm báo mới bắt tay vào việc, mới lãnh nhiệm vụ, chẳng qua nói thế chỉ là để độc giả hình dung thấy cái vinh cái nhục của người làm báo mà thôi.

Làm dân Việt Nam, làm báo Việt Nam, nếu phải gánh cái nhục đó thì chúng tôi cũng ráng chịu và nhất định không dập tắt hy vọng về một tương lai tốt đẹp.

Tiền Tuyến - VTX

Tìm đọc:

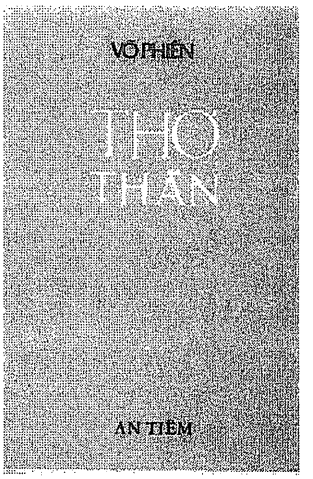

An Tiêm xuất bản
Văn Nghệ phát hành

KHÓC TỪ CHUNG

TÚ KẾU

Báo SỐNG, 3-1-1966

Anh cầm bút làm gì nên tội?
Dòng máu tươi nóng hổi tuôn tràn
Nghẹn ngào chết ức, chết oan
Chết không kịp nói, kịp than nửa lời!
Chết ngon lành như chơi như bơn
Chết dễ dàng như lợn như gà
Đang cười phút chốc thành ma
Đang nhìn, đang thở, ngã ra cứng đờ!
Dã man quá ai ngờ đến thế
Những bàn tay ô uế tởm chưa
Chết không khí giới phòng ngừa
Chết không tự vệ giữa trưa Sài Gòn!
Chết để lại bốn con chập chững
Chết thật nhanh vừa đứng đã nằm
Vội vàng chết giữa cuối năm
Chết quên cả Tết, cả Xuân đương về!
Vợ ở góa, tái tê lòng dạ
Bóng năm canh cô quả, vật vờ
Tội bầy trứng nước con thơ
Nai con mắt lạ, lơ ngơ nhìn đời!...
Thương cho anh đang thời trai trẻ
Nghề văn chương lắm vẻ tài hoa
Cái thân cầm bút trói gà
Làm chi nên nỗi mà ra thế này?
Thương cho anh những ngày lận đận
Thất nghiệp hoài, ba bận bốn phen
Bây giờ hạnh phúc vừa nhen
Hận thù nổi sóng, ghét ghen dập vùi!
Thương những kẻ mắt đui, tai điếc
Bán lương tâm vào việc bất lương
Nỗi da xáo thịt thảm thương
Máu xương nào chẳng máu xương giống nòi
Thương những kẻ tôi đòi xuẩn động
Súng cầm tay nhiễu lộng dân đen
Sát nhân quen thói ngu hèn
Căm thù nuôi dưỡng, nhỏ nhen nhất thời
Đứng với họ dưới trời thêm thẹn
Dẫu thú rừng cũng đến thế thôi
Giữa dòng thế kỷ hai mươi
Ngờ đâu mọi rợ con người vẫn mang!...
Tiếc thay anh trong làng ký giả
Cao tinh thần, chấp cả gian nguy
Dù cho bạo lực, xá gì
Trái tim bé nhỏ sợ chi cường quyền
Tiếc thay anh, tráng niên đương độ
Gặp nước non cảnh ngộ bi, hài
Lòng son một tấm không phai
Đường đi vinh hiển càng dài khó khăn!
Tiếc thay anh, câu văn ngọn bút
Sắc như dao, chẳng chút sờn gan
Ung dung lưu loát luận bàn
Mỗi lời là một chứa chan nhiệt tình!
Lại thương anh trời sinh xấu số
Giữa tuổi xuân đành bỏ mà đi
Cõi trần nheo nhóc thê nhi
Cây ngay chết đứng, còn gì nhân luân!
Bốn phát đạn bốn lần tội ác
Bốn trẻ thơ ngơ ngác mặt mày
Chết vì chính nghĩa vinh thay
Chỉ buồn phải chết vì tay chó rừng!
Ngủ đi nhé, Từ Chung, quên nhé
Thôi từ nay bút để mốc meo
Buồn tênh nghe gió thổi vèo
Âm u huyệt lạnh, trăng treo đỉnh trời!

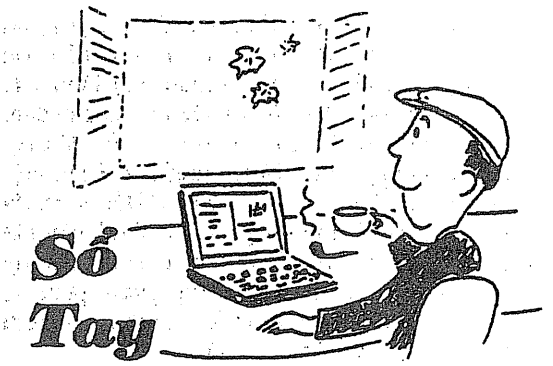

BƯNG BÍT TIN TỨC KINH TẾ CHỈ CÓ HẠI

Trong hệ thống ngân hàng ở Việt Nam một nửa các món nợ, 500 triệu Mỹ kim, thuộc loại khó hy vọng đòi được vốn và lãi. Trong đó nổi danh nhất là mấy trăm tỷ nợ của công ty Tamexco, rồi đến Epco và Minh Phụng, vân vân. Cuối tháng Ba, ông Bộ trưởng Văn Hóa và Thông Tin Nguyễn Khoa Điềm và ông Cao Sỹ Kiêm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (Trung ương) mới ra lệnh từ nay không cho báo chí tự do loan tin về các ngân hàng. Ngoài ra, dự luật về ngân hàng định đem bàn ở khóa họp Quốc hội cũng bị hoãn lại.

Ai cũng biết báo chí ở Việt Nam đều do đảng kiểm soát, lúc nào nhà báo cũng có bổn phận loan tin tức có lợi cho đảng, tránh tin tức có hại. Vậy mà hai vị trong guồng máy nhà nước phải ban lệnh cấm mới, thì đó là dấu hiệu tình trạng "nợ xấu" trầm trọng lắm. Nhưng che đậy tình trạng đen tối của các ngân hàng có phải là giải pháp để thoát khủng hoảng ngân hàng hay không?

Chắc chắn là không. Nếu cho nhà báo hưởng một chút tự do, may ra còn tránh được nạn "nợ xấu," chứ càng cấm đoán, càng tìm cách bưng bít và che đậy thì càng nhiều nợ xấu hơn. Thí dụ như các món vay nợ mới được tiết lộ trong phiên tòa xử phúc thẩm vụ Tamexco. Vì lý do nào mà một ngân hàng như Vietcombank cho Phạm Huy Phước vay gần 16 triệu Mỹ kim, rồi sau đó bảo đảm cho đi vay 3 triệu nữa, dù công ty của Phước không có đồng vốn nào cả? Lý do giản dị là Phước làm kinh tế cho đảng.

Nếu bốn năm năm trước đây có một nhà báo nào đó đặt câu hỏi "Tại sao một công ty không vốn lại vay được nhiều đô la như vậy?" thì may ra lúc đó có người lo xa tìm cách ngăn lại. Chính vì không ai dám nhìn vào chuyện làm ăn nội bộ của đảng, không ai dám điều tra và tiết lộ, nên từ trên xuống dưới mới có dịp rút tiền chia chác với nhau. Vì không có tự do báo chí nên những thứ như Tamexco mới cứ tiếp tục đục khoét, với sự đồng lõa của giới chức ngân hàng nhà nước.

Phạm Huy Phước còn rủ rê được 13 công ty khác vào cuộc làm ăn. Những công ty này, vốn chỉ có từ 150 triệu đến ba tỷ đồng Việt Nam, mà mỗi công ty đi vay được một triệu Mỹ kim, tức là hơn 10 tỷ. Tệ hơn nữa là những triệu Mỹ kim này Phước nắm giữ hết. Có ngân hàng ở xứ nào đem đô la cho vay như thể đốt tiền âm phủ như vậy? Nếu như báo chí được tự do săn tin và loan tin, thì chỉ cần loan báo có một công ty vốn 150 triệu đi vay 10 tỷ cũng làm người đọc đặt câu hỏi, và Ngân hàng Nhà nước phải có biện pháp ngay từ lúc đó.

Nhưng thông tin tự do không phải chỉ giúp xã hội bớt tham nhũng, mà còn trực tiếp liên quan đến việc phát triển kinh tế. Nhà kinh doanh trên thị trường cần so sánh ước tính lợi nhuận với mức độ rủi ro mỗi khi đầu tư. Không đủ tin tức thì khó dự đoán lợi nhuận, càng thiếu tin tức thì mức rủi ro càng cao hơn. Người ngoại quốc muốn đầu tư vào nước ta thế nào họ cũng mong có tin tức đầy đủ, để biết nên làm ăn với ai, ai đáng tín nhiệm, ai lời, ai lỗ, v.v..

Một hậu quả trực tiếp của mệnh lệnh ngăn cấm báo chí này là làm cho các nhà đầu tư ngoại quốc càng thêm mất tin tưởng. Họ đã quen sống trong các xứ tự do, thông tin kinh tế là huyết mạch giúp cho các nhà kinh doanh quyết định. Mất nguồn thông tin thì phải làm ăn mò mẫm, họ sẽ tránh xa. Trừ những người vốn thích mò mẫm trong bóng tối.

XÍ NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở TRUNG QUỐC

Nhìn vào tỷ lệ tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc người ta có cảm tưởng mọi chuyện rất tốt đẹp. Khi một nền kinh tế gia tăng sản xuất 8% đến 10% một năm thì chắc hẳn các xí nghiệp làm ăn khá phát đạt. Nhưng đằng sau các con số về Tổng Sản lượng Quốc nội (GDP) có nhiều dấu hiệu đáng lo ngại. Chắc hẳn các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh đều biết mối lo này, nên họ đang sửa chữa từ cơ bản.

Con số về GDP nói đến trị giá các hàng hóa và dịch vụ mà một nước tạo ra. Nhưng trong con số đó có một mục gọi là "hàng tồn kho." Ví dụ quí vị sản xuất đinh, trong năm qua quí vị làm ra 10 triệu đồng bạc toàn những đinh là đinh, ai cũng phục là sản xuất giỏi. Nhưng đến cuối năm trong kho của quí vị có 8 triệu đồng bạc đinh không bán được (vì nó mềm quá, hay giá đắt quá, khó cạnh tranh.) Như vậy thì phải hỏi tại sao suốt năm qua quí vị cứ sản xuất đinh để làm gì? Trong nền kinh tế thị trường xí nghiệp bao giờ cũng giảm số hàng tồn

kho xuông tối thiểu. Để đọng vốn là thiệt hại, vì phải trả tiền lãi vay ngân hàng. Các hãng xe hơi ở Mỹ đang cố học lối quản lý của các hãng xe Nhật trong "chính sách hàng tồn kho tối thiểu" này, nếu không thì cạnh tranh không nổi.

Cuối năm qua ở Trung Quốc có đến 60 tỷ Mỹ kim hàng hóa tồn kho, tương đương 8% TSLQG - cỡ 4% là vừa phải, nếu hệ thống phân phối còn ấu trĩ quá. Như vậy nếu GDP tăng 8% thì trong đó có 30 tỷ Mỹ kim tồn kho bình thường, còn 30 tỷ hàng không bán được. Trong năm 1996 ba phần tư các xí nghiệp nhà nước ở Trung Quốc lỗ vốn. Tổng cộng các xí nghiệp lỗ 6 tỷ 380 triệu Mỹ kim, cao hơn năm trước 39%.

Trong chế độ cộng sản, người ta cứ sản xuất "để đạt chỉ tiêu" là đủ, không cần lo bán, vì đó là trách nhiệm Ban kế hoạch trên cao. Việc đổi mới kinh tế ở các nước cộng sản nhắm mục đích giảm bớt tình trạng đó. Muốn bớt thì không đặt chỉ tiêu dựa trên số sản xuất nữa, mà trên lợi nhuận. Nhưng muốn xí nghiệp tăng lợi nhuận thì phải tạo ra các động lực tự nhiên để từ nhà quản đốc đến công nhân đều muốn tăng lợi nhuận. Môn thuốc tốt nhất là Tư hữu hóa. Vì khi quyền sở hữu xí nghiệp thuộc vào các tư nhân thì chủ nhân bao giờ cũng nhắm tăng lợi nhuận chứ không ai đem khoe những con số sản xuất trống rỗng. Nếu chưa tư nhân hóa thì cũng phải phân tản quyền sở hữu, cho các quản đốc xí nghiệp tập chịu trách nhiệm trước các cổ đông cho quen.

Các nhà lãnh đạo ở Bắc Kinh có đủ thống kê và cũng biết nghe lời khuyên của các chuyên viên, họ phải thấy tình trạng hàng tồn kho quá lớn là một bệnh chữa gấp. Lần trước, năm 1989 hàng tồn kho rất cao, lên đến 11% GDP, đó là năm 1989, năm xảy ra vụ Thiên An Môn! Phải trừ căn bệnh là nhiều xí nghiệp quốc doanh của họ chưa bỏ được thói quen thời cụ Mao, là chỉ nhắm sản xuất cho nhiều, không chú trọng đến nhu cầu của khách hàng.

Tình trạng đó xảy ra một phần vì hệ thống ngân hàng. Nhà nước Trung Quốc vẫn cố "nuôi báo cô" các xí nghiệp quốc doanh bằng cách ra lệnh ngân hàng nhà nước cho vay, một hình thức bao cấp dù không dùng chữ đó.

THAY ĐỔI CƠ CẤU SỞ HỮU

Bắc kinh đã bắt đầu một tiến trình thay đổi cơ cấu sở hữu trong nền kinh tế, mà hệ quả là sẽ tiến đến tư nhân hóa nhiều xí nghiệp nhà nước, dù không ai chính thức dùng đến từ ngữ "Tư nhân hóa."

Trên lý thuyết, Cộng Sản Trung Quốc vẫn tự coi là theo Chủ nghĩa Xã hội, đặc biệt là giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế cho lãnh vực quốc doanh. Nhưng thế nào là giữ vai trò chủ đạo? Hồi xưa, chủ đạo nghĩa là tỷ số sản xuất của lãnh vực kinh tế quốc doanh phải thật cao. Đảng Cộng Sản Việt Nam vẫn còn theo lối tính này, cho nên còn tranh luận chuyện tỷ số sản xuất của lãnh vực quốc doanh là 40% hay 70% GDP mới là chủ đạo. Nhưng bây giờ định nghĩa ở Trung Quốc đã thay đổi, chắc mai mốt Việt Nam cũng đổi. Theo một nhân viên của Ủy Ban Kế Hoạch ở Bắc Kinh thì mấy chữ "quốc doanh đóng vai chủ đạo" bây giờ hiểu là các xí nghiệp quốc doanh sẽ dẫn đầu trong việc cải tiến kỹ thuật và phương pháp quản lý, củng cố hạ tầng cơ sở, v.v. chứ không phải là chiếm một tỷ số lớn trong TSLQG nữa.

Các số thống kê nói rõ điều đó. Năm 1980 các xí nghiệp quốc doanh ở Trung Quốc chiếm 100% về xuất và nhập cảng. Năm 1995 họ chỉ bán 57% hàng xuất cảng và lo 45% các vụ nhập cảng, còn lại là các xí nghiệp tư, kể cả ngoại quốc. Năm 1980 quốc doanh sử dụng 94% nhân lực, năm 1995 chỉ còn 18%. Tiền đầu tư vào tài sản cố định giảm từ 82% tổng số đầu tư xuống còn 54%. Số sản xuất công nghiệp của lãnh vực quốc doanh giảm từ 80% xuống 47% trong cùng thời gian đó, và dự trù đến năm 2000 sẽ giảm xuống còn 30%. (Đọc thống kê trong bài của Võ Quang.) Nhưng các con số trên không đáng kể bằng việc cải tổ cơ cấu sở hữu.

Cải tổ đáng kể nhất là đảng Cộng Sản Trung Quốc từ nay cho phép có nhiều loại sở hữu chủ của các cổ phần những xí nghiệp quốc doanh. Tức là quyền sở hữu các xí nghiệp nhà nước từ nay được phân tản chứ không thuộc về một cơ quan chủ quản nữa. Thứ nhất là các xí nghiệp được mua cổ phần của nhau, rồi các cơ quan như quĩ hưu bổng, quĩ xã hội của các xí nghiệp khác cũng được mua cổ phần, sau đến tư nhân và các công ty tư nhân, các quản đốc và công nhân xí nhiệp, và cả người ngoại quốc cũng được tham dự.

Có những ngành công nghiệp xưa kia cấm người ngoại quốc nay cũng mở cửa, như năng lượng, dịch vụ, hạ tầng cơ sở. (Việc cho người ngoại quốc tham dự cũng là một điều kiện để Trung Quốc gia nhập Tổ chức Mậu dịch Thế giới - WTO. Vì mục đích của tổ chức WTO là tăng gia tự do trao đổi hàng hóa, dịch vụ, trao đổi cả vốn và nhân lực giữa các quốc gia.)

Tuy luật lệ chỉ cho phép các công ty quốc doanh mua cổ phần của công ty quốc doanh khác, nhưng khi áp dụng thì rất linh động. Bốn mươi xí nghiệp tư ở Vũ Hán họp lại thành nhiều tổ hợp để mua cổ phần của các xí nghiệp nhà nước. Chính quyền thị xã cho phép họ chọn mua trong một danh sách 146 xí nghiệp đang mắc nợ quá nhiều. Đã có 13 xí nghiệp tư trả 37 triệu Mỹ kim, mua lại 37 xí nghiệp nhà nước, hậu quả là 20 ngàn công nhân đã được "đổi việc." Vũ Hán đã thí nghiệm sau khi tư hân hóa, công nhân nghỉ việc được cấp vốn cho làm ăn riêng, nhiều người đã thành công.

Một cải tổ quan trọng khác là gia tăng việc thi

hành luật phá sản các công ty. Trước đây chỉ có 58 thị trấn áp dụng luật phá sản, năm nay sẽ tăng lên 111 thị trấn. Thi hành luật phá sản sẽ thúc đẩy các quản đốc lo tăng lợi nhuận, và cũng giúp đặt quyền sở hữu của xí nghiệp quốc doanh vào các bàn tay chủ nhân mới, dù là ngân hàng hay một xí nghiệp khác mạnh hơn, khiến các quản đốc bị giám sát chặt chẽ hơn. Tại các nước tư bản, nguy cơ phá sản vẫn là một động lực bắt các quản đốc lo tròn trách nhiệm đối với cổ đông. Lý do là cổ đông thường phân tản của cải, mua cổ phần nhiều xí nghiệp, nếu mất chỗ này còn giữ chỗ khác. Còn ban quản đốc thì bị phá sản sẽ mất việc, thiệt hại nhiều hơn cả cổ đông nữa.

Những cải tổ về cơ cấu sở hữu, dù chưa tư hữu hóa 100%, cũng sẽ tạo nên một cơ chế khiến các quản đốc xí nghiệp tập thói quen chịu trách nhiệm trước nhiều cổ đông, chứ không phải chỉ có một "cơ quan chủ quản." Đây là một thói quen cần tập rượt. Từ nay các quản đốc xí nghiệp tập chịu trách nhiệm trước một nhóm nhiều người có quyền cách chức họ, mà nhiều người trong đó thật sự nghĩ đến lợi nhuận chứ không phải chỉ cần nghe báo cáo. Và khó hối lộ họ như đi hối lộ một ông, bà bí thư chi bộ! Khi nhiều loại cổ đông cùng nhòm ngó công việc của ban quản đốc thì tác phong quản lý sẽ thay đổi. Khi tác phong đó giúp cho một số xí nghiệp mạnh hơn, sẽ thúc đẩy các xí nghiệp khác phải thay đổi. Đây là một cuộc "chỉnh phong" mới, hoàn toàn dựa trên tự nguyện.

Một cuộc cách mạng trong xã hội Trung Quốc đang bắt đầu. Cũng giống như việc thí nghiệm bầu cử ở 20 xã trong 10 tỉnh những năm qua cũng bắt đầu thử một cách mạng về hành chánh. Tác phong "bắt người thừa nhiệm chịu sự giám sát của các người ủy nhiệm" cần trở thành thói quen tự nhiên trong xã hội, trước khi nói đến việc xây dựng chế độ dân chủ. Vì cơ bản của chế độ dân chủ là trách nhiệm của người cầm quyền trước dân chúng. Cho nên những cải tổ cơ cấu sở hữu ở Trung Quốc quả thật là một diễn biến đáng theo dõi, và diễn biến này thì rất hòa bình.

ÁP LỰC CỦA NGƯỜI TIÊU THỤ

Nếu quí vị thấy thanh niên Việt Nam ở Mỹ ham đi mua những đôi giầy thể thao giá 100 hay 200 đô la, hoặc một cái áo sơ mi giá 80, 90 đô, chỉ vì các nhãn hiệu danh tiếng được các cầu thủ hay tài tử, ca sĩ cổ động, quí vị có thể hỏi nhỏ những người trẻ tuổi đó; "Bạn có biết họ trả cho công nhân làm đôi giầy (hay cái áo sơ mi) này bao nhiêu chăng?"

Khoảng hai đến ba Mỹ kim. Chúng tôi không có ý dạy luân lý, khuyên các bạn trẻ bớt tiêu xài. Nhưng câu hỏi trên đây có thể đánh thức lương tâm xã hội của nhiều bạn trẻ về vấn đề các "xưởng mồ hôi" - tiếng Anh là sweat shop - nơi những công nhân Việt Nam (hay Trung Hoa, Bangladesh, Indonesia ...) đang đổ mồ hôi lấy chén cơm, có khi còn bị đánh đập, xúc phạm đến nhân phẩm.

Nhưng các bạn trẻ Việt Nam ở Mỹ có thể làm gì cho những công nhân trong các sweat shop? Mỹ là nước tư bản, nên các bạn muốn giúp đồng bào lao động trong nước thì phải "làm áp lực ở thị trường." Công việc này bây giờ có thể dễ dàng hơn, nhờ mới có một "Bản Qui tắc Hành xử" mà một Ủy ban do tổng thống Mỹ cử ra, gồm nhiều nhà sản xuất trang phục ở Mỹ, vừa soạn thảo. Nhiều người tranh đấu cho nhân quyền - và quyền của lao động - còn chưa hài lòng với các qui tắc (code of conduct) này. Nhưng chúng ta có thể cứ sử dụng, vì đây là một tiến bộ lớn để tranh đấu cho đồng bào trong các xưởng mồ hôi.

Các tổ chức tranh đấu nhân quyền vẫn đòi chính

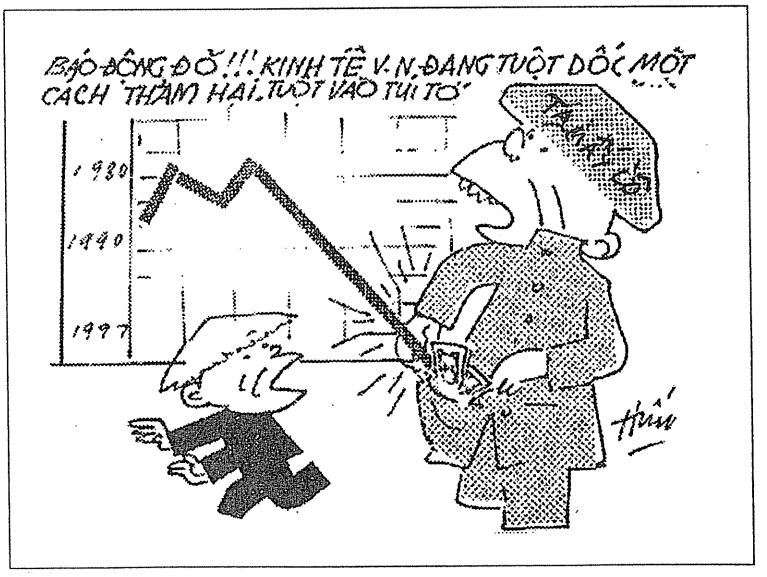

phủ Mỹ phải làm thêm luật "cấm" các công ty Mỹ bán những món hàng sản xuất ở các xưởng mồ hôi, từ bất cứ nước nào, nếu trái luật phải nghiêm phạt. Xứ này đã từng có luật cấm các xí nghiệp Mỹ ở ngoại quốc không được hối lộ. Xin đừng hiểu lầm họ nghe lời đức Khổng Tử dạy cần bảo vệ đức thanh liêm của các viên chức (xứ khác). Lý do chính là vì ông Adam Smith nói "có bảo vệ cạnh tranh tự do thì kinh tế thị trường mới tạo thêm nhiều của cải!"

Hối lộ là làm giảm bớt tự do của người khác trong việc cạnh tranh. Nhưng còn các sweat shop thì sao? Tại sao các nhà sản xuất thời trang như nhãn quần áo Liz Claiborne, Van Heusen, giầy Nike, lại tham dự vào ủy ban soạn thảo các Qui tắc hành xử, để ông Clinton công bố?

Vì áp lực của thị trường. Những công ty trên đã nghe loáng thoáng các lời than phiền về tình trạng sweat shop tại các nước nghèo. Nhiều tổ chức nhân quyền bắt đầu liệt kê danh tính những công ty đặt làm giầy, áo, quần, áo thung v.v. ở các cơ xưởng bóc lột hoặc ngược đãi công nhân. Chỉ cần bị nêu tên thôi là họ lo cuống! Vì nghề của họ không phải là bán giầy, vớ, áo quần,.. mà là "bán hình ảnh." Một cậu trai đi đôi giầy đúng nhãn hiệu, một cô gái mặc cái áo có tên một nhãn hiệu nổi tiếng, tất cả đã trả tiền để mua một hình ảnh đẹp, vì nhãn hiệu đã được quảng cáo bởi các thần tượng, trong thể thao, phim ảnh, v.v.

Các công ty thời trang biết là họ cần bảo vệ hình ảnh. Nếu một cậu con trai đi đôi giầy Nike, rồi bị bạn bè chỉ trỏ nói "Cái giầy này làm ở sweat shop bên Miến Điện," thì cậu ta sẽ trở thành một đồng lõa của "tư bản bóc lột!" Nếu họ biết thêm là đôi giầy đó có thể đã làm ở một cơ xưởng, nơi đốc công Nam Hàn phạt đập lên đầu hàng chục công nhân Việt Nam bằng giày làm hư, thì phải giảng cho các bạn trẻ biết rằng ở một nước Á đông, bị ai đem chiếc giầy hay cái quần đập lên đầu là điều vô cùng sỉ nhục (người Mỹ có thể nghĩ khác). Khi đó bao hình ảnh quảng cáo đẹp đẽ sẽ tan như bọt nước. Thay vì nhìn vào nhãn hiệu người ta nghĩ đến ông cầu thủ đẹp trai, nay người ta nghĩ đến các cô công nhân, đồng bào của mình bị làm nhục!

Chính vì vậy mà các công ty quần áo Claiborne, Levi Strauss, hãng giầy Nike, v.v. đã rời bỏ xứ Miến Điện, có hãng từ bỏ cả xứ Indonesia. Cũng vì thế mà khi một tổ chức nhân quyền vừa loan tin xưởng sản xuất giầy Nike ở Sài Gòn phạt công nhân Việt Nam chạy đến kiệt sức, công ty Nike phải cử ngay người qua điều tra để chỉnh đốn. Họ rất sợ tiếng xấu vì liên lụy với các chế độ bóc lột công nhân.

Bản Qui tắc Hành xử mới soạn ở Mỹ có gì đặc biệt?

Thứ nhất, có sáng kiến tự nguyện của giới kinh doanh, vì áp lực dư luận. Họ tham dự làm ra bản qui tắc này, để chứng tỏ họ muốn bảo vệ quyền người lao động, chống các xưởng mồ hôi, không chờ dư luận bắt quốc hội làm luật cấm đoán. Làm ăn ở thị trường người ta cần đoán trước nhu cầu người tiêu thụ, đó cũng là một bài học kinh tế.

Để thi hành bản Qui tắc này, sẽ có một cơ quan độc lập theo dõi, nhận khiếu nại, điều tra về cách cư sử đối với công nhân. Ban hành và kiểm tra việc áp dụng Bản Qui tắc này cũng giống trong các tổ chức nghề tự do, như luật sư, kế toán, bác sĩ, v.v.. Ai hội đủ các điều kiện, chịu đặt mình dưới sự kiểm tra theo đúng tiêu chuẩn, sẽ được mang một danh vị hay nhãn hiệu. Các công ty thời trang theo đúng Bản Qui tắc mới, tự đặt mình dưới sự theo dõi và kiểm tra, thì sẽ được gắn vào món hàng của mình hai chữ "No Sweat" (không có mồ hôi!)

Thứ hai, bản qui tắc đặt ra nhiều điều kiện cụ thể, dù nhiều người còn muốn đòi thêm. Bản Qui tắc sẽ cấm sử dụng trẻ em làm lao động, cấm kỳ thị vì lí do nam nữ, chủng tộc, tôn giáo, v.v. cấm ngược đãi, đánh đập công nhân (dịch chữ Abuse cho đủ thì chửi mắng, xỉ vả cũng bị cấm, đó là verbal abuse). Một điểm quan trọng là bản Qui tắc bắt các cơ xưởng phải công nhận quyền của công nhân tham gia tự do vào các công đoàn độc lập (không do chủ nhân hay nhà nước giật dây), và buộc các xưởng sản xuất phải trả đủ mức lương tối thiểu ở các xứ sở tại.

Nhưng chưa đủ. Một tổ chức liên minh các người tranh đấu cho lao động đang đòi hỏi phải ghi trong Bản Qui tắc không những quyền hưởng mức lương tối thiểu, mà đòi "mức lương đủ sống." Vì tại nhiều quốc gia lương tối thiểu quả thật không đủ sống. Liên minh tranh đấu cho lao động còn đòi thêm các qui tắc về điều kiện làm việc, vì Bản Qui tắc mới soạn còn cho phép chủ nhân dùng công nhân làm việc đến mức tối đa 60 giờ một tuần. Ngoài ra, họ cũng yêu cầu không phải chỉ trao cho các hãng kế toán độc lập làm việc thanh sát, mà còn phải cho các tổ chức nhân quyền tham dự. Vì họ không tin các hãng làm kế toán đủ khả năng và có thói quen bảo vệ quyền người lao động.

Với Bản Qui tắc Hành xử mới này, các bạn trẻ Việt Nam ở khắp thế giới có thể tham dự vào việc bảo vệ quyền của người lao động ở nước ta. Việc mua sắm của các bạn không phải chỉ nhằm chưng diện, mà còn là cơ hội làm áp lực ngay trong thị trường. Các hội sinh viên Việt Nam khắp thế giới nên lập thêm một ban chống sweat shop, đặc biệt theo dõi tình trạng các sweat shop ở Việt Nam. Các vị phụ huynh, các đoàn thể văn hóa, tôn giáo, nên nhân cơ hội này cổ động cho lương tâm xã hội và tình đồng bào nơi giới trẻ.

LÊ ĐỨC THỌ, ĐỆ NHẤT GIAN THẦN

Trích hồi ký **Đêm Giữa Ban Ngày**
VŨ THƯ HIÊN

Giới thiệu: *Tập hồi ký* Đêm Giữa Ban Ngày, *dày hơn 400 trang của Vũ Thư Hiên, hội viên Hội Viên hội Nhà Văn Việt Nam ở trong nước, sắp ra mắt bạn đọc ở ngoài và trong nước.*

Cuốn sách viết về đời một người tù. Nếu chỉ có như vậy thì chẳng đáng nói nhiều. Đã có nhiều cuốn sách về đề tài ấy.

Đây là cuốn sách của một người am hiểu chủ nghĩa Mác, tuy không phải đảng viên Cộng sản, nhưng từng tin yêu rất mực bác Hồ, "bỗng dưng" bị các đồng chí của chính mình tống vào tù.

Chẳng có xét xử, chẳng có phiên tòa, ấy vậy mà Vũ Thư Hiên ở tù đến gần chín năm, hơn 3200 ngày đêm, với những tháng dài bị nằm trong xà lim, bị cùm hai chân... Vũ Thư Hiên được đảng của mình thương yêu cho nếm mùi "tập trung cải tạo."

Sự thật là gì? Tập trung cải tạo là trại giam độc ác, thiêu hủy con người. Nếu ở Nga là Kulag, ở Trung Hoa là Lao cai (lao cải, cải tạo lao động, từng được Harry Wu đưa ra ánh sáng), thì ở Việt Nam là tập trung cải tạo.

Đây là một nhân chứng loại nặng ký của vụ án "Chống đảng, xét lại, làm gián điệp cho nước ngoài" xảy ra từ giữa những năm 1960, bao gồm gần 40 vị, trong đó có bốn ủy viên trung ương đảng, hai tướng, một bộ trưởng Ngoại giao, các viện trưởng, vụ trưởng, nhà báo, nhà văn...

Họ có tội gì? Cho đến nay vẫn chưa ai hiểu là họ có tội gì! Cái tội của họ nằm trong sự hoang tưởng của kẻ cầm quyền độc đoán lắm âm mưu luôn có mặc cảm về tội ác của chính mình, rồi lo sợ, tưởng tượng ra một mưu đồ lật đổ nào đó!

Cho đến nay những người lãnh đạo đảng vẫn một mực giữ kết luận cũ: trong vụ này, đảng luôn đúng, chẳng có gì cần xem xét hay kết luận lại cả. Tất cả đều đã cúi đầu nhận tội. Nay chẳng qua là họ lợi dụng đổi mới để lật án!

Hoàng Minh Chính đã lên tiếng; ông bà Vũ Đình Huỳnh (thân phụ và thân mẫu của Vũ Thư Hiên) đã kêu to niềm oan và ức; ông Trần Thư công bố hồi ký; bà quả phụ Đặng Kim Giang, bà Nguyễn Thị Ngọc Lan (vợ nhà báo Phạm Viết chết trong tù) đã thét lên nỗi đau khổ; nhà văn hóa Hoàng Tiến đã cất lên lời phẫn nộ; ông Nguyễn Minh Cần nguyên phó bí thư thành ủy Cộng sản thủ đô Hà Nội hiện ở Paris đã kể về đầu đuôi vụ án. Đặc biệt ông Nguyễn Trung Thành, cánh tay sắt của an ninh, nguyên trưởng ban bảo vệ chính trị trung ương đảng đã phản tỉnh đòi xem xét lại toàn bộ vụ án phi lý và phi pháp này (ông đã bị đuổi ra khỏi đảng và đang bị quản thúc chặt). Và nay Vũ Thư Hiên lên tiếng.

Cuốn hồi ký viết khá công phu, vất vả. Viết lén ở Hà Nội; viết đến đâu dấu đến đấy ở Sài Gòn; viết rồi bị cướp đi gần trăm trang bản thảo ở Moscou; vừa viết vừa có người canh phòng ở Varsovie; chương cuối mới được yên tĩnh viết bên dòng sông Seine (Paris).

Cuốn sách ra đời chậm. Nhưng lại đúng lúc. Để đẩy tới đà đổi mới ở trong nước. Khi ở trong và ngoài nước đã ít nhiều biết đến vụ án phi lý này. Đây là gót chân Achille của chính quyền độc đoán và độc ác. Tác giả viết nó với tâm trạng rất thiền. Không cay cú, không giận dữ. Cứ nhẹ nhàng, chậm rãi, tỉnh khô, đôi khi mỉm cười, thêm thắt ý vị bông lơn cười cợt... Và lấy sự thật làm đầu. Do đó cuốn sách khá là nặng, với cái nghĩa tải sự thật và lên án cái ác.

Xin bạn đọc (Trích hồi ký Đêm Giữa Ban Ngày)

VŨ THƯ HIÊN Thế Kỷ 21 nếm thử một vài đoạn ngắn trong khi chờ nhà xuất bản Văn Nghệ đang in gấp để ra mắt bạn đọc vào dịp tháng Tư này.

BÙI TÍN
Paris 3.1997

Tên tuổi Lê Đức Thọ ngày nay không những được biết đến ở Việt Nam, mà cả trên thế giới. Hình ảnh Lê Đức Thọ được in trong những cuốn từ điển bách khoa, với tiểu sử tóm tắt và sự nhấn mạnh về công trạng tìm kiếm hòa bình cho cuộc chiến tại Việt Nam trong cuộc hòa đàm Paris với Henry Alfred Kissinger và được trao giải thưởng Nobel hòa bình cùng với ông ta trong năm đó.

Ở Việt Nam tên Lê Đức Thọ gắn liền với vụ nhóm xét lại chống Đảng, và rất nhiều vụ oan khuất khác do Ban Tổ chức Trung ương tiến hành.

Tôi tiếc không được biết Lê Đức Thọ một cách gần gụi để có thể viết nhiều và viết kỹ về nhân vật một thời làm mưa làm gió trên chính trường Việt Nam. Hi vọng rồi đây sẽ có người làm việc này một cách nghiêm túc, bởi vì Lê Đức Thọ là một hiện tượng đặc thù trong hình thái xã hội từng được gọi là xã hội chủ nghĩa.

Ý định của Lưu Quý Kỳ về việc cho ra một tờ báo châm biếm tương tự tờ Cá Sấu của Liên Xô để phê phán các hiện tượng tiêu cực, mà tôi có nhắc tới trong một đoạn trên, không phải là ý định suông. Điều Lưu Quý Kỳ không ngờ là ý muốn chân thành của anh đã dẫn tới tai họa. Lê Đức Thọ xồng xộc đến tận Sở báo chí để tự mình uốn nắn ý nghĩ ngạo ngược của anh. Mà Lưu Quý Kỳ được Thọ coi như đệ tử ruột một thời. Tinh thần cảnh giác cao chưa một lần ngủ quên của Sáu Búa Lê Đức Thọ không thể lơ là để xảy ra một sự lỏng dây xích như vậy.

Tôi có mặt ở đấy khi xảy ra sự việc.

Con người cao to, tóc bạc trắng, với giọng nói cố ý kéo dài bắt người nghe chờ đợi câu tiếp theo, để lại trong tôi ấn tượng nhạt nhẽo và khó chịu. Tôi dị ứng với những gì không thật. Trong Lê Đức Thọ tôi nhìn thấy đầy rẫy của giả. Mọi người khúm núm, sợ sệt. Tôi nhìn Thọ dửng dưng, bằng con mắt lạnh lùng.

Nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ở tuổi 30, chính quyền đã vững vàng, đám lãnh tụ đã học thuộc bài lên xe xuống ngựa xênh xang, đệ tử bâu quanh như ruồi thấy mật. Một chút khiêm tốn giả vờ, một chút bình dân đóng kịch, trộn với rất nhiều phô trương quyền thế, là nét nổi bật trong Thọ. Nói tóm lại, một tên hãnh tiến điển hình. Trong cuốn Sửa Đổi Lề Lối Làm Việc ông Hồ Chí Minh gọi căn bệnh này là bệnh lãnh tụ.

Vào những năm đang được nói tới Lê Đức Thọ là ủy viên Ban bí thư, ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng. Nhưng cả hai chức ấy chẳng có nghĩa gì so với một chức nghe khiêm tốn hơn, là Trưởng Ban Tổ chức Trung ương. Thọ giữ chức này ba mươi năm liền, kể từ khi ra Bắc.

Từ một cơ quan bình thường, mang nặng tính chất sự vụ, làm công việc quản lý cán bộ Đảng thời Lê Văn Lương, Ban Tổ chức Trung ương trong tay Thọ nhanh chóng trở thành cơ quan siêu mật thám, nắm trong tay quyền lực cao nhất, mạnh nhất trong toàn bộ hệ thống Đảng. Nó bao trùm tất cả, đứng trên tất cả. Nằm trong quyền điều khiển của nó có cả Bộ Nội vụ. Với thể chế Đảng cầm quyền, tình hình đó là lẽ đương nhiên.

Ban Tổ chức Trung ương của Lê Đức Thọ trong thực tế không chỉ nắm lý lịch đảng viên và cán bộ Đảng, mà cả cán bộ chính quyền, từ cấp thấp nhất tới cấp cao nhất, theo một hệ thống dọc.

Mỗi cán bộ đều có một cuốn lý lịch, nó dính vào anh suốt đời, như một cái bướu. Mỗi lần xét lên lương, xét cho đi học, xét cấp nhà, thậm chí một cái phiếu mua xe đạp, là một lần lý lịch anh lại được mở ra, được tính đến. Giá trị con người tính bằng mức độ trung thành với Đảng, hồng là hơn chuyên, đức là hơn tài. Lý lịch là chứng chỉ xác nhận giá trị xã hội của mỗi cá nhân thành viên, do đó nó quan trọng vô cùng. Lý lịch còn được cập nhật, được bổ sung liên tục bởi công an chìm và nổi, bởi cán bộ tổ chức, cán bộ bảo vệ, các bạn đồng sự, bởi ông hàng xóm hoặc ông tổ trưởng dân phố. Hết thảy đều được dạy dỗ để theo dõi lẫn nhau, được khuyến khích thu thập tin tức về nhau.

Nhân vô thập toàn, con người ta ai cũng có lúc mắc khuyết điểm, không lúc này thì lúc khác, không ở nơi này thì nơi kia. Nếu chẳng may khuyết điểm bị tổ chức phát hiện, nó sẽ được ghi nhận, được xếp vào hồ sơ, còn sau này có dùng đến hay không, dùng vào lúc nào, là chuyện khác.

Tại Hỏa Lò tôi ngạc nhiên thật sự khi Huỳnh Ngự, với nụ cười trịch thượng trên môi, chìa cho tôi xem bản liệt kê tất cả những gì tôi đã viết, đã in, trong đó có nhiều cái ba lăng nhăng chính tôi cũng quên bẵng từ lâu. Thì cứ cho rằng từ năm 1961 khi tôi viết Đêm Mất Ngủ bị Tố Hữu đánh, lúc ấy nghi ngờ tôi là có lý. Nhưng làm sao trong hồ sơ lại có cả những bài báo ngô nghê đăng trên tờ Nhân dân và Văn nghệ từ mãi những năm 1954-1955, khi tôi còn là một con chiên ngoan đạo? Thì ra khi có một bút danh mới xuất hiện những cán bộ tổ chức theo dõi văn nghệ liền ghi ngay vào sổ, và nếu có một chút nghi ngờ thì một hồ sơ liền được lập. Nếu không làm sao người ta có thể có những bản liệt kê những thứ tầm phơ như thế?

Dù có căm ghét hệ thống quản lý cán bộ ấy tới mức nào chăng nữa tôi vẫn phải khâm phục tính chất vô nhân và vô luân hoàn hảo của nó. Về hệ thống của Thọ cần có nhiều công trình nghiên cứu nghiêm túc trên hai bình diện: môi trường xã hội cần và đủ cho sự nảy sinh và tồn tại của hệ thống, cách vận hành nó. Đảng cộng sản Việt Nam có quyền tự hào - trong lĩnh vực này kể cả Gestapo của Đệ tam Đế chế cũng khó sánh được với Ban Tổ chức Trung ương.

Bên cạnh Ban tổ chức Trung ương, Lê Đức Thọ đặt ra Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương. Nó được lập ra để bảo vệ sức khoẻ cho các ủy viên Trung ương, nhưng chủ yếu là các Trung ương ủy viên cổ cánh, và trước hết là các ủy viên Bộ Chính trị. Theo quy định, cán bộ đã tham gia hoạt động cách mạng trước 9-1945 đều nằm trong sự chăm sóc của Ban này, nhưng đó là quy định được đặt ra cho vui chứ không phải thực tế là như vậy. Không hề có dấu bằng giữa một đảng viên chịu đựng nhiều hy sinh cho cách mạng, với một ủy viên Bộ Chính trị đỏ da thắm thịt.

Sức khỏe các ủy viên Bộ Chính trị thời Duẩn-Thọ được phục vụ tối đa, với tất cả khả năng mà nền y học Việt Nam hiện đại có. Trong tay Ban

bảo vệ sức khỏe Trung ương có những bác sĩ hàng đầu ở các bệnh viện tốt nhất. Có vị còn được cấp phát một nữ sinh viên để thứ bảy chủ nhật đến săn sóc sức khoẻ và bầu bạn cho đỡ buồn. Khi cô sinh viên "xin phép chú cháu đi lấy chồng" thì chú nước mắt nước mũi giàn giụa nằng nặc giữ cô lại. Đời con gái có thì, cô ta không chịu, thế là nhà lãnh đạo ngã bệnh, các chuyên gia Việt Nam khám không ra, chữa không được, ông phải đáp chuyên cơ ra nước ngoài chạy chữa. Cuộc tình bao cấp được Thọ cho quay phim, chụp ảnh lén, sẽ có lúc dùng tới. Chuyện thâm cung bí sử này lọt ra ngoài cũng từ cái Ban bảo vệ sức khỏe Trung ương nọ.

Cái sự ham muốn quyền lực thường có ở những người đã được nếm mùi quyền rũ của nó. Nhưng ở Lê Đức Thọ nó mang một sắc thái đặc biệt, với một bề ngoài đạo đức giả điêu luyện. Những người tiên đoán mâu thuẫn giữa Lê Duẩn và Lê Đức Thọ nói rằng cặp này sớm muộn sẽ loại trừ nhau chính là do quyền lực. Tôi nghe vậy biết vậy, chứ không nghĩ rằng nhận định của họ có sở cứ, mặc dầu đó là những người biết cả Duẩn và Thọ từ những năm ở bưng biền. Sau mới biết là đúng.

Cuối năm 1967 tôi và mẹ tôi vào Hà Đông thăm bác Đinh Chương Dương, bác kể mới tháng trước có mấy cán bộ ở Ban lịch sử Đảng vào gặp bác để lấy tài liệu về phong trào cách mạng và cộng sản ở Nam Định. Mấy nhà sử học quan phương một mực dỗ dành nhà cách mạng lão thành xác nhận bằng văn bản rằng Lê Đức Thọ là người cộng sản đầu tiên ở Nam Định. Bác Đinh nghe rác tai quá, mới bảo họ: "Này các anh, nghe tôi khuyên đây: nếu muốn chép sử thì nhất nhất phải chép theo sự thật. Còn muốn viết sử thì cứ việc viết theo ý các anh muốn, hoặc theo ý người trên. Không làm được Tư Mã Thiên thì làm thư lại mà giữ lấy nếp nhà lương thiện." Kể lại chuyện này, bác Đinh nói với tôi: "Khi bố cháu đã hoạt động cách mạng rồi thì anh Thọ này còn là học sinh (2). Chẳng hiểu sao anh ta lại thích được ghi vào sử đảng rằng anh ta là người cộng sản đầu tiên ở Nam Định đến thế? Con người tham thật, được bao nhiêu cũng chưa vừa lòng." Anh Kỳ Vân kể hồi anh đã là xứ ủy viên Bắc Kỳ, Lê Đức Thọ cũng từng hoạt động với anh. "Hồi ấy hắn ta không như bây giờ bây giờ đâu. Khiêm tốn lắm, nhũn nhặn lắm. Mà trình độ hiểu biết chính trị thì a b c, biết cái khỉ gì đâu. Cho nên nịnh Trường Chinh lắm, nghe Trường Chinh như nghe thánh sống. Thế mà sau năm 54 ở trong Nam ra hắn đã câng câng, nhìn thiên hạ bằng nửa con mắt. Trường Chinh nâng đỡ hắn là thế, vậy mà khi Trường Chinh thất thế, hắn cũng vênh váo cả với Trường Chinh mới tệ."

Mà nào có phải Lê Đức Thọ là nhà cách mạng kiên cường cho cam! Năm 1943, ông Sao Đỏ Nguyễn Lương Bằng vượt ngục Sơn La về ở nhà tôi, tại 65 phố Nhà Rượu (phố Nguyễn Công Trứ bây giờ), ông còn bảo cha tôi: "Anh chịu khó đi

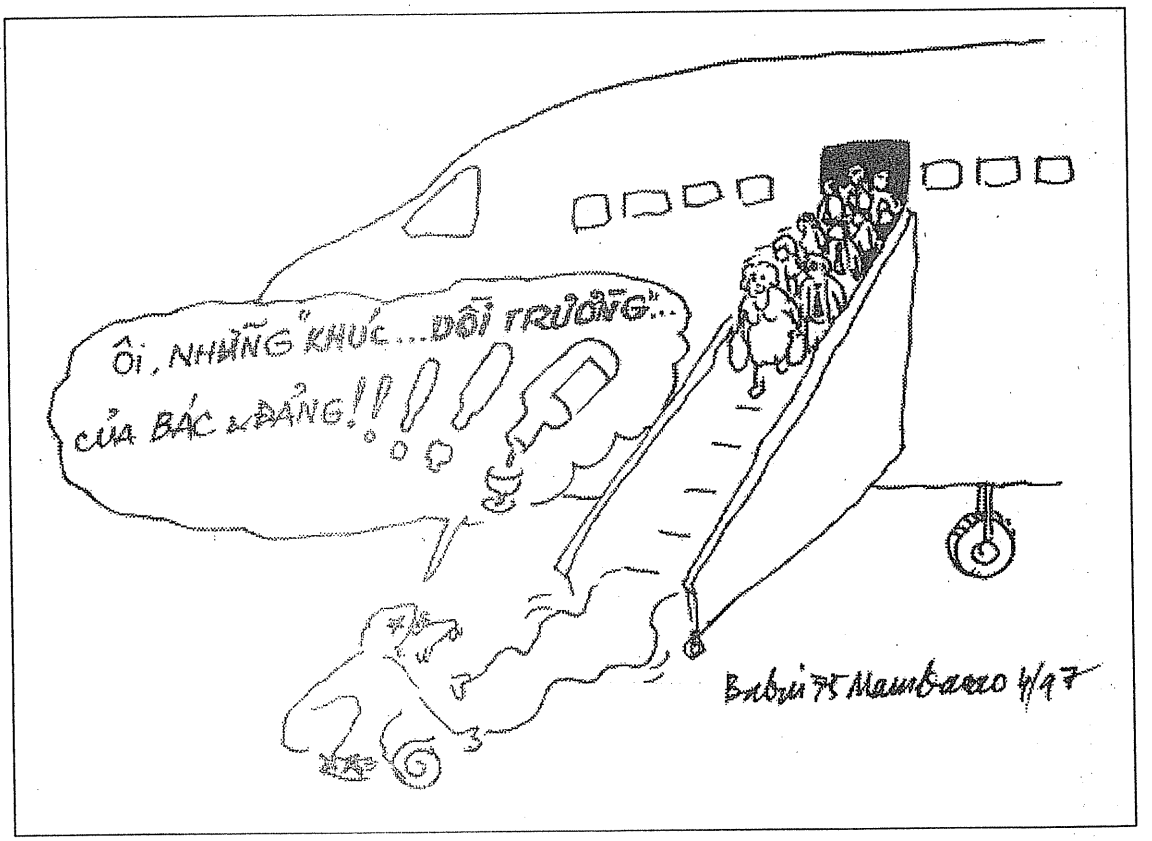

Nam Định tìm thằng Khải (1) hỏi thẳng nó xem nó có còn muốn hoạt động với anh em nữa không, hay chỉ nằm nhà ôm vợ?". Cha tôi đạp xe đi Dịch Lễ, tìm được Lê Đức Thọ, lôi Thọ ra khỏi cái giường êm, trả về cho tổ chức. Về chuyện này cha tôi có ghi lại trong tập hồi ký "Tháng Tám cờ bay."

Lạ nữa là chẳng phải một mình Lê Đức Thọ làm to. Hai người em ruột Thọ là Đinh Đức Thiện (tức Phan Đình Dinh) và Mai Chí Thọ (tức Phan Đình Đống), cho tới Cách mạng Tháng Tám chưa hề có tiếng tăm trong hàng ngũ cách mạng cũng làm to nốt. Một người lên đến thượng tướng, bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí, một người được phong đại tướng ngành Công an khi về hưu. Những nhà cách mạng lão thành cứ ngẩn ngơ trước sự thăng tiến vù vù trên hoạn lộ của ba anh em nhà nọ. Quả là sự hi hữu trong lịch sử.

Người làng Dịch Lễ nói rằng ba anh em Khải-Dinh-Đống lên nhanh thế là nhờ mồ mả. Tôi không tin. Sau này, được chính anh cháu ruột Lê Đức Thọ, một nhà khoa học hẳn hoi chứ không phải người không hiểu biết, kể cho tôi nghe chuyện ngôi mộ cụ thân sinh Lê Đức Thọ tôi mới đâm ra ngờ vực - chẳng lẽ thuật để mả có từ lâu đời ở nước ta lại có thật? Không khoa học nào thừa nhận môn phong thủy, nhưng trong chuyện vận may của nhà họ Phan xem ra nó lại có lý hơn mọi cách giải thích khác. Sống vì mồ vì mả, không sống vì cả (2) bát cơm, không phải vô lý mà các cụ ta đã có câu như vậy.

Nhà khoa học kể: gia đình Lê Đức Thọ gồm hai chi. Chi trên, ngành cả, là chi bác ruột của Thọ, cụ Phan Đình Hòe, và chi dưới, cụ Phan Đình Quế, thân sinh ra ba ông quan lớn sau này. Cụ Hòe từ nhỏ tư chất thông minh, văn hay chữ tốt, sau đỗ đạt cao, làm quan nhất phẩm, thượng thư hay là cái gì đó tương tự, tôi nghe nhưng không nhớ. Ông em ruột cụ là cụ Quế thì ngược lại, học trước quên sau, được cái tính cù mỉ cù mì, an phận thủ thường ở nhà với vợ, chịu khó cày sâu cuốc bẫm, chăn gà chăn lợn.

Cụ Hòe thôi việc quan, được một thầy địa lý nổi tiếng trong vùng chọn cho một huyệt tốt phòng khi cụ hai năm mươi, gọi là huyệt Lỗ Ao. Tại sao nó có tên như vậy thì nhà khoa học không biết, cũng không được ai giải nghĩa. Thế nhưng cụ Hòe lại thọ, thành thử huyệt đã sẵn mà cụ vẫn sống phây phây để rồi gặp được một thầy địa lý khác, theo lời thiên hạ đồn thì cao tay hơn ông thầy trước nhiều.

Thầy địa lý này trẻ mà kênh kiệu, cụ Hòe vời mấy lần mới chịu tới. Trước mặt cựu thượng quan thầy cung kính chắp tay thưa: "Kẻ hèn võ vẽ chuyện đất đai, nghe lời cha mẹ dạy trước nay làm việc này chỉ cốt được sự phúc đức. Thấy ai không hiểu biết, lỡ đặt cha mẹ hoặc thân nhân nhầm chỗ đất độc thì mách cho người ta đặt lại kẻo rồi sau di hại đến con cháu. Chứ tìm đất tốt phát vương phát bá thì kẻ hèn này không có tài." Cụ Hòe nói muốn nhờ thầy xem lại huyệt Lỗ Ao. Thầy vâng lời, xem xong rồi thưa: "Bẩm, quan lớn là bậc đa kiến văn, trí lự hơn người, xin quan tự định liệu. Huyệt này đúng là phát, phát lắm. Tiếc thay, nó phát một đời, nhưng lại bị nguyền rủa muôn đời."

Cụ Hòe giật mình, dặn con cháu: "Công hầu khanh tướng chẳng qua chỉ là giấc mộng hoàng lương. Ta chết đi chúng bay cứ chọn chỗ cao ráo cho ta nằm. Ta không muốn giòng họ ta vì phát một đời mà chịu tiếng xấu muôn đời!" Con cháu nghe lời bỏ huyệt Lỗ Ao. Cụ Hòe có để lại một bài tứ tuyệt nói lên ý trên, đúng là khẩu khí của bậc hiền nho, nhưng nhà khoa học kể chuyện này không thuộc.

Cụ Quế tiếc rẻ cái huyệt phát, bảo: "Bác cả không nằm, để tao nằm." Cụ qua đời, con cháu táng vào huyệt Lỗ Ao.

Câu chuyện này tôi được nghe vào năm 1966, thời cực thịnh của Lê Đức Thọ.

Cho đến khi tôi viết những dòng này Lê Đức Thọ bị nguyền rủa đã nhiều. Trong cả nước. Từ dưới dân đen tới những tầng cao chế độ. Không phải chỉ những người bị Lê Đức Thọ hãm hại và con cháu họ, mà cả những người vô can. Người ta coi Lê Đức Thọ là đệ nhất gian thần trong lịch sử nước nhà.

Đinh Đức Thiện không chịu chung những lời nguyền rủa với ông anh cả. Trong cuộc đời không dài Đinh Đức Thiện đã giữ những chức vụ rất quan trọng - bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim, Trưởng ban xây dựng Khu gang thép Thái Nguyên, Phó chủ nhiệm Tổng cục hậu cần, Tổng cục trưởng Tổng cục dầu khí, hàm thượng tướng. Ông ít học. Trình độ học vấn không quá bậc sơ đẳng. Thế nhưng Đinh Đức Thiện khinh trí thức lắm. Ông hạ lệnh cho các kỹ sư điện tính toán thời hạn lắp đặt đường dây cao thế Thái Nguyên - Hà Nội. Họ tính kỹ rồi báo cáo lên Đinh Đức Thiện: không thể dưới hai năm. Ông ta nghe xong liền nổi khùng:"Rặt một lũ ăn hại đái nát ! Làm chó gì mà mất những hai năm. Tôi mà ra lệnh cho công binh làm ấy à, chỉ hai tháng là cùng. Tính với chả toán, tính như con c... Các anh lúc nào cũng cúi đầu làm theo sách vở của bọn thực dân đế quốc. Vào rừng chặt cây về mà làm cột, mắc điện vào. Là xong. Trí thức với chả trí ngủ!". Người kể lại chuyện này là một kỹ sư tốt nghiệp Cao đẳng kỹ thuật thời Pháp, hôm ấy được nghe Đinh Đức Thiện trực tiếp quát mắng.

Các kỹ sư tốt nghiệp ở các nước xã hội chủ nghĩa cũng chẳng được ông tướng trọng vọng hơn. Họ dặn nhau: "Đến yết kiến lão phải phơi nắng vài ngày cho da đen đi cái đã. Mà nhớ lấy nhá, chớ có đi giày tây, chớ có diện củ (3), lão hò hét gì mặc lão, cứ vâng dạ. Chớ cãi, cãi lão chỉ có

chết." Thấy anh nào trắng trẻo, ăn vận sạch sẽ, có dáng ở Tây về, ăn nói thiếu thưa bẩm, cử chỉ không giữ gìn thận trọng trước cấp trên là ông quan hét ầm ầm: "Đi xuống cơ sở (4). Ngay lập tức, không oong đơ gì hết, Lao động một năm rồi về đây gặp tao." Đinh Đức Thiện dị ứng với bằng cấp. Kẻ có bằng cấp muốn được ông thu dụng phải nhoài người ra mà nịnh ông cho tới khi ông mềm lòng.

Có một thời sự thiếu học được coi là niềm tự hào — người ít học là người có quá khứ trong sạch, không dính với thực dân, phong kiến. Đinh Đức Thiện tự hào về sự thiếu học của mình lắm. Ông vỗ ngực đồm độp: "Xem tao đây này, tao chẳng có cái bằng chó nào hết, thế mà tiến sĩ kỹ sư sợ tao một phép. Chúng nó ỷ có học, nhưng học gì lũ chúng nó, học vẹt ấy thì có, rời sách vở ra là chịu chết. Trí thức mà không có thực tế chỉ là cục c... Chính tao này, tao chỉ đạo kỹ thuật cho chúng nó, chứ ai? Nghe cái bọn quen bơ thừa sữa cặn ấy chỉ có mà ăn cháo, ăn cháo!".

Cũng lại là công nhân theo lý lịch tự khai chứ không theo định nghĩa của Mác, Đinh Đức Thiện khó chịu với mọi biểu hiện ông cho là ăn chơi của cấp dưới. Lúc nào ông cũng phô cái quá khứ nhọc nhằn. Thực ra quá khứ của ông chẳng nhọc nhằn gì, người làng Dịch Lễ nói vậy. Ông sướng từ bé, lớn lên ra tỉnh ăn chơi lêu lổng, chim gái thành thần, họ kể. Nhưng ông cứ xưng xưng nói thế. Ông không cho phép cái lũ không biết nhọc nhằn là gì được phép sung sướng. Ông chỉ cho phép mình sung sướng thôi. Mà Đinh Đức Thiện là người biết cách để sung sướng lắm.

Hồi kháng chiến chống Pháp, công tác tại Liên khu 3, Đinh Đức Thiện rủ Hoàng Minh Chính mở một hộp đêm để giải sầu: "Chúng mình đầu tắt mặt tối, vào sinh ra tử, khổ bỏ mẹ, phải có một chỗ để thỉnh thoảng giải khuây, làm một phát cho khoái." Hoàng Minh Chính không đồng tình: "Mày nói thế chó nó nghe được. Cán bộ cách mạng mà làm bậy, tổ chức kỷ luật chết." Đinh Đức Thiện cười vào mặt Hoàng Minh Chính: "Xì, mày ngu bỏ mẹ, tiền lấy ở quỹ đen, mình làm đen luôn, giữ bem (5) tốt, thằng chó nào biết!" Hoàng Minh Chính kể cho tôi nghe chuyện này vào mùa hè năm 1965, cũng nhân nói tới sự thăng tiến kỳ lạ của ba anh em họ Phan. Anh không hề có ác cảm với Đinh Đức Thiện khi kể lại câu chuyện đó. Hai người là bạn với nhau một thời, tuy không thân thiết.

Một người bạn tôi có hồi công tác dưới quyền Đinh Đức Thiện, thường được ông cho đi săn cùng. Đi săn là thú chơi của Đinh Đức Thiện. Anh kể mỗi lần ông ta ra lệnh đi săn là mỗi lần nhân viên phục vụ ông tướng quýnh quáng sửa soạn đủ thứ ông tướng cần, không được để thiếu thứ gì. Ông đi một xe, một xe chở lính hầu, súng săn, xoong nồi, bia rượu và trăm thứ bà rằn khác, kể cả lều bạt phòng khi ông hứng lên nghỉ lại trong rừng.

Sinh ư nghệ tử ư nghệ, Đinh Đức Thiện chết bất đắc kỳ tử trong một chuyến đi săn. Đâu như lúc mở cửa xe bước xuống Đinh Đức Thiện bị súng cướp cò, đạn bắn vào đầu. Sau cái chết đột ngột của viên tướng có tin đồn: Đinh Đức Thiện bị hạ sát bởi tay Lê Đức Thọ. Trước đó tôi cũng có nghe thiên hạ nói nhiều về mối bất hòa giữa hai anh em họ Phan. Người họ Phan nói chuyện đó có thật. Họ cho biết thêm: kể cả Mai Chí Thọ cũng không ưa Lê Đức Thọ. Mỗi lần Mai Chí Thọ từ

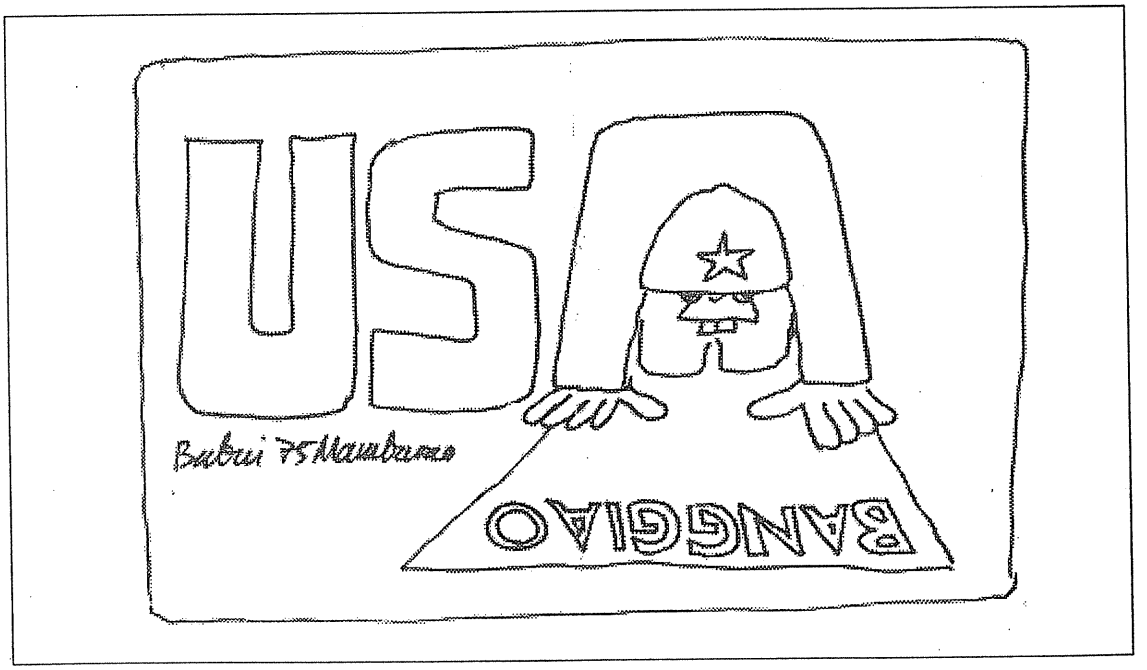

Sài Gòn ra Hà Nội ông ta đều đến thăm bà chị ruột góa chồng (ông chồng bà đã treo cổ tự tử trong Cải cách ruộng đất) và Đinh Đức Thiện, nhưng không đến Lê Đức Thọ. Cũng người trong nhà nói ra thì Đinh Đức Thiện biết những việc ám muội của ông anh có lần đã quát vào mặt Lê Đức Thọ: "Anh làm thế để thiên hạ đào mả bố lên à?" Làm thế cụ thể là làm gì thì người kể chuyện không nói. Bởi vì chẳng nói người nghe cũng hiểu - trong đời mình Lê Đức Thọ làm quá nhiều điều thất nhân tâm.

Tôi không tin chuyện Lê Đức Thọ giết em. Trong một chuyến đi săn, cũng theo lời bạn tôi kể, có hai lái xe, mấy bảo vệ tháp tùng, không dễ gì mua chuộc hoặc cưỡng bức được bằng ấy người một lúc. Lời đồn chỉ chứng tỏ thiên hạ tin ở sự nhẫn tâm của Lê Đức Thọ mà thôi (6). Tuy nhiên, tôi vẫn không hiểu vì lẽ gì người ta giấu nguyên nhân tai nạn. Hình như việc này cũng không đến nỗi khó hiểu, thậm chí còn tầm thường - nếu không giấu nguyên nhân tai nạn thì chôn Đinh Đức Thiện ở nghĩa trang Mai Dịch xem ra danh không chính ngôn không thuận. Ông tướng không tử trận, không chết trong khi thừa hành công vụ, mà chết trong khi đuổi theo mấy con vịt giời.

Mai Chí Thọ một thời gian dài làm giám đốc Công an, rồi chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, sống như một ông hoàng. Trong ngôi biệt thự to lớn ở Sài Gòn Mai Chí Thọ có cả một khu vườn rộng nuôi trăn, nuôi vượn, nuôi gấu. Người Sài Gòn tính: hàng tháng riêng tiền chi cho việc mua giày Addidas và vợt Wilson để chơi tennis Mai Chí Thọ đã phải bỏ ra một số tiền gấp năm sáu lần lương ông ta. Tiền đâu ra? Không phải Mai Chí Thọ lấy ở quỹ đen nào, không phải Mai Chí Thọ tham ô công quỹ. Đơn giản là trước thời kỳ "bung ra," "đổi mới," các phú thương Hoa kiều bị khốn đốn trong cuộc cải tạo tư sản hoành tráng của Đỗ Mười, họ thoát hiểm nhờ tìm thấy nơi Mai Chí Thọ vị "đại huynh" rộng lòng bảo trợ. Để đền ơn đáp nghĩa họ chiều chuộng "đại huynh" hết lòng.

Đám cán bộ ba cọc ba đồng bất bình trước cuộc sống sa hoa của Mai Chí Thọ. Không tham nhũng không thể sống như vậy được, họ nói. Người Sài Gòn cười hắc hắc, phẩy tay: "Mấy ông tướng thời trước cũng dzậy à, hà cớ phải bực mình. Ông nầy không tồi hơn. Cờ tới tay ai người đó phất!' Tòa án thành phố có lần gửi giấy triệu Mai Chí Thọ tới tòa làm nhân chứng cho vụ án xử thương gia Triệu Bỉnh Thiệt. Đồn rằng hồi ấy phe chống Mai Chí Thọ xui mấy ông quan tòa nhân chuyện Triệu Bỉnh Thiệt phạm pháp sẽ hỏi nhân chứng một chặp rồi trước bách tính công chúng đưa Mai Chí Thọ qua ngồi ghế bị cáo. Không thể để cho cấp dưới làm chuyện đã rồi với ông em, làm mất thể diện mình, Lê Đức Thọ cấp tốc triệu Mai Chí Thọ ra Hà Nội. Sau vụ này Mai Chí Thọ vào Bộ Chính trị.

Người Sài Gòn kể chuyện Mai Chí Thọ có một đệ tử chuyên dắt gái cho họ Mai là Năm T. Cậy có ô dù của đàn anh, Năm T. tổ chức hẳn một hộp đêm bề thế cho các quan chức cấp tỉnh lên ăn chơi ở Sài Gòn. Vụ này vỡ lở, dư luận ầm ĩ, các vị chức sắc tay đã nhúng chàm im re, mặc cho Năm T. vào khám. Năm ngồi tù mất hai hoặc ba năm, sau mới được đàn anh can thiệp cho ra trước hạn.

Một dạo Sài Gòn ồn lên cái gọi là "phương án 2," cho phép người di tản đóng thuyền vượt biên, miễn nộp vàng cho Nhà nước. Thiên hạ rủ nhau đi như trẩy hội. Đi theo "phương án 2" người ít nhất cũng vài lạng, người nhiều hai ba chục "cây." Đó là một secret Polichinelle (7) được cả các quan chức lẫn dân vượt biên đồng tình giữ kín.

Tôi cho rằng Nhà nước, với tư cách bộ máy điều hành quốc gia, không có chủ trương đốn mạt đến thế, như một số báo chí hải ngoại viết. Đây là sự thông đồng, toa rập của một đường dây quyền lực từ trên xuống dưới, một thứ mafia đã tạo kén trong hệ thống cai trị. Nhà nước, hoặc nói hẹp hơn, ngân khố quốc gia, chẳng thu được gì. Chỉ một số quan chức ở Sài Gòn (và cả ở Hà Nội) là vớ bẫm. Trong đó, cũng theo lời đồn, không thể thiếu anh em họ Phan.

Những lời đồn nói trên rất phổ biến, là thứ chúng khẩu đồng từ ông sư cũng chết, tuy hỏi kỹ thì lại không có chứng cứ nào cả. Mặt khác, chẳng ai có thể bác bỏ chúng bởi vì chúng đầy tính thuyết phục. Vụ tử hình vội vã tên Mười Vân (8), giám đốc Công an Đồng Nai, được thiên hạ bình luận như một hành động xóa dấu vết cho "phương án 2," nói cho đúng là xóa dấu vết cho các vị đã vớ bở (9).

Người Việt Nam vốn hào phóng với của chùa - tức là của chung cả làng, cả nước, của tập thể, cũng tức là chẳng của riêng ai, cho nên Mai Chí Thọ không bị nguyền rủa. Thực vậy, trong sự tham nhũng tràn lan từ trên xuống dưới, dư luận không xếp Mai Chí Thọ đứng đầu bảng. Còn có những nhân vật tham nhũng lớn hơn.

Dân chúng kết luận: mỡ đến miệng mèo, mèo không ăn mèo ngu. Mọi kẻ có chức quyền ở Việt Nam đều tham nhũng, khác nhau ở chỗ kẻ ít người nhiều mà thôi. Nếu ở các nước tư bản chủ nghĩa người có của dễ có quyền, thì ở nước xã hội chủ nghĩa người có quyền ắt có của.

Dân chúng quen làm ăn với những quan tham mất rồi, làm việc với quan tham không khó, tuy tốn kém, nhưng bù vào đấy lại nhanh hơn, được việc hơn. Có chuyện tới cửa công mà vớ phải ông thanh liêm thì hết hơi, người ta nói thế. Quan thanh liêm như con quạ trắng, dân sợ, dân xa lánh. Thời buổi này mà cứ thẳng băng, đúng phép tắc, không linh động gì hết, thì rõ là bôn-sê-vích dở hơi. Phép nước thì loạn xà ngầu, điều luật này chửi cha điều luật kia, nghị định này leo lên đầu nghị định khác,

chính ông thanh liêm sa vào mê lộ luật pháp cũng còn lúng túng như gà mắc tóc, nói gì dân. Thành thử với lũ tham quan người ta khinh đấy, tởm đấy, nhưng để được việc người ta không chọn các quan thanh liêm.

Nếu thuyết phong thủy đúng thì huyệt Lỗ Ao ở làng Dịch Lễ ảnh hưởng quá ghê gớm tới vận mệnh dân tộc. Nó không phải chỉ ảnh hưởng tới một Việt Nam mà còn ảnh hưởng tới cả các dân tộc láng giềng.

Nói những chuyện trên ra để ta cùng suy ngẫm về một hiện tượng, tôi không có ý phủ nhận sạch trơn những gì tốt mà ba anh em họ Phan đã làm. Những cái đó, trong thời đại của những nghịch lý, đều có thật, nhưng là cái hoàn toàn bình thường - bất cứ ai được đặt vào trong những cương vị như thế đều phải làm được cái gì đó, thậm chí là công trạng.

Nói đến Lê Đức Thọ không thể không nói tới sự kiện Việt Nam chiếm đóng Kampuchea. Việc đưa 200.000 quân Việt Nam vào Kampuchea và ở lì đất nước người ta mười năm là việc liên minh Duẩn - Thọ chủ trương, trong đó Thọ vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hiện. Thế giới không bênh vực Khmer Đỏ. Cả thế giới lên án Khmer Đỏ vì tội ác diệt chủng. Người Kampuchea đã hoan hỉ đón quân đội Việt Nam vào Kampuchea đánh đuổi Khmer Đỏ. Nhưng không phải vì thế mà họ hoan nghênh quân đội Việt Nam chiếm đóng nước họ. Hai việc khác nhau không thể nhập một, không thể lấy cái tốt nọ để che cái xấu kia.

Sự kiện Khmer Đỏ tấn công vùng biên giới Tây Nam hoàn toàn không phải là lý do để Việt Nam đưa quân sang chiếm đóng đất nước người khác (10). Không một người Việt Nam nào muốn đưa con em mình đi chết ở đó. Nhưng bất chấp dư luận, Duẩn - Thọ cứ xua quân sang. Làm gì nhau tốt? Rồi để quân lại đó, cũng làm gì nhau tốt? Đảm bảo cho hành động phiêu lưu quân sự này đã có Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt-Xô, thực chất là hiệp ước liên minh quân sự, ký ngày 3.11.1978. Ông chiếm Kampuchea đấy, thử đụng vào ông coi thử? Đàng sau ông là Liên Xô hùng mạnh với tiềm lực nguyên tử dồi dào, thằng nào muốn đụng đầu với Liên Xô cứ việc nhảy vào. Cũng giống như vụ Liên Xô chiếm đóng Afganistan, thế giới phản đối om xòm, nhưng chẳng ai dại gì thò tay vào ổ kiến lửa. Kể cả nước Mỹ.

Ai cũng thấy rằng sau những cuộc chiến tranh dai dẳng trên đất nước mình, các nhà lãnh đạo Việt Nam lẽ ra phải đủ tỉnh táo để chỉ làm một cuộc chiến tranh hạn chế khi Khmer Đỏ cả gan vượt biên giới, tàn sát người Việt. Cùng lắm, có thể truy kích chúng, với mục đích răn đe, rồi rút quân về. Có thể để lại trang bị, vũ khí giúp nhân dân Kampuchea chống lại bọn diệt chủng. Gia dĩ có thể đào tạo cán bộ giúp họ. Và chỉ thế mà thôi. Nhân dân Kampuchea sẽ ghi ơn các chiến sĩ Việt Nam. Thế giới sẽ hoan nghênh Việt Nam biết xả thân giúp đỡ hàng xóm láng giềng trong cơn hoạn nạn.

Cuộc chiến tranh không tuyên bố ở Kampuchea đã xảy ra. Nó là cuộc chiến tranh không tuyên bố vì Quốc Hội không được hỏi ý kiến về cuộc chiến tranh này. Không hề có một cuộc biểu quyết nào tại Quốc Hội về việc đưa quân đội ra ngoài biên giới. Nhà nước Việt Nam không hề tuyên chiến với nước Kampuchea. Quốc Hội là cơ quan quyền lực tối cao của quốc gia, nhưng nó chẳng có quyền gì cả. Quốc Hội do Đảng nặn ra, là tay sai của Đảng, hơn nữa còn là tay sai bị khinh rẻ, đến nỗi Đảng không cần dùng đến nó cho một việc hợp pháp hóa thông thường.

Thiếu tướng Hồ Quang Hóa, ủy viên Trung ương Đảng, người được Thọ đưa lên và cũng do Thọ mà trở thành vật hiến tế trong vụ Xiêm Rệp (Siam Reap) (11) nói rằng vụ này cũng như mọi việc lớn việc nhỏ khác ở Kampuchea, đều do Lê Đức Thọ chỉ đạo. Thái thú Lê Đức Thọ phế truất Tổng bí thư kiêm Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Pen Xô Van (12). Thái thú Lê Đức Thọ đưa cô y tá Quân khu 7 Miên Xam On vào Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Kampuchea. Cô gái dân tộc Kmer ở Việt Nam 26 tuổi lên chức vèo vèo: làm Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương, rồi ủy viên Bộ Chính trị. Cô lên nhanh như thế, theo các cán bộ Việt Nam có mặt tại Kampuchea hồi ấy, là nhờ thường xuyên ra vào ngôi biệt thự sau điện Chăm Ca Mon để được thái thú "dạy dỗ."

Cần phải làm rõ sự thật này một cách dứt khoát: cuộc chiến tranh ở Kampuchea là cuộc chiến tranh của Đảng cộng sản Việt Nam. Không phải là cuộc chiến tranh của nhân dân Việt Nam.

Liên minh Duẩn - Thọ đã biến một dân tộc hiền hòa thành quân xâm lược.

Cũng có thể cãi cho Lê Duẩn chút ít, rằng trong việc này ông ta không phải là đầu vụ. Còn đang say sưa với chiến thắng 1975 và những chương trình lớn, nhiều ảo tưởng hơn thực tế, Lê Duẩn hầu như mặc Thọ muốn làm gì thì làm. Ông ta cũng chẳng thiệt. Cuộc phiêu lưu Kampuchea do Thọ lo toan, xét cho cùng, vẫn cứ mang lại cho Lê Duẩn thêm một vinh quang. Mà vinh quang thì không bao giờ thừa.

Lê Duẩn không biết trong lòng Thọ đang nung nấu mưu đồ lớn. Nếu Thọ thành công trong việc dựng nên một chính phủ Kampuchea vâng lời Thọ thì Thọ sẽ có thêm một sức mạnh quyết định trong mưu toan nặn ra một Liên bang Đông Dương. Trong Liên bang này Thọ sẽ là đồng chí trên hết các đồng chí. Đến lúc đó Lê Duẩn sẽ chỉ là bí thư một nước thành viên mà thôi.

Đám đệ tử Lê Đức Thọ quá hí hửng về tiền đồ sáng lạn đã để lộ mưu đồ đó ra ngoài. Văn Cao có kể cho tôi nghe chuyện người của Thọ đã gặp

những nhạc sĩ nào để gợi ý họ viết quốc thiều cho Liên bang Đông Dương. Những nhạc sĩ nhận lời được Lê Đức Thọ mời cơm tại nhà. Ông Bùi Công Trừng có lần nói với tôi: "Thằng Thọ nhiều tham vọng lắm, cháu ơi. Quan sát kỹ động thái của nó cháu sẽ thấy: mọi việc nó làm đều dẫn tới một cái đích - hất Lê Duẩn. Mà không phải chỉ nhằm cái chức tổng bí thư đâu, cái đó chưa đủ cho lòng tham của nó. Nó còn muốn làm tổng bí thư Liên bang Đông Dương kìa". Như vậy, từ những nguồn tin khác mưu đồ của Thọ cũng đã tới tai Bùi Công Trừng. Ông không ưa Lê Duẩn, nhưng không vì thế mà ông ưa con chuột chũi đang đào hầm dưới ghế Duẩn.

Khi Lê Duẩn phát hiện được mưu toan của Thọ nhằm phế truất mình thì Lê Duẩn căm Thọ lắm lắm. Đến mức thẳng cánh đuổi Thọ ra khỏi nhà trong lần Thọ đến chia tay với tổng bí thư đang hấp hối. Người trong gia đình Lê Duẩn cho biết Duẩn gọi vỗ mặt Thọ là "thằng phản bội".

Cũng theo tướng Hóa, Lê Đức Thọ đã lẩn trốn trách nhiệm trước vụ Xiêm Rệp, cũng như nhiều vụ khác nữa, viện cớ bận họp, bận chữa bệnh.

- Anh hãy tìm cho tôi một kẻ dám chống lệnh ông Sáu vào thời gian ấy. - tướng Hồ Quang Hóa nói với tôi trong một bữa cơm ở Sài Gòn - Không ai được phép tự ý làm một việc gì nếu không có lệnh ông Sáu.

Cuộc phiêu lưu quân sự được tiến hành theo sáng kiến và sự chỉ đạo của Lê Đức Thọ đã làm cho khoảng 52.000 chiến sĩ chết trận, 200.000 chiến sĩ bị thương1. Chẳng những thế, nó còn làm cho dân tộc Việt Nam bị nhục nhã trước thế giới trong bộ mặt kẻ xâm lược, bị tẩy chay, bị trừng phạt.

Nước Việt Nam được gì, mất gì ở Kampuchea? Tại sao cho tới nay Đảng cộng sản Việt Nam không dám nói tới, không có can đảm nhận lỗi trước những người láng giềng đau khổ để xóa đi một trang sử nhơ nhớp? Thọ đã chết trước khi phải ra đứng trước vành móng ngựa một phiên tòa liên tịch hai nước, với tư cách tội phạm chiến tranh.

Người duy nhất đủ tư cách thay mặt Thọ hôm nay là Lê Đức Anh.

Chú thích:

1. Tên thật của Lê Đức Thọ.
2. Cả ở đây là lớn, to, đầy.
3. Bộ com-lê âu phục.
4. Chỉ cấp thấp nhất trong các ngành, ở địa phương chứ không phải ở Trung ương.
5. Bí mật, do hai chữ đầu b và m.
6. Màn bí mật che phủ cái chết của Đinh Đức Thiện chẳng có lợi gì cho nhà cầm quyền. Nhưng người ta đã bị nô lệ cho thói quen không công khai và cam chịu tác hại của nó.
7. Bí mật mà ai cũng biết.
8. Mười Vân xuất thân là một nông dân với học lực lớp 4, bắt đầu được thăng quan tiến chức từ khi làm đội trưởng đội Cải cách ruộng đất tại Hòa Bình.
9. Những người chạy trốn sự cai trị của cộng sản, di tản bằng thuyền, được thế giới gọi bằng cái tên "thuyền nhân" (boat people), đông tới một triệu rưỡi nhân mạng, là một vết nhơ không thể nào tẩy sạch trên mặt Đảng cộng sản Việt Nam. Phần lớn thuyền nhân đi từ miền Nam Việt Nam nhằm hướng Mã Lai, Indonesia, số ít đi từ Hải Phòng, vùng mỏ Quảng Ninh nhằm hướng Hongkong. Có thể hình dung những người chủ trương "phương án 2" đã thu được một số lượng vàng lớn đến thế nào. Mười Vân có tội đã nâng giá "mở cửa" từ hai ba cây vàng lên tới mười, mười hai cây vàng cho một đầu người ra đi, gây nên cơn tức giận có lý ở cấp trên của y. Cho nên y bị đưa ra làm vật hiến tế cũng đáng.
10. Theo những người lính từ chiến trường Kampuchea trở về kể lại thì thời gian đầu người dân Kampuchea rất vui mừng chào đón quân đội Việt Nam tiến sang tiêu diệt Khmer Đỏ để cứu sống họ. Nhưng việc quân đội Việt Nam ở lì đó năm này qua năm khác đã gây ra một hậu quả xấu xa, nó trở thành quân đội xâm lược, một thứ lính lê dương, và người Kampuchea đã chống lại nó, từ quân Khmer Đỏ cho tới cả quân của chính phủ bù nhìn Heng Xomrin.
11. Vụ phản tình báo đã đưa vào xiếc Bộ chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam. Sự việc như sau: căn cứ vào tin đồn do Khmer Đỏ, có sự chỉ đạo của các cố vấn Trung Quốc, tung ra thì hầu hết cán bộ lãnh đạo tỉnh Xiêm Rệp đều đã làm việc cho Khmer Đỏ. Bộ chỉ huy quân tình nguyện Việt Nam liền ra tay đàn áp, không cần hỏi ý kiến ban lãnh đạo Đảng bạn. Hơn bốn chục cán bộ của chính quyền Hun Xen bị bắt, bị tra tấn thành thương tật, Bí thư tỉnh ủy tỉnh Xiêm Rệp tự sát. Trong thời kỳ này Lê Đức Anh là Tư lệnh quân tình nguyện Việt Nam, Hồ Quang Hóa - tham mưu trưởng. Đứng trên tất cả là Lê Đức Thọ.
12. Trước khi làm Tổng bí thư Đảng cộng sản Kampuchea Pen Xô Van làm trưởng phòng quảng bá tiếng Khmer trong Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam.

* Một khách hàng vào hiệu ăn:
"Cho tôi một chai rượu vang."
"Thưa trắng hay đỏ ạ?"
"Tôi cóc cần trắng hay đỏ. Tôi mù."

* Một người ăn mặc sang trọng bước vào một drugstore:
"Ở đây các ông có thử nước tiểu phải không?"
"Vâng."
"Vậy thì hãy đi rửa tay thật kỹ và lấy cho tôi một cái *sandwich*.

TRẦN DẦN, MỘT MỐI TÌNH CHUNG THỦY CHO NGƯỜI YÊU VÀ CHO THƠ

NHẤT UYÊN

Nguyễn Sáng, *Chân dung Trần Dần* (Nhân Văn, số 1, 20.9.56)

Văn học sử Việt Nam thế kỷ 20 có một mối tình cao đẹp, là mối tình Trần Dần với người yêu mình, Trần Dần và Khuê yêu nhau, hy sinh tất cả cho tình yêu, tự do yêu đương, tự do sáng tác, mối tình đó là ngòi thuốc nổ cho vụ án văn học lớn nhất của thế kỷ: Vụ Án Nhân Văn Giai Phẩm.

Kể từ khi đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập, một quy luật bất thành văn bỗng xuất hiện. Đảng thay mặt cha mẹ, kết hôn cho các bộ đảng, một thứ "môn đăng hộ đối" mới được thiết lập: cán bộ đảng phải cưới con nhà "vô sản". Những đợt chỉnh huấn kiểu Mao Trạch Đông được phát động, mỗi cán bộ tự xưng tội, tự xỉ vả mình trước sự tra hỏi hàng trăm người về các mối tình hủ hóa, tư sản... và tự nguyện lột xác từ bỏ để xây dựng một hôn nhân mới.

Bùi Quang Đoài và các tác giả sinh viên Hà Nội trên tập san Đất Mới năm 1956-1957, Trần Mạnh Hảo trong tiểu thuyết Ly Thân, đã kể lại những gian truân các mối tình đó. Đây không còn là những trường hợp cá biệt, mà là những chuyện phổ biến trở thành một vấn đề xã hội: Tự do yêu đương cá nhân trước phong kiến mác-xít.

Trần Dần và người yêu đã vượt qua vùng cấm địa này, tự do yêu đương và tự do sáng tác đã làm ông lao đao, vất vả, khốn khó cả đời, từ thuở xếp bút nghiên lên đường tranh đấu cho đến ngày nhắm mắt.

Trần Dần bị đuổi khỏi đảng, bị giam cầm bao

lần, bị mất cả chức vụ, công việc vì yêu Khuê cô gái 18 tuổi mang phải cái tội "tổ tông" là con nhà tư sản, lại theo đạo Công giáo.

Còn Khuê nàng vì yêu Trần Dần nên đã không theo gia đình vào Nam, ở lại Hà Nội vì người yêu, nghe lời người yêu nàng đã hiến hết tất cả tài sản cha mẹ cho đảng, hai người ở một căn phòng chật hẹp phố Sinh Từ, nàng có thai, sinh Băng Kha, con gái đầu lòng trong lúc Trần Dần nằm trong tù.

Trần Dần và Vụ án Nhân Văn Giai Phẩm đã được nhà sử học Georges Boudarel Giáo sư Đại Học Paris bảy nghiên cứu nghiêm túc trong tác phẩm: "Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam. Communisme et Dissidence 1954-1956" Nhà xuất bản Jacques Bertoin Paris 1991 (Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam. Cộng Sản và ly khai 1954-1956.)

Thuở ấy Boudarel có mặt tại Hà Nội và quen biết hầu hết các nhân vật trong vụ án. Nguyên là một giáo sư Triết học được bổ sang dạy học tại Đông Dương, ông bênh vực cuộc chiến dành độc lập của người Việt Nam nên bỏ trường trốn vào bưng theo Việt Minh năm 1950. Gia nhập Đảng Lao Động Việt Nam từ năm 1951 đến 1964, ông lấy tên Việt là Đại Đồng. Sau Vụ Nhân Văn Giai Phẩm, bất đồng ý kiến với đảng CSVN, ông từ giã đảng và trở về Âu Châu, được Tổng Thống De Gaulle ân xá khỏi phải truy tố tử hình về tội cộng tác với kẻ thù trong thời chiến, ông trình luận án Tiến sĩ về Phan Bội Châu và trở nên một nhà nghiên cứu sử học uy tín về Việt Nam. Qua tác phẩm 'Trăm hoa đua nở trong đêm Việt Nam' ông đã nói lên những nhận định thẳng thắng của một trí thức cánh tả Pháp, bênh vực cho cuộc chiến dành độc lập của người Việt Nam đồng thời chống lại sự áp đặt chế độ toàn trị trên tự do sáng tác, tự do cá nhân...

Tôi gặp Trần Trọng Vũ con trai út Trần Dần qua những cuộc triển lãm tranh tại Paris, tôi có ý định viết về Trần Dần, và về những sáng tác tranh của Vũ từ lâu. Vũ hiền lành, dễ thương nhưng rất kín đáo, đôi mắt nhìn tôi như muốn nói: "Anh tha cho em, em muốn sống yên để vẽ, để làm việc giúp ba mẹ." Tôi hiểu, Vũ là một người con chí hiếu, Vũ đến Paris học hội họa sau khi tốt nghiệp Thủ Khoa Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Hà Nội. Được ra đi là bao sự khó khăn, kỳ công... Vũ là trái thị ước mơ, là hóa thân con chim hoàng oanh của nàng Tấm, của cuộc đời Trần Dần, của mẹ, cuộc đời tan tác vùi dập sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm.

Vũ vừa học, vừa vẽ tranh triển lãm, vẽ quảng cáo, làm việc cho một phòng tranh đường Notre Dame des Champs. Vũ dành dụm giúp ba mẹ, anh chị... Mới đây anh cùng bạn bè thành lập Nhà Nghệ Thuật Âu Á để triển lãm, sinh hoạt văn hóa, dạy hội họa, dạy các ngôn ngữ Đông phương. Trung Tâm do Vũ làm Giám Đốc, ở ngay tại trung tâm Paris 20 rue Greneta 75002 Paris. Vừa mới khai mạc xong Vũ đã lên đường về Hà Nội vì tin cha đau nặng. Qua bài viết của Nguyễn Khải về Gia đình Trần Dần trên báo Diễn Đàn Paris số 37 tháng giêng 1995 (2), Trần Dần bị bệnh bại não. "tôi nghĩ ông cụ không còn được bao lâu," có lẽ lần cuối cùng Vũ gặp cha.

Trần Dần: con đường khai phá thơ hiện đại và tự do sáng tác

Trần Dần sinh ngày 16 tháng 7 năm Bính Dần Âm lịch, tức ngày 23-9-1926, tại Nam Định, và mất ngày 17-1-1997 lúc 10 giờ 30 sáng tại Hà Nội thọ 71 tuổi,tang lễ được cử hành vào hồi 13 giờ ngày 19-1-1997 tại nghĩa trang thị xã Hà Đông, hàng ngàn người đã đến đưa ông đến nơi an nghỉ cuối cùng. Sinh trong một gia đình khá giả. Học Tiểu học, Cao Đẳng Tiểu học và đậu bằng Thành Chung tại Nam Định, rồi học tiếp Trung học tại Hà Nội, Đậu Tú Tài Pháp. Làm thơ từ trên ghế nhà trường, ông yêu thích thơ Baudelaire, Verlaine và phái Tượng Trưng.

Kết thân với Trương Tửu, Lương Đức Thiệp nhóm Hàn Thuyên năm 1943 mối liên hệ nặng về văn nghệ hơn là chính trị.

Cuối năm 1946 ông cùng Trần Mai Châu, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Địch, Vũ Hoàng Chương... lập ra nhóm thi sĩ tượng trưng xuất bản tạp chí *Dạ Đài* ngày 16-11-1946, Trần Dần viết tuyên ngôn phái Tượng Trưng, mục đích tờ báo nghĩ đến vấn đề cách tân thơ mới tìm hiểu thi pháp hiện đại Tây phương về hình tượng ngôn ngữ, nghiên cứu bảng tuyên ngôn siêu thực của Breton, về trường phái Dada của Trstan Tzara, ngoài phần thơ *Dạ Đài* còn có tiểu thuyết, truyện ngắn và bình luận... Số Hai chưa kịp ra mắt thì cuộc kháng chiến bùng nổ, Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương ở lại thành phố, và di cư vào Nam năm 1954.

Trần Dần chọn con đường đi theo kháng chiến, lúc đầu làm công tác tuyên truyền cùng với Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch ở Sơn La, năm 1948 khi thành lập Khu 14 ở Tây Bắc Trần Dần cùng Vũ Khiêu, Vũ Hoàng Địch lên Tây Bắc, sau một thời gian Khu 14 bị giải thể. Trần Dần tham gia quân đội nhận công tác địch vận của Trung đoàn Sơn La năm 1948, 49, 50, ông tham gia sáng lập nhóm Văn nghệ quân đội đầu tiên: Nhóm Sông Đà có Trần Thứ, Hoài Niệm... Các sáng tác đầu tiên được đăng trên bích báo. Trần Dần vẽ các bộ đội theo lối tập thể đã bị các Ủy viên Chính trị chê là khó hiểu. Thời kỳ này Trần Dần đã làm thơ bậc thang theo kiểu Maiakovsky.

Năm 1951 sau khi theo học các khóa Chính trị ông được về Trung Ương nhận công tác ở Cục Quân Huấn... Trần Dần được vào Ủy ban

Trung ương Hội Văn Nghệ Quân đội, ông phụ trách báo Quân Đội Nhân Dân tại Chiến Khu Việt Bắc. Sau khi tham gia các chiến dịch, ông tình nguyện tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với nhạc sĩ Đỗ Nhuận và họa sĩ Tô Ngọc Vân. Cái chết của Tô Ngọc Vân làm ông xúc động. Sau chiến dịch Điện Biên Phủ ông thức trắng hằng đêm để viết tiểu thuyết "Người người lớp lớp" hơn 300 trang và một tập thơ, đây là quyển tiểu thuyết đầu tiên được xuất bản sau ngày độc lập. Đơn vị ông được sự lãnh đạo trực tiếp của tướng Trần Độ. Sau khi Pháp đầu hàng tại Điện Biên Phủ, ông được gửi sang Trung Quốc để viết ngay truyện phim Điện Biên Phủ.

Đến Trung Quốc làm việc tại xưởng phim Quảng Tây, Vân Nam và Quảng Đông giữa lúc cuộc tranh luận đang diễn ra gay gắt trong giới trí thức mà Hồ Phong là một nhà phê bình danh tiếng, ảnh hưởng Hồ Phong sâu đậm nơi Trần Dần. Hồ Phong sanh năm 1903, bạn thân của Lỗ Tấn, chủ trương văn chương là một lãnh vực khai phóng tối đa, một môi trường sáng tác không thể bị kiềm hãm, trên căn bản tự do tư tưởng tuyệt đối. Điều kiện tiên quyết của tác phẩm là sự chân thành của nhà văn và giá trị nghệ thuật tùy theo tài năng của người nghệ sĩ. Trong những ngày Trần Dần đến Trung Quốc, Hồ Phong công bố bức thư ngỏ gửi Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng sản Trung Quốc phê phán năm lưỡi dao đâm vào óc các nhà văn cách mạng;

- Sự áp đặt hệ tư tưởng Cộng sản
- Nguồn cảm hứng duy nhất ở đời sống thợ thuyền và nông dân.
- Cuộc cải tạo và chỉnh huấn tư tưởng.
- Hình thức áp đặt bởi đảng
- Đề tài xác định bởi đảng.

Tháng 5-1955, sau phong trào Trăm Hoa đua nở Hồ Phong bị đuổi khỏi đảng, Hội Nhà Văn, Mao kết án Hồ Phong là phản cách mạng. Hồ Phong bị bắt học tập cải tạo sau khi Mao chết, mãi đến năm 1988 mới được phục hồi danh dự.

Tại Trung Quốc, Trần Dần bất đồng ý kiến với Ủy viên Chính Trị, nên bị về nước trước thời hạn hai tháng. Về nước Trần Dần cùng Lê Đạt, Hoàng Cầm, Tử Phác đệ trình dự án tự do sáng tác, yêu cầu Bộ Chính Trị hạn chế can thiệp vào lãnh vực Văn hóa văn nghệ. Ông phê bình tập thơ Việt Bắc của Tố Hữu... cho rằng Tố Hữu đã trở thành ông Thần Hoàng trong thi ca Việt Nam, phải đập vỡ tượng thần ấy để mở đường cho các thế hệ sau tiến lên. Trần Dần bị khai trừ khỏi đảng và bị giam theo quân kỷ trong ba tháng, 7, 8, 9-1955. Sau đó đi tham gia Cải cách ruộng đất, vắng mặt tại Hà Nội thì Hoàng Cầm cho đăng bài thơ *Nhất định thắng* trên báo *Giai Phẩm Mùa Xuân* tháng 1-1956. Báo mới ra bị tịch thu ngay. Trong một buổi họp cuối tháng 2-1956 từ bảy giờ tối đến một giờ sáng Trần Dần bị 150 người hỏi tội bị kết án là đồ đệ của Hồ Phong, và có mối tình yêu cô gái tư sản hủ hóa, mất lập trường giai cấp ngược lại đường lối đảng. Trần Dần bị giam tại Hỏa Lò trong ba tháng 2, 3, 3-1956, nhà thơ toan tự tử bằng dao cạo cứa cổ nhưng không chết.

Ngày từ số đầu báo Nhân Văn ngày 20-9-1956 do Phan Khôi làm chủ bút, Trần Duy làm Tổng Thư ký, Hoàng Cầm đã viết bài: "Tiến đến việc xét lại một vụ án văn học: Trần Dần." Bài viết đã gây một phản ứng sôi động, kèm theo bài viết là chân dung Trần Dần với vết sẹo cứa cổ tự tử trong tù do Nguyễn Sáng, một họa sĩ miền Nam tập kết vẽ. Báo Nhân Dân cơ quan Trung Ương đảng ngày 25-4-1958 đã giải thích vết sẹo: "Vì quen với cái lối dập đầu vu vạ của bọn khách nợ địa chủ, Trần Dần đã lấy một lưỡi dao cạo râu kéo da cổ ra cứa ngoài da rồi lu loa lên dọa tự tử."

Phong trào tiếp tục đến tháng 1-1958 thì bị dập tắt với sự đình bản của báo Văn số 36 ra ngày 10-1-1958.

Theo Dương Tường: "Trần Dần là một người khổng lồ, không dưới 30 tập thơ, ba tiểu thuyết, không kể những bản thảo bị mối mọt, hay thất lạc... Còn phải nhiều năm nữa, người ta mới đánh giá được kho tàng văn học do Trần Dần để lại." Theo người bạn thân Dương Thụ thì ông có bảy tiểu thuyết, chỉ có "Người người lớp lớp" được xuất bản với số lượng lớn năm 1955 các tiểu thuyết còn lại chưa xuất bản, ngoài 30 tập thơ ông còn nhiều di cảo chưa sắp xếp ông gọi là 'thơ bụi'.

Năm 1994, nhà Xuất bản Hội Nhà Văn phát hành hai tập thơ Bài thơ Việt Bắc và Cổng Tỉnh, sau 40 năm vắng bóng trên văn đàn.

Nguyễn Tạo trên báo Cửa Việt số 17 tháng 10-1992 trang 70-72 có ghi lại cuộc đối thoại

* "Chà, lâu quá mới gặp. Lúc này ra sao?"

"Mọi chuyện tốt, tao sắp lấy vợ. Nhưng có một điều khá kẹt, tao không có chỗ ở."

"Khó gì đâu! Mày cứ đến ở với ông già vợ của mày."

"Nhưng ổng lại đang ở với bà già vợ của ổng!"

* Một nhà báo hỏi một người mới thành triệu phú:
"Tiền bạc đã đem lại điều gì thích thú nhất cho ông?"
"Đó là vợ tôi thôi không nấu ăn nữa."

CŨNG MỘT CUỘC TÌNH

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Gặp bạn xưa
Hỏi nhà ở đâu
Nhà nào
Nhà mới dọn từ lâu
Xe này
Cũng là xe mới sắm
Vợ mới
Bạn tôi
Quả thật ngầu
Mười năm
Địa chỉ đổi
Năm lần
Vợ con
Xe cộ
Lũ tình nhân
Người đi
Kể ở
Xôn xao quá
Tiếc dùm nhau
Mối tình trẻ măng.

với 100 đồng nghiệp và độc giả tại Huế năm 1992 như sau:

"Tôi với anh Phùng Quán còn thân hơn anh em. Nhưng thơ anh Phùng Quán là thơ quảng trường. Cũng như anh Hoàng Cầm, anh Phùng Quán đọc thơ rất lôi hút người nghe. Tôi lại không thích thơ để đọc. Tôi nghi cái tai ngu hơn cái mắt. Trần Dần thì con mắt chạy vào trong, nhưng thơ thì mỗi người mỗi kiểu. Có kiểu bầy thơ, thơ triển lãm. Tôi làm thơ mini...

Có thể nhịn ăn hai ba ngày, nhưng không thể nhịn thơ. Thơ là thơ thì hết sức cần thiết. Thơ của chúng ta dừng ở "Tiền chiến" không được. Phải sáng tạo cái gì mới của chúng ta. Có người hỏi thơ mini có bắt chước váy mini không? Không, không có cái mốt gì sống cả...

Ca dao là lúa, cũng là thầy, với tôi Du, Hương, Khiêm, Quát hay Hàn Mạc Tử, Vũ Hoàng Chương là thầy. Nhưng học trò phải "chôn" thầy. Thơ nay hầu như vẫn đặt nghĩa. Tôi đặt thơ là chữ. Con chữ nó làm nghĩa. "Mai sau dù có bao giờ" là con chữ. "Chữ tài liền với chữ tai một vần" là đặt nghĩa.

Tôi muốn in ra sách, nhưng đấy là việc của nhà xuất bản. Còn tôi viết là viết cho người bằng vai. Dù cha chú mình thì vẫn vô hình. Phải vật nhau, đánh nhau để tạo ra độc giả. Tác giả qua tác phẩm tạo ra độc giả của mình. Tôi chưa kịp tạo ra độc giả thì đã bị chuyện rắc rối.

Thơ không phải là cái nghề. Tôi nằm như người bị chém và tôi gửi thơ lên như người phá vây, còn đầu hàng hay không thì cũng không biết. Nhưng khó có ai dàn hòa được với tôi, về quan niệm thơ. Tôi không làm văn vần.

Sáng tạo là tình yêu. Dù không nói về tình yêu, dù không làm về đề tài tình yêu, nhưng những con chữ "làm tình" trong thơ. Theo tôi, đổi mới là tạo nên sáng tạo. Phải để cho các thế hệ tự do sáng tạo. Nếu nói Trần-Dần-giá-trị, đấy phải là giá-trị-tự-do.

Người người lớp lớp là cái chữ chưa có trước đó. "Đây rồi," tôi đã bắt được nó. Sau chiến dịch là nghệ thuật chứ không phải là chống tiêu cực, làm kỷ. Nội dung của nó cũng là một sáng tạo, một giá trị. Sau thấy bộ đội làm thơ dùng chữ "người người lớp lớp," tôi khoái. Nhưng sau này nói cái gì về tập thể, người ta lại nói "người người lớp lớp', tôi lại ngán...

Nhân cách là nhân cách. Đấy là nhân cách sáng tạo. Tôi không muốn mỗi công dân là một Người thơ. Đầu tiên là làm người...

Nhà văn cũng như mọi người. Tin vào mọi người như thế nào, hãy tin vào nhà văn như thế ấy. Theo tôi có tin mà cũng có ngờ nữa..."
Những đoạn trên trả lời các câu hỏi khác nhau cả các văn nghệ sĩ ở Huế, đã tóm lược được tư tưởng Trần Dần về thi ca và sáng tạo.

Phong trào nhân văn giai phẩm

Nhân Văn Giai Phẩm, tên gộp lại hai tờ báo và tập san để chỉ một phong trào đòi tự do văn nghệ, tự do sáng tác tại Việt Nam năm 1956-58, xảy ra trong bối cảnh lịch sử sau Đại Hội XX của Đảng Cộng sản Liên Xô. Tổng Bí Thư Đảng Khrouchtchev tố cáo tội ác Staline tháng 2-1956. Staline bị hạ bệ và hiện nguyên hình một ác quỷ với các tội ác man rợ vượt hơn cả Hitler, đã giết hầu hết các Ủy Viên Trung Ương đảng thời Lénine, và hàng chục triệu người chết lạnh đói trong các goulag, sự việc làm hoang mang giới lãnh đạo Việt Nam. Sau vụ Cải Cách Ruộng Đất Đại Tướng Võ Nguyên Giáp thay mặt đảng nhận các sai lầm, và sửa sai.

Phong trào Nhân Văn Giai phẩm, đã được sự tham gia đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ thời bấy giờ như: Nguyễn Mạnh Tường, Trần Đức Thảo, Đào Duy Anh, Đặng Văn Ngữ, Trương Tửu, Phan Khôi, Nguyễn Hữu Đang, Trần Dần, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Trần Duy, Tử Phác, Lê Đạt, Hữu Loan, Nguyễn Bính, Trần Lê Văn, Thụy An, Hoàng Như Mai, Phùng Cung, Hoàng Tích Linh, Đặng Đình Hưng, Văn Cao, Nguyễn Sáng,

Đỗ Nhuận, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Tuân, Trúc Lâm, Sĩ Ngọc...

Diễn tiến vụ Nhân Văn Giai Phẩm ra sao? Bài viết của GS Đặng Thái Mai, một quan chức cao cấp lãnh đạo Hội Nhà Văn thể hiện bản cáo trạng của đảng.

"Một nhóm người trong đó có một số văn nghệ sĩ, tự xưng là Nhân Văn cấu kết với một vài tên tư sản phản động, đã lợi dụng sự tôn trọng tự do tư tưởng của chế độ ta để tiến hành những hoạt động phá hoại. Từ đầu năm 1956 đến cuối năm 1958, họ đã viết sách, ra báo, tụ tập những phần tử bất mãn, liên lạc với cả lũ Phòng Nhì ngày trước, lúc đầu còn lén lút, úp mở, dần dần ra mặt, có một hồi lồng lộn hẳn lên, mượn cớ phê bình lãnh đạo văn nghệ để bịa đặt những chuyện không đâu, nhằm chia rẽ văn nghệ sĩ với đảng, bôi nhọ hiện thực đời sống miền Bắc, cổ động đi Nam. Ra mặt phản cách mạng, công khai chống chế độ, theo gương bọn phản cách mạng bên Hung-ga-ri hồi cuối năm 1956...

Hiện tượng Nhân Văn trước hết là một phản ứng tất nhiên của giai cấp tư sản khi cuộc cách mạng nhân dân tiến vào giai đoạn xã hội chủ nghĩa. Một mặt nữa, nếu chúng ta đặt nó vào hoàn cảnh chính trị thế giới hồi đó thì chúng ta thấy rằng: tư tưởng xét lại, tư tưởng Tờ-rốt-kít trên thế giới vẫn không ngừng lợi dụng mọi cơ hội để tiến hành công tác phản cách mạng dưới sự cổ lệ, nuôi dưỡng súc sử của bọn đế quốc."

Tố Hữu trong quyển "Qua cuộc đấu tranh chống nhóm phá hoại Nhân Văn Giai phẩm trên mặt trận văn nghệ," nxb Văn hóa Hà Nội 1958 đã kết án: "Hành động của bọn Nhân Văn không phải là câu chuyện văn nghệ đơn thuần mà là cả một âm mưu chính trị."

Quan niệm Trần Dần về tự do sáng tác như thế nào? "Dự thảo đề nghị cho một chính sách văn hóa" được Trần Dần soạn thảo chung với một nhóm nhà văn quân đội: Tử Phác, Đỗ Nhuận, Hoàng Cầm, Hoàng Tích Linh gồm ba điểm:

1. Trả lại việc điều khiển văn học nghệ thuật cho văn nghệ sĩ.

2. Thành lập trong quân đội một chi hội văn nghệ trực thuộc Hội Liên Hiệp Văn Học Nghệ thuật, không cần sự điều khiển của Ủy Ban Tuyên Truyền và Chính Ủy Quân đội.

3. Bãi bỏ các qui tắc quân sự trong Hội Văn Nghệ Quân đội.

Trần Dần viết: "Trách nhiệm cao cả của nhà văn là tôn trọng chân lý và trung thành với chân lý. Đó là tiêu chuẩn cao cả để đánh giá nhà văn và tác phẩm. Tôn trọng chân lý là bổn phận là trách nhiệm, là căn bản, là phương pháp của nhà văn trong công việc của họ.

"Có thể nói ngày nay trong văn chương chúng ta có lắm điều giả tạo (có thể nói đạo đức giả) văn chương viết theo hình thức, mẫu mực sẵn có, đơn giản hóa và ấu trĩ. Các nhà văn đóng khung sẵn và bắt buộc sự thật phải đi vào khung ấy.

"Tôi lấy ví dụ chân dung một anh hùng chẳng hạn: ngùn ngụt lửa căm thù, xung phong vào bộ đội và khác biệt người thường bởi chiến công hiển hách. Đối với cấp trên luôn luôn vâng lệnh (không thể kể hết những dấu vết của óc phong kiến trong thái độ này) bất cứ mệnh lệnh nào cũng đều vâng lệnh và thi hành mệnh lệnh, không tự vấn, không phê phán. Với tất cả bạn bè người anh hùng luôn luôn giúp đỡ, phê bình, tất cả mọi người đều thương, đều hâm mộ. Với đảng, luôn luôn tỏ lòng biết ơn, với tất cả mọi người luôn luôn thân thiết giúp đỡ. Đó là một mẫu mực anh hùng không có một lỗi lầm (hay có một vài lỗi không quan trọng) Sự thật như thế nào? Có gì dính dáng với các anh hùng trong quần chúng? Có gì dính dáng với tính nhân bản? Và thẳng thắng mà nói: Mẫu người này có thực không?

"Các khuôn mẫu này được đúc ra hàng loạt cái nọ giống cái kia như một đống chậu thau tráng men sứ. Đó là điều mà người ta muốn áp dụng trong văn học nghệ thuật các phương thức sản xuất kỹ nghệ.

"Tại sao chúng ta khi viết về tình yêu thì chỉ là tình yêu hy sinh cho tổ quốc. Tại sao phải giới hạn các nhân vật mẫu mực qua các hình tượng thợ thuyền nông dân?

"Hiện thực xã hội cần khuyến khích trăm trường phái và nẩy nở về hình thức lẫn nội dung."

Bảng báo cáo này trở nên một quan điểm đối lập với lập trường chính thức của Tố Hữu nhân đại Hội Văn Nghệ sĩ tại Hà Nội ngày 14-1-1955.

Cuối năm 1954 Tố Hữu ra tập thơ Việt Bắc, Trần Dần viết bài phê bình trên tạp chí Quân Đội ông chế diễu "một tí ti hận thù, một tí ti tình yêu."

Bài thơ Việt Bắc, một trường ca Trần Dần viết trong chiến khu được xuất bản năm 1990

* Mỗi người có quyền khoác lác khi họ không thành công.

— Disreali

* Các nhà hùng biện không cô độc: họ vừa có điều họ nói và có cả điều mà thời đại của họ nghe họ.

* Thượng Đế cho con người gương mặt ngẩng lên, và khiến nó ngó lên trời.

— Ovide

* Baden Powel, ông tổ của Hướng Đạo, đã định nghĩa phong trào này là *trường dạy công dân bằng phương tiện của thiên nhiên.*

có những đoạn đã nói lên tâm sự của ông:

"Tôi chạy trốn
cảnh
tan hoang bàn tiệc.
Ngồi uống
trà khan
bên cửa sổ mở toang
Lá rơi
như
tiếng nấc thời gian
nấc ở
biên thùy năm cũ
Cái rét
làm đông
miếng tiết bầu trời!
Còn tội gì
đau hơn
là tội nhớ thương?
Hay là ngủ
như người lính trận
quật ngã tình riêng
như
quật ngã kẻ thù?
Nhưng
chính đôi-môi những-viên-đạn-đầy
đêm trừ tịch
càng kêu
càng đắng!"

Có những đoạn Trần Dần viết, như những tuyên ngôn của mình trước sáng tạo thi ca:

"Đi!
Dù biết
khổ đau còn là luật
của trái đất này
khi
có chuyển mình đi!
Hãy thù ghét
mọi ao tù
nơi thân ta rữa mục.
mọi thói quen
nếp nghĩ - mù lòa!
Hãy sống như
những con tàu
phải lòng
muôn hải lý,
mỗi ngày
bỏ
sau lưng
nghìn hải-cảng-mưa-buồn!"

Bài thơ Nhất Định Thắng ghi lại những ngày tháng đầu tiên khi hòa bình lập lại, ghi lại cuộc sống Trần Dần và Khuê, hai người ở phố Sinh Từ, nàng đi tìm việc:

"Tôi ở phố Sinh Từ
hai người
một gian nhà chật
rất yêu nhau
sau cuộc sống
không vui.
Tổ quốc hôm nay
tuy gọi
sống hòa bình
nhưng chỉ mới
là năm thứ nhất
chúng ta còn
muôn việc rối tinh
Chúng ta
ngày làm việc đêm thì lo đẫy giấc
Vợ con đau
thì rối ruột
thuốc men...
Gặp em trong mưa
em đi tìm việc
mỗi ngày đi
lại cúi đầu về
Anh ạ!
họ vẫn bảo chờ
Tôi không gặn hỏi
nói gì ư?
Trời mưa
trời mưa
Ba tháng rồi
em đợi
sống bằng tương lai
Ngày và đêm
như lũ trẻ mồ côi
lũ lượt
dắt nhau đi
buồn bã.
Em đi trong mưa
cúi đầu
nghiêng vai
người con gái
mới mười chín tuổi
khổ thân em
nắng mưa
đi về lủi thủi
bóng chảy
đè lên
số phận từng người
Em cúi đầu đi
mưa rơi
những ngày ấy
bao nhiêu
thương xót
Tôi bước đi
không thấy phố
không thấy nhà
chỉ thấy mưa sa
trên màu cờ đỏ...

Trần Dần và gia đình trong vụ án Nhân Văn Giai Phẩm

Sau vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, sau thời gian học tập, cải tạo, ông trở về Hà Nội sống lây lất với nghề dịch sách từ Pháp văn sang Việt văn và ký tên với nhiều bút hiệu khác. Nhà văn Nguyễn Khải trong truyện "Người vợ" đã kể chuyện gia đình Trần Dần như sau:

"Khi chồng mất việc, chị Khuê lập tức xin đi dạy mẫu giáo ngay, do ban đại diện khu phố bảo lãnh. Rồi làm Hiệu Phó, rồi dạy cấp I. Được mấy năm chị phải nghỉ vì một bên phổi nám đen, chị bán hết phiếu vải một năm được 600 đồng, mua dép nhựa bày trên mẹt cấp đi bán. Mới ra hàng còn ngú ngớ, ngày nào cũng bị bắt phạt, ngồi tại chỗ xin xỏ cũng bị phạt. Có người bắt phạt, lại có người che chở. Có một anh công an trẻ thỉnh thoảng đạp xe qua, lúc thì bảo: 'Cô giáo cứ ngồi bán không phải chạy.' Có lúc anh kêu từ xa: 'Cô giáo chạy đi họ đến đấy.' Nước mắt dài nước mắt ngắn, mếu máo suốt ngày. Về đến nhà vẫn phải tươi tỉnh, vẫn phải nói với các con: 'Hôm nay mẹ bán được.' Dẫu thiếu cơm, nhưng mỗi bữa vẫn phải để dành lại một bát để bữa sau ghế. Cơm nguội ghế một bát nở ra thành mấy bát. Những mẹo vặt của người nội trợ một gia đình luôn luôn đói. Thừa cần gạo nào lại bán đi mua mắm, muối, rau và mỡ rán. Bữa nào có cá và đậu kho mặn là bữa ăn sang. Ba đứa con đi học, suốt năm chỉ mặc có một bộ quần áo. Học về là cởi ra ngay để mặc quần áo rách làm việc nhà. Quần áo của chị cũng không còn được mấy cái lành vì phiếu vải đã bán lấy tiền đong gạo rồi. Chị sống lầm lũi, nhẫn nại với một niềm tin dai dẳng: "Sông có khúc, người có lúc, không ai sướng được mãi, cũng không ai phải khổ mãi."

Ông bà Trần Dần sinh được ba người con: Băng Kha, Trọng Văn và Trọng Vũ.

Băng Kha, con gái đầu lòng, sanh lúc Trần Dần còn bị giam trong tù, cô đỡ đặt tên và khai sinh hộ. Băng Kha ba lần thi học sinh giỏi toàn miền Bắc nhưng lần nào thi vào Đại học cũng "Bị thiếu nửa điểm" bị loại vì lý do lý lịch.

Trọng Văn, học hết lớp Trung cấp giấy ảnh Bình Minh lẽ ra được gửi đi Đức để học tiếp nghề ảnh nhưng vì bố như thế nên phải ở lại.

Nguyễn Khải ghi lời kể:

"Mấy chục năm qua với chị có bao nhiêu chuyện hãi hùng, nhưng chị sợ nhất, bây giờ nghĩ lại vẫn còn sợ là vào một buổi tối, thằng con trai lớn của chị đang học lớp trung cấp giấy ảnh Bình Minh, đột ngột chạy về, mặt mũi lợt lạt, kéo mẹ ra một góc vắng, hỏi như khóc: "mẹ, bố làm phản động hả me?" Chị lạnh hết cả người, tay chân bỗng dưng run lẩy bẩy nhưng chị cố trấn tĩnh hỏi lại: "Ai bảo với con thế?" - Thầy Hiệu Trưởng". Chị nắm lấy hai bàn tay con giảng giải điềm đạm, rằng bố nó vẫn là người của cách mạng, chỉ bị kỷ luật thôi. Bị kỷ luật từ năm nó chưa đẻ kia. Đã lâu lắm rồi. Nó lại hỏi vì sao bố không đi làm như mọi người. -"À, bố đã yếu lắm rồi nên nhận việc về nhà làm, con không thấy bố vẫn dịch sách đó sao?" Chuyện hiển nhiên, nếu bố là phản động, làm sao cả ba con đều được đi học phải không nào? Rồi chị thề với nó chị không hề nói dối nó, lớn lên rồi nó sẽ biết hết. Bố nó vẫn xứng đáng với các con, với gia đình. Còn nó phải cố học cho thật giỏi. Nhà nghèo phải học giỏi mới thoát cảnh nghèo."

"Trần Trọng Vũ là con út, "có khiếu vẽ từ nhỏ, mười ba tuổi xin vào trường Trung cấp Mỹ thuật, học năm năm. Nhưng nó phải khai thêm hai tuổi, tăng thêm chiều cao và thêm cả cân. Mười lăm tuổi mà nhỏ quá, gầy quá, như đứa trẻ lên mười. Vũ học năm năm Trung cấp, tốt nghiệp thủ khoa, đã có tranh triển lãm được huy chương đồng. Thi tiếp vào Đại Học Mỹ Thuật, lại học thêm năm năm. Lúc ra trường cũng đỗ đầu. Bài luận văn của Vũ về Chagall rất xuất sắc. Ban giám khảo ngờ rằng nó được bố gà vì nó đâu đọc được sách Pháp viết về Chagall. Lúc ấy Vũ mới thưa, là nó nói, đọc và viết được tiếng Pháp. Nó học tiếng Pháp đã trên mười năm, thầy dạy là ông Nguyễn Mạnh Tường. Dạy không công vì quý mến một đứa trẻ có chí và có tài chứ tiền ăn còn chả đủ lấy tiền đâu ra học ông Tường. Lúc ấy nhà trường đang giảm biên chế nhưng vẫn giữ Vũ làm trợ giáo."

Nhân một tổ chức từ thiện Pháp cho Trường Đại học Mỹ thuật một học bổng tại Pháp. Hiệu Trưởng dành luôn học bổng đó cho Vũ rồi mới báo lên Bộ. Trước đó học bổng các nước tư bản tặng Việt Nam, các Bộ thường lấy làm phần thưởng cho các cán bộ có công sắp về hưu. Sau nhiều năm dài, các cơ quan kiểm điểm thấy học bổng chẳng có lợi gì cho Việt Nam vì các cán bộ dùng thời gian học để buôn bán kiếm tiền hưu trí cuối đời, khi học về là nghỉ hưu. Vì thế các cơ quan cho học bổng đặt điều kiện và đích thân chọn lựa người đi học là các sinh viên ưu tú các trường, nếu các Bộ liên hệ không chấp nhận thì học bổng sẽ bãi bỏ, nhờ thế học bổng các năm về sau này mới đến tay các sinh viên

* Sau ngày André Gide chết, Paul Claudel nhận được điện tín sau đây:
"Không có Thượng Đế! Bạn có thể thoải mái... Báo cho Mauriac biết! André, bạn cũ của bạn."

* Thế nào là một thi sĩ? Đó là một người mệt nhoài vào buổi tối, vì suốt buổi sáng lay hoay xóa một dấu phẩy trong bài thơ, và buổi chiều lo đặt lại dấu phẩy ấy...

ưu tú như Vũ.

Chuyện đi Pháp của Vũ cũng có bao nhiêu rắc rối, bốn giờ sáng hôm sau lên máy bay, bảy giờ tối hôm trước lại có tin chưa đi được. Bà mẹ lại chạy, đến khắp những nơi phải đến để van vỉ cầu xin, một tháng sau Vũ mới đi được.

Từ khi Vũ học Cao Đẳng Mỹ Thuật Paris, Vũ triển lãm tranh và vẽ thêm quảng cáo... gửi tiền về mua thuốc cho bố, gia đình dư đủ, mọi sự cởi mở dễ dãi thì Trần Dần không còn viết được nữa. Ông bị bệnh xuất huyết não, lần thứ nhất năm 1983 được chữa khỏi ông tập đi đứng lại được, năm 1992 ông cùng Phùng Quán, Dương Thụ đi một chuyến vào Nam thăm bè bạn văn nghệ sĩ, ba năm cuối đời ông bị bệnh nặng, liệt nửa người. Ông không còn viết được nữa.

Nguyễn Khải kể:

"Tôi đến thăm anh chị Trần Dần vào một buổi sáng. Tôi gõ cửa phải đợi đến mươi phút mới thấy chị Khuê, vợ anh Dần ra mở. Hình như chị vừa lau rửa cho anh, thấy ông một tay ôm quần, cúi lom khom bước ra chỗ ngồi quen thuộc... Cách nhau năm, sáu năm cũng là một thời gian dài với người đã lớn tuổi, râu tóc xù lên trắng như bông, thoạt nhìn không nhận được ra nhưng đôi mắt thì vẫn như cũ, con mắt hiếp đáp thiên hạ.

"Chị Khuê đứng cạnh chồng, trỏ tay vào tôi nói rất to, chả lẽ ông này cũng đã nặng tai: 'Ông còn nhớ ông này là ai không?'

"Chán mớ đời, đến thăm ông anh nhưng ông ta lại không nhận ra mình, buồn quá. Đúng là không nhận ra thật. Con mắt nhìn tôi một thoáng, không biểu lộ ngạc nhiên hay vui mừng, con mắt vô hồn: 'Ờ, ờ.' Vợ anh lại hét lên: 'Ờ, ờ cái gì, là ai thì ông nói đi!'

"Lại liếc nhìn tôi một lần nữa rồi anh lê người ngồi vào ghế, đầu vẫn cúi, loay hoay cầm cái điếu cày. Tôi đưa bao thuốc mời anh, anh hút một điếu, cũng chả nói chả rằng, vừa hút thuốc vừa cúi mặt đọc một tờ tạp chí gì đó. Đã lâu rồi tôi có hỏi Lê Đạt: 'Dạo này ông Trần Dần có viết gì không?' Lê Đạt cười: 'Viết cái con khỉ, có còn biết mình là ai mà viết.'

"Suốt buổi anh vừa hút thuốc, vừa đọc báo, coi như không có tôi, coi như không có cả chính mình."

Trần Dần đã mất, kho tàng văn học ông để lại hầu như còn nguyên vẹn phần lớn chưa xuất bản, chưa đánh giá hết được sự nghiệp văn học của ông. Mọi người hầu chỉ biết ông qua mấy câu: "mưa sa trên mầu cờ đỏ," chỉ mấy câu thôi mà hao tổn bao giấy mực, bao hội nghị chỉnh huấn, cải tạo. Và cuộc đời Trần Dần cùng vợ con điêu linh vất vả. Trong những điều kiện vật chất khốn khó, "tâm hồn ông vẫn thẳng như ngọn trúc, để tạo hóa thổi qua khúc nhạc tuyệt vời" (thơ Tagore) ông vẫn làm thơ, vẫn viết, dù là thơ bụi, để hoài lâu ngày bụi bám trên giá sách vẫn chưa được xuất bản. Ông vẫn âm thầm kiên trì làm thơ, sáng tạo ngôn ngữ cách tân thơ mới. Những chữ, những vần thơ ông sẽ còn là đề tài cho bao nhà phê bình, nghiên cứu văn học...

QUÊ NHÀ

TRẦN CÔNG NGHỊ

Ta như em Thúy Kiều
Mười lăm năm trở lại
Quê nhà thật hiu hiu
Xóm giềng chừng ái ngại

*

Chiều trên dòng Vu Gia
Mảng mây trôi lơ lửng
Có phải là quê nhà
Cho mở lòng thật rộng

*

Còn nơi nào để đi
Còn nơi nào để tới
Tóc bạc chim thiên di
Bạn bè không còn đợi

*

Mười lăm năm trở lại
Mắt mờ lòng rưng rưng
Núi mờ không còn biếc
Quê nhà vẫn hoài mong

12.1996

Nhìn lại lịch sử văn học Việt Nam, từ cái cái học Tống nho từ thế kỷ 16, đến cái văn học dưới chế độ Mác-Lê cận đại. Cái học huấn hổ chấp từng chữ từng câu, cái quan niệm 'văn dĩ tải đạo', đến 'văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa' đã làm mòn lụt tinh thần sáng tạo. Từ vụ án Nguyễn Văn Huyên với câu thơ 'giúp nhau thay đổi hội cơ này' mà cha là Quan Đại thần Nguyễn Văn Thành cũng mang họa, đến Cao Bá Quát, đến Trần Dần ngày nay, những người chỉ đạo văn học Việt Nam đã mất đi cái tinh thần bao dung, phá chấp của thời đại Lý Trần.

Thời Trần, Trương Hán Siêu làm phú công kích đạo Phật giữa lúc Phật giáo hưng thịnh là quốc giáo. Vua Trần Nhân Tôn chỉ mỉm cười và phong cho Trương làm Giám Tự chùa Quỳnh Lâm, ngôi chùa lớn nhất nước để Trương có thì giờ nghiên cứu Phật học và sau này ông đã viết và 'mới biết ngày xưa lầm lẫn.'

Thiền sư Quảng Nghiêm (1121-1190) viết câu

Nam nhi tự hữu xung thiên chí
Hưu hướng Như Lai hành xứ hành"
Thanh niên tự nó có cái chí hướng tung thẳng trời xanh.
Há có phải đi theo con đường mòn của Đức Phật.

Thế mà mọi người đều kính phục là bậc thiền sư đạt đạo.

Các bức thư hàng giặc của quan lại, tôn thất nhà Trần chất cả tráp Vua Trần Nhân Tôn cũng sai đốt đi, không thèm đọc. Thế mới thấy cái khoan dung độ lượng của người xưa thấm nhuần tinh thần từ bi, bao dung đạo Phật, nhờ thế mới đoàn kết được lòng dân 'tướng sĩ như cha con, vua dân như ruột thịt' ba lần đánh bại quân Mông Cổ, xây dựng sự nghiệp vẻ vang cho đất nước.

Cái tài năng và tiết tháo của Trần Dần thật đáng kính phục. Giữa thời đại công an văn hóa kiểm duyệt từng câu, soi mói từng chữ, người sống sợ sệt, kẻ hùa theo đánh hôi, người biết bánh vẽ vẫn làm bộ ăn, phân nửa điều mình muốn viết đã tự kiểm duyệt, Trần Dần vẫn giữa cái tiết tháo của Chu Văn An, Phan Đình Phùng, Phan Khôi... Vẫn tiếp tục sáng tạo như ăn và thở dù suốt 40 năm phải im hơi lặng tiếng.

Ngày nay thời đại "đổi mới," "chỉ thấy đô la trên màu cờ đỏ", tác phẩm Trần Dần nếu được xuất bản được dịch ra các thứ tiếng, hẳn sẽ mang lại nhiều 'đô la,' mọi người sẽ đua nhau tìm đọc tác phẩm của "một ông thánh đã một đời tử vì đạo tự do sáng tác và tự do hôn nhân." Văn học sử đã dành cho Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương những người bạn thiếu thời, cùng thi phái Tượng Trưng một địa vị xứng đáng, những đỉnh cao của thi ca Việt Nam thế kỷ 20 nối tiếp Tản Đà, Huy Cận, Xuân Diệu, Hàn Mạc Tử. Thơ Trần Dần là một đỉnh cao đó.

Tài liệu tham khảo:

- Georges Boudarel. *Cent fleurs écloses dans la nuit du Vietnam.* Eds Jacques Bertoin. Paris 1991.
- Đặng Thái Mai. *Trên đường học tập và nghiên cứu* tập II. Nxb Văn Học Hà Nội 1970 tr 32.
- Phạm Trọng Chánh. *Triết gia Trần Đức Thảo và vụ án Nhân Văn Giai Phẩm.* Trăm Con, Canada số 13 tháng 8-1993.
- Nguyễn Khải. *Người vợ.* Diễn đàn Paris số 37, tháng 1-1995.
- Nguyễn Tạo. Cửa Việt số 17 tháng 10-1992.
- Thụy Khuê. *Trần Dần 1926-1997.* Thông Luận 101 tháng 2-97.
- Đặng Tiến. *Vĩnh biệt Trần Dần* Diễn đàn Paris số 60 tháng 2-1997.

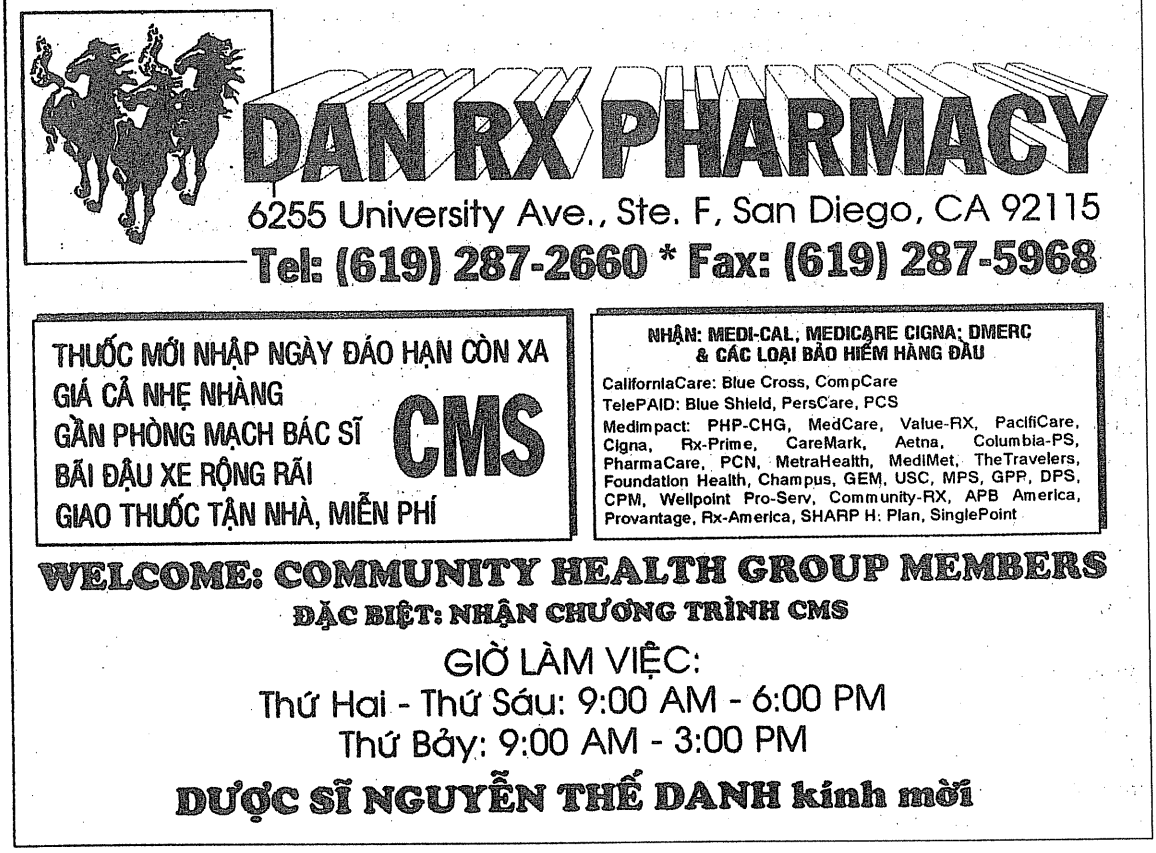

CHUYỆN MỘT NGƯỜI

Gửi Anh Chị D.Q.S.

VÕ ĐÌNH

Tháng tư 1997, hai mươi hai năm từ ngày miền Nam Việt Nam thay ngôi đổi chủ. Người dân gốc Việt từng sinh sống nhiều năm ở nước ngoài không còn những hoang mang e ngại buổi ban đầu khi chân ướt chân ráo mới tới xứ sở định cư. Những thao thức bây giờ có tính cách rộng lớn hơn, nhắm tới những gì ngoài chuyện áo cơm cho bản thân và gia đình.

Một trong những vấn đề được bàn đến nhiều nhất hiện nay là sự đóng góp của người Việt hải ngoại cho quê cha đất tổ. Đi đôi với vấn đề này, như mặt trái của một chiếc áo, là một vấn đề khác: người Việt hải ngoại đóng góp được gì cho đất nước đã dung dưỡng họ trong bao nhiêu năm tháng qua. Sự đóng góp không nhất thiết khi nào cũng phải là cái gì có thể tính toán được, như tiền bạc, của cải. Hay có thể đo lường được, như kỹ thuật, sức lực, tài năng. Sự đóng góp có thể là một cách nhìn, một tấm lòng. Một cách sống, một niềm cảm thông.

Tôi xin kể chuyện một người, tuy không tạo tác nên gì đồ sộ, nhưng trong cách sống khiêm tốn của riêng mình đã đóng góp đáng kể.

Người đó là bạn tôi, tên T.B., người Việt gốc Bắc. Anh mất ở Paris đúng 21 năm trước đây. Nếu còn sống, bây giờ anh cũng đã trên bảy mươi. Anh chết, để lại nhiều thứ. Phần tôi, được một số sách, nhiều nhất là về mỹ thuật. Những sách đó, đến mấy trăm cuốn, tôi mua gỗ đóng thêm kệ, đặt lên, rồi thỉnh thoảng giở ra xem vài cuốn. Trong hơn hai thập niên, tôi cứ tưởng tôi biết rõ anh đã để lại cho tôi những gì. Tôi lầm.

Mấy tháng trước đây, dọn nhà, cho sách vào thùng, tôi tình cờ tóm được một cuốn là lạ, thấy có ghi tên bạn tôi, dưới tên đề New York City, 1955. Nhìn sách cũ, nhớ bạn xưa, bùi ngùi mãi. Nhưng xúc động của riêng tôi không đáng kể bằng cái câu đề tặng trong sách. Câu tiếng Anh, nghĩa là: *Tặng T.B. thân mến, người học trò xuất sắc. George Grosz, ASL, New York, 4/1955.*

T.B. cả đời yêu chuộng văn học nghệ thuật, đặc biệt say mê hội họa. Nhưng số phận oái oăm, vì gia cảnh, vì mưu sinh, anh lao đao suốt đời, không bao giờ được cầm cọ thường xuyên, đến chết vẫn chưa trở nên một họa sĩ thực thụ như hằng ao ước. Thì ra, nhiều năm trước khi tôi đặt chân lên đất nước này, bạn tôi đã đến đấy rồi và đã lần mò đến thành phố lớn nhất nước, ghi tên theo học vẽ ở ASL, *Art Students League.*

ASL không phải là một "liên minh sinh viên mỹ thuật" như tên gọi. Đó là một trường tư dạy hội họa, thủ ấn họa, điêu khắc có uy tín nhất, khắp Hoa Kỳ, khắp thế giới. Thì ra thầy dạy vẽ của bạn tôi, hơn 40 năm trước đây, là nhà danh họa George Grosz (G.G.). Grosz không ở trong số những họa sĩ tôi yêu thích nhất. Sự yêu thích, dĩ nhiên, có tính cách chủ quan, tôi vẫn thừa biết rằng tác phẩm của G.G. có giá trị cao, và địa vị của ông trong giới hội họa hiện đại là ở hàng đầu.

Khi T.B. còn sống, chúng tôi chuyện trò với nhau biết bao lần vậy mà không bao giờ anh cho biết anh đã từng học với G.G. Vì sao? Phải chăng vì tâm sự anh có điều buồn: loay hoay cày cục suốt đời mà không dấn thân vào nghiệp cầm cọ được. Rất có thể vì anh kín đáo: khai ra mình là môn đệ của G.G., chẳng khác nào tự bốc thơm! Bạn chết đã hơn 20 năm, tôi mới biết sự thật này.

Trong cuốn sách cũ, còn có cái ảnh đen trắng lớn: chính thị danh họa G.G., miệng ngậm ống vố, mình mặc áo *tweeds* (len Tô-cách-lan, sợi thô, đẹp) Quây quần bên ông là đám đệ tử, nam có, nữ có. T.B., bạn tôi, mặt non choẹt, đứng cạnh một đồng môn to lớn, râu ria xồm xoàm. Ở góc phòng, cô người mẫu khỏa thân, ngồi trên cái ghế đẩu, quay lưng lại mọi người, phô bày mặt hậu của một... "tòa thiên nhiên" nguy nga, lồ lộ.

Mấy tháng trước đây, tôi tình cờ khám phá ra cuốn sách G.G. tặng cho bạn tôi. Mới hôm kia, đọc báo, lại thấy tên vị danh họa. Bài báo nói về cuộc triển lãm đồ sộ hiện đang diễn ra tại Los Angeles County Museum of Art, mang tên là *Exiles and Emigrés: The Flight of European Artists From Hitler* (Lưu Vong và Di Dân: Nghệ sĩ Âu Châu Lánh Nạn Hitler). Phải chi đang ở Nam Cali (tôi hiện ngụ tại một nơi cách xa năm ngàn cây số) tôi sẽ đi xem cuộc triển lãm này. Chẳng những cho chính mình mà còn xem dùm cho bạn tôi. Trước, vì đó là một cuộc triển lãm quan trọng, nên đến xem. Sau, vì trong số một trăm ba mươi tác phẩm được trưng bày, có tranh của chính George Grosz.

*

Chúng ta biết rằng Hoa Kỳ là một nước tạp chủng, đa văn hóa, là nơi các di dân đã có những đóng góp cực kỳ quan trọng trong nhiều lãnh vực. Sự đóng góp ấy liên tục, có lúc rầm rộ huy hoàng, có lúc âm thầm, tăm tối. Đóng góp với trí óc, tài ba, cũng như với mồ hôi nước mắt. Đóng góp cho những kỳ quan đồ sộ cả thế giới biết đến, cũng như những công việc hạ tiện, nhọc nhằn. Đóng góp trong nhiều cảnh huống khác nhau, trong hân hoan, trong tủi nhục, trong nể trọng, trong khinh khi. Bất kể hoàn cảnh và giai đoạn, những đóng góp đó đã làm cho nước Hiệp chủng quốc này càng thêm phong phú và phồn thịnh. Riêng về văn nghệ, lịch sử đã ưu đãi đất nước này một cách lạ lùng.

Cho đến đầu thế kỷ XX, tuy đã được cả thế giới coi như một cường quốc, Hoa Kỳ vẫn còn mang tâm trạng của một "trưởng giả học làm sang!" Trong các lãnh vực kỹ nghệ, nông nghiệp, sản xuất, chẳng những Hoa Kỳ tự lực tự cường mà còn đóng vai ông phú hộ. Nhưng khi bước qua môi trường văn học nghệ thuật, Hoa Kỳ không khỏi cảm thấy mình đang còn non trẻ quá. Cái thế của Hoa Kỳ đầu thế kỷ là của một anh khổng lồ, thay vì hiên ngang đứng một mình, lại cứ kiễng chân nhìn vói sang Âu Châu.

Ở bên này bờ Đại tây dương thì như vậy, còn khi tiếp xúc với Âu Châu thì Hoa Kỳ thật chẳng khác gì một người trẻ miền Viễn Tây vụng về ngơ ngác trong một buổi tiếp đãi sang trọng ở "Cựu Thế Giới." Khách khứa đều ăn mặc hợp thời trang, dáng dấp nói năng đều có cung cách điệu nghệ, vừa lịch lãm vừa tinh quái. Người trẻ Viễn Tây cấn cái trong bộ áo quần cắt may thô lậu, hoàn toàn *démodé,* mà vải vóc lại quá bảnh bao.

May thay, lịch sử đã kéo Hoa Kỳ ra khỏi cái thế khó xử đó. Đối với con người bình thường, lịch sử thường tỏ ra phi lý. Thật ra, lịch sử có cái lý của lịch sử. Lịch sử đã sử dụng một người để chi phối hoàn cảnh một nước phú cường nhưng thật sự chưa có một nền nghệ thuật, đặc biệt là bộ môn nghệ thuật bằng hình sắc (Visual arts) với tầm vóc quốc tế. Người đó, oái oăm thay, là tên bạo chúa hung tàn bậc nhất cổ kim: Adolf Hitler....

Năm 1933, Hitler đoạt chính quyền ở Đức. Một chiến dịch tinh vi và hung bạo được mở ra nhằm hạ những hiện tượng, phong trào, ảnh hưởng bị coi là đối lập với tinh thần Quốc Xã: nghệ thuật cấp tiến, dân gốc Do Thái, Cộng sản Bôn-sê-vít. Năm 1937, một cuộc triển lãm gọi là "Nghệ thuật Thoái hóa" *(Degenerate Art)* được mở ra ở Bá Linh với chủ đích nêu danh, điểm mặt những ai đã phạm cái tội tày đình "bôi bẩn" khuôn mặt tinh thần và văn nghệ của tổ quốc ngàn đời quí yêu. May thay, những "tội phạm" này đã cao chạy xa bay!

Chính sách tàn bạo (diệt chủng, triệt hạ văn học nghệ thuật tiến bộ) của đảng Quốc Xã đã tống khứ một số thật lớn nhân tài của Đức Quốc ra khỏi đất nước. Chẳng hạn, họa sĩ Max Beckmann thoát qua Hòa Lan. Nhà văn Thomas Mann chạy xuống Thụy Sĩ. Nhưng rồi không lâu sau đó xe tăng Quốc Xã rầm rộ nghiến nát một số biên giới Âu Châu. Gót giày sắt quân đội Hitler vang vang lên cả nền đá lót đại lộ Champs-Elysées giữa lòng Paris. Các nghệ sĩ lại một phen hãi hùng vượt Đại Tây Dương qua Hoa Kỳ. Ở đó, họ gặp được nhiều cao thủ trong thiên hạ đã tới trước rồi, hay lục tục đến sau.

Chắc hẳn Hitler không biết câu nói của Khổng Tử: ***Đừng nói rằng người nước Sở mất cung thì người nước Sở lượm được. Hãy biết rằng người này mất cung thì người khác lượm được, thiên hạ có thiệt thòi gì đâu!*** Hoa Kỳ "lượm" được nhiều cây cung tuyệt hảo. Như nhà vật lý học thượng thừa Albert Einstein, có mặt ở Hoa Kỳ trong một chuyến thăm viếng, nghe tin Hitler lên nắm quyền đã quyết định không quay về Đức nữa. Như những kiến trúc sư bậc thầy, Walter Gropius (tổ sư của nhóm Bauhaus), Mies Van der Rohe. Những nhạc sĩ như Otto Klemperer. Đồng nghiệp trẻ tuổi của Mann như người Do Thái Ba Lan, Isaac Bashevis Singer. Những đạo diễn điện ảnh cỡ Otto Preminger, Fritz Lang, Billy Wilder. Những diễn viên sáng chói như Marlene Dietrich, như Eric Von Stroheim. Những thi sĩ như người thơ St. John Perse. Những họa sĩ cự phách như Joseph Albers (Đức), Max Ernst (Đức), Marc Chagall (Pháp), André Masson (Pháp), Fernand Léger (Pháp). Như George Grosz (Đức). Vâng, như G.G., ông thầy cũ của bạn tôi.

G.G. thoát khỏi Đức quốc năm Hitler lên nắm chính quyền, 1933, T.B. theo học hội họa với ông ở ASL năm 1955. Như vậy, khi thầy trò gặp

nhau, nhà họa sĩ Đức quốc cao niên lánh nạn độc tài, vượt đại dương qua tìm đất dung thân ở miền Đông Hoa Kỳ gặp chàng trẻ người Việt hoàn cảnh đẩy đưa từ Hà Nội sang Đông Kinh, qua Paris, tấp tới New York, G.G. đã cư ngụ ở Hoa Kỳ 22 năm. Đó cũng là khoảng thời gian từ ngày miền Nam Việt Nam thay ngôi đổi chủ - 1975 - cho đến bây giờ - 1997.

Miệng ngậm ống vố, mình mặc áo *tweeds*, chắc hẳn nhà danh họa, trong lúc dậy dỗ đám học trò, đâu có ngờ rằng người môn sinh nhỏ bé da vàng trong lớp ông (1955) rồi cũng vì một nền đảng trị độc tài mà mãi đến hai mươi năm sau (1975) vẫn không được quay về nơi chôn nhau cắt rốn. Những dòng chữ này đến mắt bạn đọc thì cả thầy lẫn trò, cả G.G. lẫn T.B., đã trở thành tro bụi mấy chục năm rồi ...

Người này mất cung thì người khác lượm được cung: Hitler đã "mất" và Hoa Kỳ đã "lượm" được những cái quà vô giá. Có con số thống kê cho biết: Tám ngàn giáo sư, học giả, trí thức, một ngàn năm trăm văn nghệ sĩ. Gần mười ngàn người này đã thổi cả một luồng sinh khí mới mẻ vào Hoa Kỳ, trong nhiều lãnh vực. Những đóng góp của họ thay đổi hẳn khuôn mặt trí thức và văn nghệ tiền chiến của Hoa Kỳ. Ảnh hưởng của họ bao quát và sâu xa. Đất dung thân, tự do, cởi mở, và tiến bộ cho phép trí óc, tài ba của họ nở rộ. Ngược lại, họ đã giúp Hoa Kỳ hoàn toàn lột xác. Người trẻ Viễn Tây, đã giàu mạnh, nay lại có thể cặp đôi với người đẹp thượng lưu Âu Châu mà không chút ngượng ngùng.

*

Thấy người lại nghĩ đến ta. Biến động tháng Tư 1975 cũng đã đem đến Hoa Kỳ (chưa kể Tây Âu và các nơi khác) nhiều loạt trí thức và văn nghệ sĩ của miền nam Việt Nam. Chúng ta phân vân: Hai thập niên trôi qua, chúng ta đã có những thành tựu gì, ngoài chuyện tậu nhà mua xe, ngoài chuyện con cháu "giựt" được mảnh bằng kỹ sư bác sĩ? Chúng ta mất kiên nhẫn: Người Việt không thiếu tài năng, nhưng tại sao không thấy có ai nổi bật, đặc biệt trong lãnh vực văn học nghệ thuật, sáng chói hơn các sắc dân khác? Những câu hỏi liên quan đến nhiều yếu tố phức tạp. Đại để, tạm thấy có ba quan điểm chính để từ đó soi rọi vấn đề:

Quan điểm thứ nhất: Có người cho rằng không thấy có văn nghệ sĩ Việt Nam nào "nổi bật", tiếng tăm lừng lẫy, vì một lý do khá giản dị. Ấy là vì *"Mỹ" không hiểu được, không hiểu nổi ta.* "Mỹ" mới có 200 năm lịch sử, Việt Nam đã có đến 4000 năm văn hiến. Ta xây Chùa Một Cột cả mấy thế kỷ trước khi dân da trắng Âu Châu qua lập nghiệp ở Bắc Mỹ. Trước đó chỉ có mấy anh da đỏ ăn lông ở lỗ chứ có gì đâu. Chỉ lấy chuyện ăn uống sự thường mà xét thì rõ: *Hăm-bớt-gơ* là cái gì mà đòi hiểu bánh cuốn chả lụa? Còn khuya! vân vân và vân vân. Quan điểm thứ nhất này rất ư là phổ quát. Những luận cứ kiểu này, chúng ta được nghe thường xuyên.

Quan điểm thứ hai: Có người lại cho rằng các lực lượng chính trị, cái trung tâm truyền thông, văn hóa, giáo dục, các lãnh địa tài chánh thương mãi ở Tây phương, *"bọn da trắng" nắm lấy cả rồi.* Chúng "cho phép" một vài tên thiểu số ngoi lên một thời gian rồi lại dìm xuống. "Bọn da trắng" chúng chơi với nhau thôi, có lợi hơn, tội gì phải chơi với mình. Cứ xem "bọn Ba Tầu" qua Mỹ đã trên trăm năm nay, sinh sôi nảy nở nay lên đến hàng triệu, thử hỏi có được mấy anh mấy chị con trời ngẩng đầu lên được với

Bạn muốn đi ngao du khắp thế giới?

AV TRAVEL & NETWORK
10900 Westminster Ave., Suite 9
Garden Grove, CA 92643
(714) 537-2200
FAX (714) 741-2900

(góc Euclid & Westminster, trong khu chợ VANCO)
Mở cửa 7 ngày.

Xin gọi cho Nga hay Phượng (714) 537-2200

thiên hạ? Quan điểm thứ hai này cũng khá phổ quát, thường thường xuất hiện ở những buổi chuyện trò giữa người Việt có óc tò mò, chịu tìm hiểu hơn những người có quan điểm thứ nhất.

Quan điểm thứ ba: Những người có quan điểm thứ ba hiếm hoi hơn. Họ nghĩ rằng ngày xưa tổ tiên ta từ miền Bắc tràn xuống phương Nam, tiêu diệt Chàm, áp chế Miên, dựng nên bờ cõi đất nước như ta biết ngày nay. Ta xem đó như "lẽ tự nhiên của lịch sử." Mới đây thôi, thời đại chúng ta, trong một hoàn cảnh khác, với những điều kiện xã hội, chính trị, và văn hóa khác, Hiệp định Genève chia đôi đất nước, đông đảo trí thức văn nghệ sĩ miền Bắc di cư vào Nam, vào Sài Gòn, tạo nên cả một khuôn mặt mới mẻ cho đời sống trí thức văn học nghệ thuật ở miền đất sinh động và trù phú này. Ta cũng xem đó như một "lẽ tự nhiên của lịch sử."

Những người có quan điểm thứ ba này nhận thấy rằng trong nhiều hoàn cảnh khác nhau, chúng ta trôi giạt đến đất nước này. Chúng ta có cái đau, cái khổ, cái nhục của chúng ta. Nhưng chúng ta không đổ mồ hôi sôi nước mắt — có khi trào cả máu — như người nô lệ da đen trước đây. Chúng ta không bị đàn áp truy lùng tơi tả như người da đỏ trước đây. Chúng ta không bị uy hiếp, kỳ thị như người Hoa, người Nhật trước đây. Miền đất này đã chấp nhận ta và cho ta cơ hội sống còn.

Những người có cái nhìn này chủ trương sống còn và sinh hoạt một cách "tự nhiên:" Chấp nhập sự khác biệt với các sắc dân khác với bao dung và thông cảm, đồng thời cố gắng hết sức mình để làm những việc chính mình phải làm. Nếu đa số những tai to mặt lớn trong mọi lãnh vực (có lẽ trừ thể thao!) đều là người da trắng, gốc Âu Châu, đó cũng là lẽ "tự nhiên." Lịch sử có cái lý của lịch sử. Ta đến sau, ta ít người, và nói chung, ta nghèo. Nhưng không phải vì thế mà ta khăng khăng ôm cứng lấy niềm tự ái dân tộc để khinh khi, hay dè bỉu, để đố kỵ, hay ghen ghét.

Bạn tôi, T.B., là người có cái nhìn như thế. Hồi được gặp và làm quen anh, tôi qua Hoa Kỳ chưa được lâu. Nhờ anh, tôi biết rõ hơn về những sắc dân đã gầy dựng nên đất nước này. Đến thăm anh, tôi có dịp gặp gỡ những bằng hữu của anh, những người đủ màu da, đen, vàng, đỏ, nâu, trắng. Cả đời, anh không "giựt" được một mảnh bằng đại học, nhưng đến tuổi 40, 50, anh vẫn còn ham học. Trong đám sách vở anh để lại, tôi tìm thấy những xấp giấy dày ghi chép tỉ mỉ chi tiết về nhiều bộ môn khác nhau: văn học nghệ thuật, tôn giáo, lịch sử, nhân chủng, xã hội, chính trị... T.B. chết rồi cho nên điều anh ước mơ suốt suốt đời — trở thành một họa sĩ sáng tạo — không còn là điều quan trọng nữa. Điều đáng kể hơn là T.B. ngày đêm nhớ thương về nơi chôn nhau cắt rốn bên kia trái đất, nhưng thao thức khôn nguôi đó đã không ngăn cản anh trở thành một người Việt-Mỹ đúng nghĩa. Nói cách khác, anh giữ được rất nhiều bản sắc đặc thù của dân tộc Việt, đồng thời anh chấp nhận và học hỏi vô số điều hay ho từ các nền văn hóa của các sắc dân khác. Anh chuộng cái cổ nhưng không bảo thủ. Anh thích cái mới nhưng lại ghét cái lố lăng. Anh bái phục những đỉnh đồng đời nhà Thương bên Tàu, và anh cũng yêu mến cái mặt nạ gỗ của một bộ lạc Phi Châu. Anh để lại cho tôi mấy tập thơ Đường. Anh cũng để lại cho tôi vài cuốn sách về hội họa Mễ Tây Cơ hiện đại.

Tôi đã từng thấy tận mắt một số bức vẽ của T.B. Xin lạy hương linh anh một lạy: Tôi không nghĩ rằng lúc sinh thời bạn tôi là một người vẽ tài hoa. Nhưng tôi lại nghĩ rằng nhà danh họa George Grosz, từng vì nạn độc tài phải bỏ quê ra đi, từng nếm mùi lao đao hội nhập, đã từng nhìn thấy cái hay nơi anh và đã gọi anh đúng đắn là người *học trò xuất sắc.* Xuất sắc không phải vì anh tài ba và thông minh vượt bực. Cũng không phải vì anh hơn người về những đức tính cần thiết cho một sự nghiệp vững vàng: ý chí, siêng năng, can trường, lương thiện, v.v... Thầy khen anh vì anh làm một người *học trò xuất sắc:* học trò chẳng những của nghệ thuật mà thôi, còn là học trò của con người, của cuộc đời. Xuất sắc ở chỗ, mặc dù bao nhiêu khó khăn trong cuộc sống, anh vẫn giữ được tình yêu cho nghệ thuật và óc tò mò đối với thế giới, bên trong cũng như bên ngoài, hiện nay cũng như xưa kia.

Tôi ngờ rằng ngày xưa, khi thọ giáo với G.G., vì ý thức hoàn cảnh lưu lạc tha hương của cả thầy lẫn trò, nên T.B. đã mang lòng thương cảm người thầy già khi ấy cũng đã từng 20 năm xa xứ. Và tôi tin rằng bất cứ người Việt nào, đặc biệt đám thanh niên nam nữ gốc Việt lớn lên bên ngoài Việt Nam, nếu có cơ hội biết về một người như T.B., cũng sẽ thương cảm anh vô cùng.

Hoa Bang, III-1997

* Một giáo sĩ đổ bộ lên một hòn đảo, gặp một đứa bé, nó lên tiếng:
"Chào ông."
"Đừng gọi ta là ông. Hãy gọi ta là cha."
"Ồ thích quá! Mẹ tôi sẽ rất sung sướng, bà thường nói với tôi cha sẽ không bao giờ trở lại..."

* Đọc thấy ngoài cửa một tiệm Do Thái bán đồ cũ:
Nếu quý vị không biết mình đang cần gì, xin mời vào, chúng tôi có đủ.

KỂ CHUYỆN ĐỜI XƯA

VŨ QUỐC THÚC

Những người lớn tuổi thường mắc một tật rất phổ biến: đó là hay kể lại những chuyện cũ. Đối với họ, dĩ nhiên những chuyện này có một giá trị đặc biệt vì nó liên can tới một dĩ vãng không bao giờ tìm lại được nữa; nhưng đối với người ngoại cuộc, nó hoàn toàn vô nghĩa và kẻ nghe hay đọc không tránh khỏi cảm nghĩ là tác giả đã lẩm cẩm! Mặc dù biết trước như vậy, tôi vẫn không ngần ngại thuật lại những mẩu chuyện sau đây, vì hai lý do: một là những mẩu chuyện đó thuộc loại dã sử nên rất bổ ích cho việc tìm hiểu lịch sử nước nhà; hai là theo đúng câu "ôn cố tri tân," kinh nghiệm quá khứ có thể giúp chúng ta đánh giá một cách khách quan những sự việc hiện đại.

Tôi có may mắn là được tổ phụ trao lại cho cuốn gia phả do một vị tổ năm đời soạn thảo từ Hậu bán thế kỷ 18, nhờ vậy mà biết được một số chuyện xảy ra từ Tiền bán thế kỷ 17. Gia phả này lại được tổ phụ, rồi tới phụ thân tôi bổ túc, do đó mà được biết thêm một số sự việc từ thế kỷ 19 tới nay.

*

Trước hết, tôi xin thuật lại những sự việc độc đáo đã đến với cụ tổ chín đời của tôi, là Cụ Vũ Đức Hạnh. Cụ sống vào cuối thế kỷ 17, ở làng Lương Ngọc, huyện Nam Sách — nay đổi tên là huyện Cẩm Bình — , tỉnh Hải Dương. Thiết tưởng cũng cần nói qua về hoàn cảnh đáng coi là rối ren của nước ta vào lúc đó. Đó chính là lúc cuộc xung đột, giữa chúa Trịnh ở Thăng Long và chúa Nguyễn ở Thuận Hóa đã kéo dài, dưới dạng quân sự, gần một thế kỷ. Khỏi cần nói là cả hai bên đều đã suy nhược, không còn đủ sức để tổ chức những cuộc hành quân quyết liệt nữa, vì vậy mà đã mặc nhiên chấp nhận sự hiện diện của nhau trên một lãnh thổ vẫn được coi là đất nước chung của dân tộc Việt. Tình trạng này đã giúp cho các chúa Nguyễn được rảnh tay để chinh phục thêm nhiều đất đai mới ở vùng đồng bằng Nam Việt ngõ hầu dùng làm bàn đạp để sau này thống nhất toàn thể đất nước. Trái lại ở miền Bắc, đất hẹp, dân ngày càng tăng gia: kinh tế vì vậy mà lâm vào nạn khủng hoảng triền miên. Dân các làng không chịu đóng thuế, nhất là thuế thân đánh vào đầu người, vì kẻ tráng đinh có thể trốn vào miền nam để lập nghiệp. Ngay từ năm 1664, theo đề nghị của vị đại thần Phạm Công Trứ, chúa Trịnh đã phải thi hành chính sách "bình lệ," nghĩa là ấn định cho mỗi làng phải đóng một số thuế thân nhất định, căn cứ trên sổ đinh hiện hữu: nếu có những tráng đinh bỏ làng trốn đi nơi khác, những người còn lại phải chia nhau đóng thay! Riêng một điều này cũng đủ cho ta thấy là tình trạng tài chính khó khăn tới mức nào.

Trong dân gian, dĩ nhiên nếu đa số gồm nông dân bị nghèo túng, thì có một thành phần đã làm giàu: đó là các thương nhân, phần lớn lại là phụ nữ vì nam giới vẫn còn đắm đuối trong cái mộng bút nghiên, khoa cử! Tuy nhiên cũng có một số nho gia, mặc dù đã thi đậu tới cấp sinh đồ, hay nhất nhị trường, đã can đảm gạt bỏ thành kiến trọng sĩ khinh thương, dấn thân vào nghề buôn bán. Cụ Vũ Đức Hạnh ở trong số này, Cụ đậu sinh đồ mà lại trở nên một đại phú gia nhờ ở tài buôn bán: vì vậy dân chúng cũng như con cháu quen gọi là Cụ là Cụ Đồ Giầu. Cách thức làm giầu của Cụ là chịu khó thuê thuyền đi tới những nơi sản xuất hàng hóa theo giá rẻ, mua hàng đưa về những nơi có nhiều người tiêu thụ nên giá cao, hoặc là mua các nông phẩm khi vừa gặt xong, giá còn rẻ, đem tích trữ, đợi tới khi giá cao mới bán ra. Chẳng bao lâu, Cụ đã làm chủ một tài sản to lớn, khiến Cụ nổi tiếng là giầu nhất phủ. Cụ rất tin quỷ thần, tin ở lẽ chí công: ở hiền gặp lành còn nếu làm ác thì Trời sẽ phạt. Vì vậy Cụ thích làm việc âm đức. Một đêm đi thuyền buôn qua Ba Đông trông thấy một cái xác chết trôi, Cụ sai lái thuyền kéo xác vào bờ để chôn. Lúc liệm, thấy người chết đeo ruột tượng, mở ra, trong có một cái gói đựng hai nén bạc. Cụ sai đem bạc ấy mua vải và áo quan, còn thừa đem làm chay ba đêm ngày để độ vong. Khi tán đàn đào bãi cát để chôn thì lại đào được 30 nén bạc nữa. Cụ cho lái thuyền chia nhau số

bạc này. Lái thuyền cùng ba chân sào, mỗi người lấy năm nén, còn lại 10 nén, họ biếu Cụ. Cụ chỉ nhận năm nén như mọi người, còn năm nén bỏ vào trong cữu để tặng người đã mất, rồi bắt lái thuyền và các chân sào cùng thề rằng: "Nếu ai tham tà đào mả lấy bạc thì Trời chu Đất diệt!" Cụ sẵn sàng quyên tiền làm việc thiện nhưng dấu Cụ Bà sợ Cụ Bà than phiền: vì vậy lúc nào Cụ cũng đeo ở tay một chiếc vòng vàng; ai đến quyên Cụ chặt vòng quyên ngay. Cụ Bà cũng hay làm phúc nhưng dấu Cụ Ông: Mỗi ngày Cụ mang một bát gạo ra chợ, nếu không giúp kẻ khó thì lại cúng vào các chùa. Hai Cụ đều tin rằng tích phúc như vậy con cháu sẽ được hưởng. Nhưng lòng Trời thật không ai đoán trước được. Vào khoảng đầu thế kỷ 18, Dụ Tổ Thuận Vương ngự chơi Phủ Mi (vùng Lương Ngọc) nghe tiếng Cụ Đức Hạnh giầu nhất phủ bèn cho vời tới diện kiến. Trong dịp này Cụ thấy nói Triều đình cần tiền, Cụ cung tiến một vạn quan tiền. Thuận Vương muốn ban cho Cụ chức Thiếu Khanh nhưng Cụ khước từ vì lý do tuổi tác, xin nhường cho con trưởng là Cụ Vũ Phúc Sơn cũng đã đậu sinh đồ. Do đó Cụ Vũ Phúc Sơn được phong chức Kim Tứ Vinh Lộc Đại Phu, Cảnh Tiên Điện Thiếu Khanh, Kế Trung Tử. Quyền thế lừng lẫy: có lẽ chính vì thế mà tai họa đã đến bất ngờ! Cụ Đức Hạnh có một người con thứ là Cụ Tư Đào tính rất nghĩa hiệp, thấy sự bất bình là can thiệp ngay. Lúc ấy, vùng Sơn Nam Thượng có một người tên gọi là Cậu Mi, có chị ruột được tuyển vào Cung (hay phủ Chúa) và được phong làm Hoàng Hậu (hay Quận Chúa). Cậu Mi cậy thế ngoại thích, làm nhiều chuyện bậy bạ như hãm hiếp phụ nữ, dân tình bất mãn nhưng không ai dám làm gì. Một hôm, nhân có phiên chợ Hoa Đường (tức là ở làng Lương Ngọc), Cậu Mi chăng màn lụa đỏ ra giữa chợ, bắt gái đem vào màn để hãm hiếp. Cụ Tư Đào nổi giận, về nhà lấy dao, ra chợ xông vào màn, chém chết cậu Mi rồi bỏ trốn vào Nghệ An. Giận cá chém thớt: nhà cầm quyền ra lệnh tịch thâu mọi tài sản của bố đẻ là cụ Đức Hạnh mặc dù Cụ không dính líu gì vụ này và đã từng cung tiến hàng vạn quan tiền cho Triều Đình! Dân hàng tổng lợi dụng cơ hội vào cướp phá nhà Cụ Đức Hạnh trong ba ngày liền: của chìm của nổi mất hết không còn gì!

Mẩu chuyện vừa kể cho chúng ta thấy là cuộc nội chiến Trịnh Nguyễn đã tác động tai hại như thế nào đến cơ cấu xã hội và phong hóa nước ta, nhất là ở miền Bắc, nơi phát tích của dân tộc Việt. Vì cần tiền, nhà cầm quyền đã không ngần ngại dùng phương pháp mua quan bán tước, công khai "tống tiền" lương dân. Ta thừa hiểu khi Thuận Vương cho vời cụ Đức Hạnh tới diện kiến, đó chỉ là để ép Cụ quyên tiền. Cụ chỉ bỏ ra một vạn quan tiền là Triều Đình sẵn sàng ban cho hàm Thiếu Khanh và phong thêm cho tước Tử! Như vậy là làm giảm giá mọi phẩm tước, mọi chức vụ công quyền. Khi có một kẻ ngoại thích làm bậy, đáng lẽ phải trừng trị nghiêm khắc thì lại làm ngơ! Như vậy khác chi dọn đường cho các hành động "thế thiên hành đạo" như hành động của Cụ Tư Đào. Và khi kẻ phạm pháp trốn vào Nghệ An thì nhà cầm quyền đành bó tay không làm gì nổi, chỉ còn cách giận cá chém thớt! Những dấu hiệu tan rã của chế độ đã phơi bầy rõ ràng: chỉ cần một cuộc hành quân như cuộc hành quân của Nguyễn Hữu Chỉnh vào năm 1787 là khiến cho sự nghiệp Họ Trịnh tan tành... Mặc dù tình hình đen tối như vậy, Họ Trịnh vẫn tiếp tục nắm quyền gần nửa thế kỷ nữa: tại sao? Có lẽ vì những người bất mãn, chống lại chế độ đã có một lối thoát là trốn vào trong Nam, còn những kẻ ở lại thì nghèo túng, yếu ớt lại thiếu tổ chức nên đành nhắm mắt khuất phục giới đương quyền... Nhưng kết cục, việc phải đến vẫn đến: chỉ có dân Việt là thiệt thòi mà thôi!

*

Đọc truyện Tàu, tôi thấy thuật lại ngày xưa, ở Trung Hoa, các nhà quyền quý có lối kén rể là bắt chàng trai "ứng viên" phải làm một bài thơ vừa để thử tài, vừa để xem khẩu khí ra sao: tôi vẫn nghĩ đó chỉ là chuyện bịa đặt, xuất phát từ óc tưởng tượng của mấy ông tiểu thuyết gia. Tôi không ngờ khi đọc gia phả của tổ tiên để lại thấy rằng chính ông nội tôi đã từng bị thử thách như vậy. Ông nội tôi là cụ Vũ Hữu Thụy sinh năm 1857 và mất năm 1906, vào một thời mà Pháp đang tìm mọi cách áp đặt nền đô hộ trên đất nước ta. Ngay từ lúc Ông tôi mới 16 tuổi, song thân đã muốn kiếm vợ cho Cụ, nhưng dạm hỏi nhiều nơi đều không kết quả, có lẽ vì người ta thấy Cụ học hành tuy nổi tiếng hay chữ nhưng thi cử lại lận đận thi mãi vẫn không đậu nổi cử nhân hay tú tài! Năm Ông tôi 25 tuổi có người làm mối lấy thứ nữ Cụ Nguyễn Trọng lúc đó đang giữ chức Phiên Ty Thủ Bạ tỉnh Ninh Bình: Nhạc mẫu tương lai bằng lòng nhưng nhạc phụ vẫn còn ngần ngại, cho mời Ông tôi đến để sát hạch xem tài học thế nào. Cụ Nguyễn Trọng yêu cầu tông tôi làm một bài thơ nôm theo đề tài "Kén rể." Ông tôi ứng khẩu đọc ngay:

Bố vợ gớm ghê thay!
Kén rể gọi lại khảo:
Muốn được khách văn chương,
Để sau dễ dậy bảo!

Cụ Nguyễn Trọng vẫn chưa cho là đủ: Cụ bắt Ông tôi làm một bài "văn tế sống" bố vợ bằng chữ nho và mẹ vợ bằng chữ nôm. Ông tôi vâng lời làm xong đưa nộp: Cụ xem văn rất khen

ngợi, bấy giờ mới chịu nhận Ông tôi làm rể mới và chỉ đòi lễ cưới tượng trưng mà thôi! Đọc mẩu chuyện trên đây, tôi nghĩ vẩn vơ: Nếu Ông tôi cũng như tôi ngày nay khảo nửa ngày không được một vần thơ, thì có lẽ đã không lấy nổi Bà nội tôi. Và dĩ nhiên đã không sinh ra thân phụ tôi. Và dĩ nhiên cũng không sinh ra tôi! Xét ra, như vậy, sự hiện hữu của mình trên thế gian đã hoàn toàn tùy thuộc một bài thơ và hai bài văn tế! Thật là mỉa mai!

Chuyện trên đây xẩy ra vào năm 1882: Đối chiếu quốc sử thì lúc ấy triều đình Tự Đức đã phải nhường cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam phần làm thuộc địa (Hòa ước 5-6-1862) rồi lại phải nhượng thêm Ba tỉnh miền Tây (1867). Cuối tháng 12 năm 1872, thương gia Pháp Jean Dupuis, cầm đầu một đoàn giang thuyền, chở đầy súng ống đạn dược nhất định đi ngược sông Hồng Hà để giao hàng cho Tổng Đốc Vân Nam, bất chấp sự phản đối của quan Kinh Lược Lê Tuân. Trước những sự việc này, đáng lẽ các sĩ phu Bắc Hà phải tỉnh ngộ, phải ý thức tính cách lỗi thời của nền quốc học từ bao thế hệ chỉ chú trọng đến từ chương kinh sách, nhằm đào luyện một tầng lớp nho gia, giỏi thơ văn, thủ lễ nghi, nhưng quay lưng ra thực tế, không biết cách đối phó với thời cuộc quốc tế đã hoàn toàn thay đổi. Cách xử sự của Cụ Nguyễn Trọng trong việc kén rể tiêu biểu cho thái độ phổ biến của nhiều sĩ phu Bắc Hà lúc đó. Chỉ hai năm sau khi Ông nội tôi làm rể Cụ Nguyễn Trọng, sĩ quan hải quân Pháp Francis Garnier, lần lượt đánh chiếm Thăng Long, rồi tới Nam Định. Chỉ cần một viên đội với sáu tên lính Pháp cũng chiếm được tỉnh lỵ Ninh Bình vì các quan lại binh lính của ta đã bỏ chạy từ trước! Thật là đau thương mà cũng thật là chua chát! Ấy thế mà sau khi Triều đình Huế ký Hòa ước Giáp thân (1884) công nhận quyền bảo hộ của Pháp trên Bắc và Trung Kỳ, một số đông sĩ phu nước ta cũng vẫn là kẻ mơ ngủ! Những cuộc thi hương vẫn tiếp tục được tổ chức ở trường thi Nam Định. Khác chăng là trong các môn thi có một bài phải viết bằng quốc ngữ, một thứ chữ mà các nhà nho từ trước vẫn coi khinh vì nó đã do các "cố đạo" tây phương đặt ra để dùng trong việc truyền bá Ky Tô Giáo. Một điều mới mẻ nữa là mỗi lần kết thúc khóa thi ban Giám Khảo cùng quan chức tỉnh Nam tổ chức một buổi lễ xướng danh long trọng: Trên khán đài là Ban Giám Khảo cùng quan chức địa phương và các tân khách; trong số này dĩ nhiên có viên Công Sứ Pháp cùng đi với vợ. Các sĩ tử thì tề tựu dưới sân để nghe xướng danh: ai đậu cử nhân thì được ghi tên trên bảng rồng (long bảng), ai chỉ đậu tú tài thì ghi tên lên bảng hổ (hổ bảng). Trước cảnh tượng này cụ Tú Xương, một thi sĩ danh tiếng ở Nam Định đã làm một bài thơ, trong đó có hai câu bất hủ:

Trên ghế Bà Đầm nhoi đít vịt:
Dưới sân Ông Cử ngỏng đầu rồng!

Đem đầu rồng của các ông Cử tân khoa để đối với đít vịt của Bà Đầm Công Sứ, thật quả là hỗn xược! Không trách Cụ Tú nhà ta thi mãi vẫn không đậu được cử nhân, vì chín năm liền. Cụ đã phạm trường quy!

Đó còn là may cho Cụ: Nếu Cụ sống vào thời nay, ở thành phố Nam Định dưới chế độ "pháp quyền" của nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì với một bài thơ châm biếm như vậy, chắc chắn Cụ phải được Nhà nước cấp dưỡng

MƯA THÁNG BA TRÊN SEATTLE

TRỊNH CUNG

Anh đã nói với em
Về bản valse số 7 của Chopin
Khi mưa rơi trên Seattle
Lòng anh như một cây dương cầm
Giăng cánh đen trên hồ Washington
Và tay em
Tay em
Làm sóng vỗ
Vỡ
hồn
anh
Anh đã nói với em
Về đoạn cuối chuyện nàng tiên cá của Christianson
Mưa vẫn rơi trên Seattle
Mưa vẫn rơi trên giáo đường Saint James
Nơi em đã đưa tay nâng dậy linh hồn ai
Mưa vẫn rơi
Vẫn theo điệu valse số 7
Lòng anh như một rừng phong
Rộn rã cuộc hồi sinh
Và đôi mắt em
đôi mắt em
lấp lánh
những ngày mai
mưa vẫn rơi trên Seattle

Seattle tháng Ba 1997

để đi "học tập cải tạo;" bằng không, Cụ cũng phải được "mời" ra trước Tòa Án Nhân Dân để được răn dạy về hành động "phá rối trật tự," "tiết lộ bí mật quốc gia" của Cụ!

*

Một viên cai trị Pháp, trong thời thuộc địa, nhận định rằng: "Trong bụng mỗi người An Nam có một ông quan." Có ông bạn tôi đề nghị đổi lại: "Trong bụng mỗi người Việt Nam, có một nhà thơ." Theo Ông bạn, như thế hợp thời trang hơn! Tôi hỏi tại sao, thì được giải thích như sau. Trong hơn hai chục năm di cư ở hải ngoại, đã bao lần chúng ta được may mắn nghe một thi sĩ Mỹ, Anh, Pháp hay Đức ngâm thơ cho chúng ta nghe? Trái lại, mỗi khi dự một tiệc cưới, đang ăn uống ngon lành, luôn luôn có một tân khách, lên diễn đàm cầm máy vi âm ngâm nga một bài thơ do chính ông ta sáng tác để mừng cô dâu chú rể và hai họ. Trong các tang lễ cũng vậy, nhiều người ngỏ ý muốn đọc một bài thơ để tỏ lòng nhớ tiếc người quá cố, chỉ ân hận rằng thời gian eo hẹp không cho phép! Rồi trong biết bao cơ hội khác, như ăn mừng sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới, có thêm con cháu, mới tậu nhà, tiễn bạn đi xa, vân vân và vân vân, ta thấy nhiều người bỗng dưng biến thành thi sĩ, nào thơ cũ, nào thơ mới, nào hát ả đào... Có vị hứng chí làm cả thơ bằng tiếng Anh hay tiếng Pháp (trừ tiếng Đức và tiếng Đan Mạch, có lẽ vì cho rằng tiếng Đ.M. đối với dân ta không du dương lắm!)

Tôi lẩn thẩn suy tư: nếu lấy mật độ thi gia trong nhân dân — nghĩa là tỷ lệ số thi gia/dân số (nói khác: cứ một nghìn dân, có bao nhiêu nhà thơ) — đem đối chiếu với tỷ lệ Tổng Sản Lượng quốc gia/dân số, (nói khác số thu nhập bình quân của mỗi người dân), thì hai tỷ lệ đó liên hệ ra sao? thuận chiều hay nghịch chiều? Câu trả lời đã được nhiều chuyên viên thống kê đem lại từ nhiều năm nay. Với "bốn nghìn năm văn hiến," với một mật độ thi gia có lẽ cao nhất thế giới, Việt Nam hiện đứng trong hàng ngũ của thiểu số quốc gia "thanh bạch" nhất thế giới! Tôi chợt nghĩ tới một đề nghị độc đáo của Triết gia Platon, một triết gia trứ danh ở Hy Lạp thời Thượng Cổ, trong cuốn sách: "Nền cộng hòa lý tưởng." Platon đề nghị quàng cho mỗi nhà thơ một tràng hoa, rồi... tống cổ ra khỏi cộng hòa lý tưởng ấy. Bây giờ tôi mới hiểu tại sao!

Viết đến đây, chợt Bà xã tôi thò thẻ hỏi tôi: "Ông làm gì đấy? Khai bút hả?" Tôi giật mình tưởng vừa ra khỏi cơn ác mộng:

"Đầu năm khai bút: bút khô queo!"

SUZIE VUONG
Gallery

SANTORA ART COMPLEX
207 N. Broadway, Suite #3
Santa Ana CA 92701
Tel: (714) 558-8218
Pager: (714) 967-7571
Fax: (714) 444-1082
http://kicon.com/art/Suzievuong

Kính mời quý vị và các bạn đến xem triển lãm tranh của nữ họa sĩ

SUZIE VUONG

"Mother Love"

Tối thứ Bảy mùng 7 tháng Sáu 1997
Tiếp tân: từ 7 giờ đến 9 giờ tối
Triển lãm tiếp tục đến ngày 29 tháng Bảy

Ngày giờ mở cửa:
Thứ Bảy: 12 giờ trưa đến 5 giờ chiều
Những ngày khác xin theo hẹn

MỘT LẦN DA ĐẾN THỊT

HỒ MINH DŨNG

Nguyễn Thị Ngọc vào Saigòn được một năm thì người anh ruột đem mẹ vào. Anh nói với em:

" Chim còn biết chọn nơi ấm để bay tới. Mùa đông sắp đến rồi, anh đem mẹ vào đây trốn rét, luôn tiện thăm em một chuyến."

Ngọc nhìn mẹ một hồi lâu, rồi nói với anh:

" Nếu anh đem theo một cháu nào đó vào giúp công việc cho riêng người già thì em bớt lo, em suốt ngày ở công sở, sợ không lo hết chữ hiếu. Săn sóc một người già khó bằng ba trẻ nít."

Người anh biết em không bằng lòng, nói:

" Các cháu đi học cả. Hay là em cho mẹ ở hết mùa đông, đến đầu mùa hạ, anh vào mang mẹ ra."

Sau đó Ngọc hỏi thăm sức khỏe bà con làng nước, công ăn việc làm của anh em nội ngoại. Hỏi một cách ngắn gọn như không hỏi sẽ bị trách vô tình. Người anh từ nhỏ đến nay, chưa xa mẹ lần nào, nay thấy mẹ bối rối nơi xa lạ, hai mắt già yếu của mẹ cứ nhìn về phía anh, làm cho anh não lòng lắm. Mùa rét năm rồi, trong làng có đến mấy người tuổi già bằng mẹ không qua nổi. Để cho mẹ chết, anh mới nghĩ đến thôi, cũng là điều không nên. Cơm gạo khó kiếm làm cho chết đói thê thảm, chết rét càng thê thảm hơn, nơi ấm áp có thể kiếm được.

Ngọc năm nay cũng đã ngót nghét bốn mươi. Cả một thời xuân trẻ chị dâng hết cho đảng. Khi phục viên trở về quê thì tóc trên đầu đã có sợi bạc. Người nghe chị phát biểu đầu tiên khi về chính là người anh ruột nầy:

"Đội nữ san bằng hố bom dọc đường Trường Sơn của em có mười hai đứa. Khi thống nhất đất nước, hết bảy đứa nằm lại dọc đường, ba đứa vô nhà thương, chỉ có hai đứa được về nhà nguyên vẹn. Thấy được mẹ, anh chị và các em như thấy trong giấc chiêm bao."

Chị dâu nói:

"Cô nên kiếm chồng. Muộn còn hơn không."

Người em gái lấy chồng làng bên bồng con về thăm, nói:

"Anh Lân vẫn còn ở không, chị nên nối lại tình cũ."

Trong bà con có người đốc vô:

"Phải, thằng Lân, tuy bị thương nơi chân đi đứng không thường nhưng lòng nó tốt. Hiện làm chủ một vườn đào cũng có đồng vô đồng ra."

Người anh nói thêm:

"Nếu em muốn, mai mốt, anh đem em đến đó thăm cho biết, đào vườn anh ấy năm nào cũng nở rộ. Đến tết là thuê xe trâu, xe bò chở lên Hà Nội. Còn phải xem tình ý người ta như

thế nào. Ngày xưa yêu nhau không phải là ngày nay cũng thế. Năm tháng có thể thay đổi lòng người."

Bao nhiêu năm lăn lộn nơi chốn rừng sâu nước độc, chung quanh chỉ nghe tiếng chim muông, thú rừng và gió thổi qua ngàn cây, Ngọc cũng cần tình người, nhất là cái tình chồng vợ như bao nhiêu người sinh ra trên đời nầy, nên cũng thử tìm cho mình một thứ gì khác hơn ngoài những điều nhàm chán đã làm hơn mười lăm năm qua. Không lâu sau, chị chỉ đi một mình đến nhà Lân. Gặp nhau họ liền đả động đến tình xưa. Anh Lân:

"Cám ơn em còn nhớ đến anh, đến thăm. Dân gian có câu tình có sâu nghĩa mới nặng. Em đến như thế nầy là quý. Hồi em đi, lúc đầu anh có mấy thư, không thấy hồi âm, lại thôi. Anh cũng xông pha nơi tiền tuyến, cống hiến cho sự nghiệp một phần thân thể. Nay bịt được cái chân nhôm đi đứng cũng tạm được. Thế em về có dự tính gì chưa?"

Ngọc nhìn người tình cũ:

"Chưa. Dự tính cho một tương lai, có thể là một mình em dự tính không hoàn thiện. Thời cuộc và thời gian làm cho con người ngày càng thụ động. Em bị dồn vào ở trong trạng thái ấy từ bao giờ. Còn anh, sao lâu thế, không lo?"

Lân cười:

"Anh cũng rơi vào thế thụ động. Nếu có người phụ thêm vào cái lo đó thì bảo toàn được. Bao nhiêu năm về quê, người ta phụ cho anh vườn đào nầy, mà không ai phụ cho anh chuyện em vừa mới nói tới."

"Thế anh còn nhớ thuở mình yêu nhau không?"

"Chao ôi, vàng son như thế làm sao quên."

"Đã đành thế rồi, nhưng em muốn hỏi anh về mức độ?"

"Tựa hồ như nung nấu, như đeo đuổi."

Cảm động, Ngọc nghe lòng thấp thoáng sống lại những ngày cũ.

"Cám ơn anh, em cũng nhớ anh. Con gái càng lúc càng thấm cái mất mát não nề của tuổi xuân. Hình bóng anh là cái lá chắn để ngăn không cho em rơi vào hố tuyệt vọng. Ít ra là những lúc em nhớ về một thân phận."

Nhớ lại năm xưa còn trai trẻ, Lân cũng không khỏi bùi ngùi:

"Anh cũng thế, khi về lại nơi nầy, dĩ vãng càng ráo riết nhắc anh nhớ đến một mối tình đã mất, điều khổ hơn là mất trong cái thế không ai gây nên. Tự nhiên nó mất. Anh về trồng hoa đào không phải chỉ là kế sinh nhai, mà trong ấy nhớ đến tình anh. Anh không đủ khả năng tìm tình mình trong hương sắc hoa. Nhưng năm nào anh cũng mang lên Hà Nội để bán, hoa anh rải khắp cả một góc phố làm ánh lên nơi ngày xưa anh gặp em."

Đôi mắt Ngọc long lanh:

"Anh nhắc làm em nhớ đến Nhà Thờ Lớn. Nơi anh gặp em lần đầu, đứng đó nghe được nhiều tiếng động lạ, trong đó có cả sóng thì thào của hồ Hoàn Kiếm. Chỉ có mấy bước đã thấy sóng ấy. Đời em, cái lúc gặp nhau ấy em mới thấy có Đấng Quyền Năng trên cao. Là một người không tin vào thế giới vô hình thế mà thế giới ấy đã có trong em khi bên anh. Cũng như những ngày ở Trường Sơn, muốn nhớ anh, nhớ tình mình thì em nhìn lên trời, có thể là một vì sao, một áng mây, trên cao xanh ấy."

Nói chuyện hồi lâu, anh Lân đem Ngọc ra vườn xem hoa đào nở. Cả mấy trăm gốc đào đều nở như nhau, rực rỡ, ánh mặt trời tỏa lên làm cho hoa san sát bên nhau. Ngọc nói:

"Hoa nầy đẹp hơn mai vàng. Mai chỉ đẹp lúc mới nở, đào đẹp cả lúc tàn."

"Nếu có bàn tay em săn sóc nữa thì vườn nầy trở thành nơi du lịch. Anh dự trù sau nầy trồng thêm nhiều thứ. Hồi anh đi bộ đội có những bụi lan rừng nở làm cho lòng người bồi hồi."

Biết câu nói như một lời cầu hôn, Ngọc nói:

"Em mới về, chưa hết chao đảo. Anh cho em một thời gian nữa, rồi em quyết định, chắc là có chiều hướng lợi cho cả hai, hay ít ra lợi cho khu vườn nầy."

Đến khi gặp lại anh ruột ở Sài Gòn thì đã năm năm, nhưng chuyện cũ chị nhắc đến như một sự phản đối mọi việc làm của gia đình ngày ấy, cả việc đem người mẹ giao khoán cho chị ngày nay:

"Anh à, trong đời em có nhiều sai lầm, lấy anh Lân là một sai lầm lớn, trong ấy anh và những người bà con ruột thịt chịu trách nhiệm một phần. Mà phần chính vẫn là em. Tại sao em phải lấy anh ấy chứ?"

Người anh nói:

"Em không nên nhắc chuyện xưa, cũng đừng trách ai, ai vẫn nghĩ lấy chồng còn hơn ở góa. Vả lại, trước đó, em và người ấy cũng đã có một thời yêu nhau rồi."

Ngọc nói như tiếc rẻ:

"Đã đành thế. Nhưng anh ấy, năm tháng đã thay đổi đi nhiều lắm. Cái cằn cỗi dã man của sự thay đổi đó lại quay về phía em như để hành hạ, như chính em đã làm anh ấy mất đi thời trai trẻ hay là vì có em mà anh ấy thấy được sự dằn vặt trong mất mát. Có người nói vì anh ấy gần mười năm sống với hoa thì không thể sống với đàn bà. Hoa hớp hồn anh ấy hết rồi. Nhưng, hoa có thể thay thế đàn bà được đâu, có chăng chỉ là một phần nào, một diện nào. Hoa có thể làm cho người đàn ông nghi ngờ về sự tuyệt hảo của thân xác đàn bà, bù vào đó hoa làm cho người đàn ông hồ nghi về những màu sắc nhất thời không vững bền. Anh ấy tự lượng không đủ sức mình để chăm sóc hoa khi có em. Em không hề

ích kỷ khi đòi hỏi anh ấy dành thì giờ chăm sóc em hơn hoa, nhưng em muốn anh ấy đừng lẫn lộn em với hoa. Cái biên giới vợ và hoa cần cắm mốc minh bạch. Đến hồi gay cấn, em chỉ mong anh ấy để dành riêng cho vợ mình một khoảng thời gian cố định, một phần mười trong hai mươi bốn giờ một ngày, về đêm, chẳng hạn. Nhưng anh ấy hứa mà không làm được. Hết mùa đào, đến mùa lan, rồi đến cúc, đủ thứ lạn, mai tứ thời, thậm chí những cây không có hoa như trúc, tùng, thiên tuế... rồi đến nấm, anh thuê người lên rừng đốn về nhiều cây để mục gây nấm. Phải công nhận rằng, anh ấy làm việc vì say mê, cần tiếng tăm, cần người ta khen ngợi hơn là để làm ra tiền. Nhưng anh ấy không biết nghĩ về hạnh phúc cho riêng mình hay là những điều trên đã tạo cho anh ấy hạnh phúc rồi. Em thì anh đã biết, cuộc đời không còn bao, nên em cũng phải tự đấu tranh cho riêng mình chứ. Khi tóc bạc còn ít thì còn nhổ đi được, cũng đến lúc nhiều quá, làm sao nhổ. Chuyện đã quá khứ rồi, nay nhắc lại với anh, để cho đỡ tức, thế thôi."

Nghe em gái nói một mạch, người anh thật thà chất phác lớn lên nơi ruộng đồng không hiểu gì nhiều. Ngày em ly dị chồng anh cũng chỉ xem như số tình duyên em chừng đó thôi. Ngay cả tòa án cũng tìm cách hòa giải cho sự chia tay ấy không đến, hai vợ chồng đều có tuổi đảng, đều hy sinh một quãng đời đẹp nhất cho lý tưởng của họ, không chỉ vì một nguyên do đơn giản về chuyện lẩn quẩn trong vườn hoa mà xa nhau. Nay nghe em lý luận khúc mắc như thế anh làm sao hiểu nổi. Chỉ hiểu rằng, ngày nay tính tình em đã đổi khác lắm. Vào Sài Gòn đã một năm không viết một lá thư về thăm gia đình cũng là chuyện hy hữu rồi, đàng nầy gặp mẹ, gặp anh, em cũng không mừng rỡ mà còn có vẻ không vui. Chấp nhận nuôi mẹ để cho qua mùa đông là một chuyện chẳng đặng đừng. Khi đưa anh ra bến xe còn nhắc lại: "Mùa hè đến anh nhớ vào đem mẹ về nhé." Để chắc ăn, em còn hứa: "Chuyến sau vào em biếu anh cái tông-đơ ngoại để cắt tóc."

Khi anh đi rồi, Ngọc nói với mẹ:

"Ở thành phố nầy, khi chết người ta đem thiêu."

Bà mẹ hỏi:

"Sao không chôn?"

"Không có đất mẹ ạ. Người ta còn giải tỏa các nghĩa trang trong thành phố để lấy đất cho người sống."

Bà mẹ rất sợ lửa đốt, thở dài:

"Ngoài quê mình có nhiều đất lắm. Khi nào mẹ yếu quá con cho mẹ ra."

Ngọc cũng nói theo ý mẹ:

"Sau nầy già bằng tuổi mẹ hay ít hơn năm bảy tuổi con cũng về quê thôi. Cái lạnh lẽo chỉ dành cho thịt da người sống, không phải dành cho nắm xương người chết."

Bà mẹ già đã ngoài bảy mươi tuổi ấy sống những ngày bên con no đủ, vật chất thì không thiếu gì, mẹ được nằm nệm êm, mền len nhãn hiệu cá sấu đàng hoàng. Khi đau ốm chị lo thuốc thang đầy đủ.

Nhưng tính mẹ thất thường, khi vui khi buồn, khi nói huyên thuyên không dứt, chị đi làm về bụi bặm, mệt mỏi cần tắm rửa nghỉ ngơi bà bắt phải ngồi nghe bà kể chuyện đời, toàn là những chuyện không đâu từ mấy đời xa xưa. Bà nói: "Ngày xưa bà ngoại cũng kể cho mẹ nghe, nay mẹ kể lại, sau nầy con kể lại cho cháu." Nhưng cũng có khi cả tháng bà không mở miệng nói

ĐÊM TRAI NGỘ

HỒNG KHẮC KIM MAI

Ta ngửa cổ về trời
Xin nguồn ơn tác
Giọt vô biên
Dệt cửu huyền tâm trai ngộ
Bất biến nhật nguyệt
Vô ưu cõi sinh tiền

*

Ta vào thế giới
Mộng Thực
Rạng đông bừng giấc
Tơ vàng bỏ ngõ cửa Đại Khôn

*

Ta ngửa cổ về trời
Linh điểu sa ngay triền gối
Nhạc Âm Dương
Tưng bừng nhịp tấu
Hằng hà Thương Yêu sa số điệu vũ
Đong đưa hương nhụy cung đàn
Vầng trăng thế kỷ
Nở trăm hoa
Ta khấu đầu ôm nguồn ơn tác Nhạc Thơ
Phiêu diêu giữa khinh khí
Từ trường Vô Ảnh
Tâm Vô Thức

*

Đêm trai ngộ!

Jan. 16, 1997

một câu, cứ ngồi im nhìn vào những hạt cơm trắng toát trong chén, lúc nào bà cũng để hai chiếc đũa gác chéo thành hình chữ X trên miệng chén, nói là cúng cho "thằng cha tụi bay."

Nhưng điều làm cho Ngọc sợ nhất những lúc vắng nhà, ai gõ cửa mẹ cũng mở, cửa trước, cửa sau mẹ đều mở toang để đón người đến, bất kể lạ hay quen bà đều vồn vã chào mời họ vào nhà, có khi thuận đà vui vẻ dẫn họ đi xem những vật lạ mà người yêu chị Ngọc mua sắm. Lợi dụng sơ hở nầy, trong xóm có kẻ xấu, đánh cắp nhiều thứ. Ngọc biết chuyện, đi làm khóa ngoài cửa lại. Bà mẹ lại mở cửa sổ chui đầu ra khỏi song cửa nói chuyện với những đứa trẻ lối xóm. Bọn chúng hỏi xin bà nhiều thứ, có thứ bà lấy ra cho, có thứ bà không cho. Cái tốt bụng của người không tỉnh táo làm đảo lộn trật tự của cả xóm có nhiều nhà giàu. Trẻ con vào ra đông đảo. Người lớn đến săn mua những đồ vật mà bọn trẻ lấy được hay xin được từ nhà chị Ngọc.

Chị Ngọc phải thuê một đứa giúp việc ở miền quê lên. Vừa canh chừng mẹ vừa giúp việc nhà. Lâu lâu chị đưa tiền để nó thuê xích lô chở mẹ đi xem đua ngựa hay vào sở thú nhìn voi cọp. Về sau mẹ không thích trường đua vì đông đảo quá và ngựa chạy nhanh quá làm cho bà chóng mặt, cũng không thích nhìn những con vật dữ dằn ấy nữa. Voi to lớn dềnh dàng gây cho bà cảm giác không vui, còn cọp và sư tử thì hầm hừ khi thấy bà làm cho nhịp tim bà đánh như hồi chạy giặc Pháp. Chỉ còn một nơi bà muốn đến là về Phú Lâm hay qua miệt Thủ Đức cho bà thấy cảnh ruộng vườn. Nhưng xa quá, tiền xích lô Ngọc không chịu nổi.

Khi thấy phố xá xa hoa đông đảo, bà già hỏi con ở:

"Ngày nào cũng thế phải không, họ đi đâu mà xuôi ngược?"

Đứa ở cười to:

"Bà hỏi gì mà ngộ, người ta đi làm ăn mà."

Bà già hỏi thêm:

"Ở quê mầy có thế không?"

"Không, quê cháu vắng hoe à. Còn ở quê bà?"

"Quê tao cũng vắng hoe, mà ra đường là gặp bà con, vui."

Đứa ở sinh trưởng trong Nam chưa hình dung ra được đất Bắc, hỏi thêm:

"Ngoài ấy nghèo lắm phải không?"

"Ờ, nghèo."

"Thế bà có muốn về không?"

"Sao không muốn."

"Cháu thấy bà ở đây càng ngày càng mập ra. Nhưng lưng đi còm hơn ngày cháu mới đến."

" Ừ, càng ngày càng già thêm, ai cũng thế mà."

Nhớ lời cô chủ dặn, đứa ở nói thêm:

"Cháu mà bằng tuổi bà thì không chịu đi đâu hết. Cột thừng vào mũi, kéo dắt cũng không đi. Lỡ ra chết nơi quê người thì khổ. Mẹ cháu nói, dù lang bạt kỳ hồ ở đâu cũng về quê mình mà chết. Chết ở nơi khác quỷ nhai xương."

Đó là lúc tỉnh, lúc không tỉnh, khi qua đường Hậu Giang, thấy chó mèo, bà hỏi:

"Chó chạy ra ngoài đường để làm chi?"

Đứa ở trả lời:

"Để tìm thức ăn."

"Còn mèo?"

CÂY ĐA BẾN CỘ

ĐỖ THÌ KÊNH G

Trăm năm còn lỗi hẹn
Hò ơ ai nhớ không?
Hẹn bến vợ thuyền chồng
Hẹn bến Xuân thuyền én.

*

Cây đa bến cộ còn
Lưa con thuyền biền biệt
Bến cộ lòng tha thiết
Chiều rưng rức mưa buồn.

*

Con thuyền thác năm tê
Cũng chiều mưa rưng rức
Quê ơi Quê ơi Quê
Bến cộ chẳng quay về.

*

Bến cộ chẳng quay về
Con đò khác đưa Quê
Lỗi hẹn non cùng nước
Trăm năm Quê ơi Quê.

*

Thuyền không về bến cộ
Én không về bến Xuân
Chồng không về bến vợ
Lỗi hẹn hoài trăm năm.

Đêm Giao thừa Xuân Đinh Sửu

"Cũng vậy."

"Cả hai thứ ấy đều đói à?"

"Dạ."

Khi thấy một con hẽm đưa vào chợ đen nghịt người, bà hỏi nữa:

"Trong ấy có đình làng à?"

"Không, chợ."

"Giữa chợ có đình làng à?"

Thiếu kiên nhẫn, đứa ở gắt:

"Không phải đình làng mà đình chợ."

Chẳng bao lâu, con ở cũng biến đi mất. Nó không báo trước cũng không lấy gì trong nhà để đi, chị Ngọc cho là vì mẹ làm cho nó đi.

Người yêu của chị là giám đốc cơ sở chị làm, biến chế những đồ phế thải thành vật dụng tái sinh. Chị chỉ ngồi bên cái cân bịt khẩu trang để thu mua. Công việc nhàn hạ mà được trả lương cao. Ông còn hứa sau nầy sẽ mua riêng cho chị một ngôi nhà có mặt tiền. Ông nầy gốc người miền Nam, chưa có một ngày đi theo kháng chiến, nhưng có đóng góp nhiều của cải cho cách mạng sau khi giải phóng. Ông yêu chị không ngoài mục đích để biết gái Bắc Kỳ như thế nào. Và ông thấy được gái Bắc Kỳ rất khác với gái Nam Kỳ hay gái Tàu, gái Miên, gái Mỹ lai, gái Lào mà ông đã trải qua nhiều người. Cái biết được của ông còn hơn ông dự tưởng.

Trong chỗ riêng tư, ông tâm sự với người bạn thân:

"Đàn bà cũng ba bảy hạng. Như cá tôm cũng ba bảy hạng. Tôm hùm, tôm càng, tôm he, tôm rảo cũng là tôm, nhưng mỗi tôm khi kho nấu lên thì mùi vị có khác, không cần tay đầu bếp giỏi. Tôm càng ở nước ngọt, tôm he, tôm rảo ở nước lợ, tôm hùm ở nước mặn. Nhờ cái nơi tôm sống mà mùi vị khác nhau. Nó (tức là Nguyễn Thị Ngọc) khác lắm. Tôi thích nó không chỉ sinh ra nơi bùn lầy nước đọng mà thích cái mùi đá núi, rừng sâu, ghềnh thác hiểm hóc, nơi bọn mình chưa từng đi qua mà tôi gặp được. Gom lại nhiều thứ, quyện lại với nhau thì tuyệt. Thì ra họ (đây là cộng sản) cũng khôn. Khi đưa người vào cuộc chiến tranh không chỉ để dành thắng lợi mà làm cho những con người sau đó, biết tuân phục, trong đó tuân phục cả điều cố hữu mà đàn bà cần có..."

Người bạn nói:

"Nó lấy ông cũng vì tiền."

"Không hẳn thế."

Người bạn nói tiếp:

"Nghe đâu cô ta không chỉ có một đời chồng mà nhiều đời. Hay là muốn có một đứa con?"

"Tôi cũng không có thì giờ để tìm hiểu nhiều. Chỉ biết có nó, tôi thấy làm ra đồng tiền thêm ý nghĩa."

Người bạn cho như thế là đủ rồi, không hỏi tới nữa.

Chị Ngọc lấy ông giám đốc như thôi thúc của bản năng. Trước hết là lấp cái hố quá sâu nhạt phèo trong những ngày làm vợ anh chủ vườn đào. Ông giám đốc nầy săn sóc chị nhiều, lắm khi chở chị lên tận núi Bửu Long để ngồi bên nhau nhìn dòng nước sông Đồng Nai. Ông thích những lời chị nói lúc xa thành phố, nào là sông nầy sâu mà nước không trong. Núi nầy không cao bằng núi Tam Đảo, Ba Vì. Con đường từ Bình Triệu ra bằng mà cong. Dừa trời sinh ra để lấy trái chứ không phải lấy lá che mát mặt đất, lá dừa không đẹp vì răng cưa quá sâu. Ngày xưa chúa Nguyễn chỉ mộ lính đánh giặc ở miền nầy, trả lương chỉ vài chục đấu lúa... Đại để những câu nói không đầu không đuôi như thế làm cho ông thích thú, khi về Chợ Lớn, vào nhà hàng Đại La Thiên lại ăn được nhiều thức ăn béo bổ. Ông lấy chị càng ngày càng béo phệ. Chị cũng lên được mấy cân.

Từ khi có mẹ chị Ngọc vô, ông giám đốc lui tới với chị thưa dần. Ông không mấy yên tâm khi thấy gương mặt bà ấy nhăn nheo quá và có nét hao hao giống người ông đang yêu, một câu hỏi lại nẩy sinh ra là, rất có thể sau nầy già Ngọc cũng có nét mặt như thế. Ông khác người ở cái chỗ là rất sợ hãi những cái gì không tròn vẹn sẽ xẩy ra trong tương lai.

Chị Ngọc thừa biết chuyện đó. Nên dung hòa bằng cách mua nhiều lồng chim treo sau nhà bếp. Và cả mấy chậu thủy tinh nuôi cá cảnh nữa. Mỗi lần có hẹn ông tới, hồi đứa ở chưa đi, chị bảo nó đem mẹ ra đó xem chim. Toàn là chim và cá bà biết tên nên bà vui lắm. Có hôm bà hỏi:

"Chim nầy ăn chi?"

"Cơm rang, mè, đậu, lúa."

Nhìn qua cá, bà cũng hỏi:

"Còn lũ nầy?"

"Mua lăng quăng."

Bà già vui ra mặt:

"Lăng quăng ngoài tao kêu là bọ gậy. Bọ gậy ao nhà tao nhiều nhiều vô số, đến nỗi phải đổ dầu hôi lên châm lửa đốt, khỏi phải tốn tiền mua."

"Lăng quăng không quý nhưng quý công người đi bắt nó. Có khi phải lên tận Hốc Môn, Bà Điểm. Đi xe đò bất tiện lắm bà ạ."

Trong lúc đứa ở với bà mẹ nói chuyện vui vẻ với nhau thì bên trong căn phòng ấm áp chị Ngọc cùng với ông giám đốc vui trò vui riêng của họ. Cũng có hôm bà gặp được ông giám đốc ấy. Ông gật đầu lễ phép chào bà, nói vài câu thăm hỏi. Bà cũng chào lại. Bà thấy thương thằng con rể ngày trước hơn. Năm nào gần tết cũng mang đến biếu bà cành đào lớn, kèm theo trầu cau, gọi bà bằng mẹ, còn ông nầy cũng biếu bà quà, nhưng quà gói ghém cẩn thận quá mà bên trong toàn những thứ cha sinh mẹ đẻ chưa ăn lần nào, răng cỏ cũng không còn để nhai, lại gọi bà bằng

bà. Trịnh trọng quá làm bà ái ngại. Chị Ngọc cũng có nói với mẹ:

"Ông ấy là người tốt. Mẹ tin con. Con cũng đã gần già rồi, không đợi chờ gì nữa. Lúc bằng tuổi con, mẹ có đến bảy con."

Bà mẹ lại hỏi:

"Sau nầy thằng anh con vào đem mẹ ra bằng xe đò hay tàu lửa?"

"Tàu lửa. Con mua cho mẹ cái vé nằm hạng nhì."

Nhưng chờ mãi chẳng thấy anh vô. Mùa đông qua. Mùa hạ cũng qua. Đến mùa thu thì chị nhận được điện tín ngoài quê gửi vào cho hay anh ấy đã chết. Bức điện vắn tắt nên không biết vì nguyên do gì. Chị Ngọc dấu không cho mẹ biết.

*

Một hôm, đi làm về, chị Ngọc ghé đường Tôn Thọ Tường mua một con vịt quay béo với mấy ổ bánh mì về đãi mẹ. Ăn xong, chị vào phòng riêng viết một tờ giấy xếp lại gói chung với ít tiền. Chạng vạng tối, chị lấy xe honda chở mẹ đi. Chị nói với mẹ là mùa thu trăng đẹp mẹ nên đi một lần cho biết, trăng ở quê mình cũng có, nhưng trời rộng, chung quanh cảnh vật cằn cỗi nhìn thấy trăng không đẹp. Ít khi được ngồi với con bà mừng, nhưng không dám hỏi gì như những lần đi chung với đứa ở, chỉ việc ôm chặt bụng con cho khỏi té.

Khi đến trước nhà thờ X. Ngọc dừng xe, bảo mẹ xuống, bỏ gói nhỏ vào túi áo mẹ rồi nới nhỏ:

" Mẹ ngồi ở gốc cây chờ con một lát, con đến nhà người bạn có tí việc khoảng mười phút sau con trở lại, mẹ nhớ đừng đi đâu mà lạc. Đường xá ở đây chằn chịt khó tìm. Nếu rủi ro con bị xe cộ dọc đường thì mẹ cứ việc vào cái cổng phía sau lưng mẹ. Ngoài cổng ấy, mẹ không đi đâu hết, nhé."

Người mẹ ngồi núp sau gốc cây có sơn màu trắng. Ngọc quay xe về. Chị về nhà và quyết tâm bỏ mẹ. Bỏ mẹ, chị buồn, không sao ngủ được. Lại lên xe đến nhà người bạn gái cùng sở, nói là kỷ niệm ngày phục viên về quê cũ nên cùng bạn tổ chức ăn uống, vui chơi suốt đêm.

Bà mẹ già vừa thấp thỏm chờ con vừa lén lút nhìn trăng. Quả như lời con nói, trăng ở đây đẹp hơn nhiều, tròn vành vạnh, rải xuống toàn một thứ bột óng ánh mịn màng. Phố xá che hết chân trời nên bầu trời cao hơn, hết canh nầy đến canh khác, không thấy con đến. Nhớ lời con dặn bà mẹ quay lui, cổng vô nhà thờ không đóng, lá vàng rải đầy trên sân, tượng Đức Bà Maria đứng trong sương buông hai cánh tay xuống phía dưới, cả hai bàn tay mở ra, không cầm một thứ gì cả, những giọt sương khuya từ mười ngón tay ấy chảy rỉ xuống, ánh đèn đường vàng ối hắt vào như máu trong. Xa phía sau, nhà cha sở và viện dưỡng lão cửa đóng kín mít. Từ ngày miền Nam mất viện ấy đóng cửa, chỉ còn cái bảng hiệu treo để mong có ngày tái lập.

Cách đây gần mấy chục năm, hai mẹ con có việc lên Hà Nội, con có đưa mẹ đi ngang qua nhà thờ Chánh Tòa và nói đây là nơi con gặp tình đầu. Đức Mẹ đứng phía trong xa không nhìn thấy rõ như lúc nầy. Tuổi già làm cho bà quên nhiều thứ, nhưng phía trước nhà thờ ấy bà không quên, còn nhớ cả mấy chiếc lá bàng rụng xuống trên bàn chân bà rồi gió thổi bay đi.

Rạng sớm hôm sau, người đi xem lễ sớm, phát hiện ra một xác chết ướt đẫm sương, nằm dưới chân tượng Đức Mẹ, miệng hả ra ngay dưới năm ngón tay của tượng.

Trong túi áo có tờ giấy viết:

Người già nầy, tính tình không bình thường, lúc điên lúc tỉnh, nói năng tùy tiện, không nên tin. Đi theo đứa con ngắn số. Ai có lòng nhân hoặc đã từng phụng sự cuộc đời trên danh nghĩa thương đồng loại trong cơn hoạn nạn, thì nên giúp. Hoặc là cho bà sống trong viện dưỡng lão, hoặc là bằng cách nào đó cho bà được về làng Đông, xã Đại Nghĩa, huyện Hải Hậu, tỉnh Hải Hưng, là quê hương của bà.

Bí chú: Người viết giấy nầy là hàng xóm của con bà già nầy, đã chết.

Ngoài lá thư còn có thêm ít tiền. Một cụ già di cư năm 1954, rành về địa dư miền Bắc tính nhẩm cho rằng số tiền nầy có thể mua đủ vé tàu ra sân ga Hàng Cỏ, rồi xuống bến xe đò về thị xã Hải Hưng, kể cả tiền ăn đường tiện tặn.

Cha xứ đọc qua tờ giấy biết nạn nhân là người cùng đường nên cho rung chuông báo tử và huy

DƯ VANG

BÙI GIÁNG

Dư vang tiếng trống tiếng còi
Rập rờn dầu liễu mộng hoài xanh buông
Xa xôi thôn ổ ngậm buồn
Thanh xuân gái dệt từng guồng hoa bay
Còn nghe điệu hát nghiêng mày
Sử xanh còn giở bên ngày phù du
Tràng hoa thêu gấm khơi mù
Giòng tuôn thúy lục xuân thu lên ngàn
Ta về ngóng lại dư vang
Rồi mai ly biệt lên đàng nhớ nhung...

động con chiên trong họ nhanh chóng dùng toàn lực để lo chôn người chết. Cha đích thân đến một người già trong họ đạo mượn tạm chiếc quan tài bằng gỗ tốt sẵm sẵn chờ chết. Chị nữ tu tắm gội cho bà bằng nước nóng mới đun với lá bạc hà rồi lấy chiếc áo choàng trắng của mình mặc ngày khấn trọn đời liệm cho bà. Quan tài được đem vào đặt trong nhà thờ. Thánh lễ mi-sa trễ mất mấy tiếng, trở thành buổi lễ cầu hồn.

Bài giảng hôm đó, cha xứ xăn tay áo lễ, chỉ vào cỗ áo quan:

" Thưa ông bà và anh chị em, đây là thêm một trang nữa của trần thế đã gắn thêm vào Thánh Kinh mà Thánh Kinh của chúng ta vẫn không thêm không bớt một chữ. Đây là trang Mẹ Maria đã khâu vào bằng đường chỉ thiên lí. Hẳn ông bà và anh chị em hiện diện ở đây đã thấy tận mắt những giọt sương từ năm đầu ngón tay Mẹ đồng trinh chảy xuống miệng một người đang khát. Chúa Cứu Thế khi còn trên Thập Giá cũng có lần kêu khát. Chúa chọn Thập Giá để treo mình là muốn cho tình người hội tụ ở điểm hai đường ngang dọc, chữ Hán gọi là tung hoành, để gặp nhau. Hỡi những ai thờ chúa nên ngồi vào điểm ấy mà thờ.

"Có thể người mới qua đời nầy là ngoại đạo, nhưng khi tìm đến dưới chân mẹ mà chết, tình thương vô bờ và nhịp đập ngàn đời tinh khiết của trái tim Mẹ đã rửa tội rồi. Những giọt sương kia hẳn là nguồn nước của một dòng sông từ trời cao đổ xuống. Địa ngục thưa thớt người lầm than, khó nghèo, và bị hất hủi thì thiên đường lại rộn rã bóng họ.

"Cha đã cho người lên Bình Hưng Hòa mua đất và thuê xe đám rồi. Sau lễ, ai rồi, theo cha đưa người nằm đây đi một đoạn đường. Còn số tiền trong túi người nầy nhờ ban quản lý nhà thờ cất giữ để sau nầy có dịp về quê người nầy gửi lại cho con cháu.

"Lạy Thiên Chúa và mẹ Maria. Chúng con là những người phàm, thân xác tồi tàn cũng như người nằm đây thôi, chẳng khác gì, chẳng hơn gì. Cũng ở trong chiếc quan-tài-đời đầy mối mọt chờ ngày Chúa Mẹ cạy nắp thôi. Làm việc nầy chính là làm cho chúng con đây. Thân cây lúc mục nát thường ngã về phía có cây sống. Cát bụi bay tứ tán nhưng cuối cùng cũng chỉ có một nơi để tụ về...

Giảng đến đây thì nước mắt cha chảy ra nhiều quá không giảng được nữa. Đôi mắt cha ngơ ngác, vời vợi nhìn quanh không biết muốn tìm kiếm gì. Cả nhà thờ im phăng phắc, có người nức lên rất nhỏ cùng với tiếng ruồi đập cánh vo vo trên quan tài.

Atlanta, 2.1996

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

hân hạnh giới thiệu
hai tập nhạc Việt Nam soạn cho piano
do nhạc sĩ **Lê Văn Khoa*** biên soạn

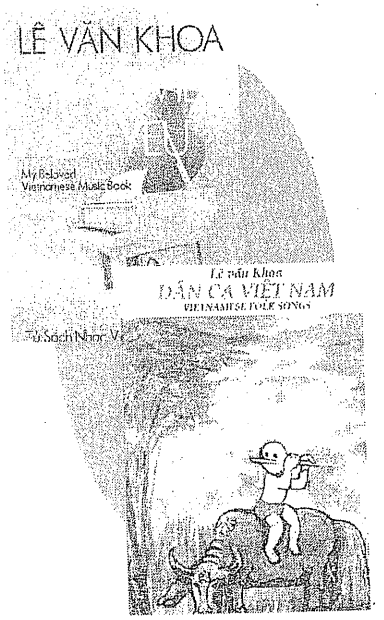

Giá: US$12.00 mỗi tập (kể cả cước phí).
Nếu mua cả hai tập: US$22.00 (kể cả cước phí).

Liên lạc: VAALA
11022 Acacia Parkway #A,
Garden Grove CA 92840 USA
ĐT (714) 537-8352 • FAX (714) 638-1944
E-mail: vaala@kicon.com •
Web : http://kicon.com/vaala

Hoặc: Người Việt,
14891 Moran St., Westminster CA 92683 USA
ĐT (714) 892-9414 • FAX (714) 894-1381
E-mail: nvnews@aol.com •
Web: http://kicon.com/nguoiviet

*nhạc sĩ Lê Văn Khoa hiện là Phó Chủ Tịch
Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA)

CHUYỆN, TƯỞNG NHƯ KHÔNG AI NGHĨ RA

PHAN NHẬT NAM

Khi đứng trước đám đông để nói những điều suy nghĩ, cảm xúc riêng tư hoặc trình bày những nội dung liên quan đến tập thể người đang lắng nghe, và cuối cùng, phải thế kẹt, khó khăn hơn, nếu buổi nói chuyện thật ra là mặt biểu hiện của lần tranh chấp về một quan điểm, mục tiêu "chính trị" mà ngôn ngữ là phương tiện, vũ khí tấn công... Đối với anh, đấy là những lần thích thú, sinh động, hợp với thói quen, khả năng. Ngày cương cường tuổi trẻ, anh càng hăng hái, náo nức. Vì dầu gì, anh cũng đã lớn lên nơi vùng đất có tiếng ưa tranh cãi, biện luận; quê hương thứ hai của anh, miền Quảng Nam - Đà Nẵng. Đất dạy người như thế. Người cứ thế lớn lên. Không tranh luận uổng đi, người mòn dần, mất sắc bén. Tháng Hai, 1973, từ hai giờ chiều đến tối mịt, bên bờ sông Bắc Thạch Hãn, giữa một rừng bộ đội giăng lưới lê uy hiếp, anh đã khăng khăng giữ cho kỳ được tiêu đề *"Tù Binh Bắc Việt Xâm Nhập"* trên danh sách trao trả... Cãi đến nỗi, anh Thiếu tá Nguyễn An Giang (?), bí thư tỉnh đội Quảng Trị từ ngoài Bắc mới xâm nhập vào, cuối cùng phải chịu nhượng bộ... một nửa!! Nghĩa là, "hồn ai nấy giữ, tên ai nấy mang." Danh sách của anh, anh đề *"tù binh..."*; danh sách tôi, tôi viết *"chiến sĩ giải phóng..."* Việc cũ hơn hai mươi năm kể lại như một chuyện khôi hài... *Làm gì còn giải phóng và xâm nhập ở đây,* nói cho cố rồi có đi đến đâu?!! Thế nhưng, năm ngoái, 1995, một vòng thế giới qua hai mươi ba thủ đô và thành phố lớn, anh vẫn "thói nào tật ấy"... Nghĩa là vẫn sống hết mình với từng chữ, lời viết nên, nói ra.

Nhưng lần nói mở đầu buổi sinh hoạt với những người Bạn Trẻ vào ngày 28 tháng 12 sắp tới đây hẳn phải có điều khác lạ. Sự khác lạ bắt nguồn từ mối cảm động theo cùng nỗi hân hoan, tự hào khác với một lần bình thường. Hẳn nhiên có những nguyên cớ sâu xa, thoạt nhìn qua không thấy được, tìm ra. Ngồi yên, ngẫm lại, cảm xúc tràn ào ngờm ngợp như đang trong ngày trẻ tuổi. Sự thể là thế này.

Một

...Vào một ngày Hè, mùa mưa rào Miền Nam, khoảng tháng Sáu, năm 1970. Anh đang trong cơn vô định dật dờ của đời sống nhà binh. Bị đuổi ra khỏi đơn vị, binh chủng mà anh hằng yêu mến, cung hiến hết tuổi trẻ không chút từ ngại. Thế giới sống động tự hào mà anh đã tự động chọn lựa từ ngày đầu tiên đời lính. Anh ra khỏi binh chủng với lời phê *"sĩ quan kém khả năng, mất tư cách"*, lột suống một cấp bực, đổi về đơn vị địa phương, tiểu khu Phước Tuy hay tỉnh Bà Rịa, địa danh độc đáo chỉ có riêng ở Miền Nam. Bà Rịa, thị xã sũng ướt trong mùa mưa do tàng cây me xanh dầy rợp kín những khoảng đường hẹp bề ngang chỉ đủ để hai xe hơi tránh nhau một cách khó khăn. Đấy là nói phố chính, đường Thành Thái. Lúc ấy, anh không hiểu tại sao tên ông vua kia được đặt nên ở đường phố nầy; thật sự chỉ là một đoạn ngắn của Quốc Lộ 15 nối Sài Gòn - Vũng Tầu chạy ngang thị xã. Ở lâu, anh dần được biết. Sở dĩ, tên vua Thành Thái, loại hoàng đế lỡ thời của một xứ sở bị trị, được sử dụng đến, bởi ông vua chẳng tiếng tăm (nhưng nhiều tai tiếng) kia, sau khi bị ép thoái vị (1907), đã vào Bà Rịa ở một thời gian trước khi đày đi Châu Phi, 1916. Trong số mười sáu bà vợ hình như có người gốc Bà Rịa nầy. (Phải chăng đấy là lý do để ông vua chọn nơi đây làm chốn gởi thân lúc sa cơ thất thế?) Tên ông vua lưu xứ đặt cho nơi chốn heo hút, bỏ quên kể ra cũng điều thích hợp ngẫu nhiên. Bà Rịa nằm lọt trõng, mất tiêu giữa Sài Gòn, Vũng Tầu, hai thành phố quá lừng lẫy với hàng trăm ngàn lính Mỹ vào ra trú đóng, những đoàn xe GMC chở quân trang, quân dụng, khí giới và nhân công người Việt xếp hàng trước những căn cứ quân sự. Bà Rịa với đường Thành Thái, chiều dài nửa cây số không đủ sức chứa quá năm

mươi chiếc xe nhà binh, co quắp rúm ró sợ hãi đối với hai thành phố lớn kia như cô gái quê tội nghiệp ngồi giữa hai người đàn bà ăn chơi phấn son sành sõi. Ông vua mất ngai, gã lính bị lột lon, thành phố sũng nước chìm chìm trong trong màn mưa dầm, thêm đậm xanh bởi tàng cây sụp bóng tối. Bà Rịa, thật quá đủ cho một tổng hợp điêu tàn. Thuở ấy, thị xã quê mùa đến nỗi không một quán "bia ôm," đừng nói gì Bar Mỹ. Rất nhiều người Sài Gòn khi đi qua phải bật lên lời tán thán... *Cái chỗ giống gì buồn quá ta!!.* Anh đến đấy sau những ngày hào hứng Sài Gòn lòng cũng trống vốc hoang tàn như dãy phố chợ cuối chiều trơ trọng sạp bụi nhếch nhác buồn hiu. Gió đi qua thổi bay mờ những hạt mưa ẩm lạnh sót dính lại trong tàng lá xuống mặt đường loang lổ, hai bên lẫn khuất những nếp nhà kiểu cổ. Nhà mái ngói âm dương (miếng ngói cong hình ống, tờ úp xuống, tờ ngửa lên), nền cao, cửa gỗ dày luôn đóng kín. Cơ ngơi của những người Miền Nam đã một lần phú quý, có quốc tịch Pháp, nói tiếng Tây. Chỉ nghe thuật lại như thế. Buổi anh tới ở cùng, Bà Rịa hẳn hiện thực một lần tàn phai. Như cái tên thoạt nghe buồn cười, kỳ cục. Lâu dần, ngẫm ra âm tội nghiệp ngậm ngùi.

Chiều chiều, sau cơn ngủ muộn, từ cửa sổ căn phòng trọ chỉ đủ chỗ trải chiếc túi ngủ nhà binh, nhìn ra khoảng không xám đục, trên những mái nhà rêu xanh loáng nước, anh thấy thật có khối chĩu nặng trong ngực. Cảm giác váng vất về một điều nguy khốn không gọi rõ nên tên đang chờ đợi, rình rập. Chịu không nổi, anh theo xe đò đi Vũng Tàu. Dẫu sao, nơi ấy có biển. Bờ biển, cảnh sắc quen thuộc từ những ngày mới lớn. Hơn nữa, ở Vũng Tàu anh *có bạn.* Bạn rất thân.

Hai

Người Bạn. Người đàn bà bế con trong lòng ngồi nhìn ra khoảng sân, nước mưa ngấm xuống, mặt cát trở màu vàng đục, dẻo ướt, lá bàng khô nâu lốm đốm rời rã lăn lóc. Mắt người đàn bà loáng lên ánh ngắn vui, xong vụt tắt. Ắt bởi những khắc khoải phiền bực sẵn có trong lòng, hiện rõ nên nét sắc. Anh không thể biết nguyên cớ, do từ năm, sáu năm nay không gặp mặt." ... *Lâu quá mới thấy cậu... Mới ngày nào, hai chị em...".* Người bạn, cũng là người chị vì anh không có anh, chị lớn tuổi. Hơn nữa, cả hai vợ chồng đã chứng kiến những giờ phút ngặt nghèo nhất của đời anh. Đối lại, anh làm trung gian qua liên hệ với hai người. Trước kia hay bây giờ cũng vậy. Giữa họ có mặt anh. Anh không ngã theo phía nào khi hai bên có điều xung đột. Bởi, người chồng là người cung cấp cho anh chiếc áo tươm tất để anh lên đường; đưa anh ra ga xe lửa trong ngày đi lính; bỏ vào túi áo anh số tiền hai trăm đồng — tài sản anh chưa hề nghĩ đến, dẫu rằng lúc ấy đang ở tuổi thành nhân. Anh thành người qua một cách thế khác, không do vật chất thủ đắc, cũng không do bất cứ kinh nghiệm xã hội, tình cảm nào. Anh sống cơ cực, khó khăn, nguy biến. Hai vợ chồng Bạn chứng kiến đủ. Người vợ, người đàn bà, mến thương anh hơn tình cảm một người bạn. Chị tháo áo dài cắt cho anh chiếc áo sơ-mi thứ hai để anh có cái thay đổi khi nhập ngũ như vừa nói trên. Anh gọi người vợ bạn - *"chị", với tất cả hàm ẩn, cảm động, giản dị của tiếng nói.* Rất nhiều lần, từ những ngày ấy cho đến nay, dẫu bao lâu không gặp, khi đề cập về người đàn bà ấy với một người thứ ba, anh thường dùng cụm từ *"bà Mh, bà chị tôi".* Biết anh thật lòng, bạn anh, người chồng coi như một điều vui. Người vợ đánh giá cao hơn với phần hãnh diện.

Anh nhìn quanh, nhà mới nhưng có vẻ chắp nối, vá víu...

Tr đâu? Anh hỏi về người chồng không đầy đủ, bởi ánh mắt chị bạn loáng giận dỗi không che dấu.

Ông ấy đổi về Sài Gòn!"

Điều bực dọc đã hiện thực; anh xoay qua chuyện khác với đề tài, nơi chốn quen thuộc thân ái của ngày trước.

"Chị thấy trời mưa thế nầy giống Đà Nẵng không?"

Lời nói anh có ngay hiệu quả. Người đàn bà cười vui,

"...Có chiếc Honda, hai chị em mình đi ăn bún bò. Bún bò ở đây không ngon bằng Đà Nẵng, nhưng trời như thế nầy phải ăn bún bò mới đúng..."

"Nói thế, chứ lúc ấy, tụi mình đâu đã dám la cà hàng quán. Phải đợi ngày lên Đà Lạt, năm chị sanh cháu C..." Anh ngồi xuống, thích thú như ngày nhỏ mỗi lần gặp mặt với những câu chuyện khi nào cũng tưởng ra quan trọng. Anh đưa tay bế đứa bé như đã từng với các chị, anh nó ... *Mắt con bé nầy lạ quá...* Anh có ngay nhận xét. Thật tình điều này rất dễ tìm ra. Bởi như đã nói, anh đã sống cùng họ bao nhiêu lâu, biết đến phần sâu xa của nhau, như nốt ruồi nằm sâu trong tròng mắt người chồng mà chính chị bạn phải đợi đến lúc anh nói lên mới khám phá ra. Các anh chị nó đồng có cách linh động của bố mẹ. *Chỉ riêng bé gái nầy với đôi mắt lạ lùng u uẩn.* Anh nâng đứa cháu gái lên ngang tầm nhìn, lúc lắc tay, nheo mắt cười giỡn... Anh luôn tin vào khả năng *"đồng cảm"* đối với thú vật và trẻ nhỏ của mình. Vô ích. Đứa nhỏ nhìn anh bất động. Anh đặt lại đứa bé vào lòng mẹ... >*Mắt cháu nó lạ quá...* Anh thấp tiếng bùi ngùi bởi lòng cũng đang cơn não nề với khuynh hướng,

cảm tính nhanh, chính xác sẵn có đối với điều thất bại, sự thua thiệt. Giờ trước đây, anh ở Bà Rịa cũng với loại mưa sũng nát cỏ cây nầy. Không gia đình, không đơn vị, anh như mưa bám trên tàng lá đợi gió thổi qua bay xuống. Những hạt mưa muộn chỉ vừa thấm ướt mặt cát ẩm. Quả thật, anh cũng không có gì vui hơn đứa bé lặng lẽ nầy. Hai cậu cháu nhìn nhau lần thứ hai. Trống không.

...*Nó giống ông nội đấy mà*... Người bạn chen lời giải thích. Chị cũng không thể dự vào phần sâu ánh mắt đứa bé, cho đấy là con mình. Bé gái khoảng ba tuổi hoặc kém hơn. Anh rời nhà bạn với cảm giác nặng nặng khi từ Bà Rịa ra đi. Căn phòng trọ với chiếc túi ngủ nhà binh đang đợi kia, vài trăm bạc lẻ trong túi... Gần mười năm đi lính, bảy năm chiến trận sống, chết để hôm nay, chiều mưa buổi tháng Sáu, anh đứng giữa một nơi gọi là Bà Rịa, nhìn lên tàng me xanh tối... *Nó giống ông nội*... Ông nội đứa bé, thân sinh bạn anh. Bao lâu và như thế nào anh mới có được sức chịu đựng lặng lẽ đáng kính phục của người đàn ông kia? Mẫu người dẫu trước cái chết, tiếng thở dài cũng nuốt xuống.

Ba

Việc viết văn thông thường đòi hỏi một trí tưởng tượng khá phong phú và anh đã hành xử nó gần ba mươi năm qua với đôi phần thành công. Hơn thế nữa, cũng vì, từ tư thế của người viết nên chữ nghĩa ấy, anh đã chịu bao tai biến suốt khoảng thời gian dài đằng đẵn kia. Thật sự chính là đoạn quan yếu, quyết định của phần đời anh. Mà qua đó, anh đã kiểm chứng được độ chính xác của lực tưởng tượng và mức tinh tế của khả năng trực giác. Luôn có tỷ lệ đúng đắn cao. Nhưng, với buổi sinh hoạt đêm 28, Tháng Mười Hai kia, trí tưởng tượng mà anh thường vận động và trực giác luôn được nêu đến, nại ra như những yếu tố chứng nhận độ chính xác về những lập luận đã hoàn toàn vô dụng. Bởi, đêm ấy, trong những người tuổi trẻ anh có nhiệm vụ đề cập đến, phải nêu lên những đặc thù độc đáo, những cá tính, phẩm chất khác biệt của riêng mỗi người qua văn phong, bút pháp, tư tưởng và xúc cảm... Những biểu hiện mang cá tính Lê Thị Huệ; của Vũ Quỳnh Hương nơi mỗi dòn chữ viết, của Trần Sa ở chiều sâu bí mật với thơ... Và Nguyễn Hà Ý Nhi với ngôn ngữ được xếp đặt, hoàn chỉnh theo cấu trúc của tính nhạc. Anh ngừng ở đây. Thật rúng động đang đầy ắp - Hóa ra Con Người - Huyền Nhiệm đến thế ư: *"Bé gái Ba Tuổi với Sắc Mắt U Uẩn - Buổi Chiều Mưa Hai Mươi Sáu Năm Trước - Người Viết Nhạc Hôm Nay: Là MỘT"*

Bốn

Có điều gì nối kết một cô bé ba tuổi với đôi mắt u uẩn hai mươi sáu năm trước; người viết văn trung niên, mỗi giòng chữ bật nên lời tán thán im lặng về phận đàn bà đơn độc đương cự nơi xứ lạ; người đàn ông tuổi qua năm mươi đang gánh chịu phần đời không bình yên, với lão huynh thất thập nhìn mỗi ngày biến động đi qua nhẹ tênh như hơi trà sáng sớm... Những người khác nhau về giới tính cấu tạo, địa bàn sinh hoạt, đối tượng tranh sống và tình huống gánh chịu. Những người không hề chung mẫu số khuynh hướng lẫn cảm tính cho dù cùng ở trong một lĩnh vực - Phạm trù Chữ Nghĩa - Nghệ Thuật. Nhưng những người của bốn, năm thế hệ cách

CỐ HƯƠNG

PHẠM BĂNG HỒ

nắng hạ vàng hanh gió thu sang
những cánh chim non bạt gió ngàn
lớp lớp mưa giăng mờ biển bạc
chập chùng sương khói khuất quan san

*

dẫu biết ngày đi luống ngậm ngùi
những mặn nồng xưa nhớ sao nguôi
cách biệt đôi bờ muôn dặm thẳm
lòng hoang sơ lạnh - bóng trăng vơi

*

chân bước hồn say gót ngập ngừng
nghẹn ngào môi cắn chén rưng rưng
và phương trời cũ còn ai nữa
xin giữ dùm tôi chút cố hương

*

lặng lẽ quanh đây những mảnh đời
chôn vùi quá khứ khắp muôn nơi
đất khách hỏi thăm người lưu lạc
quê nhà chạnh nhớ kể xa xôi

*

còn dọng âm thanh cổ tích nào
đêm dài trăn trở giấc chiêm bao
mới hay chỉ có sầu xa xứ
hơn cả trăm ngàn muôn nỗi đau

biệt ấy - *Họ đang đi cùng nhau* - Như bầy chim di trú của nhiều chủng loại, khi nghe mùi nắng thì từ khắp nơi, cùng nhau hiệp đồng chuyển động đôi cách... Hướng Mặt Trời, Hơi Ấm, Phương Nam. Hoặc bi thảm và khắc nghiệt hơn, họ giống như *"loài chuột báo động"* về một tai họa không thể nào trốn thoát, nên cùng nhau, hằng hằng, lớp lớp, dùng chính tự thân, lao mình xuống vực thẳm, báo cho người nỗi đe dọa đang hiện hình. Tất cả đang cùng nhau dự phần vào một hành trình vô vàn nguy biến, rất mực khắc nghiệt. Bởi, vì *"thiếu một chút thực tế"* như lời Ngu Yên ... *Tôi Làm Thơ bởi vì không Thực Tế,* nên đã bao nhiêu năm qua, do từ những chữ nghĩa trung hậu của "Chiếc Chiếu Hoa Cạp Điều, Gìn Vàng Giữ Ngọc..." người Huynh Trưởng Doãn Quốc Sỹ hằng phải chịu một gánh nặng vô lường của cách miệt thị và bức hại từ những người cộng sản cầm quyền tại Việt Nam - Án tù 13 năm trong những điều kiện giam nhốt tệ hại nhất của lịch sử con người thế giới. Nhiều hơn mức dành cho tội nhân tử hình do đã phạm tội hình sự với trường hợp gia trọng, theo cách xét xử và thi hành án lệnh của tòa án cộng sản Việt Nam. Công việc kia cũng gây nên những cái chết vô vàn đau đớn oan nghiệt đối với Từ Chung Vũ Nhất Huy, Chu Tử Chu Văn Bình, Nguyễn Hoạt, Hồ Hữu Tường, Nguyễn Mạnh Côn, Dương Hùng Cường... Cùng nhiều niên trưởng, bằng hữu khác, Bắc lẫn Nam, bên nầy hay bên kia sông Bến Hải. Nó cũng là đầu mối, nguyên nhân lẫn kết thúc những đời sống của Quách Thoại, Tam Ích Lê Nguyên Tiệp trước đây ở nước ta, hoặc Nguyễn Tất Nhiên nơi hải ngoại nầy. Nhìn rộng ra cùng thế giới, chúng ta không thể chạnh lòng... Bởi chính tập thể đối tượng nầy là nạn nhân đầu tiên của bất kỳ thay đổi, tranh đoạt quyền lực giữa những tập đoàn thống trị. Bất kỳ ở đâu, bất cứ thời đại, theo những thể chế chính trị, xã hội nào... Đấy là Người của vùng đất Andalucia, Nhà Thơ Federico Garcia ngã gục trước họng súng đội hành quyết của nhóm quân phiệt cầm quyền Granada, Tây Ban Nha. Người Làm Thơ chết ở tuổi 37 cùng lời vĩnh quyết bi tráng *"...Với Thơ, Điều Bất khả nên thành Khả Thể - Póesie, L'Impossible devient Possible."* Đó là mối hẩm hút hiu quạnh trong tuổi già, trên nẻo mòn cùng quẫn tiến tới cái chết của người đã tiên tri sự suy đồi của *"...Cái gọi là Cách Mạng Tháng Mười Nga; Những Ngày Cuối Cùng của Chúng Ta đã đến!!"* Lời Boris Pasternak, Người mang Lương Tâm trong sáng đích thực của giòng kiêu hãnh Bạch Nga. Phải, Chính Chúng Ta, chứ không ai khác là nạn nhân chính thống đối với tất cả những hệ thống cầm quyền, các đầu mối bạo lực, bởi chúng ta hoàn toàn không khả năng chống cự, bảo vệ mình khi lâm phải những tình huống bi thảm, tuyệt vọng nhất. Chúng ta chỉ có chữ, nghĩa, thanh, âm.

...Tuy nhiên, cũng theo lời Ngu Yên... *Vì Thực Tế Nên Tôi Vẫn Làm Thơ,* nên công việc nguy nan nhưng nhiều quyến rũ này vẫn mãi vang vọng đến tiếng mời gọi mà hôm nay, ngày 28 tháng 12 kia là một dẫn chứng toàn diện, vô cùng cảm động... Những thế hệ người làm nghệ thuật, văn học hằng tiếp tục con đường miên viễn... Đã bắt đầu từ một thuở xa xưa, với những hình vẽ sơ khai chơn chất về cuộc sống tiền sử của Người Cro-Magon nơi những hang động vùng Avignon, Lascaux, Altamira, Tây-Nam nước Pháp đến tiểu luận sâu sắc Cấu Trúc Thơ Hiện Đại đang trên lưới Internet. Từ nỗi ưu uất không hề ai nghe ra của Trần Tuấn Kiệt khi ngồi cùng Bùi Giáng...

Lòng ta quả thật đỗi xót thương
Cành hoa bụp cũ khóc bên đường
Bến khuya Sa-đéc trăng mười sáu
Mấy độ chìm theo sóng lớp lang

Và người *"cuồng tâm thi sĩ"* phải trở về lần tỉnh táo rất hiếm hoi để cùng kêu lên tiếng thất thanh...

Thuyền to, buồm lớn nghĩa gì?!!
Bằng hữu ở trên bờ,
Chỉ đành vẫy tay,
Mặc cho sóng xô đi...

Trên đường xa không có dấu hiệu chấm dứt, nghỉ ngơi; giữa dòng sông bão tố không bờ bến giải cứu... "Trung Niên Thi Sĩ" (Tự hiệu của Bùi Giáng) năm nào nay đang đi đến hồi cuối cơn cuồng nộ giữa những đường phố bụi lấm, ầm vang xe máy, hơi người, màn khí đặc, mưa nhỏ hạt ẩm ướt, mực nồng nơi thành phố bị xóa tên Sài Gòn kia, không khác biệt với tâm cảnh xa xót, xé rách giữa đêm khuya, sâu bóng tối ở đất Mỹ, thúc dục người tuổi trẻ Ngô Tịnh Yên phải kêu lên tiếng:

Hãy thổi tắt ngọn đèn
Bóng đêm sẽ dấu dùm em dòng lệ nóng
Hãy thổi tắt ngọn đèn
Để cơn mơ đừng bao giờ bừng tỉnh

Con đường bất tận đông đúc vóc dáng bằng hữu kia, đêm 28, tháng 12 ấy nên thêm lần hiện thực và *"Người Lính-Viết Văn"* được nhận nhiệm vụ làm mối nối giữa những bước đi của khối người luôn phải gặp hiểm nghèo nhưng cũng rất mực tự hào. Cố gắng một đời người chỉ để làm nên mối bền chặt kia thôi.

...Những xưa, nay...
Đỗ, Nguyễn... Tâm, Tô
Và rất nhiều Bằng Hữu,
Những người nhận Nghiệp Khổ,
Làm thơ
Thật Cám Ơn

TÂM BÚT CỦA DUYÊN ANH

LÊ ĐÌNH THÔNG

Số tác phẩm của Duyên Anh cộng hết lại là 87 cuốn, kể cả chín cuốn chưa ra đời. Tôi bàn về ba tập cuối đã in, đều nói về ca dao. Trong hai tập *Vỡ Lòng Ca Dao (VLCD)* và *Về Với Ca Dao,* tác giả đặt cho tiểu tựa là *Tâm Bút,* Tâm bút, vì tác giả đã gửi gấm cả tấm lòng, và là tác phẩm tâm đắc. Hãy nghe tác giả định nghĩa ca dao: *Ca dao rất cũ và rất mới, rất xa và rất gần.*

*

Trong *Quốc Văn Giáo Khoa Thư* (QVGKT) có câu ca dao: *Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.* Câu thơ sáu chữ đó đã là khởi nghiệp văn chương của ông, với truyện ngắn đầu tay *Hoa Thiên Lý*. Chất ca dao chất ngất trong QVGKT vừa là *thể* (hình thức), vừa là *phách* (nội dung) của một văn nghiệp đa dạng và phong phú. Tác giả tự thuật: *"Tôi là môn đệ chấm phẩy của sư tổ QVGKT"* (VLCD, tr.84). Văn nghiệp của Duyên Anh gồm nhiều thể loại: *"Kẻ yêu nhất gọi tôi là nhà văn của tuổi thơ. Kẻ yêu nhì gọi tôi là nhà văn của tuổi trẻ. Kẻ yêu ba gọi tôi là nhà văn của nam phụ lão ấu. Kẻ yêu tư gọi tôi là nhà văn của du đãng. Người ghét nhất, ghét đến căm thù, gọi tôi là kỳ nhông bồi bút"* (VLCD, tr.90). Duyên Anh trân trọng danh hiệu *Nhà Văn Của Tuổi Thơ,* vì tuổi thơ của tác giả khăng khít với QVGKT. Tôi có ra thư viện Trường Viễn Đông Bác Cổ tìm đọc QVGKT. Tác giả là các thầy giáo Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận. Tập một: lớp đồng ấu (cours enfantin) dạy đánh vần. Tập hai: lớp dự bị (cours préparatoire). Tập ba: lớp sơ đẳng (cours élémentaire). Cụ Nguyễn Văn Ngọc là tác giả hai cuốn *Tục Ngữ Phong Dao và Cổ Học Tinh Hoa* chắc đã tuyển chọn từng hạt ngọc ca dao để in vào tập sách và lo viết cổ học. Còn cụ Trần Trọng Kim, tác giả cuốn *Việt Nam Sử Lược* và *Nho Giáo,* biên soạn phần lịch sử. Hai cụ Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận biên soạn những phần khác. Bộ QVGKT ra đời năm 1935 cũng là năm sinh của Duyên Anh.

Khác với những bài đọc trong bộ QVGKT chủ yếu là để "đọc," ca dao là để "nghe." Vì thế ca dao mới được gọi là ca dao. Trong tập thơ *Em, Tôi, Saigon và Paris* (có dấu phết ở giữa *Em* và *Tôi*), *"Tôi"* Duyên Anh lên tiếng hỏi "Em": *"Có bao giờ em nói, Câu tình tự ca dao."* Huy Cận cũng hỏi: *Một buổi trưa không biết ở thời nào, Như buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao."* Ca dao là tiếng nói khiến người ta hỏi han nhau. Nhạc sĩ Cung Tiến thì trả lời: *"Người ơi, còn nhớ mãi trưa nào thời nào vàng bướm bên ao. Người ơi, còn nghe mãi tiếng ru êm êm buồn trong ca dao"* (Hương Xưa).

Ca dao không những *"rất xa và rất gần"*. Đối với Duyên Anh, ca dao còn chênh vênh bên bờ vực tử sinh. Nhà văn có lời *tâm bút: "Tôi tin tưởng mãnh liệt rằng, khi ta đứng bên bờ vực thẳm, chợt nhớ mấy áng ca dao, ta đọc vang trời đất, sẽ được cứu rỗi"* (VLCD, tr.38). Cứu rỗi là một khái niệm trong đạo Công giáo. Con đường cứu rỗi mang tên *Phúc Thật Tám Mối.* Trong tập *Nhà Tù,* Duyên Anh thuật chuyện *Phúc Thật Tám Mối* trong tù. Mỗi *Phúc Thật* có ca dao nói hộ. Phúc thứ nhất dành cho những kẻ khó nghèo, ca dao bèn lên tiếng: *Chẳng may số phận gian nan, Lầm than cũng chịu dễ phàn nàn cùng ai.* Phúc thứ hai của kẻ hiền lương, tục ngữ liền bảo: *Ở hiền gặp lành.* Phúc thứ ba là phúc đức ưu phiền, ca dao ướt sũng nước mắt: *Thùng thùng trống đánh ngũ liên, Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa.* Phúc thứ năm của người công chính, tục ngữ có câu: *Tham thì thâm.* Phúc thứ sáu là phúc thương người, QVGKT trích lời Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi: *Thương người như thể thương thân.* Ca dao cũng có câu: *Dù xây chín bực phù đồ, Không bằng làm phúc cứu cho một người.* Phúc thứ sáu của người trong sạch, ca dao liền thác lời con cò: *Có sáo thì sáo nước trong, Đừng sáo nước đục đau lòng cò con,* hoặc *Đói cho sạch, rách cho thơm.* Phúc thứ bảy của người tác tạo hòa bình, tinh thần dĩ hòa vi quý thể hiện qua câu: *Một điều nhịn chín điều lành.* Còn phúc thứ tám dành cho những người bị bắt bớ vì công chính, Duyên Anh làm bài thơ *Van Lơn* để tặng phúc thật này: *Xin em hứng nhục*

riêng mình, Cho muồi hạnh phúc trĩu cành nhân sinh. (thơ Duyên Anh, tr.19). Phúc Thật Tám Mối được tổng kết trong hai câu ca dao: *Người trồng cây hạnh để chơi, Ta trồng cây phước để đời về sau.*

*

Ca dao bắc nhịp cầu cứu độ. Ý nghĩ của Duyên Anh làm ta nhớ đến các bài Veda của Ấn Độ và *Kinh Thi* bên Trung Quốc. Ca dao là một thể nghiệm không ngừng vươn lên. *"Tout ce qui monte converge."* Triết gia Heidegger cũng nhận xét: *"Tư duy phải được diễn đạt bằng thơ."* Vì vậy, ca dao có hẹn hò cùng với cứu độ cũng là dễ hiểu. Người Tầu có *Kinh Thi*. Còn ta có Kinh Ca Dao. Nhưng vẫn chưa đặt thành tên.

Ca dao trong QVGKT vừa là cách nhập thế và nhập thế giới văn chương: *Nhập thế cục bất khả vô văn tự.* Lại vừa là một phương cách xuất thế. *Cứu độ* theo cách nói Duyên Anh. Ca dao khiến nhà văn đặt ra một thể loại văn chương mới, đặt tên là *Tâm Bút*. Nếu Duyên Anh có thể viết lại về tính đa dạng trong sự nghiệp văn học của mình, có thể ông sẽ viết: *Người yêu nhất gọi tôi là nhà văn của ca dao.* Như chúng ta hôm nay.

(Bài nói chuyện trong ngày tưởng niệm nhà văn Duyên Anh, do Nhóm Thư Viện Giáo Xứ và Trung Tâm Âu Châu Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại phối hợp tổ chức tại Hội trường Giáo Xứ ngày 2-3-1997).

VAALA

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
ỦY BAN THANH NIÊN

hân hạnh giới thiệu:

HÙNG SỬ CA

18 bài sử ca của các tác giả:
HOÀNG QUÝ • HOÀNG THI THƠ • HÙNG LÂN LÊ THƯƠNG • LƯU HỮU PHƯỚC • LƯU QUANG THUẬN • NGUYỄN HIỆN • PHẠM DUY
THANH THOẠI • THẨM OÁNH • VÕ ĐỨC THU

Vào tháng Sáu 1997,
UB Thanh Niên Hội VAALA sẽ phát hành

BĂNG HÙNG SỬ CA I

để dùng kèm với tập HÙNG SỬ CA này.
Quý vị muốn có *SÁCH* và *BĂNG* HÙNG SỬ CA *miễn phí*, xin gửi thư về: VAALA,
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA 92840

BIẾT BAO NHIÊU NGƯỜI VẮNG MẶT

NGUYỄN ĐỨC BẠN

Nhìn quanh ngó quất
Bao nhiêu người vắng mặt
Nếu có đi về chốn cũ
Chỉ còn những viên gạch mòn
Bên hè phố thuở yêu em

*

Thử hỏi người hàng xóm
Biết ai còn ai mất
Trên non cao vác gạo...
cho kẻ thù
Bên suối đẵn tre già
làm rào chắn
ta
và bạn bè đồng ngũ
Kẻ bỏ ta
Chạy xa ngàn vạn dặm
tít mù khơi
Bên kia bờ biển xanh
um tùm hy vọng
Có biết bao người vắng mặt

*

Lúc tóc hoa râm
Nhớ thời mới lớn
Em đâu rồi
Mùa đông cô quạnh
Thì cũng chẳng còn ai
Bên bãi cát biển vắng
Biết bao người vắng mặt
Chẳng ai gọi — không người thưa
Góc rừng nằm yên muôn ngàn năm nào biết
Như tảng đá trên non cao
Reo vui theo gió
Bay mất lưng chừng trời
Nào biết có bao người vắng mặt.

Jan/97

HUẾ, MỘT ĐÔI ĐIỀU

TRẦN DOÃN NHO

Ngày từ giã Huế để ra đi, tôi có viết một bài hát mở đầu bằng mấy câu:

Tôi sẽ đi, đi rất xa
Xin gửi lại những tháng ngày qua
Xin gửi lại sông Hương hiền hòa
Cuộc phù sinh sớm nắng chiều mưa
Tôi sẽ xa quá khứ tôi
Xa bạn nghèo rượu chén buồn vui
Xa ngôi trường xa dốc cầu đợi
Hẹn thề xưa năm tháng đầy vơi

Ý nhạc lời thơ — trong hạn hẹp của âm thanh và từ ngữ — chẳng thể nào nói lên hết được tâm trạng ray rứt, tan nát, đớn đau của một người bị bắt buộc phải rời xa quê hương. Nhưng, ngay cả cho dù có nói lên hết được tâm trạng của mình, thì cái việc bỏ Huế mà đi của tôi cũng không đành đoạn, không thê thiết bằng bao nhiêu người khác trong một thập niên vượt biên trước đây. Tôi ra đi đàng hoàng công khai, một loại vượt biên có giấy tờ, có tiệc tùng đưa tiễn (thậm chí còn có công an khu vực đến chào từ giã). Những lần ra đi trước đây là rứt áo ra đi, là không bao giờ trở lại. Vượt, trốn, bỏ chạy... Đi không kịp nhìn vợ nhìn con, và không kịp nhìn lại chính mình, vội vã, tả tơi. Không chào, không nhìn, không thấy.

Huế buồn chi Huế không vui
Huế o ở lại Huế tui đoạn đành
O đau sương khói một mình
Tui đi ray rứt Nội thành tái tê
Huế buồn chi tội rứa thê
Tình xưa nghĩa cũ ngó về tựa nương
Huế ơi mộng tới đường trường
Kim Luông Vĩ Dạ giòng hương có còn
Trèo tình lên núi mà thương
Cỏ cây chất ngất phố phường ở mô
Huế chừ cách mấy triệu o
Mưa qua cửa Thượng chiều co bến Thừa.

(Hoàng Xuân Sơn, *Huế Buồn Chi*

Ừ, Huế đấy! Nói đến Huế, chúng ta có thể ngồi kể hàng chục, hàng trăm hay hàng ngàn địa danh của Huế. Những địa danh đó, đâu chỉ riêng người Huế mới biết đến chúng. Biết bao nhiêu người không phải Huế đều có thể nhắc đến chúng, thân thương y như là quê của họ. Thậm chí, có người chưa đến Huế bao giờ mà cũng có thể nói về Vỹ Dạ, về Kim Luông, về Gia Hội y như họ đã từng sống và lớn lên ở đó. Chẳng lạ gì. Huế, cũng như Hà Nội, hay Sài Gòn vốn là biểu tượng chung cho cả đất nước, vì cả ba, trên quá trình lịch sử, đã từng là thủ đô của đất nước. Bởi thế, ngoài nơi chôn nhau cắt rún của mình ra, trong tâm thức của người Việt Nam, có lẽ ai cũng mang một chút Hà Nội, một chút Huế, một chút Sài Gòn ở trong lòng.

Vả lại, Huế, như chúng ta biết, là một trong những chặng đầu tiên trên quá trình Nam tiến của dân tộc. Tổ tiên ta, trên con đường di dân tìm đất sống, mấy ai không phải đi ngang Huế, dừng lại ở Huế, làm người Huế trước khi vượt con đèo Hải Vân hiểm trở để xuôi Nam và trở thành người Đà Nẵng, người Nha Trang, người Sài Gòn, người Vĩnh Long... Ai có duyên thì ở lại Huế. Ai không có duyên thì ra đi. Không thiếu kẻ ra đi, rồi trở lại. Có những người từ Bắc vào Huế làm quan. Có những anh học trò trong Nam ra Huế, thấy cô gái Huế chân đi không rời. Tóm lại, chúng ta có thể là người Huế, dân Huế, gốc Huế từ vô vàn lý do. Làng Nguyệt Biều chẳng hạn, đa phần cư dân vốn gốc người nam, miệt Lục tỉnh, đã theo các bà phi, các ông chồng ra Huế định cư từ những năm đầu thế kỷ thứ 19. Riêng kẻ viết bài này, vốn gốc Ninh Bình, tổ tiên đã tha phương cầu thực đến Huế vào cuối thế kỷ trước. Nhiều gia đình, gọi là Huế chay, Huế gốc, lật gia phả ra thì tổ tiên ở Quảng Nam, Bình Định, Sơn Tây, Hà Nội... Triều Nguyễn, giòng họ lập ra Huế, vốn gốc Gia Miêu Ngoai Trang, Thanh Hóa. Vua Quang Trung, người Bình Định, chọn Huế để làm lễ lên ngôi. Và bao nhiêu người khác, hữu danh hay vô danh, đã đến Huế, dừng lại Huế, trở thành người Huế và góp phần tạo nên Huế: những Phan Bội Châu, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đình Diệm, Thích Trí Quang, Thích Đôn Hậu...

Đó là nói về Huế đến. Có đến tất có đi. Trải qua quá trình, không thiếu người Huế đã bỏ Huế mà đi. Nói bỏ, thì cũng có phần quá đáng, vì

mấy ai đi mà không nghĩ đến ngày trở lại. Tuy nhiên, lắm khi, hoàn cảnh và điều kiện không cho phép người ta trở lại. Ngoài những người âm thầm rời Huế vì sinh kế, vì công danh sự nghiệp, hoặc vô vàn những lý do linh tinh khác, có nhiều đợt người Huế ra đi hàng loạt, vì những bức bách lịch sử của những giai đoạn như thất thủ Kinh Đô (1885), năm 1945, Mậu Thân 1968, mùa hè đỏ lửa 1972... Đặc biệt nhất là sau 1975, cùng với vô số người Việt Nam lìa bỏ nơi chôn nhau cắt rún, người Huế lại bỏ Huế ra đi, ào ạt, đành đoạn. Vào Nam một phần, ra nước ngoài một phần khác. Vụ dấy loạn Mậu Ngọ (1978), một trong những vụ dấy loạn quy mô nhất sau 1975, khiến cho nhiều người hơn bỏ đi.

Ở trong nước hiện nay, sự có mặt của người Huế trên nhiều vùng khác nhau của đất nước cũng là điều đáng nói. Một số người gọi là hiện tượng người Huế. Người ta có thể nghe giọng Huế ở cửa khẩu Hữu Nghị Quan, biên giới Trung Việt, chợ Đồng Xuân, Hà Nội, Chợ Sắt, Hải Phòng, Chợ Rồng Nam Định, Chợ Vinh, chợ Ba Đồn Quảng Bình cho đến chợ Bạc Liêu, chợ Năm Căn, nơi gần tận cùng đất nước ở phía Nam. Ở Rạch Giá, dân Huế quy tụ thành làng, rồi ở Long Khánh, nhiều vùng sâu hun hút, mà bước chân vào như đang ở Huế. Hầu hết các chợ lớn nhỏ ở Sài Gòn, giọng Huế vang lên cứ như là bắp rang: kẻ dọn sạp, người thì từ Huế hoặc các nơi khác tới đóng hàng, người chạy mánh. Thượng vàng hạ cám. Chúng ta có thể gặp một anh Huế bán vé chợ đen chuyên nghiệp ở ga Hòa Hưng cũng như một yên hùng thứ thiệt tại ga Vinh hoặc dân mối lái đủ loại trên tàu Thống Nhất. Giọng Huế, với âm sắc đặc biệt rất dễ phân biệt ngay cả giữa nơi ồn ào đông đúc, khiến nhiều người Huế khi đi xa phải giả giọng Nam hoặc Bắc, bây giờ cứ nghe tuôn ào ào bất cứ ở đâu. Dân cư các nơi đã quen thuộc với cái giọng Huế trọ trẹ, đầy những răng tê mô rứa. Lý do là vì: người Huế sẵn sàng đi đến bất cứ đâu miễn là có thể kiếm sống được, dù để định cư hay đi buôn. Đội ngũ dân buôn của Huế có lẽ là đông đúc nhất so với bất cứ vùng nào. Người Huế buôn từ hàng đại xịn như trầm, vàng ,kim cương... cho đến những mặt hàng kồng kềnh như máy kéo, máy nổ, rồi thuốc tây, thuốc lá, hàng tạp hóa, các loại hàng đặc biệt như cua, rùa. Theo chân người Huế, món ăn đặc sản Huế tràn khắp mọi miền đất nước: bún bò. Trước 1975, bún bò chỉ có ở Huế hoặc một vài nơi gần Huế như Đà Nẵng. Ở Sài Gòn hồi đó, tôi nhớ chỉ có hai tiệm bún bò Huế: một ở đường Lê Văn Duyệt (gần Chí Hòa), một ở hàng Xanh. Khách ít, toàn là người Huế lâu lâu ghé lại để khỏi quên mùi Huế. Hiện nay, bún bò Huế phổ biến ở miền Nam không thua gì phở bắc hay hủ tiếu, và đang cạnh tranh mạnh mẽ với phở bắc, hủ tiếu trên mọi nẻo đường.

Trong những ngày xuôi Nam ngược Bắc đi buôn, tôi đã gặp người Huế trong nhiều tình huống khác nhau. Trên các chuyến tàu Thống Nhất, nói không ngoa, e có đến hai phần ba dân buôn là Huế. Tại sao? Có lẽ, trong cơ chế xã hội chủ nghĩa, mà mọi hình thức kinh doanh cá nhân đều bị cấm đoán, Huế trở thành trạm trung chuyển hàng hóa giữa nam và bắc. Do tình trạng kiểm soát hàng hóa nghiêm ngặt trên mọi tuyến đường, con buôn phải đi từng chặng, trong đó Huế là chặng giữa. Hàng từ Lào về, từ Hà Nội vào, từ Sài Gòn ra đều dừng lại ở Huế. Thực ra, dân Huế không chỉ ngồi đợi hàng vào hàng ra: con buôn Huế vào Sài Gòn chuyển hàng ra giao cho con buôn khác chuyển hàng ra Hà Nội và ngược lại. Vô hình chung, dân Huế làm một nhiệm vụ lịch sử: khai hóa dân miền bắc, vốn bị o ép dưới chế độ cộng sản, về phương diện kinh tế và cả về văn hóa. Không lâu sau tháng tư 1975, trong lúc toàn miền Nam đang ngỡ ngàng trước chế độ mới, dân Huế vượt vĩ tuyến 17, ra mua bán tem phiếu, thuốc tây, vàng, xe đạp, móc ngoặc với đủ thứ cơ quan nhà nước, tỉnh huyện và ngay cả trung ương, để chuyển hàng hóa từ quốc doanh ra thị trường chợ đen — và cũng từ đó, tập cho dân miền Bắc thói quen buôn bán kiểu thị trường. Đồng thời, qua phong cách, qua trình độ văn hóa, người Huế giúp cho dân bên kia vĩ tuyến một hình ảnh thực sự về đồng bào của họ ở trong Nam.

Đấy! Huế đấy! Hơn hai mươi năm trong cuộc nhiễu nhương, Huế vụn vằn, tan nát, phân tán, biến tính. Từ một thành phố văn hóa, Huế trở thành một thành phố con buôn. Từ một nơi hội tụ, Huế trở thành một nơi phải bỏ đi. Từ một nơi để về, Huế trở thành một nơi để xa. Đừng nói chi đến những người thuộc chế độ cũ ra đi, ngay cả những người đã từng hoạt động cho chế độ mới, hoặc có cảm tình với chế độ mới cũng bỏ Huế mà đi: Trịnh Công Sơn, Lê Khắc Cẩm... Đối với tất cả chúng ta ở đây, Huế đã trở thành kỷ niệm. Tôi cho rằng, ngay bây giờ, nếu chúng ta có trở lại Huế, có thả bộ dọc theo con đường Lê Lợi, hay bơi thuyền dọc theo giòng sông Hương, leo lên lầu Ngọ Môn, thì Huế vẫn là vùng sương khói, lãng đãng trong thế giới của kỷ niệm. Huế nhạt nhòa bóng dáng, Huế mơ hồ hình tượng. Như Từ Thức trở về trần sau cuộc viễn du vào tiên cảnh. Cảnh đó, nhưng người đâu! Một nhà văn Do thái có nói: bạn đừng nên bao giờ trở về chốn cũ, vì buồn lắm. Có lẽ đó cũng là hình ảnh trong bài hát "Come Back to Sorrento (trở về mái nhà xưa):

Đâu tiếng đàn ngoài hiên mưa, và đâu bướm tơ bên thềm nhà, người ngồi im bóng, hắt hiu tháng ngày qua ... Đốt ánh đèn in bóng vào rêu xanh, sẽ thấy cười tan vỡ hồn đêm thanh, và sẽ

thấy kiếp xưa bước vọng về, đang khóc than trên đường não nề.

(Lời phóng tác của Phạm Duy).

Vì sao? Đối với mỗi một chúng ta, Huế đâu chỉ là những địa danh, đâu chỉ là những con đường, những giòng sông, những cây, những cỏ. Đâu chỉ là những Kim Luông, Đại Lược, Bao Vinh, Vỹ Dạ, Gia Hội, Linh Mụ, Kẻ Vạn... Thật ra thì tất cả vẫn còn đó: nhịp cầu, hàng phượng, bến đò, góc thành cổ, bến bãi, công viên, những xóm nghèo, những gánh bún buổi sáng, những cơn mưa giông mùa hạ, những tà áo trắng tan trường... Có dăm ba thay đổi, nhưng nói chung, chưa đến nỗi bãi bể biến thành nương dâu. Riêng trong lòng người, Huế thay đổi, thay đổi lắm lắm.

Một nhà văn rời Huế 30 năm, về thăm lại viết:

...Tàu đến Huế vào buổi trưa.

Hải nhìn qua cửa sổ chỉ thấy sân ga tầm thường, đã xoàng xĩnh lại vô trật tự...

Tệ hơn nữa, nó không giống gì cái ga Huế trong trí nhớ của Hải, cái ga Huế của rạo rực sắp được về với gia đình vào dịp Tết hay hè, hay của nôn nóng gặp bạn cũ những mùa nhập học.

...Cảnh cũ đã vậy, chuyện người cũ cũng không khả quan hơn. Hải nghe lại được giọng Huế ngày xưa các bạn vẫn nói, nhận diện lại được những gói kẹo mè xửng Huế, những chùm nem Huế, những chai xa xị Huế, trong mấy quầy hàng giải khát. Thậm chí bao thuốc lá Huế với nhãn hiệu Cố Đô, chưa sản xuất hồi Hải rời Huế, cũng không làm Hải xa lạ.

Nhưng rõ ràng là những người Huế ở sân ga này không nhận Hải là cố nhân. Những cái nhìn tò mò của họ — lộ liễu hay kín đáo — nhắc nhở cho Hải là anh là Việt kiều, là những cái gì xa lạ...

Có lẽ tâm trạng đó cũng là tâm trạng của một người bạn. Anh vừa về thăm lại Huế năm ngoái, 1995, sau mười bảy năm xa cách. Cảm giác chung của anh là lạc lõng. Anh thấy như mình là người khách lạ, từ viễn phương lai. Anh cố tái tạo một Huế anh đã từng sống qua bằng cách đi xe đạp đến những nơi anh đã từng đi, từng ăn, từng ở. Anh đi bộ, đi đò, anh ngồi chốm hỗm bên gánh bún, anh theo đám trẻ ra bờ ao câu cá, anh đứng trước cổng trường Đống Khánh giờ tan học... Anh ngậm ngùi kết luận: Hầu như Huế là của ai chứ chẳng phải Huế của mình.

Huế của ai! Tôi đã từng trải qua cái cảm giác Huế không phải của mình, khi còn ở đất nước. Cái cảm giác đó đến với tôi một cách đột ngột, ghê gớm, kỳ lạ, khi, sau một thời gian dài ở trại tù, trở về Huế. Tôi đi trên đường phố thân thương mà như đang phiêu du ở một vùng xa lạ. Tất cả vẫn còn đó, người vẫn còn đó, nhưng Huế của tôi đã mất rồi. Huế hun hút, biền biệt. Huế lạnh lùng, dửng dưng, vô hồn. *Huế đã là của người khác.* Cái cảm giác đó cứ đeo đẳng theo tôi hoài mãi, cho đến ngày tôi ra đi. Sống ở đó, ăn ở đó, rong chơi ở đó, tắm sông, thả diều, đạp xe đạp, đi lăng, leo lên lầu Ngọ Môn... chẳng khác trước bao nhiêu, nhưng thực sự mọi điều đã khác.

Tôi đi giữa quê hương mà như người khách lạ.

Tất cả chỉ vì mọi tương quan đã thay đổi. Người và người, người và cảnh. Bạn bè, người thân, người quen , kẻ còn người mất, kẻ ở bên này người ở bên kia, kẻ hồ hởi theo chúa mới, người bàng hoàng tiếc nuối chuyện xưa. Lòng người, trong cuộc nhiễu nhương, mất hẳn cái mặn nồng, đằm ấm. Bởi chưng, chính lòng mình cũng đâu có còn như cũ. Ngày nào phơi phới, lúc đó cứ cắn đắng, ngậm ngùi. Tôi — và có lẽ cũng như nhiều người khác — ôm ấp trong lòng tâm trạng hoài Lê. Những ngày tháng cũ, những kỷ niệm xưa so với chuyện trước mắt biết bao điều trái khoáy. Chuyện được thua, thành bại , phế hưng — vốn trước đây chỉ là chuyện sách sử được mang ra đấu láo trong những cuộc trà dư tửu hậu — bây giờ sừng sững trong thực tại. Bởi thế, nhà đó, đường đó, sông đó, Huế đó mà cứ nhìn qua một tấm màn mờ đục, thực thực hư hư.

Tóm lại, Huế thì còn, nhưng *Huế của tôi* không còn nữa. Nói Huế của tôi cũng có nghĩa là Huế của thế hệ của tôi. Nói rộng ra, theo tôi, mỗi một thế hệ, và qua đó mỗi một cá nhân có cho riêng mình một thứ Huế. Ngoài địa danh, mỗi thế hệ có một số nhân danh, một số biến cố được điển hình hóa. Với tôi, thế hệ của tôi chẳng hạn, Huế bao giờ cũng kèm theo những Tịnh Nhơn, Văn Đình Hy, Diệm My, Như Mai, Sầu Đông, Trần Xuân Kiêm, Bửu Tôn..., là những cuộc xuống đường không mệt mỏi, là những đêm không ngủ, là những tranh cãi triền miên về quốc gia - cộng sản, là cà phê Dung, cà phê Sơ Huyền, cà phê Tôn, cà phê Cô Ba, là những ngày Mậu

* Trong tiệm ăn, ông khách than phiền với người bồi bàn:

"Bíp-tếch chẳng ra cái gì cả!"

"Thưa ông, muốn biết giá trị của nó, xin ông hãy coi giấy tính tiền."

* "Tôi có máu khiêu vũ trong người."

"Ồ như vậy thì sự tuần hoàn máu huyết của anh đang kém lắm đấy. Máu hình như không chảy được đến chân của anh!"

* "Cho đến khi anh gặp em, đời anh chỉ là một sa mạc mênh mông."

"Hèn gì anh khiêu vũ giống... con lạc đà quá!"

Thân kinh hoàng, là bún Mụ Rớt, bún bò An Hòa...

Buổi chiều Diệm My đi học về nét mặt cực kỳ thanh tú
mấy tay văn nghệ tụm năm tụm bảy
Lê Khắc Cầm ngồi dáng điệu quan trọng
nói huyên thiên về triết lý phi-cứu-rỗi
Huỳnh Hữu Ủy hớt hơ chạy về từ đài phát thanh
nói Hoàng Ngọc Tuấn có truyện mới đặng lắm đăng ở Bách Khoa
Trần Hữu Thục gật gù tán đồng
còn mấy thằng làm thơ dở ẹc
mấy o cười cười nói Mường Mán hay lắm chơ
Lê Văn Tài vẫn điềm nhiên chấm phá những bức thái thủy
khi giọt mực cuối cùng nhòe đi như vì sao vụt tắt
cửa Ngọ Môn
đứng
khựng lại
(Hoàng Xuân Sơn, Huế Buồn Chi)

Với những người khác, thì Huế là Mệ Sen, Minh Trang, Trà Mi, Dạ thảo, cơm hến mụ Phụng, bún bò mụ Bồi. Xa hơn nữa, có Huế tản cư, Huế thoái vị. Huế cũng có thể là đò Thừa Phủ, rạp xi nê Nguyễn Văn Yến, rạp Tân Tân, rạp Lửa Hồng... Huế cũng có thể là Hoàng Trọng Bá, Bửu Sưu, Ngô Đình Cẩn. Huế có thể là những đêm văn nghệ ngoài trời với gạo trắng trăng thanh, anh đi chiến dịch, chúng tôi muốn sống. Huế có thể là câu khẩu hiệu đi đông bầu đúng cử xứng, xanh bỏ giỏ đỏ bỏ bì... Huế có thể là mùa hè đỏ lửa, tái chiếm Cổ Thành, di tản chiến thuật... Sau năm 1975, Huế hoàn toàn khác. Huế là khăn quàng đỏ, là Bùi San, là công trình Nam Sông Hương, là những chiến dịch thi đua, những cửa hàng quốc doanh, là xe đạp thồ, là quán ông Táo, ông Ớt, là cơm hến Trương Định, bún bò Lý Thường Kiệt, khách sạn Chuyên Gia, là chè Học Trò, sắn mụ Đào, cháo lương Lê Huân, cháo lòng Ngã Tư Anh Danh, cà phê Vườn Cau... Riêng với các em các cháu sinh ra hoặc lớn lên ở đây, thì Huế chỉ thuần là một tên gọi, với ít nhiều hình ảnh mơ hồ nào đó về một thành phố quê hương nghe người lớn kể lại như trong những chuyện cổ tích. Huế của các em các cháu rõ ràng là khác với Huế của chúng ta, và Huế của chúng ta cũng khác nhau, theo một kiểu nào đó. Chưa kể, mỗi một cá nhân lại có cho mình một Huế rất riêng tư.

Nói thì nói thế, nhưng xét cho cùng, riêng hay chung cũng chỉ là một cách diễn đạt mà thôi. Trong riêng có cái chung, và trong chung có cái riêng. Chúng ta, những người sinh ra, lớn lên trong lòng Huế, đã từng đau cái đau của Huế, buồn cái buồn của Huế, vui cái vui của Huế, mặn nồng với Huế, thì mọi cái tên, dù nhân danh hay địa danh, hay các biến cố đều gợi lên cho ta vô vàn hình tượng, vô vàn ý tưởng, vô vàn cảm xúc. Chẳng hạn như chuyện Thất Thủ Kinh Đô hơn trăm năm về trước, nhưng đối với người Huế, không ai không cảm thấy đó là chuyện của mình. Cho nên, cứ cho như là Huế của anh khác Huế của tôi, Huế giờ khác Huế trước kia, Huế còn Huế mất, Huế đành đoạn bỏ đi hay Huế nao nức trở về, thì Huế vẫn là Huế

Chiều chiều trước bến Phú Văn Lâu
Ai ngồi ai câu ai sầu ai thảm
Ai thương ai cảm ai nhớ ai trông
Thuyền ai thấp thoáng bên sông
Nghe câu mái đẩy chạnh lòng nước non

Trước sau, dù là mụ Phụng, ông Ớt, mụ Bối, mệ Sen, cậu Tôn, chè Hẽm, dù thay ngôi đổi chủ, Huế vẫn là Huế bún bò, Huế cơm hến, Huế mưa dầm , Huế phượng đỏ, Huế gió Lào, Huế những cơn bão rớt, Huế lội nước lụt, Huế lăng tẩm hẹn hò, Huế răng tê mô rứa, Huế cao sang và nghèo hèn, Huế hòa bình và sục sôi tranh đấu, Huế cao thượng và hẹp hòi, nghiệt ngã, Huế những mối tình đài các và những thành kiến triền miên, Huế chiếc nón bài thơ và Huế ngủ đò, Huế ở thì buồn xa thì nhớ, Huế tôn nữ và Huế bình dân, Huế núi không cao sông không sâu, nhưng thời nào cũng ồn ào, sôi nổi, Huế xuôi Nam và tràn ra Bắc, Huế lên đường di dân tìm đất sống, Huế đi xa không dám nói giọng Huế vì ngượng với những thổ âm, vân vân và vân vân...

Một nhà văn xứ Huế khác, Mai Kim Ngọc, viết:

"Mười năm nữa, năm mươi năm nữa, một trăm năm nữa, hay mãi mãi về sau, giả dụ người Huế có quên ăn nem Huế, quên kẹo mè xửng, quên bánh canh Nam Phổ... và những lưu dân nhớ Huế phải về Huế sưu tập tất cả những tấm gương cổ để đập ra mà tìm lại những ảo ảnh ấy, thì Hải vẫn đoan chắc rằng linh hồn của Huế vẫn còn trong hình bóng một cô gái nhỏ trên sông Hương, tối tối chở một vì sao mượn từ trời sao xứ Huế, và chở tiếng hò của cô...

Về đâu ư? Đại Lược hay Kim Luông? Hay về một bến tiềm thức sâu xa của những người đã sống ở Huế, hay đúng hơn những người vì một duyên nợ kiếp nào đã nhiễm chất Huế vào hồn..."
(Nụ Tầm Xuân)

Cái chất Huế ấy, ta cảm thấy, nhưng khó nói cho tròn nghĩa. Có lẽ, trong tâm cảm đó, nhà thơ xứ Quảng, Bùi Giáng, hạ bút:

Dạ thưa xứ Huế bây giờ
Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương

Câu thơ nghe đến lạ! Tưởng nhà thơ nói cái chi ghê gớm, té ra chỉ rứa. Thì Huế rứa thôi, mô có chi ghê gớm. Nhưng sao nhớ quay nhớ quắc thế này!

(Ngày nhớ Huế ở Boston, đầu tháng Hai 1997)

TRĂN TRỐI

MIÊNG

Người vợ Pháp nhìn anh với ánh mắt trắc ẩn, nao lòng. Chị nhìn thấy cái răng vàng trong tận cùng hàm trên qua miệng anh mở rộng, phần còn lại chỉ là một cái đầu lâu bọc một lớp cao su cũ, vàng úa nhợt nhạt có điểm nhiều chấm nốt ruồi.

Chị biết thân thể anh đã kiệt cùng sức sống, không còn đủ sức phấn đấu dù chỉ để đổi thế nằm. Trong tay anh, cái bấm đổi vị trí giường nâng phía đầu lên xuống, rớt ra. Cơn đau toàn thân cứ âm ỉ nhưng mãnh liệt, âm thầm mà tàn nhẫn đã hành hạ anh từ nhiều tháng nay. Các cơn đau oái oăm đó đã đẩy vợ chồng cha con gần lại, dù chỉ để nói với nhau vài tiếng không đâu vào đâu, hay chỉ nhìn nhau và biết là mọi việc đều trễ muộn - ngay cả lòng ân hận sao đã không tương hợp từ lâu.

Chị trân trọng ngồi xuống mép giường, ấp bàn tay củi khô vào hai tay mình và nhìn anh với cái nhìn của những người đàn bà Âu Châu đón tin chồng trong hai trận chiến.

Chị ngồi như vậy rất lâu, nhẫn nại như trời mùa đông xám ngắt bên ngoài chờ đèn lên để biết là ngày đã hết. Mắt anh nhắm nghiền, hơi thở nhọc nhằn không muốn thoát ra khỏi cổ, hai môi như hai vụn bánh tráng nướng vụng, bất động. Bỗng mấy ngón tay anh cựa quậy trong tay chị, ánh mắt yếu lả qua đôi mắt anh hé mở, nhìn chị rất lâu. Chị cúi xuống, hai tay ôm chiếc sọ hầu như không còn tóc :

-Tu veux dire quelque chose ? (1) Anh gật đầu, ánh mắt hướng về phía sau lưng chị. Thằng con trai đang đứng đó nhìn cha, vẫn với cái nhìn hơi rụt rè xa cách. Nó có đời sống của nó mà anh không chấp nhận. Anh vẫn

muốn có một cô con dâu cho anh vài đứa cháu nội, với hy vọng sẽ đền bù những thiếu sót với con vào các cháu tương lai. Nhưng người bạn đời nó chọn lại không phải đàn bà. Từ đó cha con trở nên hầu như xa lạ và khi anh chị chia tay, nó ngả hẳn về phía mẹ.

Chị đứng lên đặt tay ấn vai con ngồi xuống, rồi tới bên cửa sổ nhìn mông lung mấy dãy xe đậu dọc sân bịnh viện ươm ướm sương chiều. Mắt chị ươn ướt đỏ.

Thằng con vụng về cầm tay bố, không biết nói gì. Anh động đậy bàn tay trong tay con rồi thều thào :

-Con, bố tiếc, là, đã không dạy, con văn, hoá, Việt Nam, bố... Ngoài hành lang vẳng lên tiếng gọi, tiếng chân hấp tấp chạy và tiếng khóc. Trời như sụp tối xuống nhanh hơn, mưa lất phất trên cửa kính óng ánh ánh đèn.

Anh ngừng lại để thở, rất lâu. Thằng con bối rối gọi mẹ. Chị rời cửa sổ đến cúi người xuống gần. Anh thở cực nhọc đứt quãng :

-Bố tiếc, là quá, khe, khắt với, con, bố tiếc, không, dạy, con tiếng, Việt, con chưa, biết, Việt, Nam, bố muốn, con ráng, sống, sao cho, ra, người, bố...

Thằng con kêu lên :

-Mais papa, j'ai rien compris. Tu délires ou quoi ?

Qu'est-ce que tu veux dire ? (2)

Anh nhắm nghiền mắt lại :

-Ah oui, bố, veux, dire... (3)

Hẳn là anh có nhiều điều muốn nói, ít nhất một lần trong đời, như tất cả các người cha đều có những chuyện phải nói với con. Anh đã từng ngồi hằng giờ với cơn đau thắt ruột để say sưa nói cho bạn bè nghe về những dự án của mình, với quyết tâm sẽ thực hiện khi lành bịnh. Nhưng bây giờ với con, dù chỉ vài câu thôi, anh cũng không toại nguyện...

Như các dự án muôn đời vẫn chỉ là phôi thai ấy, những gì anh muốn nói cho con hiểu trước lúc lâm chung đã theo anh xuống lòng huyệt lạnh. Sau cố gắng đó đầu anh quẹo qua một bên, cả người bất động. Bên kia cửa kính, mưa bắt đầu nặng hạt.

Đôi khi, những điều người ta muốn nói với nhau nhất trong đời thường không bao giờ đúng lúc.

Paris, 02 Fév. 1997 Paris, 02 Fév. 1997

(1) Anh muốn nói gì phải không ? (2) Nhưng bố ơi, con chẳng hiểu gì cả. Bố mê sảng hay sao ? Bố muốn nói cái gì ? (3) A ừ, bố, muốn, nói là...

THÍCH NGHI: GIÁ PHẢI TRẢ

Bịnh chứng, đương đầu

Bác sĩ TRẦN MINH TÙNG

Thích nghi là chuyện dĩ nhiên khi ta lìa xứ và sang ở nơi đất người. Ta khác với dân địa phương, ta lạ phong tục, không quen tập quán, ta không làm sao thông cảm hoàn toàn lối nghĩ, nếp sống của họ, trong khi hoàn cảnh, nhu cầu mưu sinh khiến cho chúng ta cần phải hòa mình với họ. Cố gắng ép mình vào khung cảnh mới chính là thích nghi, và hết mọi người tị nạn đều phải qua cầu thích nghi, không ngớt qua cầu, gần như trọn hết cả đời, khi nào còn xa quê hương. Những người mới đến đã đành phải học lề lối của xứ mình đến; nhưng còn những kẻ đã đến từ lâu cũng có vấn đề xử thế với con, với vợ và với chính mình, đã khác ngày xưa, đổi thay sau khi chung đụng, tiếp xúc văn minh ngoại lai. (Xem Thích nghi: cái cầu phải qua. Thế Kỷ 21, tháng 1, 1997). Mỗi người mỗi cách cố gắng giải quyết vấn đề: có người suông sẻ, có người không mấy trọn vẹn, có người lẩn tránh vấn đề. Phần lớn phải trả một giá nào đó khi phải đương đầu nghịch cảnh. sau đây là bản lượt kê một số hậu quả thường gặp trong khi "trầy vi tróc vảy" cố gắng thích nghi và những phương thế đương sự xử dụng khi ráng hoàn thành công chuyện phải làm. Luận kết thực hành đặt thử vấn đề: chúng ta làm gì được để giúp thích nghi. TMT. Làm người di cư, thích nghi là chuyện hằng ngày, bắt buộc phải đến, không muốn không được, ai cũng phải làm, không một kiểu nầy thì cũng kiểu khác. Có người trọn vẹn, có người nửa chừng, có người hòa nhập gần hết, có người đứng ngoài ngưỡng cửa: tất cả bắt buộc cố công, phải trả "mãi lộ", vì không thể nào tự nhiên mà đổi để thành người mới, để cho đừng quá khác nhịp với xã hội chủ.

Thế nhưng tùy người: khi thì giá nhẹ, vì đổi chút ít, khi thì giá đắt, nếu phải thay nhiều. Đắt nhứt là khi thích nghi lại sai cách thức, phương pháp sằng bậy, tưởng là hội nhập nhưng lại càng xa cộng đồng người quanh, ngược lại với chính quyền lợi hợp lý của mình, khi thành bịnh chứng, trở thành ra *thích nghi bất thích ứng* (maladaptive adjustment).

Vì ai cũng phải thích nghi, nên có nhiều cách, mỗi người một kiểu, cho nên sau đó, chúng tôi sẽ tả những thế đối ứng người mình thường dùng khi gặp văn minh xa lạ, với nhiều vấn đề: sinh sống, cô đơn, tủi thân... Câu hỏi tự nhiên là: chúng ta, người ngoài, làm gì được không? Trả lời sẽ đưa ta đến chánh sách di dân, hội đoàn... hiện thời chỉ có một phần ở trong tầm tay của ta, cho nên chúng ta sẽ chỉ vắn tắt mà thôi.

Bịnh chứng vì thích nghi

Trở về thích nghi, cố gắng hòa mình với xã hội mới là một nỗ lực toàn diện, khiến cho đương sự, với người chung quanh, đôi khi phải trả cái giá rất mắc. Chịu nổi hay không tùy theo mỗi người, thăng bằng hay là bấp bênh, và tùy cảnh huống, khổn lực ác tính đến độ làm sao. Tất cả có thể đưa đến các chứng sau đây, có khi là bịnh, có khi là dấu thông thường của việc đương đầu với hoàn cảnh lạ:

1. Tột cùng là khi đương sự vì một cớ gì (di truyền, ngoại cảnh), lẫn trốn thực tế, đi vào **cuồng sản.** Bịnh chứng thường thấy nơi các sinh viên xuất ngoại, du khách, ngoại kiều, và đã ghi nhận với mọi sắc dân: Đài Loan, Phi luật tân... Với người Việt Nam thì là trường hợp cố hữu của du học viên, sĩ quan xuất ngoại theo học các trường các Quân chủng Mỹ dưới thời Việt Nam Cộng hòa. Triệu chứng giống nhau như đúc: sinh viên vừa xuống máy bay vài ngày, bỗng nhiên quá động hay là ngưng động, nói chuyện không đâu, tố cáo người này người nọ muốn ám hại họ hay muốn giết họ, nghe tiếng người kêu hay chửi, nghi ngờ mọi người thù nghịch, khiến họ khiếp sợ và muốn trốn chạy. Con người điên cuồng không ai giữ nổi và thường họ phải hồi hương; sau đó với thuốc và về được quê nhà thì lần lần êm và hết không có hậu chứng.

Bịnh chứng dễ hiểu: đương sự mới tới đã thấy xung quanh mình toàn là người lạ, nói năng, giao dịch khó khăn, có khi họ bị rắc rối lỗi tại vách ngăn ngôn ngữ hay là tập quán. Họ đã diễn kịch *"không hiểu"* thành ra *"người ta ghét mình"* nên nghi tất cả người khác, thành ra ảo tưởng, phát sanh vọng luận. Năm 1951, ông F.F. Kino đã gom tất cả trường hợp tương tự vào chung một

mối và gọi là chứng *"Loạn trí vọng luận của người ngoại kiều"* (Alien's paranoid psychosis).

Cho riêng các người di cư, chúng tôi thấy có một số bịnh nhân như kiểu nói trên, nhưng không đông lắm. Cái khó là không làm sao định rõ là bịnh đã sẵn rồi bị xúc động, hay là bịnh tự nhiên đến rồi đi, như các bịnh chứng trước kia chúng tôi đã thấy ở tại bịnh viện Cộng hòa. Cảm tưởng chung là bịnh hiếm ít và trong cộng đồng Việt nam ở Mỹ nói chung, số các bịnh điên cũng không cao lắm còn việc thích nghi cũng không thường đạt mức độ quyết liệt như thế.

2. Thường thấy hơn nhiều là **các triệu chứng tâm thể:** châu thân lũng đoạn trong khi tâm trí bấn loạn, tất cả con người đang bị thử thách cho nên thân thể vạ lây. Triệu chứng có thể khách quan, người ngoài biết được: mất ngủ, biếng ăn, mất cân... Hay chủ quan, người ngoài ít biết hay là không biết trong khi người bịnh khó chịu: nhức đầu, đau nhức mình mẩy, hay quên, nóng tánh, ưu sầu... Một chứng rất thường nơi người Á đông là thấy sợ lạnh (frigophobia), sợ gió, chúng ta cứ gọi là cảm, trong khi thật sự là bịnh ưu sầu (depression).

Dấu chứng không thấy có gì đặc biệt, có thể cắt nghĩa bằng trăm ngàn cớ nhưng khám châu thân thì không thấy bịnh gì rõ, chỉ hoàn cảnh lúc bị bệnh là đáng chú ý: người bịnh là người di cư mới tới và đang cố gắng thích nghi. Một số rất nhiều các đồng bào ta chính thường đi khám bịnh khi mới tới Mỹ về những dấu chứng như trên: bịnh không nặng lắm nhưng mà ray rức, khó chịu, cho nên người ta không hiểu và đâm ra sợ. Khó chịu sẽ bớt lần lần một khi "quen nước quen cái" và không còn nhiều vấn nạn, thắc mắc như lúc hồi đầu.

Vấn đề đặt ra là khi họ khám bịnh với một bác sĩ ngoại quốc. Họ khó diễn đạt cái đau của họ ra bằng Anh ngữ, nên ông bác sĩ không thể định liệu được rõ, nhứt là khi các triệu chứng miêu tả một cách rườm rà hay quá vắn tắt qua người thông dịch, thường không đủ chữ. Cho nên mặc sức rọi kiến, đo máu, thử đàm và một trăm ngàn thử nghiệm khác, tốn tiền, tống công, và chỉ làm cho tất cả quýnh thêm khi tìm mọi ngả mà định không ra bịnh chứng.

Có người hay hỏi: tại sao có những triệu chứng châu thân trong khi thích nghi toàn về tâm trí? Ấy vì con người là một, không thể phân chia hoàn toàn cơ thể và tâm lý. Những gì xảy ra trong trí óc người đều có âm hưởng trên các phận sự châu thân. Y khoa tâm thể (psychosomatic medicine), mặc dầu chỉ mới xây dựng từ vài thập niên, chỉ là nhắc lại một chuyện thực tế ngàn đời: cơ thể cùng với tâm trí dính liền, đi chung với nhau. Cá nhân lo âu: cơ thể căng thẳng thành ra đau đầu, nhức vai, lo âu là cho hồi hộp, cao máu: ấy là chuyện thường và ai cũng biết. Tất cả xúc động đều qua châu thân và *thể chứng hóa* (somatize), trở thành triệu chứng cơ thể trong khi cá nhân không thể hay là không chịu nói các tình cảm của mình nên lời (trường hợp của người Việt Nam kín miệng không chịu thố lộ những chuyện riêng tư).

3. Một số người khác có những **hành vi sằng bậy:** họ cũng "thích nghi" nhưng mà hành động của họ không thể gọi là bình thường và không hợp lý cho nên gây thêm khó khăn cho chính đương sự. Nói chữ là họ xuẩn động; theo Mỹ thì họ *ngoại tác* (act out), biểu lộ tâm tánh thầm kín của họ bằng những hành vi bên ngoài. Nhìn cách khách quan thì họ *thích nghi cách bất thích ứng* (maladaptive adjustment).

Giống như con thú bị săn, khiếp sợ rồi đứng chết trân, con người cũng vậy, khi bị khổn lực rồi đứng chết trân, cũng như trời trồng, ì ra, không làm gì hết, không chịu kiếm việc, không lo học hành, không thấy lo lắng: họ không làm biếng, nhưng họ chán ngán, quẩn trí, cho nên bỏ cuộc. Ngược lại, có khi họ cũng phản ứng những cách độc hại, bằng cách uống rượu, hút sách, cờ bạc... Điển hình là một số người tỵ nạn độc thân, qua đây một mình, thiếu sự an ủi của một mái ấm gia đình, bị nhiều khổn lực thích nghi hơn các người khác, đã từng có những hành vi tự hủy như vừa kể trên: sinh sống bừa bãi, rượu chè, lang thang, đánh phá... chính vì nản chí cho nên buông thả, "liều mạng".

4. Công trình thích nghi liên quan đến cả những người chung quanh cho nên lây cả **gia đình,** thường không khỏi bị liên can. Câu chuyện dễ hiểu: cá nhân buồn phiền, tâm trí căng thẳng, tư lự, lo âu, tự nhiên trở thành nóng giận, cau có, dễ dàng xảy ra đụng chạm, gây gổ. Gia đình do đó xào sáo, vợ chồng đắng cay, cha con giận hờn, không ai giữ nổi nhẫn nhục, thuần tính như lúc an bình. Lại thêm: không còn cộng đồng thực sự, chòm xóm đáng kể hay là gia đình vững mạnh, để phải nể nang, e ngại như hồi còn ở Việt Nam, cho nên gia đình đổ vỡ rất dễ. Vợ chồng rất dễ bỏ nhau, ly dị vì những cớ nhỏ. Con cái lắm khi hoang đàng cũng vì hoàn cảnh hỗn loạn trong nhà, khi không còn ai bảo ai. Xung đột ở mọi lứa tuổi xảy ra thường xuyên hơn và dễ dàng hơn, một cách dữ dội và cũng quyết liệt, khiến khó hàn gắn hơn trước. Nói chung, sống ở xứ mới không là yếu tố duy nhứt nhưng rất hệ trọng, lôi thêm nhiều yếu tố khác, làm mất yên bình, hòa khí gia đạo.

Và trong khi ấy, người ở trong cuộc: tỵ nạn, di cư... thấy khổ, thấy lo, thấy buồn... mà không ai biết, vì họ không chịu nói ra, ít khi thố lộ với người bên ngoài, vì quen dấu kín, chịu đựng, vì nghĩ rằng chuyện tự nhiên phải đến và phải cam chịu chung với mọi người.

Đối phó

Họ cắn răng chịu, nhưng họ không phải ngồi yên, chờ thời một cách thụ động mà thôi. Tuy không nói ra thành tiếng, nhưng họ cũng cố tìm những cách đối phó để cho bớt khổ, bớt lo, bớt sợ. Sau đây, để cho dễ nhớ, chúng tôi phân tích từng nhóm những cách họ dùng để bớt tổn thương, để giảm khốn lực, nhưng trên thực tế thì việc thích nghi không phải ngăn nắp như thế. Tất cả đều là hồn nhiên lựa chọn, tìm cách chống trả mà không cần biết tên gọi là sao, miễn là tiện lợi, công hiệu là đủ.

Khi phải thích nghi thì có nhiều cách đương đầu:

1. Trước tiên thiên hạ tìm cách cách **tránh né để khỏi hay bớt khổn lực** (stress). Thí dụ, người tỵ nạn mới, không ai bảo ai, cũng tìm định cư chỗ nào được gần bà con, đồng bào, chỗ nào có nhiều người Việt hay người Á châu là thích hơn hết. Xứ Mỹ, hay Pháp, hay Úc rộng rãi, địa phương nào cũng giống như nhau, nhưng nơi nào nhiều đồng bào thì như chào mời vồn vã. Cho nên bà con tuôn về Quận Cam, Cali, hay Quận 13, Paris, hay là Cabramatta, Úc châu là vậy, và sẽ cứ vậy: cộng đồng Việt Nam sẽ vẫn thu hút người Việt mới đến hay là người Việt còn nhớ quê hương. Những người tự coi như là không may phải đi chỗ khác rồi cũng tìm về chỗ nào tập trung người Việt: chung một khu phố, xóm giềng để cảm thấy bớt lẻ loi. Khởi sự có thể chỉ vì tiện lợi đi làm, xe cộ, rẻ tiền, vì quen biết nhau lúc đầu... cho nên rủ nhau về kế bên nhau. Vài năm sau khi vững chãi, có tiền, công ăn việc làm chắc chắn, người Việt có thể dời nhà đến ở chỗ khác, sang hơn, sạch hơn, và ở khu nhà giữa người da trắng, tuy vẫn tập trung buôn bán làm ăn ở khu Việt Nam. Nếu di chuyển xa các xóm riêng biệt thiểu số (ghettos), thì tức là người di dân đã được hội nhập phần nào và xã hội mới. Càng vững thích nghi, thì có thể đi càng xa các nhóm sắc dân, nhưng không hết hẳn nhu cầu nương tựa cộng đồng đồng bào. Do đó sẽ còn người đi chợ Việt, Little Saigon lớn nhỏ, dầu họ đã được định cư hay là hội nhập từ lâu.

Thiệt ra không phải họ muốn nhờ vả bà con, chòm xóm. Đúng ra họ ngại ở gần đồng bào, không muốn "quá" gần, sợ người Việt Nam có thể "nhiều chuyện" (theo như điều tra năm 1976 về người tỵ nạn Đông dương ở San Diego của G.S. William Liu và Elena Yu). Nhưng họ vẫn muốn có nhau... vì nghĩ mình sẽ nhờ đó mà bớt lạc loài, xa lạ: họ muốn không phải thích nghi, họ muốn được giống hồi trước, cũng cơm nước mắm, vẫn nói tiếng Việt, làm như còn ở Sàigon, Cần Thơ...

Do đó mà khu biệt lập riêng cho thiểu số gần như là một phản ứng đương nhiên của các sắc dân di cư. Nhờ đó mà các vùng đặc biệt của dân thiểu số, những Tiểu Ái nhĩ lan, Tiểu Ý đại lợi, Tiểu Cuba, những Chinatown, hay Japantown, hay Koreatown mọc lên từ lâu và vẫn còn mạnh ở các thành phố Boston, New York, Miami, San Francisco, Los Angeles... bên cạnh Little saigon cho người Việt nam hay là Long Beach, cho người Cao Miên, cả hai ở vùng California. Chánh sách của chánh phủ Mỹ là muốn trải mỏng di dân rộng rãi ngay từ lúc đầu, cốt ý tránh việc tập trung về một vài vùng. Nhưng ý chánh trị đã không thắng nổi ước muốn tự nhiên của người di cư khiến họ đua nhau trở về những vùng có đông người Việt, mặc dầu lúc đầu mới tới đã được định cư nơi khác.

Trên mặt thích nghi, xin nhắc lại rằng: sống với bà con, giao dịch, buôn bán, làm ăn với toàn người Việt, ở trong khung cảnh gần như hoàn toàn Việt nam không tránh tất cả khó khăn, vấn nạn, nhưng mà bớt đi rất nhiều, hơn là khi phải đụng chạm trực tiếp với cộng đồng chánh. Thế nào cũng còn âm hưởng gián tiếp của xã hội Mỹ, và lớp người trẻ, lớn lên thấm nhuần ảnh hưởng của Mỹ sẽ đem văn minh và hình ảnh của môi trường ngoại quốc về nhà, khiến cho cha mẹ, ông bà cuối cùng vẫn phải chứng kiến, đương đầu với văn hóa Mỹ, hiện thân các con cháu của mình đã được Mỹ hóa.

2. Một cách thực tế, thích nghi là sẽ tìm **giảm khổn lực** bằng cách giải quyết lần lượt vấn nạn khi được đặt ra. Mới qua thì lo vấn đề tiền bạc, việc làm: nếu kiếm được job, xin được welfare.. thì đỡ bớt lo, ấy là thích nghi. Cùng trong lúc ấy, nếu chưa biết tiếng, sợ lạ thì kiếm học tiếng Anh, thi vô dân Mỹ... lo sợ vì tại tương lai mù mịt và chưa bảo đảm? Hãy cứ đến trường, học nghề hay là tìm việc nuôi thân: đường đi đã vạch, chỉ việc cố gắng lần đi.

Thích nghi lối ấy dễ dàng vì toàn vấn đề thực tế, đặt ra gọn ghẽ và thấy có ngã giải quyết. Chính vì vậy mà thiên hạ thích mà muốn mọi việc phải cụ thể hóa như thế. Thí dụ người đã định cư miền Bắc hay muốn di chuyển về vùng Texas, rêu rao miền Bắc quá lạnh và biến ý đồ (tiềm thức) muốn kiếm đồng bào trở thành vấn đề - dễ hiểu và dễ chấp - lo sợ thời tiết không hạp.

Cái khó là các nhu cầu của người di dân không phải luôn luôn cụ thể, giản dị, nên không nhứt thiết đối phó thỏa đáng một cách trực tiếp. Riêng những kỳ vọng tâm lý, thường trong tiềm thức: ước muốn tự trọng (self-respect), an bình, lo sợ cô đơn.. khó nói và khó phân giải, tuy rất quan trọng, nên ít ai biết và khó trả lời tức thì.

3. Một chiến lược khác có thể là tìm **tăng gia sức lực nội ngã** để chống đỡ lại khổn lực bên ngoài. Con người di cư, không nói, không học, nhưng cũng tự mình đi kiếm đồng minh:

- *bên phía gia đình,* người thân. Chúng tôi đã

nói: không phải họ có tính toán là ai giúp ai, nhưng trong thâm tâm họ vẫn nghĩ rằng bà con, quyến thuộc vẫn hơn người dưng, nước lã. Truyền thống ngàn năm qua đây vẫn còn sống mạnh: ở trong gia đình Việt Nam, người ta vẫn còn thương nhau, đùm bọc lấy nhau. Anh kiếm việc làm cho em, cha sống nhờ con, dâu gởi tiền nuôi mẹ chồng... là gương thường thấy và đáng kính phục, làm ta ấm lòng, khác xa với cảnh cha con, họ hàng ghẻ lạnh sắt đá thường thấy trong xã hội Mỹ. Người dân di cư do đó thích được sống chung hay gần với anh chị em, và chỉ lần lần mới tách rời ra. Gần nhau, gánh nặng thích nghi nghe như nhẹ hơn, vật lộn với đời sống mới coi như không quá đáng sợ khi có nhiều người bên cạnh. Người Việt ở năm mười người chung trong một nhà, không quản chật hẹp, không phải vì họ tiện tặn mà thôi, nhưng lại muốn được che chở chung nhau, để họ yên tâm chống trả với thế giới xa lạ chưa biết ra sao.

Tinh thần đề cao cá nhân sẽ dần cám dỗ người dân di cư, khiến họ sẽ đòi chỗ ở riêng biệt, mong cho con ngươi được trong hơn là tập thể và lấy lại cá nhân tính: tất cả sẽ dần dần đưa cá nhân xa tách khỏi nhóm gia đình trước kia hãy còn tập trung. Nhưng ấy là chuyện về sau và phải một khoảng thời gian mới thấy. Hiện tại, người Việt hãy còn vui để ở chung, tụ tập tìm cái thú vui - cùng với sức mạnh - của đại gia đình...

- *Bên phía láng giềng,* đồng bào. Hàng xóm có thể giúp cho một tay nếu cần, nhưng sự ủng hộ tinh thần, biết họ có mặt gần ta, thường cũng là đủ, đảm bảo rằng sẽ không quá cô đơn. Chính vì đi tìm người thân - hay là sẻ thân - trong các đồng môn hay người cùng ngành, cho nên người dân di cư hưởng ứng nhiệt thành các hội Ái hữu, Tương tế, hội Cựu Sinh viên trường nọ trường kia, hay Cựu Nhân viên sở họ hay binh chủng kia. Quan trọng hơn là kiếm bạn, họ muốn chắc chắn rằng ở quanh họ vẫn còn đồng đội, những người đã quen hay sẽ làm quen, có một chút gì liên hệ vì cùng hoàn cảnh với họ, cùng quá khứ với họ, sẽ làm cho họ đỡ sợ, hơn là nếu phải đứng riêng một mình. Chợ, quán, tiệm ăn, lễ lạt.. phần nào đông người vì đúng nhu cầu tâm lý: muốn gặp đồng bào, muốn được nghe thấy cộng đồng sống lại quanh mình. Cùng một kiểu ấy, số lớn trở thành thiết tha với

- *các đạo giáo:* một phần vì thêm tin tưởng vào Đấng Thiêng liêng sau khi vượt thoát những cơn nguy hiểm, hoạn nạn, một phần vì các tôn giáo cống hiến cơ hội gặp lại đồng bào, cho cái ấm lòng khi được tụ tập quây quần. Đền chùa, nhà thờ... chật người vì bởi nhiều người trở thành mộ đạo, và vì lễ lạc tôn giáo cũng là cơ hội để gặp nhiều người, đồng chí, đồng sàng. Số các Hội đoàn tôn giáo lớn hơn, tổ chức cũng mạnh hơn trước nhờ đáp ứng được đúng chỗ nhu cầu người dân xa xứ: muốn thấy rằng mình đang được chung lưng đấu cật với lại đồng bào ruột thịt.

Nói chung thì hết mọi người đều dùng *các lối tâm lý tự vệ,* chống đỡ để bớt lo âu và giữ tự tin. Thí dụ, có người luận lý (rationalize) rằng mình di chuyển lần nhì vì lạnh, vì công việc làm... trong khi thật sự chỉ tại vì buồn, ít người Việt nam, vì sợ cô đơn... Người khác thì tự an ủi bằng cách tự nhủ: sắp hết đường hầm tới nơi, chắc về Việt nam, sắp hết thử thách, sẽ tới yên bình... Thực tế thì càng ở lâu, càng ít muốn về, vì bị vướng vít càng nhiều. Nhưng mộng Việt Nam vẫn hãy sống động trong hết mọi người và giấc mộng về quê cha đã và đang giúp cho một số di cư chịu nổi tủi buồn khi quá chán ngán hiện tại. Cùng một kiểu ấy, ngay lúc không nghĩ mình sẽ trở về, những người xa xứ vẫn quý từng kỷ niệm lớn hay nhỏ nhắc tới quê hương: băng nhạc, tờ báo Việt ngữ... tuy không nói rõ, nhưng là "món ăn tinh thần" nuôi dưỡng ý trí để cho bớt buồn và bớt cô đơn.

Một cách sau cùng là tự nhủ rằng tất cả có số và tại duyên trời, phải cam chịu vậy. Tin vào số phận tức là không tự trách mình và bực tức, tủi nhục, vì tại số phần hẩm hiu, vì mình đâu có trách nhiệm! Đời sống người Việt di cư từ lúc ra đi vẫn mãi bấp bênh, không chắc vào đâu, cho nên nhiều người tin nơi bói toán, địa lý, siêu nhiên, nhiều hơn lúc trước. Nhưng họ vẫn còn thực tế nên tin để tìm an ủi, vẫn tích cực chạy đôn chạy đáo để mong sửa lại số trời. Lý thuyết định mệnh với họ chỉ là cách nói, không biến họ ra thụ động hoàn toàn, không giống vài dân tộc khác.

VAALA

LỚP VẼ THIẾU NHI

của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ
do họa sĩ HỒ THÀNH ĐỨC phụ trách
KHÓA HÈ 1997
từ thứ Bảy mùng 7 tháng Sáu,
đến thứ Bảy 30 tháng Tám 1997

Mỗi thứ Bảy học từ 9 giờ sáng
đến 12 giờ trưa tại trụ sở Hội VAALA
số 11022 Acacia Parkway, Suite A,
Garden Grove, California
*
Học phí trọn khóa $150.00, và $10.00 học cụ
(giấy, bút, màu...)
Nhận ghi tên từ nay đến ngày khai giảng
ĐT: (714) 537-8352; 638-9510

Giúp để thích nghi

Những loại phương sách chúng tôi vừa kể đều là phổ thông, mọi người vẫn dùng và ai cũng biết. Nhưng có điều lạ là ít khi nào nghe người di cư nhắc đến hay là bàn đến ở nơi công cộng, thí dụ như trên mặt báo, nơi trang xả luận, trong các hội thảo, vân vân.. Người Việt nói tóm, hình như không mấy để ý vấn đề cuộc sống hiện tại, còn chỉ muốn nhìn về thời xưa, nói chuyện Việt nam lúc trước, hay là bàn chuyện tương lai, một xứ Việt nam không có cộng sản, yên bình, lý tưởng. Thỉnh thoảng có một vài bài than vãn: con cái sa đọa, cực khổ chỗ làm... nhưng chỉ tả oán, hoặc là đề nghị trở về về luân lý cổ truyền, còn không mảy may nhắc cách đối phó thực tiễn. Thực tế: một xã hội mới, những giá trị mới, một con người mới... ít khi nghe đá động tới. Còn về vấn đề thích nghi thì thấy im hơi lặng tiếng: xã hội di cư âm thầm lột lốt và coi đó là việc dĩ nhiên mỗi người phải lo liệu lấy, không cần phải ai chỉ ai, cùng lắm chỉ người trong nhà với nhau mà thôi.

Trớ trêu là người ngoại quốc ở các nước chủ đang có nhiều người di cư: Mỹ, Úc, Đức, Pháp, Gia nã đại.. thì lại thấy rõ vấn đề, và có rất nhiều chương trình để mà giải quyết, công có tư có.

Riêng **chánh phủ Mỹ** đã đặt vấn đề từ đâu khi dân Việt Nam ùn ùn tháot chạy qua Mỹ vào năm 75. Lúc ấy, chúng tôi đã có dịp gặp phái đoàn chánh thức thẩm lường tình hình tâm lý vì họ rất e, có thể dân ta phẫn uất đến độ tự sát tập thể, nổi dạy... Sau đó, mối lo thích nghi chỉ còn đứng hàng thứ yếu trong khi phải tính nuôi ăn, lo sống, nhưng vẫn luôn hiện diện. Cụ thể là các cơ quan định cư đã dùng nhiều triệu Mỹ kim trong khá nhiều đợt, chia cho một số chương trình gọi là "Sức khỏe Tâm trí" (Mental Health) sẽ bàn sau nầy.

Đường lối chánh thức có thể tóm lược như sau:

1. Chắc chắn phải đặt bàn toán thích nghi cho người di cư.

2. Những người, hay là tổ chức, đỡ đầu (sponsors) là những phương tiên chánh yếu lo việc giúp đỡ mặt ấy. Họ là đầu cầu giúp cho học biết ngoại ngữ, quen với phong tục, giúp kiếm việc làm và tìm chỗ đứng trong xã hội mới. Các Hội thiện nguyện (Volags) sẽ là tổ chức qui mô giúp những phương tiện lớn mạnh hơn nữa nếu các sponsors hãy còn chưa đủ.

3. Trường hợp cá nhân gẩy đỗ, ngã bịnh thì có những chương trình riêng (Chương trình Sức khỏe Tâm trí), giao cho cơ quan tư nhân, lãnh tiền Chánh phủ để lo giáo dục, đào tạo nhân viên, chuyên lo thăm viếng vãng lai, giải thích, khuyên bảo, coi sóc, điều trị tại gia... cho các sắc dân Đông dương. Chánh phủ cũng sẽ giúp các Hội đoàn, Tổ chức Cộng đồng của người di cư trở nên lớn mạnh để mong có ngày họ sẽ đứng lãnh trách nhiệm lo cho đồng bào của họ.

4. Tột cùng là hy vọng rằng người di cư sẽ vào giòng chánh (mainstream), và như người khác, sẽ dùng phương tiện điều trị và các tổ chức xã hội sẵn có như các công dân hay kiều dân khác ở Mỹ.

5. Một điểm trong chánh sách chung, tuy không thành văn, nhưng vẫn lảng vảng trong trí của nhà cầm quyền, là không muốn cho người Việt gom tụ, sợ thành *ghettos* (khu biệt lập sắc dân). Mặc dầu vấn đề cãi đi cãi lại nhiều lần, nhưng đường lối ấy vẫn còn và vẫn áp dụng cho các lớp di cư sau nầy: tỵ nạn HO không có người nhà bảo lãnh và đi riêng rẽ phải về định cư những vùng ít có người Việt.

Khuyết điểm của chánh sách trên để thấy cho nên vấn đề không sao giải quyết hoàn toàn:

1. Không thể trông cậy hoàn toàn vào các sponsors cho các vấn đề thích nghi. Sponsors người Mỹ có thể giúp cho một phần về mặt vật chất: nuôi ăn, tìm việc...; họ không hữu hiệu gì mấy khi giúp về mặt tinh thần, tâm lý: chính họ còn không hiểu trọn người Việt nên có khi gây thương tổn lớn hơn là những khi không có sponsor! Sponsor người Việt nếu không phải là bà con thường không giúp bao nhiêu, ngoài việc ký tên để cho qua Mỹ. Nếu là bà con, thì họ vẫn tích cực, dầu có mang tên sponsor hay không. Thành ra có được sponsor người Việt thì chẳng có thêm gì hết.

2. Chánh sách phân tán những người di cư đi ngược ước muốn của dân tỵ nạn cho nên không thành là phải. Cuối cùng vẫn có di cư lần nhìn (secondary migration: người đã định cư đi thêm lần nữa), và các cộng đồng người di cư vẫn là trù phú phát triển, không thành ghettos.

3. Các cơ quan thiện nguyện không mấy hữu hiệu vì chỉ can thiệp khi đã xảy ra gay cấn và tai nạn lớn, thường là quá trẻ và không có phương cứu chữa.

4. Dịch vụ xã hội gọi là để cho mọi người thật ra chỉ để cho người da trắng hoặc Mỹ thật sự. Cho các sắc dân thiểu số thì dịch vụ ấy không sao đi tới nơi người dùng, cũng không thích hợp và không hề được chấp nhận (not accessible, not adequate, not acceptable).

5. Hiệu năng của các chương trình tâm trí không đều và nhứt là không hề được lượng giá. Không hề có việc tóm lược về các chương trình để coi ai đã làm sao, ai hay, ai dở, để rồi rút tỉa bài học của mỗi chương trình. Thế nên phí mất kinh nghiệm mỗi người, không biết việc mình đã làm công hiệu mức nào. Dự án Sức khỏe Tâm trí do đó chỉ có âm hưởng nhứt thời, giống như cây pháo nổ xong rồi thôi.

Nhưng về **chúng ta, cộng đồng Việt nam**

thì làm gì đây?

Trước tiên cần một *tâm niệm:* thích nghi phải có, ai là di cư đều cũng thích nghi, và cần được giúp phần nào.

Thứ nhì là ta cứ hết bổn phận *giúp đỡ gia đình, bạn bè, đồng hương* thì đã là nhiều. Nếu cứ lá lành đùm bọc lá rách thì chẳng còn lại con số là bao những người không có thân nhân và không ai lo; còn thì đa số đã có bà con, bạn bè, người thân giúp đỡ

Thứ ba là ráng *củng cố hội đoàn,* tổ chức cộng đồng sao cho lớn mạnh và có hiệu năng. Phần lớn người Việt thích sẽ kết tụ trong những Hội riêng tùy theo địa dư, binh chủng, nguồn gốc, trường học... Một số ít người muốn làm chánh trị, lập hội, tụ tập dưới những tôn chỉ rộng hơn. Loại nào cũng hay, nhưng phải sống được lâu dài và phải vượt qua đố kỵ, nghi nan, chia rẽ. Mỗi một hội đoàn có tôn chỉ riêng, địa bàn hoạt động khác nhau, không cứ nhứt thiết trực tiếp định cư, giúp đỡ đồng bào mới tới. Nhưng sự có mặt của các hội đoàn và của cộng đồng di cư đã là sức mạnh an ủi người Việt và tôi dám chắc, sẽ lần dần đến thực lực, hành động cụ thể nâng đỡ đồng bào.

Thứ tư là trong chương trình hoạt động trong các Hội, nếu được, nên có một *phần hướng dẫn* giúp đỡ thích nghi. Tìm việc, lớp học Anh ngữ... là những công tác cụ thể nhưng mà bấy nhiêu không đủ vì còn nhu cầu tâm lý: tìm hiểu môi trường, tìm bạn, nhớ nhà... bấy nhiêu tuy không phải là vật thể nhưng cũng thiết thực không kém. Sáng kiến sẽ tùy mỗi Hội: hội đoàn thanh niên, câu lạc bộ, dịch vụ chỉ dẫn, hướng dẫn cho người mới tới, giải đáp thắc mắc... mô thức nào cũng hay, miễn là đến được người cần.

Về phần chuyên môn, tổng quát là các *chương trình giáo dục* nhắm về hai chiều. Một phần cần nói cho rõ với các kiều bào Đông dương vấn đề thích nghi ra sao, có những vấn nạn thế nào, phản ứng thông thường làm sao, để họ biết trước mà lo. Mặt khác, phải nhắm các người ngoại quốc trong cộng đồng chủ: Mỹ, Pháp, Úc, Gia nã đại... nhứt là những người nhà nghề làm việc với người di cư, để họ hiểu thêm về người di cư, tâm lý, tập quán, cách thức suy tư, cái hay, cái dở của những người nầy... Một số chương trình tâm trí đã làm chuyện ấy nhưng phải cố gắng liên tục chứ không nhứt thời, một lần rồi thôi.

Trong mọi chương trình, đều cần *nỗ lực với xa* (reach out), tìm tận những người cần dùng dịch vụ, không phải chỉ ngồi đợi khách ở nơi phòng sở mà thôi. Những người Á châu luôn vẫn kín đáo về chuyện riêng tư, lại bị ngỡ ngàng, nên thường ít nói, và cũng ít biết tìm đến những nơi có thể giúp họ, cho nên ta phải tự ta đến họ, có khi thăm viếng tại nhà, mời gọi, giảng giải, may ra họ mới tín nhiệm và chịu để ta giúp họ.

Tất nhiên, nhân viên làm việc phải được *huấn luyện* kỹ càng và cả chương trình phải đặt trên một nền tảng vững chắc, với những dữ kiện khách quan, kết quả của những công trình *nghiên cứu* khoa học, để ta biết rõ ở trong dân chúng nhu cầu là sao, cái gì ít, cái gì nhiều, để rồi quyết định ưu tiên. Phần lớn chương trình tâm trí đều đã làm việc kể trên, song cuộc nghiên cứu không đi xa lắm và ta vẫn còn phán quyết theo sự ước đoán hơn là công cuộc điều tra.

Ngó về tương lai

Chúng tôi không muốn bàn nhiều về các vấn đề kỹ thuật thuộc về chánh sách, vừa là rườm rà, vừa ngoài tầm tay của người bình thường. Hiện nay, chánh sách không do chúng ta hoạch định mà do kẻ khác, người Mỹ hay Úc, hay Pháp. Chỉ có khi nào hội đoàn chúng ta "nặng ký" và có thực lực chánh trị thì các chánh phủ và chánh trị gia địa phương mới nghe chúng ta và làm theo ý chúng ta mong muốn. Trong hiện tình, chỉ có thể mong làm những gì mà chính chúng ta thực hiện được nổi, còn bàn công việc ngoài hơn chỉ là viễn vông.

Thích nghi vẫn còn: cho những người cũ nhưng vào một giai đoạn mới - đương đầu với con và cháu, đối ứng khi tăng thêm tuổi ở Mỹ, ở Pháp...; cho những người mới, số không ồ ạt nhưng cũng cứ qua Mỹ, qua Pháp đều đều, khác với thuyền nhân tỵ nạn lúc trước, vì sẽ so sánh tương lai với một quá khứ không nỗi quá tệ, vì hoàn cảnh sống khó khăn hơn xưa, trong khi cộng đồng Việt nam chặt chẽ, tổ chức hơn nhiều. Không phải mọi người đều phải bắt tay, giúp vào để giúp thích nghi. Nhưng đã đến lúc ta nên thức tỉnh chú ý đến các công tác phải làm và giúp cộng đồng đứng dậy để lãnh trách nhiệm trước kia giao cho người khác.

* Không phải chỉ những người lạnh lùng, bá đạo, kiêu căng, ngạo mạn hay hiếu thắng mới thành công trong chính trị. Tự bản chất những người ấy bị cuốn hút vào chính trị. Nhưng cuối cùng, chính sự lễ phép và cư xử tốt có ưu thế hơn nhiều.

— Vaclav Havel

* Chính trị cũng căng thẳng chẳng kém gì chiến tranh, và cũng nguy hiểm lắm. Trong chiến tranh, bạn có thể bị giết, nhưng chỉ một lần, còn trong chính trị thì nhiều lần.

— Winston Churchill

BÊN BỜ KINH VĨNH TẾ

NGUYỄN TẤN HƯNG

Xuyên qua lớp mây mỏng phía cuối trời Tây, ánh nắng chiều lửng lơ buông xuống không gian như muốn nhuộm vàng cảnh vật. Đượm lẫn sắc tím pha hồng. Lay động theo từng cơn gió đong đưa, cỏ cây lấp lánh muôn màu, thỉnh thoảng lóe lên những tia sáng chói lọi như ánh sao đêm. Trước mặt, ngó ra kinh Vĩnh Tế đục ngầu phù sa, những lượn sóng lăn tăn trông như những con rắn nửa vàng nửa nâu, đang cố gắng thi nhau bơi lội ở giữa dòng nhưng vẫn từng chập, từng chập cứ bị đẩy trôi, xô giạt vào bờ. Xa hơn một chút, bên kia là đất Miên cằn cỗi thưa người, với những đàn bò lậu ẩn nấp đâu đó đang âm thầm chuẩn bị sang sông. Sau lưng, nhìn lại quê hương là cánh đồng hoang bát ngát bao la, với cây cỏ dại nhiều hơn ruộng lúa xạ. Xa xa, dãy Thất Sơn vẽ lên phía cuối trời Đông những tảng màu mờ nhạt, những nét đơn sơ khiêm tốn, nhỏ nhoi lụp xụp như những ngọn đồi con...

Từ ngày giao lại nhiệm vụ bảo vệ căn cứ hỏa lực Biên Hai trong vùng U Minh Hạ cho lực lượng Địa phương quân - Nghĩa quân, đơn vị của Hiếu, tiểu đoàn 23, trung đoàn 32, sư đoàn 21 Bộ binh, đã hai lần tăng phái qua quân khu bạn, Quân Khu 3, nhằm bảo vệ vòng đai cho tiểu khu Bình Long. Có lẽ cấp trên nghĩ rằng, bằng mọi giá phải giữ vững An Lộc, không thể để cho địch tiến chiếm lần thứ hai . Bởi vì, nếu việc ấy xảy ra, tinh thần quân dân cán chính sẽ tuột dốc kinh khủng lắm.

Mọi người trong đơn vị chàng cứ nơm nớp lo sợ sẽ có màn tắm máu, cận chiến, đụng độ lớn trong nay mai. Ai dè áp lực địch, theo tin tức tình báo, nặng thì có nặng đó nhưng hầu hết các đơn vị bạn tập trung về đây đều bị khuấy phá, pháo kích lẻ tẻ chớ chưa hề chạm trán, chém giết, càn quét một lần nào . Lắm lúc chàng nghĩ, chẳng biết phe ta có bị trúng kế dàn cảnh, ngụy trang, dương đông kích tây của địch hay không nữa. Tuy nhiên, những ngày đóng quân dọc theo quốc lộ 13, khoảng gần gần quận lỵ Chơn Thành, đối với riêng chàng, cũng là những ngày xem ra có hơi nhàn hạ.

Mặc dầu là sương lam chướng khí nhưng cảnh núi đồi trùng điệp bao giờ cũng nên thơ, cao cả. Với những rừng cao su ngút ngàn, những rừng tre mút mắt. Các địa danh Hớn Quản, Bà Rá mới nghe như có vẻ kém văn minh, nhưng đã dần dần thay đổi và từ từ được nâng cấp lên trở thành quận lỵ, rồi thị xã tỉnh: An Lộc cho Bình Long, Phước Bình cho Phước Long. Xung quanh các thị trấn mới mở mang phát triển này, đồng bào Thượng thuộc các sắc tộc người Stiêng, Mnong, Tamun đang sinh sống rất đông. Hiếu thầm ngẫm nghĩ, nếu chỉ lùi lại độ khoảng nửa kỷ nguyên thì giang sơn hiểm nguy cách trở, nước độc rừng thiêng này chưa hẳn đã là của người mình, người Kinh. Ngay cả binh lính viễn chinh của Pháp khi xưa cũng phải đền mạng vô số khi khai phá các đồn điền cao su và thiết lập quốc lộ 14 đi từ Lộc Ninh lên Ban Mê Thuộc. Nhưng rốt cuộc rồi lịch sử như đã sang trang ...

Ngoài hai lần đi xa đó, đơn vị Hiếu vẫn thường xuyên có mặt trong vùng biên giới Châu Đốc - Hà Tiên. Tuồng như thay thế cho các đơn vị Biệt Động Quân biên phòng. Những tiểu đoàn nổi danh thiện chiến có lẽ, từ lâu, đã không còn là những đơn vị biên phòng thuần túy nữa mà đã bị đưa đi đánh đấm túa xua khắp mọi chiến trường. Cho đến bây giờ, những đoạn đường gai góc dọc theo liên tỉnh lộ 10 từ Châu Đốc đi Tịnh Biên để rồi qua cầu nổi bọc lên Miên, tỉnh Takeo, men theo quốc lộ 2 thẳng tuốt về Nam Vang, thì chàng đã nằm lòng. Nhứt là xung quanh những địa danh một thời thân quen như núi Sam, chùa Bà Bài, đồn Cây Mít, ngã ba Nhà Bàng có ngã rẽ đi về Tri Tôn, Rạch Giá, có nhiều đường giao liên, chuyển quân của Việt Cộng. Chỉ tiếc một điều là bọn lính trận miền xa như chàng đều vẫn phải nằm rừng ngủ bụi hoặc là màn trời chiếu đất ở những cánh đồng hoang dã tha ma, chớ không mấy khi được về thành phố ăn nhậu, vui chơi, chung diện với người ta.

Nghe nói miệt Hồng Ngự, Tân Châu đổ qua Châu Đốc dân chúng vẫn còn hành nghề trồng dâu nuôi tằm, dệt lụa. Tuy hàng vải ngoại quốc

càng ngày càng đẹp đẽ và thông dụng, với những soie, mousseline, teteron, dacron, tergal..., song với những ai biết ăn mặc họ cũng vẫn thích lụa, lãnh. Và hiển nhiên lụa lãnh Tân Châu đã từng nổi tiếng khắp nước, vang bóng một thời.

Riêng ở Châu Đốc thì có lẽ muôn đời và ngay cả hiện thời đã và đang nổi tiếng về các loại mắm cá đồng, nhứt là mắm thái (mắm cá lóc thái thành sợi nhỏ) và mắm trứng (mắm trứng cá lóc). Chớ còn câu chuyện truyền tụng xa xưa, rằng, *đèn nào cao cho bằng đèn Châu Đốc, dốc nào thấp cho bằng dốc Nam Vang* thì dường như đã đi vào huyền thoại vì, bảo đảm, không ngọn đèn nào ở Châu Đốc cao bằng những "đóm mắt hỏa châu."

Kế đến, từ Châu Đốc đổ vô Tịnh Biên, thế đất cũng như cây cối cũng không mấy gì thay đổi. Dọc theo con lộ tráng nhựa, liên tỉnh lộ 10, ruộng đồng, vườn tược nối tiếp nhau thôi. Không khác gì dọc theo quốc lộ 4, Hiếu có cảm tưởng như vậy. Tuy nhiên, xen lẫn trong đám cau dừa, thỉnh thoảng mọc lên một vài cây thốt nốt chơ vơ. Rừng tràm từng cụm, từng khóm trong những khu đầm lầy nho nhỏ cũng không còn nữa. Chỉ trong vòng vài thập niên qua, với công khai phá không ngừng nghỉ của mọi người, khắp các nơi hầu như đã biến thành những vùng "đất thuộc." Ngoại trừ khu rừng tràm còn sót lại ở khoảng Vĩnh Gia, Vĩnh Điều chỗ kinh Vĩnh Tế tiếp giáp với sông Giang Thành đổ về Hà Tiên, dân chúng Châu Đốc thời bây giờ chỉ còn biết lo chuyện đồng áng, vườn cây chớ không còn lo chuyện đuổi ong lấy mật như ở vùng rừng U Minh Thượng, U Minh Hạ thuộc miệt Xẻo Rô, Tắc Cậu, Trèm Trẹm, Thới Bình!

Nói gì thì nói, kinh Vĩnh Tế vẫn là một chứng tích lịch sử của tiền nhân ta trong việc mở mang bờ cõi về phía Tây Nam. Được biết con kinh dài khoảng hơn 70 cây số, ngang ngửa đoạn đường từ Sài Gòn đi Mỹ Tho, rộng khoảng 20 thước, độ một phần ba kinh Chợ Gạo, đã được đào trong vòng hai năm trời, 1819-1820 thì phải. Đức tả quân Lê Văn Duyệt, tổng trấn Gia Định, đã đệ trình lên nhà vua, để rồi sau đó, Thoại Ngọc Hầu Nguyễn Văn Thoại, quan trấn thủ trấn Vĩnh Thanh, đã đích thân chăm lo, đôn đốc việc đào kinh. Những lúc ngắm nhìn dòng phù sa chan hòa tình dân tộc đang chầm chậm trôi này, Hiếu hay nhắm mắt thầm tưởng tượng đến cảnh đời vào khoảng 150 năm về trước, ở nơi đây, biết bao nhiêu con dân Việt đã dầm mưa dãi nắng, đổ mồ hôi, xót con mắt để vun bồi cho mảnh đất quê hương...

"Cậu định nằm chỗ nào trong đêm nay?"

Câu nói của thiếu tá tiểu đoàn trưởng Trần Thanh Long, tức "rồng xanh" theo danh xưng trên máy vô tuyến, đã lôi Hiếu về với hiện thực. Ừa, mình sẽ cho đào hố cá nhân, công sự phòng thủ cho đại đội ở chỗ nào? Đây là lần đầu tiên tiểu đoàn 23 rời khỏi vùng hoạt động quen thuộc, dọc liên tỉnh lộ 10 từ Châu Đốc đi Tịnh Biên, để đi sâu hơn vào sào huyệt của địch: đoạn kinh Vĩnh Tế từ Tịnh Biên đi Vĩnh Gia. Địa thế hoàn toàn xa lạ. Song tất cả, lẽ dĩ nhiên, việc di chuyển hay dừng quân đều do "rồng xanh" quyết định . Và đêm hôm nay, tọa độ chấm trên bản đồ hành quân để bố trí, ngăn chặn địch là vùng Xẻo Cụt, trổ ra kinh qua một cái "cống công binh" thật lớn.

Đảo mắt quanh một vòng, Hiếu đáp ngay:

"Phía dưới kia, thiếu tá. Chỗ mấy gốc tràm đó chắc mát."

Vừa nói xong Hiếu khoát tay ra hiệu cho đám đàn em theo mình. Cũng không xa lắm từ chỗ trú đóng tạm của "rồng xanh," xem như đại bản doanh tiểu đoàn. Cất tiếng hú vẫn còn nghe mồn một, chàng nghĩ!

Nhìn sơ địa thế, Xẻo Cụt cách làng Ba Chúc, miệt núi Dài, khoảng vài ba cây số. Hiếu nghe nói con gái Ba Chúc đẹp thì có đẹp nhưng nham hiểm, ác độc không thua gì... Việt Cộng. Thiên hạ từng đồn rằng, bọn nữ giao liên trong vùng thường quảy những cặp thùng không đáy, rồi chận lính Địa phương quân, Nghĩa quân đi bộ hay đi xe đạp trên lộ đá để... hỏi thăm sức khỏe. Nhiều người bị giết vì bị trùm thùng không đáy

CÓ KHÔNG

HẠO NHIÊN

Gửi Hạ Phi Hải cơ nghiệp tiêu tan

Cái gì cũng từng có
rồi vẫn không có chi...

*

Xác còn khi đã đi
đâu thể gọi rằng có
Một hạt bụi cực nhỏ
lơ lửng giữa không trung
hòa nhập vào vô cùng
có hay không đấy nhỉ!
Cơ duyên nào khả dĩ
hiển hiện lại dáng người
nhận ra mà biệt vời
không đấy mà có đấy...

*

Hiu hiu màu sương ấy
có không sắc khói lan?...

lên đầu, hết ngo ngoe cục cựa. Không cần mã tấu, dao găm, chỉ mỗi cây đòn gánh thôi cũng đủ tiêu đời.

Ba Chúc cũng là một địa danh nổi tiếng về mặt buôn bán bò Miên, bò lậu. Vì so với các nơi khác như núi Sam, Nhà Bàng, Tịnh Biên thì bò vùng núi Dài, núi Tượng giá cả rẻ hơn nhiều. Có lẽ đã trừ phần dẫn độ bò về các nơi tập trung, phân phối. Một con bò "sì-co" (mới lú sừng, nói theo tiếng Miên) chỉ độ năm, bảy ngàn mua vô, so với hai, ba chục ngàn bán ra trên thị thường thì cũng có nhiều người chịu hành nghề "lái bò" lắm.

Vì đường lộ đá chạy dài từ Tịnh Biên đi Vĩnh Gia không mấy bằng phẳng và thường xuyên bị đắp mô, mất an ninh cho nên chuyện di chuyển bằng đường đò trên kinh Vĩnh Tế đã được nhiều người ưa chuộng. Ba Chúc cũng là một trạm đò lớn trên lộ trình dài này. Tùy theo con nước và chuyến sớm chuyến chiều mà đò đi có lúc nhanh lúc chậm. Nhưng vẫn quá sướng so với đi bộ, Hiếu nghĩ thầm. Lắm khi, chỉ cần dựa lưng đánh một giấc là tới nơi.

Vầng thái dương đã lần hồi chìm xuống phía trời Tây và giờ đây chỉ còn lại một nửa đỏ ối, trông như một nửa quả dưa hấu thật lớn đang lẩn khuất đằng sau những chòm cây cao vút bên kia bờ kinh. Những tia nắng le lói cuối ngày đã không còn mang theo sức nóng cũng như sức sống nữa. Cái dìu dịu mát đã trở về với vạn vật cỏ cây. Cơn gió thoảng nhẹ nhàng thổi qua, lùa theo mùi ẩm mục, ngai ngái, hăng hăng của chốn rừng thưa hoang phế, tiêu điều. Tiếng chim vịt kêu chiều nghe thoang thoảng đâu đây...

Từ ngày được lên lon đại úy, thường niên chớ không phải đặc cách tại mặt trận, và bị đổi qua nắm đại đội 4, đại đội vũ khí nặng, Hiếu cảm thấy không thoải mái chút nào hết. Vì phải luôn luôn đi sát với bộ chỉ huy. Đối với riêng chàng là một cực hình, bởi lẽ, gần mặt trời thì nóng..., khó sống. Vả lại, chàng không mấy khéo trong việc lập công hay "nâng bi" xếp lớn. Hồi đi dạy cũng thế, lắm lúc chàng coi ông hiệu trưởng như pha.

Thì ra ở bất cứ môi trường nào cũng vậy, kể cả quân đội, hễ làm trưởng là có chút chút nhẫm xà làm quà. Giữ chân đại đội trưởng vẫn sướng hơn làm tiểu đoàn phó. Vì làm phó thì chỉ như *cầm c. cho chó ... đái* thì làm gì có cái ra cái vào. Nhiều người đã bỏ tiền muôn bạc vạn để lo nắm tiểu đoàn trưởng là vậy. Nhưng chưa chắc đã hay. Bởi cũng đã có nhiều vị tiểu đoàn trưởng đã "bay chỗ đội nón" ngay trong cuộc điều động, dẫn quân lần đầu.

Tiểu đoàn trưởng quả là có nhiều mối ăn. Tuy nhiên, chỉ ở hậu cứ thôi. Chớ còn ở chiến trường này thì, ai cũng như ai, chỉ có nước ăn đạn. Trước khi nói đến các sĩ quan đại đội trưởng, các sĩ quan thân tín nhất của tiểu đoàn trưởng phải được kể sơ sơ là sĩ quan tiếp liệu, sĩ quan tài chánh. Vì, đầu tiên là, quân trang, quân dụng, quân nhu, quân cụ, quân tiếp vụ, thực phẩm, thuốc men và thậm chí đến cọc sắt, kẽm gai... cái nào thảy ra chợ trời được hay không cũng chỉ trông cậy vào tài năng của ông sĩ quan tiếp liệu. Rồi, thứ đến, sĩ quan tài chánh, hằng tháng phải trao tận tay tiểu đoàn trưởng tiền lương của lính ma, lính kiểng. Lính chết trận chưa kịp báo cáo nữa chớ, than ôi, chẳng muốn ăn đồng tiền dính máu của đàn em, đồng đội mà cũng phải ăn thôi.

Nói đến lính ma, lính kiểng mà Hiếu nhớ lại cái thuở ban đầu ngây thơ của mình. Vì vừa nhảy lên nắm đại đội trưởng là có quyền tuyển mộ lính riêng rồi. Chàng có hơi ngạc nhiên khi, trong một buổi họp, tiểu đoàn trưởng lại hướng về mình hỏi một câu nghe lạ lạ tai:

"Sao, mấy đứa "tà lọt" của cậu đã đi tới đâu rồi?"

Mấy thằng "tà lọt" nào nữa? Chẳng lẽ phải trình lên cho tiểu đoàn trưởng biết mình đã chọn hai thằng đàn em thân tín, từ lâu, đã sát cánh với mình? Thằng "binh nhứt đầu bếp" Triệu và thằng "trung sĩ vô tuyến" Bảo? Nói có mồ ma đại úy Khiêm, Trần Minh Khiêm đã tử trận ở căn cứ hỏa lực Biện Hai trước đây, may phước nhờ ổng thúc cùi chỏ nhắc khéo "sắp xong," nên chàng cũng lẹ miệng:

"Dạ, sắp xong, thiếu tá!"

Hóa ra hai chữ "tà lọt" còn có thêm một nghĩa nữa mà Hiếu phải học khôn: mấy tên lính kiểng, lính ma nằm ở nhà để cho vợ con sĩ quan sai vặt. Và lần này chàng đã nhanh chân hơn một chút, không thèm lấy lính trong đại đội mà đi kiếm hai thằng thường dân đang tìm cách trốn quân dịch để đỡ đầu. Có lợi hơn nhiều vì tiền lương của nó mình lãnh trọn. Còn riêng bọn nó thì tùy hỉ, muốn đạp xích lô hay chạy xe thồ chàng cũng mặc kệ. Làm gì làm, kể cả làm giao liên thành, hay nằm vùng cho Việt Cộng chàng cũng không màng. Đời mà, coi như "bánh ích đi bánh qui lại."

Nhưng rồi, "của thiên cũng trả địa" thôi . Vì Hiếu, tiếp tục, lại phải đóng hụi chết lên cho tiểu đoàn trưởng. Mấy lần ổng về họp ở trung đoàn, sư đoàn là bằng mọi giá chàng phải có bổn phận lo toan, chung đủ. Lắm khi kẹt vốn, phải kêu cứu mấy thằng em chạy tiền giùm như điên. Riết rồi chàng cũng tìm cách gõ đầu mấy tên lo tiếp liệu cho đại đội của mình. Tất cả hình như, từ nhiều thập niên qua, đã được mọi tầng lớp góp phần hệ thống hóa.

Ngẫm nghĩ lại, thật ra, Hiếu nói riêng và lính nói chung, cũng không làm gì khác hơn được. Đành phải chấp nhận thương đau vì lương lính lãnh ra tính liền sạch bách! Thành thử đói quá!

Một vợ một con như chàng mà lương đại úy chưa được ba mươi ngàn, trong khi một bao gạo thường năm mươi ký lô đã lên đến mười tám, mười chín ngàn thì thử hỏi làm sao mà sống nổi ? Đã vậy, cái thân chân quân chân lính vào sanh ra tử, chẳng biết ngày mai sống chết thế nào! Lại thêm cực khổ trăm bề, dãi dầu mưa nắng, dầm gió ngâm sương!

Nhớ hồi nào đi dạy ở bên Bến Tre, Kiến Hòa, Hiếu hay cằn nhằn thằng bạn mình, đại úy Thiện thuộc trung đoàn 10, sư đoàn 7, rằng tụi mày mở miệng ra sao cứ hay "xài giấy năm trăm" quá. Bây giờ, chàng nào có khác gì đâu, cũng đù má đù me, văng tục chửi thề lia chia . Cho đỡ tức, cho bõ ghét khi quân đội đã biến mình thành những thằng người máy, chỉ biết nghe lệnh, thi hành lệnh mà không màng đến bản thân, không sợ chết...

"Ông thầy, ăn cơm ông thầy."

Rít một hơi dài cuối cùng và búng tàn thuốc ra xa rơi tòm xuống nước, Hiếu quay lại hỏi trổng:

"Có món gì đặc biệt không ?"

Triệu cười cười:

"Dạ, bữa nay gạo sấy thịt hộp làm chuẩn ông thầy! Chỗ này đâu có chợ búa, xóm giềng gì?"

Hỏi cho có hỏi vậy thôi chớ Hiếu đã biết câu trả lời. Chung quanh chàng lố nhố bóng đàn em như các bóng ma trơi đang nhạt nhòa trong màn đêm. Trời đã sang chạng vạng, nhá nhem tối. Còn thấy mờ mờ khẩu cối 81 đã gắn vào chân súng. Cách đó không xa, có mấy đứa ở trần quần xà lỏn đang lõm bõm trầm nghịch dưới dòng kinh. Chàng cũng muốn làm một phát tắm mát nhưng hãy khoan, thủng thẳng ăn uống, trà lá từ từ cái đã.

Triệu nói thêm:

- Chắc tụi nó đã hâm nóng rồi, để thằng em mang lại đây cho ông thầy!

Hiếu lui cui mắc võng giữa hai gốc tràm mọc hoang trong mô đất lồi lõm sát bờ kinh. Chàng chợt lấy làm lạ hình như ở vùng nước ngọt này không có bần, dẹt mọc dựa theo bờ nước . Chỉ có lau lách, cỏ lát thì đâu đâu cũng vậy. Khuất sau mấy cụm u du cao lớn, rộng tàn như lá chà là, Bảo đã hoàn tất hố cá nhân cho riêng mình và đang ngồi trên lớp đất mới gặm mì gói nấu trong lon guigoz thay vì cà-mèn.

Lương khô của Mỹ làm cho lính Việt Nam, trong một thời gian dài vừa qua, cũng đã được nghiên cứu kỹ lưỡng và cải biến không ngừng cho hợp với khẩu vị Á Đông. Cũng có thịt kho tàu, gà xào gừng, cá bống kho tộ, cá cơm phơi khô ..., mấy lúc đói đem ra đớp cũng đã bao tử lắm. Gạo sấy hột dài coi bộ cũng ngon hơn. Chả bù, mấy năm về trước ăn toàn "ration C," ba rọi muối (ham), cá thu hầm (tuna fish), bánh trái cây (fruit cake)... riết, ngán ngược, nuốt không vô. Chỉ có mấy điếu thuốc thơm Winston, Salem, Pall Mall ... là hấp dẫn nhứt, vì lâu lâu được đổi hương vị thay cho Capstan, Ruby Queen thường ngày như thay đổi bầu không khí.

Hớp một ngụm trà trong ca nhôm do Triệu vừa mang lại, Hiếu cảm thấy đầu óc lẫn tâm hồn mình lâng lâng sảng khoái. Mùi hoa lài dâng lên ngập mũi. Chẳng biết là trà gì, nhưng chắc chắn không phải loại mắc tiền như Thiết Quan Âm, Ô Long bán đầy ở Chợ Lớn. Còn gì phây phả hơn khi sau bữa cơm đạm bạc qua ngày lại đến tuần trà tuy thanh bạch nhưng đượm mùi sản phẩm quê hương ? Trong cái cảnh hoang dã bao la của đất trời này ?

Chợt thấy trung úy Chương, sĩ quan đại đội phó, đang từ hố cá nhân của mình bang bang tới và ngồi xà xuống bên cạnh Bảo, Hiếu bắt sang đề tài khác:

"Ê, sao Chương ? Đã phân chia, cắt gác đâu vào đó rồi hả?"

"Dạ, xong rồi đại úy."

Chương nhanh nhẩu trả lời Hiếu rồi quay sang bàn chuyện, tán gẫu với người hạ sĩ quan truyền tin. Những ai chung vai sát cánh với nhau lâu ngày, cho dù không thân cũng phải thích, không thích cũng phải thân, Hiếu thầm nhủ .

Bóng đêm đã phủ trùm lên mọi vật. Quanh quất đâu đây một vài ánh thuốc được che cẩn thận trong bụm tay cũng đã lóe lên. Giờ này không đến nỗi nào chớ vào giữa khuya nếu lỡ thèm thuốc thì cũng nên ráng chun xuống hố cá nhân mà rít để không thôi bọn du kích Việt Cộng bắn sẻ khỏi cần nhắm. Nói cho ngay, cẩn thận cho lắm thì cũng phần nào thôi vì hơi thuốc thơm bay loãng trong không khí cũng dễ làm cho địch nhận diện được mình...

Những suy nghĩ miên man đó cộng thêm với sự mệt mỏi cuối ngày, phút chốc, đã đưa Hiếu vào giấc ngủ say sưa từ hồi nào không hay. Rồi, bỗng nhiên, ... chát, chát, chát, đùng đùng ..., tiếng súng AK và lựu đạn Bêta của Việt Cộng nổ vang trời. Hiếu chưa kịp nghĩ suy, chưa kịp lăn mình khỏi võng thì ... ầm, một tiếng nổ sát người làm chàng ran ran lồng ngực, lùng bùng lỗ tai, đau nhói trong tim, rồi ngất lịm...

Chẳng biết bao lâu sau đó, Hiếu chợt giựt mình tỉnh dậy, đầu nhức bưng bưng, tay chân tê cứng. Chàng định thần, à, thì ra mình đang nằm dưới nước, đã bị lọt xuống kinh ngay từ phút ban đầu chạm địch . Bỗng, qua ánh sáng từ vòm trời cao, xuất hiện một bóng đen sừng sững đứng trên bờ kinh . Rồi, tiếp theo, lúc nhúc cả bầy... Chết mẹ, Việt Cộng! Phản ứng tự nhiên chàng đưa tay mò khẩu Colt! Trời, súng còn nằm nguyên con trong bao, chưa mở khuy da nói gì đến khóa an toàn. Cũng may là tay chân chàng không còn nhậm lẹ như bình thường nên không quậy mạnh, làm động nước . Bọn Việt Cộng chưa

phát giác ra chàng. Việc trước tiên là phải nhè nhẹ tháo bỏ đôi giày. Cùng lắm thì phải lấy hết sức bình sinh lặn một hơi, tìm cách thoát thân, lánh xa lưỡi hái tử thần. Hên quá, chàng đã nới giây sẵn hồi ban chiều, lúc ngả người trên võng. Thật bình tĩnh, âu nghĩ cũng lạ trong cảnh sống còn, chàng đã không khó khăn cho lắm khi từ từ trút bỏ đôi bốt-đờ-sô. Nhưng, chợt thêm một nỗi kinh hồn khác lại đến, ... tạch, tạch, tạch, tạch ..., bóng đen đến trước ria một loạt đạn xuống sông, may phước, lại hướng qua phía bên kia bờ:

"Đù me, gỡ được chốt rồi mà nãy giờ ghe xuồng đâu chưa thấy!"

Bóng đen cao lớn vừa nói vừa bỏ đi, Hiếu nghe rõ mồn một. Những tên khác lục tục bước theo. Mừng quá, chàng không dám nhúc nhích, không dám cựa mình. Nói có trời, nếu bọn chúng có vạch của riêng đái lên đầu chắc chàng cũng phải thúc thủ, nằm im. Một thoáng trôi qua, không còn nghe tiếng động, chàng nhẹ nhàng trầm mình thả trôi theo dòng nước. Trong lòng thầm nghĩ bâng quơ, chẳng biết ở đoạn kinh này có Hải Quân của mình tuần tiểu hằng đêm như ở miệt Tịnh Biên, Châu Đốc hay không? Những chiếc KSB của các giang đoàn xung kích mà Phát, bạn lính tàu của chàng có lần cho biết. Những chiếc ô-bo gắn hai máy Johnson 80 mã lực chạy như tên bắn, sóng nổi trắng cả mặt kinh mà chàng vẫn thường thấy dạo trước. Ô, mà thôi, có tàu Hải Quân lại càng thêm mệt. Dễ chết nữa là đằng khác. Vì lầm tưởng chàng là thằng đặc công Việt Cộng hay người nhái nào đó đang ngậm ống đu đủ tìm cách thả mìn, giựt tàu thì khó mà toàn thây...

Độ tàn nửa cây nhang, kể cũng đã xa vùng tử khí, Hiếu thầm mừng cho cảnh... một lần chết đi, sống lại. Có lẽ cũng gần vị trí đóng quân của đại đội 3, đại đội cũ của mình, chàng phỏng đoán như vậy. Vểnh tai cố gắng lắng nghe và xem chừng động tĩnh thêm một lần nữa, chàng tìm chỗ leo lên bờ để dễ bề dọ thám, thăm dò tình hình. Màn đêm vẫn im lìm buông dày đặc trong không gian. Chẳng cần mật khẩu, Hiếu tằng hắng, khẽ cất giọng:

"Ê, tao Hô-ten đây, thằng nào gác đó ? Ê, tao Hô-ten đây ..."

"Ông thầy hả ông thầy ? Sao ông lại lang bang xuống đây?"

Hiếu thở phào nhẹ nhõm, đúng là số của chàng... trời còn ngó lại. Vì thằng lính gác không ai khác hơn là thằng Quân của trung đội một. Chàng lên tiếng ngay:

"Quân hả Quân ? Kêu đại đội trưởng mầy lên gặp tao có chuyện gấp! Đù má, đụng lớn mà tụi mày không hay sao ?"

"Dạ, có nghe súng nổ nhưng chưa nghe lệnh lạc gì hết, ông thầy! Trời đất, sao mình mẩy ông ướt mem như chuột lột vậy ? Bộ té xuống sông hả ?"

Hiếu chưa kịp trả lời thì, kể cũng khá nhanh, thiếu úy Đạt, trung đội trưởng trung đội một trờ tới:

"Ê, kiếm cho ổng cái mền, Quân. Ổng đánh bò cạp kia kìa. Đại đội trưởng sắp tới, đại úy. Hình như đang chờ lệnh của 'rồng xanh'..."

Úi trời, Hiếu muốn la lên! Ở hoàn cảnh này mà còn "rồng xanh" với "rồng vàng" gì nữa chớ? Chắc ổng đã "tiêu tán thòng" từ khuya rồi, chàng nghĩ thầm! Chẳng biết đám lính của mình canh gác ra sao mà địch tới một bên đít không hay. Chỉ nghe AK, Bêta nổ mà không nghe M16, M79 nổ mới khổ. Bêta nổ là... cận chiến, chỉ trong vòng một, hai phút là cùng. Ai thắng ai bại biết liền, và chàng sợ là chết hết không còn một mống!

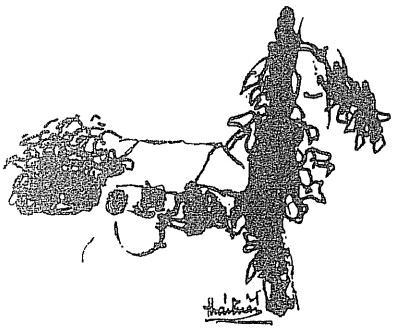

Tuy nhiên, liền theo đó, hình như có lệnh chuyển quân. Vì mọi người đều rục rịch, thức giấc. Trong giây lát, ban chỉ huy của đại đội ba lần tới! Nhìn Hiếu đang trùm mền run rẩy, đại úy Trung nói như chỉ thị đàn em:

"Đạt à, coi thằng nào vừa tầm cỡ đại úy Hiếu nói nó cho ổng mượn bộ đồ, đặng còn lên đường đi giết giặc chớ. Để ổng xùng xình như hát bội sắm tuồng thì còn đánh với đấm gì nữa."

Quân xen vào:

"Hay là ông thầy mặc đỡ bộ đồ của thằng em đi. Rộng rộng một chút cũng không sao mà."

Trong khi Quân lục lọi ba-lô, Hiếu than:

"Đồ đạc rộng chật không sao, chỉ kẹt cái hổng có đôi giày."

"Ối, có ngay! Nè, mang tạm đôi dép Nhật này đi!"

Hừm, có cái gì cũng nhường cho ông thầy hết! Thằng em tốt bụng quá, Hiếu thầm cảm ơn trong cơn bối rối... Và rồi, bỗng có tiếng rè rè trên máy:

"Hai, ba..., hai, ba..., đây "rồng xanh" nghe rõ trả lời!"

"Hai nghe..."

"Ba nhận năm ..."

"Đã sẵn sàng hết chưa? Ngay sau khi "thiên thần" đổ lửa, lập tức tiến chiếm mike tango, trả

lời?"

"Ba nhận rõ..."

"Mike tango nào, trả lời?" Có tiếng 'thằng hai' hỏi tới.

Chẳng cần phải dấu giếm, "rồng xanh" nói thẳng:

"Mục tiêu là chỗ 'rồng xanh' và 'thằng bốn' nằm lại ban chiều đó. Đã bị địch tràn ngập rồi. 'Rồng xanh' hiện đang ở với 'thằng một' đây..."

Tiếng mấy chiếc trực thăng gunship ào ạt bay đến từ đằng xa đã át cả tiếng máy... Lạ lùng quá, Hiếu hết sức ngạc nhiên. Không ngờ là thẩm quyền "rồng xanh" của mình còn sống! Chẳng lẽ ổng cũng bị văng xuống sông như mình và một đằng bơi lên, một đằng lội xuống? Thây kệ, chàng phải thay đồ khô để chuẩn bị nhập bọn, sắp sửa tiến quân.

Tiếng súng nhiều nòng, hùm, hùm... của mấy chiếc gunship bắn xuống mục tiêu và dọc bờ kinh Vĩnh Tế như bò rống. À, còn thêm mấy chiếc oanh tạc cơ A-37 tới nữa kìa. Thả bom nổ lẫn bom napal lên cả phía bên kia bờ, thuộc lãnh thổ Miên. Ùm, ùm ..., những tiếng nổ động địa kinh thiên và bừng bừng lửa dậy, ngập cả một góc trời. Cho bọn đã qua sông, chém vè kịp đi chầu Bác luôn một thể.

Tiếng súng phóng lựu M79 và súng cá nhân M16 cũng đã bắt đầu nổ giòn tan sau khi cuộc oanh kích vừa chấm dứt. Theo chân đại đội ba của đại úy Trung, chẳng bao lâu, Hiếu đã tiến sát mục tiêu. Để rồi trong màn đêm mờ nhạt ánh sao, một cảnh tượng hãi hùng diễn ra trước mặt. Xác người, bạn lẫn thù, ngập cánh rừng thưa chưa tan mùi thuốc súng. Toàn bộ đại đội vũ khí nặng và bộ chỉ huy của tiểu đoàn hầu như đã tiêu tan. Đại liên, không giật, súng cối đều sứt càng gãy gọng. Cả trăm mạng người giờ chẳng biết ra sao. Lần mò đến vị trí giăng võng ban chiều, chợt thấy Chương, đại đội phó, và Bảo, nhân viên vô tuyến của mình, chết không toàn thây trong hố cá nhân đầy máu, chàng không còn đứng vững nữa, ngả quỵ xuống và hai tay ôm mặt khóc mùi mẫn như đứa trẻ con...

Ôi, còn nỗi đau buồn nào hơn nỗi đau buồn này của Hiếu trong đêm nay, bên bờ kinh Vĩnh Tế? Cho dù ngay mai tin chiến thắng trở về, rằng, trung đoàn Đồng Tháp của Việt Cộng đã thực sự tan rã trong chiến trường Xẻo Cụt, Ba Chúc, Núi Dài đi nữa...

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn, thân mẫu của Anh HÀ TƯỜNG CÁT là

Cụ bà quả phụ

HÀ VĂN TÔN

Nhũ danh

Anna NGUYỄN THỊ LUÂN

Đã tạ thế ngày 25 tháng 3, 1997, nhằm ngày 17 tháng Hai năm Đinh Sửu tại Saigon.

Chúng tôi xin thành tâm chia buồn cùng Anh Chị CÁT-DUNG và các cháu Tường Hạnh, Kim Chi, Lan Chi cùng tang quyến.

Nguyện cầu hương linh Cụ Bà Anna được hưởng nhan Thánh Chúa.

THẾ KỶ 21 - NGƯỜI VIỆT - VNCR - VAALA

VỀ CHUYỆN TRẦN QUÝ CÁP THI HỘI KHOA 1904

NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH

Tôi đã đọc các bài viết của ông Trần Gia Phụng và câu hỏi của ông Nguyễn Hưng Quảng về vấn đề Trần Quý Cáp (TQC) đi thi Hội năm 1904 với danh vị nào, trong *Thế Kỷ 21* các số 91, 92, và 95. Tôi cũng xin góp một vài ý kiến:

1. TQC thi Hội với danh vị nào?

Ông Trần Gia Phụng viết rằng TQC hỏng khoa thi Hương năm 1903, trở về Quảng Nam trúng Thượng hạng kỳ thi khảo hạch Học sinh trong tỉnh nên được phép thi Hội. Ông Nguyễn Hưng Quảng viện cụ Lãng Nhân, trong *Giai thoại Làng Nho,* chỉ chép TQC thi Hương đỗ ba lần Tú tài nên được xếp như hạng Cử nhân, hợp lệ đi thi Hội chứ không nêu dữ kiện trúng Thượng hạng học sinh v.v...

Theo chỗ tôi nhận xét thì Trần Gia Phụng là một tác giả viết rất nghiêm cẩn; mặt khác, tôi cũng thông cảm nỗi thắc mắc của ông Nguyễn Hưng Quảng, vì năm 1990, chính tôi cũng đã hỏi cụ Lãng Nhân là "lệ năm nào?" sao tôi tìm trong *Đại Nam Thực Lục* và *Đại Nam Điển Lệ* đều không thấy chỗ nào nói hễ ai đỗ ba khoa Tú tài thì được thi Hội? Tiếc rằng tôi tìm mãi lá thư cụ trả lời mà không thấy, mặc dầu tôi tưởng đã cất giữ kỹ, nay chỉ nhớ hình như cụ nói lâu ngày quên không biết lấy tư liệu ở đâu. Tuy cụ đặt tên cuốn sách là *Giai thoại Làng Nho* nhưng thường thì cụ đều có kiểm tra, đi tìm bằng chứng chứ không phải chỉ chép y nguyên những "giai thoại" mà cụ được nghe. Chẳng hạn năm 1930, cụ đến tận nhà Tú Xương để tìm tài liệu. Ngay như khi cụ viết khoa 1904 TQC "thi Hội đề Đặng văn Thụy, thi Đình đề Huỳnh Thúc Kháng," cụ không quên đưa ra đôi câu đối của Đào Nguyên Phổ tặng TQC để làm bằng:

Tố Tiến sĩ khước dị, tố Cử nhân khước nan, ức ức dương dương, vô phi Tạo vật. (Đỗ Tiến sĩ thì dễ, đỗ Cử nhân lại khó, chìm bổng ở tay Tạo vật)

Áp Huỳnh Thúc ư Đình, áp Đặng văn ư Hội, vinh vinh quí quí, hà tất khôi nguyên. (Đè Huỳnh Thúc ở Đình, đè Đặng văn ở Hội, hiển vinh lọ phải khôi nguyên!)

Nhưng dù sao "giai thoại" cũng chỉ là "giai thoại," nếu chưa tìm ra bằng chứng thì cụ cũng vẫn chép để ghi lại một số sự việc rồi kiểm tra sau.

Muốn biết TQC thi Hội với danh vị nào tốt hơn hết là tìm đọc trong *Quốc triều Đăng khoa lục* của Cao Xuân Dục. Cụ Cao viết về khoa 1904, tôi lược lại, như sau:

Sắc ban đệ nhị giáp Tiến sĩ: Đặng Văn Thụy, người Nghệ an, 47 tuổi, trúng Cử nhân năm 1882, thi Hội hạng Thứ Trúng cách (tức là thi Hội đỗ hạng thấp), *Đình Nguyên.*

Sắc ban đệ tam giáp Tiến sĩ:

1. Trần Quý Cáp, người Quảng Nam, 35 tuổi, Thượng hạng Học sinh trúng Tú-tài.

2. Hoàng Kiêm, người Nghệ an, 31 tuổi, đỗ Cử nhân năm 1903.

3. Huỳnh Thúc Kháng, người Quảng nam, 29 tuổi, đỗ Cử nhân năm 1900, Hội nguyên v.v...,

Theo đấy thì biết TQC đã thi Hội với chân "Thượng hạng Học sinh trúng Tú tài," nhưng trúng năm nào thì Cao Xuân Dục không ghi rõ.

Ta cũng thấy nếu kể chung các ông đỗ Tiến sĩ đệ nhị giáp và Tiến sĩ đệ tam giáp làm một thì TQC đỗ thứ nhì, chỉ sau có Đặng Văn Thụy, nhưng nếu kể riêng những người đỗ tam giáp Tiến sĩ thì TQC đứng đầu, thứ nhì đến Hoàng Kiêm, thứ ba mới tới Huỳnh Thúc Kháng.

2. TQC đỗ Tú tài khoa nào?

Tôi chỉ thấy trong *Mạch nước trong,* lịch sử tiểu thuyết của Vĩnh Quyền chép (trang 68): "Năm Giáp Ngọc (1894), TQC hỏng trường ba... lận đận lều chõng mãi đến khoa Đinh Dậu (1897) mới lấy được cái Tú tài... Khoa Mậu Tuất (1898), nhân danh 'Tú tài Thượng hạng' thi Hội, nhưng không đủ điểm. Sau đó cư tang cha không đi thi (khoa 1900)." Đây chỉ là một cuốn lịch sử tiểu thuyết cho nên có lẽ tác giả không thấy cần phải điều tra kỹ nên đã viết nhiều điều sai lầm. Chẳng

hạn, sau khoa 1894 là đến liền khoa 1897, làm gì có chuyện phải "lận đận lều chõng mãi?" Tác giả còn cho biết khoa 1894 TQC hỏng trường ba, điều này trùng hợp với kết quả kỳ thi khoa 1903 nên tôi tự hỏi tác giả có lẫn lộn hai khoa làm một không? Đành rằng hỏng trường ba cả hai khoa cũng là sự thường, nhưng trong trường hợp TQC lại khác, theo cụ Lãng Nhân thì TQC giỏi văn sách, mà trường ba lại thường hỏi về văn sách (phép trị nước).

Tuy sách có nhiều điểm đáng ngờ song vì không có bằng chứng nào khác ta hãy tạm chấp nhận TQC đỗ Tú tài khoa 1897.

3. TQC được thi Hội từ năm nào?

Vẫn theo Vĩnh Quyền thì TQC được thi Hội ngay từ khoa 1898 với danh vị "Tú tài Thượng hạng" nhưng không đủ điểm. Chi tiết "không đủ điểm" khiến ta có thể tin là không phải chuyện bịa đặt, nhưng câu này lại không ổn ở chỗ khác. Tôi còn nhớ có thắc mắc hỏi cụ Lãng Nhân rằng nếu năm 1898 TQC đã được phép thi Hội thì tại sao đến 1903 còn thi Hương trở lại làm gì? Lúc ấy tôi chưa biết cụ Huỳnh Thúc Kháng cũng viết rằng năm 1898 TQC "lấy chân Học sinh đi thi," tất nhiên là thi Hội vì thi Hương đã được tổ chức năm trước rồi (1897). Liệu cụ Huỳnh có viết vắn tắt "Thượng hạng học sinh" thành "Học sinh" không? bởi vì nếu chỉ là "Học sinh" suông thì chưa đủ điều kiện để thi Hội. Còn nếu quả TQC đã thi Hội năm 1898 thì ắt là phải với chân "Thượng hạng học sinh," trúng Tú tài năm 1897. Và TQC thi Hương trở lại năm 1903 là vì muốn có chân Cử nhân để đương nhiên được phép thi Hội, không cần phải dự thi kiểu ngoại lệ với danh vị "Thượng hạng học sinh" chăng? Vì cả Vĩnh Quyền Và Huỳnh Thúc Kháng cũng nói TQC thi Hội năm 1898 nên có thể TQC đã đỗ "Thượng hạng học sinh" từ năm 1898? (Năm 1895 chỉ mới "được bổ vào Học sinh trường tỉnh" thôi).

4. Tại sao người ta lại đồn TQC đỗ Tú tài ba khoa?

Cụ Lãng Nhân viết rõ là "ba khoa liên tiếp." Nếu tính từ khoa 1894 thì hai khoa sau phải là 1897 và 1900, song năm 1900 TQC đang có tang cha không được phép thi nên phải kể khoa thứ ba là khoa 1903. Nhưng năm 1903, TQC hỏng trường ba, tức không đỗ Tú tài, như thế thì làm thế nào để "đỗ Tú tài ba khoa liên tiếp" được? Sự thật, có lẽ là trong ba khoa liên tiếp mà TQC dự thi thì ông chỉ đỗ có Tú tài mà thôi, rồi người đồn sai lạc đi thành ra ông đỗ "ba khoa Tú tài liên tiếp" chăng?

Vì thiếu tư liệu, ta đành tạm thời tin rằng TQC thi Hương ít nhất là ba lần và chỉ đỗ Tú tài năm 1897. Năm 1904, TQC thi Hội với danh vị "Thượng hạng Học sinh, trúng Tú tài," và đã đứng thứ nhì cả thi Hội lẫn thi Đình. Cụ Lãng Nhân đã vạch ra rằng tuy TQC không đỗ Hội nguyên hay Đình nguyên nhưng lại có chỗ trội hơn cả hai ông này, đấy là ở bài văn sách. Nhờ văn sách mà TQC áp đảo được Đặng Văn Thụy ở thi Hội và Huỳnh Thúc Kháng ở thi Đình. Tôi xin nối lời là sự kiện TQC chỉ "hay văn sách" gián tiếp cho chúng ta thấy ông quan tâm suy tư đến vận nước nhiều hơn là ngồi luyện câu văn cho hoa mỹ.

Châtenay Malabry, tháng 3, 1997.

Quý độc giả vì vận nước phải làm thân phiêu dạt xứ người đã gặp lại và thương thêm quê nhà, trong đó có xứ Huế thân yêu với những hoang vu, diêu tàn giữa cuộc biển dâu tan tác trong HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA...

Hãy đón đọc:

CÂU NAM AI

THẤT LẠC

của HỒ MINH DŨNG

do **Văn Mới** xuất bản đầu mùa hạ 1997.

TƯỞNG NIỆM TỪ CHUNG TẠI QUẬN CAM

CAM VŨ ghi

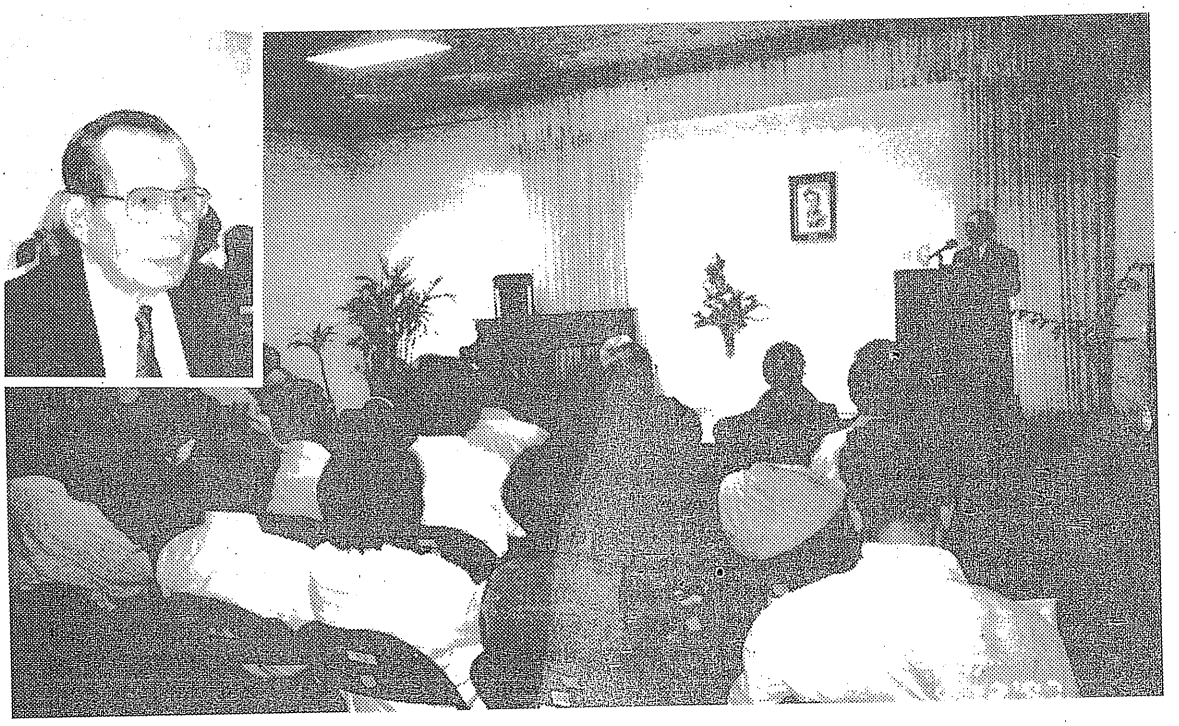

Ông Hoàng Ngọc Tuệ, chủ tịch ban Quản trị Tạp chí *Thế Kỷ 21*, trình bày tóm lược tiểu sử cố ký giả Từ Chung, trong buổi tưởng niệm ngày 12 tháng Tư 1997, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt. Hình nhỏ góc trái là BS Đặng Văn Sung, nguyên chủ nhiệm nhật báo *Chính Luận*.

Ba tờ báo Ngày Nay (Houston), Xây Dựng (San Jose) và Thế Kỷ 21 (Quận Cam) đã cùng nhau tổ chức một buổi tưởng niệm cố ký giả Từ Chung vào lúc 3 giờ chiều ngày 12 tháng Tư 1997, tại phòng sinh hoạt nhật báo Người Việt, thuộc thị xã Westminster, Quận Cam, California.

Phòng sinh hoạt chiều hôm ấy được trang hoàng đơn giản nhưng mỹ thuật và trang nghiêm. Trên nền phông trắng của sân khấu có treo một bức chân dung phóng lớn của Từ Chung với ghi chú: 'Từ Chung (1924-1965),' bên cạnh là hàng chữ 'Tưởng Niệm Từ Chung,' tất cả được nâng đỡ bởi sắc đỏ, xanh và trắng của một bình hoa lớn đặt ngay bên dưới. Khoảng 100 người đã ngồi hết các dãy ghế trong phòng.

Một câu hỏi đã được đặt ra trong bài bình luận của tờ Người Việt số ra ngày 12 tháng Tư 1997, viết rằng: *"Nhiều người sẽ hỏi Từ Chung là ai, nhất là các bạn trẻ dưới bốn mươi tuổi. Chính vì câu hỏi đó mà chúng ta cần tổ chức lễ tưởng niệm và ghi nhận những đóng góp của Từ Chung vào việc tranh đấu xây dựng cho một nền báo chí tự do và có trách nhiệm ở trong nước ta.*

Từ Chung đã bị đặc công CSVN ám sát năm 1965 ngay trước cửa nhà trong lúc đi làm công việc của một nhà báo. Lúc đó ông là Tổng Thư ký nhật báo Chính Luận. Tờ báo có lập trường chống Cộng này đã bị đe dọa nhiều lần, có lúc đã bị đặt bom. Nhưng cái chết của vị Tổng Thư ký đương nhiệm là kết quả một hành động khủng bố tàn nhẫn và man rợ nhất. Những kẻ ra lệnh giết ông bây giờ còn sống ở Việt Nam. Họ muốn cái chết của ông sẽ làm cho những người làm báo và viết báo ở miền Nam run sợ và lùi

bước, nhưng họ đã thất bại. Từ Chung đã hy sinh như một chiến sĩ hy sinh trên chiến trường. Sự hy sinh của ông càng dũng cảm phi thường vì tay ông kkhông một tấc sắt tự vệ. Cũng như nhiều người làm báo thời đó, Từ Chung biết cộng sản có thể giết ông bất cứ lúc nào, nhưng ông không lùi bước.

Buổi sinh hoạt tưởng niệm tại phòng sinh hoạt Người Việt mở đầu với lời chào mừng của một thành viên trong ban tổ chức, ông Phạm Phú Minh, chủ nhiệm tạp chí Thế Kỷ 21. Sau đó, ông Hoàng Ngọc Tuệ, Chủ tịch Hội đồng Quản trị báo Thế Kỷ 21 đã đọc tóm lược tiểu sử Từ Chung, trước khi giới thiệu bác sĩ Đặng Văn Sung, người phát biểu đầu tiên.

Ông Đặng Văn Sung người sáng lập và chủ nhiệm tờ nhật báo Chính Luận, một tờ báo có uy tín rất lớn ở miền Nam Việt Nam trước đây. Ông không phải là người làm báo, nghề chính của ông là bác sĩ y khoa, nhưng ông được biết đến nhiều trong tư cách một người hoạt động chính trị. Ông đã từng làm nghị sĩ của Quốc hội VNCH. Cung cách đối xử của ông với những người làm báo, cộng tác với ông trong tờ Chính Luận, làm nhiều người cảm phục. Hôm nay, ở tuổi 82, ông đến với buổi sinh hoạt tưởng niệm Từ Chung, điều đó cho thấy ông vẫn tưởng nhớ và quý trọng người cộng sự trẻ tuổi tài cao của ông. Bác sĩ Sung nói ông không phải là nhà báo chuyên nghiệp, chỉ vì tranh đấu mà phải làm báo, và nhờ làm báo mà quen biết và cộng tác với Từ Chung, thời gian quen biết với Từ Chung không nhiều. Ông giới thiệu một người trước kia là bạn và đồng nghiệp với Từ Chung, là nhà báo Nguyễn Thái Lân, để lên nói thêm về Từ Chung.

Ông Thái Lân quen biết Từ Chung năm 1955, khi hai người cùng làm việc với nhau ở nhật báo *Ngôn Luận*. Thời gian này Từ Chung có dịch hai cuốn sách có giá trị, đó là cuốn *Bí Danh* của Lâm Ngữ Đường và cuốn Kinh Tế Học của kinh tế gia người Mỹ được giải Nobel, Samuelson. Từ năm 1955 Từ Chung làm việc bán thời gian cho Ngôn Luận, thường làm buổi tối cho đến khuya, ban ngày đi làm Phòng Thông tin Hoa Kỳ. Sau đó Từ Chung được học bổng du học tại Thụy Sĩ, ông Thái Lân được giao làm "đầu bếp" (thư ký Tòa soạn) cho tờ Ngôn Luận. Lúc này Ngôn Luận mới bán được chừng bảy trăm số một ngày. Khoảng ba bốn năm sau, Từ Chung du học về, lại làm tiếp cho Ngôn Luận.

Năm 1962, Từ Chung đại diện báo Ngôn Luận đi Thụy Sĩ nhân hội nghị quốc tế về Lào, tại đây ông đã có dịp chuyện trò với phái đoàn Bắc Việt. Những lập luận thực tiễn của ông bẻ gãy lý thuyết cứng nhắc của phía Cộng sản làm cho trưởng đoàn Bắc Việt Xuân Thủy "nổi xùng" nói rằng: "Hai năm nữa chúng ta lại gặp nhau." Cuộc "gặp nhau" thật sự xảy ra ba năm sau, với đại diện là những đặc công chĩa súng bắn ông.

Từ năm 1964, tờ Ngôn Luận đóng cửa, bác sĩ Đặng Văn Sung mời Từ Chung và Thái Lân cộng tác với tờ *Chính Luận*. Từ Chung làm báo thời kỳ này, có vài việc có ảnh hưởng đến báo chí Việt Nam. Thứ nhất, sở trường của Từ Chung là môn kinh tế, ông đã "đại chúng hóa" môn học khô khan này để mọi người đều có thể hiểu được. Thứ hai, về chính trị, tờ báo đầu tiên đem những tin tức lớn về chính trị đăng ở trang nhất là tờ Chính Luận, giống như các báo phương Tây. Nhờ vậy, với tờ Chính Luận, các vấn đề chính trị lớn được dân chúng để ý nhiều hơn, nhất là khi chúng được trình bày hợp với trình độ chung.

Trong thời gian làm báo, Từ Chung có nhận được nhiều lời mời sang hoạt động trong ngành kinh tế, nhưng vì yêu nghề báo, ông đã từ chối. Cộng sản đã gửi thư nhiều lần đến báo Chính Luận để đe dọa ông nhưng ông vẫn không rời những bài đang viết, những công việc đang làm. Ông Thái Lân chấm dứt phần trình bày của mình với nhận xét rằng Từ Chung là một con người rất chân thành, biết chấp nhận mọi sự phê bình từ người khác, tuy rằng đôi khi có hơi nóng tính. Cuối cùng Cộng sản đã thanh toán ông vào trưa ngày 30 tháng 12 năm 1965.

Nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, năm nay 76 tuổi, đã từng làm tổng thư ký Tòa soạn Việt Nam Thông tấn xã, cho biết ông không làm việc chung với Từ Chung bao giờ, nhưng vẫn thường xuyên theo dõi các bài viết của Từ Chung, và ông đã học được nơi Từ Chung rất nhiều. Đối với cộng sản, những người lấy bạo lực làm lẽ phải, ông Sơn Điền cho rằng cộng sản đã lầm khi họ bắt những ký giả, những nhà văn nhà báo đi học tập cải tạo để thay đổi tư tưởng của họ. Cộng sản càng lầm hơn khi dùng bạo lực chà đạp, giết chóc, ám sát những người cầm bút. Những người đã ngã trước họng súng của cộng sản trở thành tấm gương sáng cho tất cả những người tranh đấu cho lý tưởng dân tộc đối đầu với cộng sản chủ nghĩa.

Nhà báo Hồ Văn Đồng, nguyên Chủ nhiệm báo Quyết Tiến, nhận định rằng Cộng sản không chấp nhận được những người tranh đấu cho tự do dân chủ, tự do báo chí, nhưng ông tin giờ đây ở trong nước vẫn có những nhà văn nhà báo tiếp tục cuộc tranh đấu đó. Từ Chung đã ngã xuống trong cuộc tranh đấu đó, trước Từ Chung có các ký giả như Hiền Sĩ, Nam Quốc Cang, Lư Khê, sau Từ Chung có Nguyễn Mạnh Côn... đã hy sinh trước bạo lực. Ông nói: "Khi chúng tôi tranh đấu cho tự do báo chí cũng tức là chúng tôi tranh đấu cho tự do dân chủ, vì tự do báo chí là một trong những điều kiện không thể thiếu được của tự do dân chủ. Hôm nay chúng ta tưởng niệm anh Từ Chung, tôi nghĩ rằng chúng ta cũng nên

tưởng niệm những anh em khác, chẳng hạn như anh Nguyễn Mạnh Côn đã chết trong tù. Chúng ta sẽ tổ chức lễ tưởng niệm long trọng và đầy đủ hơn nữa để nêu tấm gương tranh đấu, hỗ trợ cho những anh em bên nhà tiếp tục công cuộc tranh đấu cho tự do dân chủ cho đất nước."

Cố ký giả Từ Chung có người em người em ruột là Vũ Mạnh Sơn Nhị Hoàng hiện cư ngụ tại quân Cam. Ông Hoàng đã đến tham dự buổi tưởng niệm và kể lại một số kỷ niệm về người anh của mình, về cuộc sống gia đình, về bạn bè, qua đó cho thấy nhân cách và tính tình dễ mến của nhà báo quá cố, người mà ông cho rằng đã yêu nghề làm báo hơn mọi thứ trên đời này. Sau khi Từ Chung qua đời, báo Chính Luận vẫn tiếp tục trả lương cho gia đình anh cũng như một cái bàn thờ nhỏ thờ anh được đặt tại Tòa soạn, cho mãi đến ngày miền Nam sụp đổ. Số lương tháng này đã giúp cho chị Từ Chung, trong mười năm, có phương tiện nuôi bốn đứa trẻ thơ. Ông Nhị Hoàng cũng cho biết trong thời gian đi tù cải tạo tại Nam Hà sau 1975, ông đã có dịp đọc một cuốn sách của Cộng sản, cuốn "Trui rèn trong lửa đỏ," trong đó xác nhận chính cộng sản đã giết Từ Chung, và hai người bắn Từ Chung đã được tuyên dương công trạng.

Theo chương trình đã dự trù thì buổi tưởng niệm Từ Chung sẽ chấm dứt sau lời phát biểu và cảm tạ của ông Nhị Hoàng. Thế nhưng vì còn nhiều người quen biết và có quan hệ với Từ Chung nên ban tổ chức quyết định mời thêm một số vị lên diễn đàn. Trước hết là anh Quỳnh, một cựu phóng viên Việt Tấn Xã, đã từng dự một lớp huấn luyện về báo chí trong đó có anh Từ Chung giảng dạy. Anh Quỳnh nhớ lại một dặn dò vui vui của ông thầy, là người làm báo, khi quá cần một tài liệu mà xin hay mượn người ta không cho, mua người ta không bán, thì cứ tìm cách "thuổng." (Điều này làm người ta liên tưởng đến câu của Lỗ Tấn trong truyện Khổng Ất Kỷ: "Ăn cắp sách không phải là ăn cắp.")

Anh Thịnh, một người hàng xóm của gia đình Từ Chung hơn ba mươi năm trước, lúc bấy giờ là một cậu bé mười lăm tuổi, buổi trưa ngày 30 tháng Mười Hai năm 1965 đang đá bóng với ba đứa con trai của Từ Chung trên bãi cỏ trước nhà thì thấy xe của anh Từ Chung về đến. Tiếp sau đó chính anh Thịnh và ba đứa nhỏ (đứa lớn nhất lúc bấy giờ 12 tuổi) chứng kiến cảnh hai tên Việt Cộng bắn anh Từ Chung, và anh Thịnh đã cùng với bố mình ôm khiêng anh Từ Chung vào nhà.

Ông Nguyễn Trần, một người làm báo cùng thời với Từ Chung, đã kể những kỷ niệm khi cùng Từ Chung đi săn tin ở Quốc Hội thời Đệ nhất Cộng hòa. Ông cho biết Từ Chung được các đồng nghiệp lúc bấy giờ rất kính nể, vì học vị cao, kiến thức rộng và vì tư cách rất đàng hoàng. Ông nhớ lại: "Từ Chung người dong dỏng cao, mắt đeo kính cận, đầu húi cua, thường mặc chemisette, áo luôn luôn bỏ trong quần, thế nhưng quần thì không bao giờ có centure (dây nịt) hết... Đám phóng viên nghị trường hồi đó còn có anh Cát Hữu (cha đẻ Anh Tám Sạc Ne trên báo Đồng Nai), anh Xuân Tòng, và nhiều người khác... Sau khi Từ Chung qua đời, trên manchette của tờ Chính Luận vẫn luôn luôn để câu: 'Cố Thư Ký Tòa Soạn: Từ Chung' cho đến ngày miền Nam sụp đổ."

Ông Lý Đại Nguyên, người trông coi tờ *Tin Sáng* ra đời cùng một thời với tờ Chính Luận, ca ngợi Từ Chung như một người viết về những vấn đề kinh tế rất xuất sắc, đã đưa được các lý thuyết trừu tượng vào đời sống. Là người ở trong nước lâu năm (ông mới đến Mỹ hơn một năm), Lý Đại Nguyên khẳng định hiện nay trong nước tuyệt đại đa số dân chúng, kể cả đảng viên cộng sản, đều mong mỏi được tự do dân chủ. Cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ trong nước hiện đã bắt đầu khởi sắc và đạt nhiều thành tựu. Chúng ta cần tưởng niệm những người cầm bút đã chết như Từ Chung, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Hoạt, Dương Hùng Cường... để nhắc nhở nhau rằng tất cả hy sinh của những người đó không uổng phí. Nếu không tranh đấu cho được tự do báo chí thì đừng bao giờ nói đến dân chủ.

Chấm dứt buổi tưởng niệm Từ Chung, Chủ nhiệm báo Thế Kỷ 21 cám ơn quý vị đã tham dự, đồng thời loan báo dự án kỷ niệm Khái Hưng mà báo Thế Kỷ 21 đang thực hiện trong năm nay. Trong giờ ăn bánh uống nước giải lao sau đó, người ta nhận thấy có một số những người làm báo Chính Luận trước kia đã về tham dự buổi tưởng niệm: ngoài các ông Đặng Văn Sung và Thái Lân, còn có chị Thụy Giao từ San Jose, anh Lê Hoàng Phú từ Philadelphia, anh Tâm Chung và anh Trần Nguyên Thao. Chị Thụy Giao, tạp chí Xây Dựng, là người sốt sắng nhất trong việc xúc tiến tổ chức buổi tưởng niệm Từ Chung này.

DALAT
LANDSCAPING
Design & Maintenance
Lic. # 699783
P.O. Box 204 (M27) Bolsa Avenue
Westminster, CA 92683
Call: Mr PHƯƠNG
(714) 971-9640* (800) 200-9848

PHỎNG VẤN LÊ ĐẠT

TS: Lê Đạt là một nhà thơ thuộc nhóm Nhân Giai Phẩm hồi giữa thập niên 50, bây giờ sống ở Hà Nội. Lê Đình Điểu của đài phát thanh VNCR (Viet Nam California Radio) vừa rồi có phỏng vấn Lê Đạt qua điện thoại về việc sáng tác thơ. Sau đây là phần chính của cuộc phỏng vấn.

LÊ ĐÌNH ĐIỂU: Thường thường những lúc làm thơ thì anh ngồi chỗ nào? LÊ ĐẠT: Tôi có một cái gác gỗ nhỏ, ngày xưa người ta gọi là chuồng bồ câu, có cửa sổ rất rộng nhìn ra rất nhiều cây và khoảng xanh ở trước mặt. LĐĐ: Rất là nên thơ! Thường anh viết bao lâu thì xong một bài thơ? LÊ ĐẠT: Cũng tùy. Viết một bài thì cũng chóng thôi, nhưng chữa lại thì mất rất nhiều thì giờ. Hình như tôi hơi "lẩm cẩm" ở chỗ ấy. Làm thì nhanh nhưng chữa lại thì rất vất vả.

LĐĐ: Gần đây tôi có đọc trên báo Diễn Đàn bên Pháp và tạp chí Thơ ở Cali có đăng một số thơ của anh, và đặc biệt có hai bài anh viết để coi như là bình thơ, về những bài thơ cổ, rất là lý thú. Nhưng mặt khác trong bài của Đặng Tiến nói về cuốn thơ Bóng Chữ của anh lại cho thấy anh là người muốn khai phá một được lối thơ mới; có vẻ như có hai con người trong một Lê Đạt chăng?

LÊ ĐẠT: Không có đâu anh ạ. Nhà thơ mới là một bộ hành của nền văn hóa nhân loại. Một người hiện đại mà không biết thơ cổ thì tôi cho không thể hiện đại được. Mình phải biết nhân loại đã đi đến đâu rồi chứ mình không nên lặp lại. Tôi nhớ một nhà thơ Pháp có một câu rất hay *Lẽ dĩ nhiên tôi không muốn làm thơ cổ, tôi cũng không thờ phụng thơ hiện đại, tôi chỉ muốn thơ tôi trở thành cổ điển.* Nghĩa là nó mới nhưng vẫn mang màu sắc, như là đã đi qua rất nhiều thời gian của lịch sử thi ca nhân loại.

LĐĐ: Theo anh thì có những bài nào, câu nào của Lê Đạt đã trở thành cổ điển?

LÊ ĐẠT: Cái đó phải để dành cho độc giả, người làm thơ không thể vừa đá bóng vừa thổi còi...

LĐĐ: Trong thời gian mà anh làm thơ, có lẽ đến nửa thế kỷ rồi, thơ mang tính hơi cũ một chút, nghĩa là theo đường lối cũ, có bài nào mới không? Hay là ngay khi mới bắt đầu làm thơ là anh đã khai phá một đường lối mới và không có nét cổ nào trong thơ của anh?

LÊ ĐẠT: Tôi chủ trương từ đầu phải tìm cách làm thơ mới, thời kỳ thơ mới năm 1930 với Huy Cận, Xuân Diệu... theo tôi đến bây giờ đã hơi già quá rồi. Mới thời ấy bây giờ là cổ. Tôi muốn tìm một cái gì mới, nhưng cũng vất vả lắm.

LĐĐ: Bài đầu tiên anh làm là năm nào? LÊ ĐẠT: Từ lúc nhỏ tuổi tôi cũng đã bập bẹ làm thơ, chơi thôi, tôi làm thơ từ hồi chín mười tuổi. Lúc đó không ai nghĩ sẽ làm thơ gì. Bắt đầu năm 20 tuổi tôi đã bắt đầu có ý thức là muốn thay đổi thơ mới của những năm 1930 đi.

LĐĐ: Bài đầu tiên anh đăng báo là bài nào? LÊ ĐẠT: Bài đầu tiên đăng ở tạp chí Văn Nghệ, bây giờ tôi không còn nhớ. Lúc bấy giờ đang thời kỳ kháng chiến. Tôi chỉ nhớ một câu *Hoa mua nở hiền lành*, chỉ một câu đó thôi.

LĐĐ: Thế rồi khi anh hoạt động cùng mấy vị trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, như Trần Dần, Phùng Quán... thì có điểm nào chung giữa các nhà thơ của thời đó không?

LÊ ĐẠT: Có điểm chung là cần phải đổi mới, nhưng mỗi người đổi mới theo một cách khác, anh Dần một cách, tôi một cách. Anh Quán chú ý nội dung rất nhiều, thơ anh Quán có nhiều tính chất diễn xuất còn gọi là "độc tấu," tôi với anh Dần thì chú ý đến hình thức nhiều hơn.

LĐĐ: Tập Bóng Chữ là tập thứ mấy của anh được in?

LÊ ĐẠT: Đó là tập thứ ba.

LĐĐ: Thế còn trước đó là những tập nào?

LÊ ĐẠT: Lúc mới về lại Hà Nội năm 1956, có tập Thế Giới Này Là Của Chúng Ta (tập ấy còn "lôm côm" lắm), lúc đó mang đầy những cái ảo tưởng của tuổi trẻ. Sau đó tôi in một tập nữa, bắt đầu có những tìm tòi về hình thức rồi — "hình thức" là một cách nói thôi, trong thơ hình thức cũng là nội dung rồi. Đó là tập Bài Thơ Trên Ghế Đá. Sau đó tôi có in chung với anh Hoàng Cầm, Trần Dần và Văn Cao một tập gây nhiều tiếng vang là tập Cửa Biển.

LĐĐ: Nghe nói sau Bóng Chữ, anh lại khai phá một loại thơ chỉ có hai câu thôi, xin anh nói thêm về điều này. LÊ ĐẠT: Trong một buổi nói chuyện ngắn ngủi như thế này, tôi chỉ có thể

nói tóm tắt sơ lược thôi. Nếu có gì không phải, cũng mong các bực thức giả bỏ quá cho. Khoa học ngày càng đi vào khuynh hướng vi mô, nhưng vi mô cần phải có những mạch tổng hợp thì mới vi mô được. Tôi thấy thơ cũng phải vi mô và như thế mỗi chữ là một mạch tổng hợp chứ không phải là mạch điện tử thường thường như ngày xưa nữa. Tôi có đọc thơ hai câu, *haiku* của Nhật Bản, tôi rất thích thơ loại thơ này, đặc biệt là ông Ba Sô, nhưng khi đọc thơ Haiku mình phải ở trong một tâm thức đặc biệt rồi, được chuẩn bị rồi thì mới có thể hiểu, tiếp thu được thơ hai câu. Còn trong tâm thế bình thường, nhiều người đọc thơ *haiku* chẳng thấy nói lên cái gì cả. Tôi lại nghĩ đến thơ tứ tuyệt của thơ Đường, trong bốn câu tứ tuyệt đó thường người ta chỉ nhớ có hai câu thôi, chỉ có hai câu nổi bật lên so với hai câu kia, nên tôi mới nghĩ tại sao mình lại không làm chỉ hai câu thôi, cần gì thêm thắt cho mệt! LĐĐ: Như vậy phải rất cô đọng.

LÊ ĐẠT: Cũng chẳng biết có cô đọng được nhiều không, nhưng tôi nghĩ như thế. Tôi còn nghĩ nếu hai câu mà viết là *cờ âu câu* thì người ta lại nhầm chỉ có hai dòng thôi, vì thế tôi mới đặt hai câu viết *ca âu kâu...*

LĐĐ: Một cách chơi chữ!

LÊ ĐẠT: Cũng chẳng hiểu có phải chơi chữ hay không, vấn đề là nó phải khác, không phải chỉ hai câu, số lượng không phải là hai dòng, và nó mang một tính chất khác hẳn đi. Mà biết đâu nó chẳng có họ hàng với thơ *haiku*! LĐĐ: Đặng Tiến có trích một bài của anh có hai câu là *Nắng tạnh heo mày hoa lạnh, Mimosa chiều khép cánh mi môi xa*, có phải đó là một bài hai câu không?

LÊ ĐẠT: Đấy là hai câu.

LĐĐ: Tôi đọc có thể ngắt câu không đúng. Xin anh đọc lại để xem anh ngắt câu ra sao. LÊ

ĐẠT: *Nắng tạnh, heo mày, hoa lạnh*

Mimosa chiều, khép cánh mi môi xa Hình như tên hoa mimosa đó do "mi môi xa" mà ra. Thường thường khi đặt một tên thì cũng khó biết lý do tại sao người ta lại đặt tên đó. Riêng với tôi (có lẽ tôi hơi lẩm cẩm chăng), có lẽ tại vì hai người yêu nhau mà xa quá, phải... mi môi xa, rồi người ta đặt là mimosa.

LĐĐ: Anh có thể đọc cho nghe vài bài thuộc loại này chăng?

LÊ ĐẠT: Tôi sẽ đọc nhưng xin không giải thích, để người nghe góp ý sau thì tốt hơn. Nhà thơ thì không bao giờ giải thích về thơ của mình, chỉ rất mong có sự cộng tác của thính giả và độc giả.

Forget Me Not (tên một loại hoa, ở Việt Nam gọi là hoa lưu ly)

Lòng hoa chưa quên, tình em đã vội,
Lưu ly lời [illegible] tim lôi chia ly
Chìm Nổi
Bất lỡ, [illegible] một hai chìm nổi
Thề, bồi lời cát lỗi, phải lầm sông
Chim Gõ Mõ
Tim lặng lạnh, gốc bồ đề mưa cũ
Chim gõ mõ kiếp xưa chưa hết giũ lụy tình
Chung Tình
Tình lỡ héo rồi mà hoa rộ nở
Hương đa mang xuân khốn khổ chung tình
Máy Nhắn Tin
Máy nhắn chim tin tìm mê lộ phố
Lòng khát tình tim đổi số lặng thinh
Tàu Nhanh
Xuân bắt đầu tàu nhanh xanh thức ngủ
Tình tăng bo toa đỗ đoạt bạc đầu
Số Tình
Nắng bay chuyền chim đầu dây điện thoại
Số tình a lô mãi gọi đôi xuân
Hoa Bằng Lăng
Áo gió đổi cây đầy mây lạc phố
Bằng, lăng, thư hoa lộ tim tin gì
Khác Tuổi
Thời hoa kệ biên phòng xuân chốt cát
Tuổi khác quốc gia đồng thế hệ tình Anh thấy sao?

LĐĐ: Thưa anh thoạt nghe thì đã thấy là một loại thơ lạ rồi. Những cách dùng chữ kết câu của anh cũng lạ nữa. Thành ra để trình với quý thính giả của miền Nam Cali và qua hệ thống Internet của đài VNCR để thưởng thức thơ mới này của anh. Phản ứng từ các nơi nếu có chúng tôi sẽ lại liên lạc với anh thông báo anh biết, để tạo sự giao cảm giữa người sáng tác và người thưởng ngoạn.

LÊ ĐẠT: Tôi không mong gì hơn thế. Chúng ta nên trao đổi với nhau nhiều hơn. Phương tiện thông tin bây giờ tiện lợi lắm, chúng ta không lợi dụng để thông tin với nhau thì thật phí quá.

Tìm đọc:

"LỖI XƯA XE NGỰA..."

biên khảo
của
Nguyễn Thị Chân Quỳnh

KỂ CHUYỆN HOÀI THANH

HUY ANH

Nói về *tuyển, giới thiệu và phê bình* thơ tiền chiến Việt Nam, không ai trong chúng ta không biết đến "Thi nhân Việt Nam" của Hoài Thanh và Hoài Chân, xuất bản lần đầu tiên vào năm 1942. Sau này, ở miền Nam cũng như miền Bắc, nhiều tác giả cũng cho ra đời những công trình tương tự, nhưng xem ra không có công trình nào qua mặt được "Thi nhân Việt Nam." Sau "cách mạng" tháng 8-1945, Hoài Thanh và Hoài Chân theo kháng chiến, sống với chế độ cộng sản. Nhờ có thư viện của viện Viễn đông Bác cổ - tập trung một số lượng lớn sách vở, tài liệu quý hiếm xưa nay trong nước - do người Pháp để lại, và miền Bắc sau này có khai quật được ít nhiều di chỉ văn hóa cổ, nên Hoài Thanh (Nguyễn Đức Nguyên) còn có thêm được một số công trình nghiên cứu, biên khảo tương đối có giá trị về mặt văn hóa-học thuật. Ông mất cách đây trên mười năm. Hoài Chân (Nguyễn Đức Phiên) đã hơn 80, hiện còn sống ở Hà Nội. Ông này thực ra chỉ là *cái bóng* của Hoài Thanh trong "Thi nhân Việt Nam." Nói cách khác, Hoài Thanh là người giữ vai trò chủ đạo trong việc biên soạn "Thi nhân Việt Nam," còn Hoài Chân chỉ là người phụ trợ mà thôi. Sau 30-4-1975, cả miền Bắc "hồ hởi, phấn khởi," giới làm công tác báo chí, văn hóa, văn nghệ đua nhau sáng tác hàng loạt văn, thơ, nhạc ca ngợi "thắng lợi vĩ đại" của họ. Đến như Văn Cao đã im hơi lặng tiếng khá lâu (bị trù dập vì "tội" trình bày bìa "Nhân văn giai phẩm" hồi 1958), nay cũng vội sáng tác ca khúc "Mùa xuân đầu tiên" - theo đơn đặt hàng của ai đó - ngợi ca mùa xuân thật sự đầu tiên nay đã về với miền Nam, với đất nước thân yêu. (!) Riêng Hoài Thanh, thái độ có đủng đỉnh hơn. Khoảng cuối năm 1975 ông đã viết trên báo Nhân Dân - sau đó được nhiều tờ báo khác trong nước đăng lại - một bài ngợi ca "đại thắng mùa xuân" dưới dạng lý luận văn học. Nội dung bài ấy xin được tóm lược như sau:

Đâu là nguyên nhân thất bại của Từ Hải?

Tôi (tức Hoài Thanh) vốn là người yêu văn chương. Trong văn chương Việt Nam tôi thích nhất truyện Kiều của Nguyễn Du. Trong truyện Kiều, tôi yêu nhất nhân vật Từ Hải: Từ trước đến nay tôi đã hai lần có bài viết về Từ Hải: Bài thứ nhất viết trước cách mạng tháng 8-1945, bài thứ hai viết hồi năm 1953. Nay có bài thứ ba này và tin rằng đây là bài viết cuối cùng của tôi về nhân vật Từ Hải, vì tôi nghĩ mình đã tìm thấy chân lý. Nhân đại thắng mùa xuân 1975, dùng ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin soi rọi, tôi mới vỡ lẽ ra rằng, sở dĩ Từ Hải thua trận, phải chết đứng giữa trời, là vì không nắm vững nguyên lý cách mạng của Lênin: Hễ làm cách mạng là phải triệt để, tiến công và tiến công tới cùng cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn, chứ không bao giờ thỏa hiệp hoặc nhân nhượng với kẻ thù. Có chăng chỉ là hòa hoãn trên bàn hội nghị, còn chiến trường sẽ quyết định tất cả. Ta, trong đầu năm 1973, có ký với Mỹ hiệp định Paris, nhưng trên khắp các chiến trường miền Nam, vẫn ra sức lấn đất giành dân, tiến công quyết liệt không hề ngưng nghỉ. Nhờ vậy, tháng 3-1975 ta giải phóng Buôn Mê Thuột, tiếp đến giải phóng toàn bộ Tây Nguyên, sau đó tiến xuống đồng bằng, giải phóng Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, quân khu năm, rồi đến các tỉnh cực nam Trung Bộ, thắng như chẻ tre. Sau đó phá vỡ tuyến phòng ngự Long Khánh, tiến về giải phóng Sàigòn, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Có được thắng lợi vĩ đại này là do đảng ta sáng suốt biết vận dụng triệt để tư tưởng của Lênin, đặng bạ

lực cách mạng tiến công kẻ thù đến cùng để giành chiến thắng, không bao giờ có chuyện nhân nhượng, thỏa hiệp (nếu có chỉ là sách lược tạm thời).

Từ Hải, dám đứng lên chống lại triều đình phong kiến nhà Minh, đạp đổ một số huyện thành cõi nam, năm năm hùng cứ một phương, đường đường một đấng anh hùng. Thế mà lại đi nghe lời Thúy Kiều, ra hàng (thỏa hiệp) với kẻ thù, không tiếp tục đánh tới nữa, cho nên bị Hồ Tôn Hiến giết chết là... phải! Làm cách mạng mà không biết về nguyên lý cách mạng (tiến công triệt để, tiến công đến cùng) thì thất bại là lẽ đương nhiên. Từ Hải vì... ngu nên phải nước lấy hậu quả thảm hại. Còn như cách mạng VN nhờ nắm vững tư tưởng của Lênin nên bách chiến bách thắng. Viết đến đây, có lẽ Hoài Thanh lấy làm hả hê lắm, bèn kết thúc rằng:

"Như trên đã nói, trong đời tôi đã hai lần viết về nhân vật Từ Hải, nhưng cả hai bài viết ấy đều thiếu cơ sở lý luận. Nay nhờ ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lênin soi sáng, nên có bài viết thứ ba này luận về nguyên nhân thất bại của Từ Hải và tin rằng sự bất quá tam, đây là lý giải đúng đắn nhất cho vấn đề, không có gì phải nghi ngờ nữa... Đọc đến đây chắc độc giả sẽ thốt lên: Ơ, cái ông Hoài Thanh này! Từ Hải làm loạn chống lại triều đình nhà Minh (bên Trung Quốc) ngày xưa bất quá cũng chỉ là kiểu các anh hùng Lương Sơn Bạc. Thuở ấy, Karl Marx và Lénine đâu đã hiện diện trên cái cõi đời này để truyền bá tư tưởng "cách mạng" cho anh ta áp dụng? Và, chủ nghĩa Marx-Lénine có phải là bách chiến bách thắng không? Nếu sống đến năm 1991, thấy Liên Xô và toàn khối cộng sản Đông Âu đổ sụp như một lâu đài xây trên cát, chắc Hoài Thanh sẽ sáng mắt ra. Đặc biệt hiện nay, khi mà trên đất nước Việt nam, những khẩu hiệu như "Tư tưởng Mác-Lênin vô địch," "Chủ nghĩa xã hội là khoa học của mọi khoa học," "Chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt," "Ai thắng ai" v.v... không còn được nghe nhắc đến nữa, nhất là câu "chủ nghĩa tư bản đang giãy chết" cần phải sửa lại thành "Chủ nghĩa cộng sản đang giãy chết" thì có lẽ Hoài Thanh — nhà phê bình thơ được đánh giá là hết sức tinh tế và sắc sảo của một thời — phải ngồi hì hục viết lại... lần thứ tư bài nhận định về nguyên nhân thất bại của nhân vật Từ Hải cũng nên. Cho hay cái bả của Cộng sản ghê thật. Nó làm cho bao nhiêu nhà trí thức đến cuối đời vẫn còn mê muội, vẫn cứ là... trí ngủ!

MỌI GIA-ĐÌNH VIỆT-NAM ĐỀU ĐỌC VÀ GIỮ TRONG TỦ-SÁCH:

làng văn

TẠP-CHÍ THÔNG-TIN, VĂN-HỌC, NGHỊ-LUẬN CHÍNH-TRỊ

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo xuân và cước-phí)

Họ, tên:.....

Địa-chỉ:.....

.....

gửi kèm chi-phiếu (check): US$55 (đường bộ) hoặc US$75 (máy bay)
đề trả cho: "Làng Văn", gửi về địa-chỉ:
Làng Văn, P.O. Box 218 Station "U", Toronto, Ont. M8Z 5P1, Canada

** Ghi-chú: Báo đường bộ đi mất 10 ngày; báo máy bay mất 3 ngày;*
Báo bán lẻ giá US$5 một tờ tại ca6c nhà sách trong vùng
Quí vị cũng có thể đọc một phần các trang báo và xem Thư-mục Làng Văn trên internet, địa-chỉ: **http://www.vietnamlangvan.com/vietnews/**
hoặc gửi vi-thư (e-mail): **langvan@lan.com** khi có điều cần hỏi.

NẮNG CUỐI XUÂN

NGÔ MẠNH THU và LÊ ĐÌNH ĐIỂU ghi

Thượng Tọa Thích Minh Mẫn đến thăm TK 21 nhân dịp dự lễ khai mạc phòng tranh của họa sĩ Nguyễn Huê tại trụ sở Hội VAALA. Là một tôn túc giáo phẩm uy tín của Phật giáo Việt Nam hải ngoại, Thượng Tọa thường đi thuyết giảng Phật Pháp tại nhiều tự viện khắp các tiểu bang Hoa Kỳ. Tại quận Cam, Thượng Tọa là Viện chủ của chùa Huệ Quang, ở góc đường Westminster và Euclid, thị xã Garden Grove, nơi không những là một cơ sở tín ngưỡng mà còn là một trung tâm văn hóa của cộng đồng, với những lớp dạy Việt ngữ, những sinh hoạt văn hóa, xã hội, và trụ sở của một Gia đình Phật Tử — một tổ chức đoàn ngũ thanh niên Phật Giáo. Chùa Huệ Quang mới đầu chỉ là một căn nhà nhỏ ở góc đường, nay đang trên đà phát triển để trở thành một tự viện lớn có thể đón nhận hàng ngàn Phật giáo đồ đến hành hương lễ Phật, nghe kinh mỗi cuối tuần hoặc ngày vía Phật.

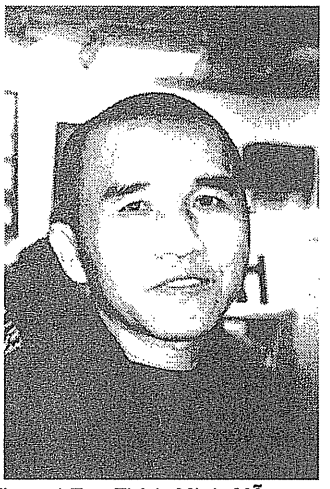

Thượng Tọa Thích Minh Mẫn

*

Becky Ngô hồi còn đi học ở Saigon có tên là Bích Thược. Cô là một trong những người mẫu nhiếp ảnh nghệ thuật của nhiếp ảnh gia Trần Đại Lộc. Hiện cô đang dạy một số giờ về cố vấn tâm lý ở đại học Fullerton, ngoài công việc chính là làm cố vấn gia đình cho Sở Xã Hội quận Cam. Hàng tuần cô xuất hiện trong chương trình hội thoại "Từ Nhà Đến Trường" của đài phát thanh VNCR — một chương trình được rất đông thính giả ưa thích, đón nghe. Những đề tài cô đưa ra thảo luận thường là những chuyện liên quan đến đời sống hàng ngày của mỗi người, mỗi gia đình, nên các thính giả nghe cô để tìm ra một cách giải đáp cho các vấn đề đời sống của mình. Cô cho biết cô sẵn sàng dành cho Thế Kỷ xuất bản những tập sách về tâm lý và gia đình mà cô đang soạn thảo.

Becky Ngô

*

Đầu tháng Tư, nhân dịp tổ chức buổi trình diễn và giới thiệu CD mới của Elvis Phương và Thanh Lan tại quận Cam, nhạc sĩ **Ngọc Chánh** đã đến đài VNCR và nhân thể ghé thăm tòa soạn TK 21. Từ những năm trước 1975, nhạc sĩ Ngọc Chánh đã nổi tiếng trong giới sinh hoạt nghệ thuật trình diễn, với trung tâm sản xuất băng nhạc Shotgun, và là đồng tác giả của ca khúc *Bao Giờ Biết Tương Tư* viết chung với Phạm Duy. Ông cũng là trưởng ban nhạc Shotgun với lối trình diễn sống động, hàng đêm trình diễn tại nhà hàng Queen Bee, trên đường Nguyễn Huệ, do ông làm chủ. Hiện nay, nhạc sĩ Ngọc Chánh trông nom vũ trường Pha Lê Ritz, ở thành phố Anaheim, quận Cam, nơi quy tụ nhiều ca nhạc sĩ nổi tiếng hải ngoại với những chương rtình văn nghệ lớn, có giá trị nghệ thuật cao.

Nhạc sĩ Ngọc Chánh

LÊ TAM CA

QUẬN CAM

Hội học âm nhạc

Một buổi hội học âm nhạc do nhạc sĩ Lê Văn Khoa tổ chức cho các nhạc sinh của ông đã xuất hiện một nét mới: nhạc sinh trình tấu tác phẩm do chính mình sáng tác.

Buổi hội học diễn ra vào chiều thứ Bảy 29 tháng Ba, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, với sự tham dự của 25 em từ 6 đến 14 tuổi. Rất đông khán thính giả, trong đó có phụ huynh các em đã đến theo dõi.

Trong chương trình, các em phải trình diễn nhạc Việt, song song với nhạc cổ điển và nhạc hiện đại Hoa Kỳ. Các bài như "Giọt Mưa Trên Lá" của Phạm Duy, "Đón Xuân" của Phạm Đình Chương, được hai em độc tấu dương cầm. Các bài "Mưa Saigon Mưa Hà Nội" và "Ly Rượu Mừng" được trình diễn song tấu. Tất cả những bài này đều do nhạc sĩ Lê Văn Khoa soạn hòa âm.

Đặc biệt hơn nữa, em Lê Xuân Thảo, 13 tuổi, sáng tác và trình diễn tác phẩm của em tựa đề là "Life Is a Memory," sau khi trình bày các bài của Beethoven và Burgmuller.

QUẬN CAM

Đêm "Sáng Tác Trẻ"

Vào hồi 8 giờ tối thứ Sáu 28 tháng Ba, một nhóm bạn trẻ đã đến tham gia chương trình thơ nhạc cuối tháng thường lệ của Ủy Ban Thanh Niên Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, tại trụ sở của Hội ở Garden Grove.

Chương trình mang chủ đề "Sáng Tác Trẻ" mở ra một chân trời mới cho tuổi trẻ trong sáng tác cũng như trong thưởng ngoạn văn học nghệ thuật.

Không khí sinh hoạt có lúc lắng xuống với những vần thơ về quê hương của Kiều Lệ, Trọng Thức, Đình Phú, hay nét nhạc êm dịu của Hoàng Long. Có lúc thính phòng lại vang lên những tiếng cười với những câu nhận xét hóm hỉnh của người tham dự.

Sau buổi sinh hoạt, hầu hết các bạn trẻ có mặt đều mong muốn hình thành một "câu lạc bộ sáng tác" để các bạn trẻ có nơi giới thiệu những sáng tác của mình, và trao đổi kinh nghiệm.

QUẬN CAM

Triển lãm "Hòa Bình Trên Dương Thế" của Suzie Vương

Cuộc triển lãm mang tên "Hòa Bình Trên Dương Thế" (*Peace on Earth*) của nữ họa sĩ Suzie Vương đã khai mạc hôm 19 tháng Tư 1997, tại "làng họa sĩ" Santora Arts Complex ở thành phố Santa Ana.

Ngoài những bức tranh vẽ theo lối ấn tượng, loạt tranh mới nhất của nữ họa sĩ họ Vương mang dấu ấn của trường phái "bán trừu tượng" (*semi abstract*) đầy màu sắc bằng sơn dầu và acrylic trên bố (*canvas*).

Đây là cuộc triển lãm mở đầu cho cả một năm hoạt động của trung tâm nghệ thuật này. Các chương trình tiếp theo được hoạch định khai mạc vào các ngày khác trong năm như sau: mùng 7 tháng Sáu, 26 tháng Bảy, mùng 6 tháng Chín, 11 tháng Mười, và mùng 6 tháng Mười Hai 1997.

Suzie Vương Gallery là một trong số trên 25 phòng vẽ và phòng triển lãm trong khu Santora Arts Complex, với trên 40 nghệ sĩ tạo hình dùng nhiều chất liệu và qua nhiều thể loại khác nhau, làm việc thường xuyên.

Suzie Vương hiện là thành viên Hội đồng Quản trị của Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (VAALA). Tác phẩm của Suzie đã và đang được trưng bày ở nhiều phòng triển lãm và viện bảo tàng của nhiều quốc gia trên thế giới.

Bên cạnh phòng tranh Suzie Vương còn có những tác phẩm điêu khắc trên đá của Ý với những đường cong tuyệt mỹ muôn đời của người phụ nữ, do điêu khắc gia, và cũng là khoa học gia, người Mỹ, John Lambie.

NEW YORK

Nhà thơ Allen Ginsberg qua đời, thọ 70 tuổi

Allen Ginsberg, nhà thơ lớn của thế hệ *beatniks*, qua đời tại nhà riêng ở New York, hôm mùng 4 tháng Tư 1997, thọ 70 tuổi. Ông bị hôn mê vì một cơn đau tim, trong khi bệnh ung thư gan của ông được phát giác tám ngày trước đó, khiến ông quyết định không nằm ở bệnh viện mà muốn ở nhà, chờ chết.

Tập thơ "Howl" (*Tiếng Hú*) của ông được coi là bản tuyên ngôn của cuộc cách mạng dục tính ở Hoa Kỳ và một đòi hỏi mạnh mẽ về tự do ngôn luận.

Ông cũng là một trong những người chống chiến tranh Việt Nam, chống CIA, chống quốc

trưởng Shah của Iran, và chống nhiều thứ khác, trong khi ông bênh vực quyền của người đồng tính luyến ái —chính ông cũng là người đồng tính luyến ái và dám nói ra sự thật đó vào thời điểm 1950.

Ảnh hưởng của ông rất lớnvà trên nhiều mặt, từ thi ca, tới âm nhạc và cả chính trị. Trong số những người chịu ảnh hưởng của ông có Yoko Ono, Bob Dylan, Abbie Hoffman, Vaclav Havel (tổng thống Tiệp),... *(Theo NV)*

QUẬN CAM

Triển lãm tranh Nguyễn Huê

Họa sĩ Nguyễn Huê bày gần 50 bức tranh tại Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, số 11022 Acacia Parkway, thị xã Garden Grove, từ thứ Sáu 11 tháng Tư đến thứ Sáu 18 tháng Tư 1997.

Thượng Tọa Thích Minh Mẫn, Viện chủ chùa Huệ Quang, và ông Tony Hoffman, đã cùng cắt băng khai mạc vào lúc 11 giờ sáng thứ Sáu 11 tháng Tư.

Nguyễn Huê từng theo học trường Cao đẳng Mỹ thuật Saigon cuối thập niên 1960. Sang Mỹ định cư từ 1975, ông vẫn tiếp tục vẽ nhưng ít triển lãm. Đây là lần đầu tiên ông ra mắt người thưởng ngoạn nghệ thuật tạo hình tại vùng quận Cam.

Hoạ sĩ Nguyễn Huê (giữa) hướng dẫn khách thưởng ngoạn coi tranh

Tranh Nguyễn Huê thuộc loại hiện thực, thể hiện bằng sơn dầu với những đường nét mạnh bạo, và thể hiện các đề tài gần với đời sống chúng ta.

QUẬN CAM

Ra mắt sách "Chuyện Trắng Đêm"

Lúc 11 giờ 30 ngày 30 tháng Ba 1997, tại Hội Cao Niên Á Mỹ, Trung Tâm Văn Bút VN Hải Ngoại và Trung Tâm Văn Bút Miền Tây Nam Hoa Kỳ đã bảo trợ một buổi giới thiệu tập truyện của nhà văn Tôn Nữ Hoàng Hoa.

Chủ tịch Hội Cao Niên Á Mỹ, nhạc sĩ Nguyễn Hiền, đã giới thiệu tác giả. Nhà thơ Viên Linh nhận xét về tác phẩm, cho rằng "văn phong của tác giả đã nói lên được đức tính can đảm của người cầm bút."

Tác giả Tôn Nữ Hoàng Hoa cho biết bà rất cảm động trước sự ủng hộ của anh chị em văn nghệ sĩ thân hữu. Sau đó, các ông Phạm Ngọc Vinh, Lê Cẩm Khoáng, Nguyễn An Phong đã lần lượt nhắc lại những hình ảnh mến yêu của một thời đã qua, chìm lắng chưa quên. *(Theo VBKT)*

QUẬN CAM

Ngành Mai ra mắt "Cô Gái Việt và Người Chiến Binh Mỹ"

Đây là cuốn sách thứ hai, sau cuốn 'Cá Bống Kèo Kho Tộ' của Ngành Mai. 'Cô Gái Việt và Người Chiến Binh Mỹ" đã được đăng dài hạn trên nhật báo *Người Việt* vào cuối năm 1996.

Buổi ra mắt được bảo trợ bởi Liên Hội Ái Hữu các Tỉnh Tiền Giang, Hội Ái Hữu Tây Sơn Bình Định, Nhóm Văn Hữu Lại Giang, và các đồng hương Tây Ninh.

Các diễn giả (Bà) Nhất Phương, Giáo sư Lê Tú Vinh, đại diện điện ảnh Bùi Sơn Duân đã lần lượt phát biểu cảm tưởng.

Tác giả Ngành Mai cho biết cuốn sách đang được dịch ra Anh ngữ, và có thể sẽ được quay thành phim.

VIRGINIA

Họa gia Tá chi Trương Cam Khải qua đời

Cụ Tá Chi Trương Cam Khải, một hỏa gia hàng đầu của người Việt trong nagnh thủy mặc, đã từ trần hôm mùng 2 tháng Tư 1997, thọ 92 tuổi.

Sinh năm 1906 trong một gia đình có truyền thống văn học, cụ Trương Cam Khải sớm trở thành một người uyên thâm Nho học. Cụ đã từng là chủ bút các báo *Tân Thanh* và *Hồ Hải*

Duyên Văn, ở tuổi 25.

Sau đó, từ 1949 đến 1954, cụ Trương là chủ biên của nguyệt san *Văn Hóa Tùng Biên* ở Hà Nội. Khi di cư vào miền Nam, cụ dạy học tại trường Sư Phạm Saigon.

Hội họa chỉ là "nghề tay trái" của cụ. Nhưng cụ lại thành danh trong ngành hạo thủy mặc, sau hai cuộc triển lãm ở Annapolis (năm 1971), và Washington DC (năm 1972). Trong cuộc triển lãm lớn về thủy mặc quốc tế ở Washington năm 1979, cụ Trương Cam Khải là một trong năm người được tôn vinh là họa sư.

Cụ Trương Cam Khải ra đi để lại người bạn đời là cụ bà Kim Y Phạm Lệ Oanh (dịch giả của bộ *Kinh Thi Quốc Phong*), và con gái là nhà văn Trương Anh Thụy (tác giả hai tập thơ và bộ trường thiên tiểu thuyết *Trạm Nghỉ Chân*). (*Theo QGTTX*)

QUẬN CAM

Hội thảo về lưới điện toán toàn cầu Internet

Chiều Chủ Nhật 20 tháng Tư 1997, tại Trung Tâm Công Giáo Việt Nam, trên đường Century, thành phố Garden Grove, hơn 600 người đã tham dự buổi Hội thảo về lưới điện toán toàn cầu Internet.

Với sự góp mặt của các công ty VNI, Vinet Communication, Saigon Net, Hội Khoa Học Kỹ Thuật Việt Mỹ, Phong Trào Giới Trẻ Công Giáo Orange County, buổi hội thảo có trọng tâm là ra mắt cuốn sách 'Cẩm Nang Lên Lưới" của Vũ Quốc Dũng.

Đây là cuốn sách đầu tiên bằng tiếng Việt trình bày về mạng lưới điện toán toàn cầu Internet, những công dụng của mạng lưới này trong đời sống hàng ngày, nhất là trên phương diện thông tin và giáo dục. Sách cũng ghi chép các cách sử dụng mạng lưới, cách mở hộp thư điện tử, cách xem báo và tài liệu trong các trang nhà trên lưới... Một số chương đã được dành cho việc giới thiệu các cơ sở cung cấp dịch vụ lên lưới cho người đọc tiếng Việt.

Dịp này công ty VNI cũng giới thiệu một số sản phẩm mới của công ty này như các nhu liệu Web Note và Web Eye. Dùng các nhu liệu này, người ta có thể viết và đọc tiếng Việt trên lưới điện toán toàn cầu một cách nhanh chóng và dễ dàng, không cần phải chuyển từ hệ thống chữ Việt này sang hệ thống chữ Việt khác. Hiện nay trên thế giới có rất nhiều hệ thống khác nhau.

Cuộc hội thảo còn có phần trả lời các thắc mắc của cử tọa, do tác giả Vũ Quốc Dũng và các thành viên của các công ty điện toán VNI, Vinet, Little Saigon Net. Với một màn ảnh lớn chiếu những chỉ dẫn phóng ra từ máy điện toán, cử tọa theo dõi dễ dàng các phần trình bày cũng như dẫn giải của các diễn giả. Phía cuối hội trường còn có một dãy các máy điện toán cá nhân, với các chuyên viên túc trực để sẵn sàng minh diễn các vấn đề xoay quanh việc lên lưới.

Trong số các người tham dự, có rất đông các vị cao niên đầu bạc. Các cụ tỏ ra tha thiết muốn cùng đi với con cháu trên chuyến tàu khoa học tiến vào thế kỷ 21 bằng siêu xa lộ thông tin.

QUẬN CAM

Nhà văn Việt Phương ra mắt sách ở Hội VAALA

Chiều thứ Bảy 19 tháng Tư, tại trụ sở Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ, VAALA, thành phố Garden Grove, hơn 50 người đã tham dự buổi ra mắt sách của nhà văn Việt Phương, với hai tác phẩm là hai tập truyện: "Dấu Chân Rết Trên Khuôn Mặt Buồn" và "Trong Khu Vườn Rêu Cũ."

Trong căn phòng đa dụng của Hội VAALA, vốn đang có cuộc triển lãm tranh của họa sĩ Nguyễn Huê nên bốn bức tường rực rỡ những khung tranh, cử tọa đã thích thú theo dõi các phát biểu của nhà báo Nguyễn Huỳnh Mai, nói về con người tác giả Việt Phương, một cây viết trẻ đa năng, đa tài, hiện cư ngụ tại tiểu bang Texas.

Hai nhà văn Phạm Xuân Đài và Nguyễn Xuân Hoàng đã nhận xét về văn phong và bút pháp của Việt Phương. Cả hai ông đều cho rằng truyện của Việt Phương buồn u uất. Phân tích từng truyện, Phạm Xuân Đài nhận xét rằng Việt Phương thành công trong việc kết cấu và mô tả các tình huống bi kịch, nhất là những cuộc tình tội lỗi mang tính loạn luân. Nhìn chung, Nguyễn Xuân Hoàng gợi nhớ câu chuyện "Bông Hồng Vàng" của nhà văn Nga Pautovsky, ví người viết văn như một người đãi vàng trong tro bếp của tiệm kim hoàn để kết thành bông hồng tặng người yêu, đem lại một hạnh phúc nào đó cho đối tượng. Việt Phương chỉ mới giãi bày được niềm đau của cõi người, chưa kết được một 'bông hồng vàng" cho người đọc.

Tác giả Việt Phương sau lời cám ơn đã làm thay đổi không khí bằng cách ngâm một bài thơ do chính anh sáng tác, và hát một bản nhạc, mở đầu cho chương trình văn nghệ bỏ túi, với tiếng đàn của nhạc sĩ Nghiêm Phú Phát và các giọng ca của Ngân Hà, Mỹ Thúy, một số thân hữu, và phần biểu diễn dương cầm của hai tham dự viên tí hon: Tony Đào và Thảo Trang.

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Đất Yêu Thương: Tạp ký của **Trà Lũ**, Quế Phương xuất bản 1997, 302 trang, giá US$15.00. Liên lạc: Trà Lũ, 113 Kennedy Avenue, Toronto, Ontario, M6S 2X8, Canada.

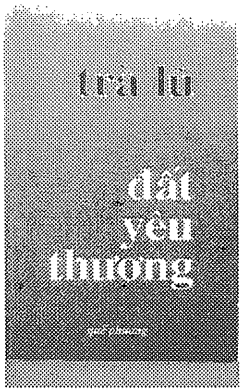

Tác giả đã xuất bản bốn cuốn sách nhan đề đều có chữ "đất": *Miền Đất Hạnh Phúc, Đất Mới, Miền Đất Hứa, Đất Thiên Đàng*. Bây giờ lại tiếp tục "đất," vẫn với một tĩnh từ đầy tính chất tốt đẹp mỹ miều kèm theo. Hẳn có một miền đất mà tác giả rất bằng lòng, rất say mê. Đọc sách của Trà Lũ thì hiểu đó là đất Canada, nơi tác giả cư ngụ. Ông yêu nơi ông sống đến nỗi ông kể lại hầu như mọi chuyện xảy ra ở đó, sách ông đầy ắp sự kiện, cái này nối cái kia liên miên không dứt. Tựa đề của mỗi bài chỉ là cái cớ, ông chọn một trong vô số chuyện ông kể trong bài đó để đặt cho nó một cái tên, chứ nhan đề không hề là chủ đề của bài viết. Điều đặc biệt là một khi đã đọc ông thì rất khó buông sách ra, vì ông kể chuyện có duyên lắm, giọng hóm hỉnh và chọn lựa câu chuyện rất khéo. Vì phong phú sự kiện, một bài của ông đôi khi có thể ví như một trang nhật báo đầy tin tức. Nhưng là thứ tin tức đã được [illegible] văn nghệ đọc quên thôi.

Hình như tác giả luôn đùa cợt, nhưng có nhiều chỗ người đọc phân vân không biết thật hay đùa, chẳng hạn đoạn sau: *Đấy, rõ ràng vua Minh Mạng đã nghĩ rằng liền bà là nguyên nhân xáo trộn trật tự nhá. Chắc vua đã nhớ lời trăn trối của bà Từ Hy Thái Hậu bên Tàu.* Từ Hy Thái Hậu thì chắc chắn chết sau vua Minh Mạng lâu lắm, làm sao vua có thể nhớ lời trăn trối của bà được? Chắc tác giả dư biết điều đó, nhưng vì đùa mà bất chấp sự thật thì có thể tạo ra những lệch lạc cho tác phẩm mà đáng lẽ không nên có.

Những trích dẫn người khác có khi cũng không cẩn thận, như lời ca của Văn Cao trong bài Trương Chi: "Một chiều *xưa* trăng nước chưa thành thơ" thì thành ra "Một chiều *kia*..."; hoặc trong bài Không Quân Việt Nam: "Đôi cánh tung hoành *vượt* trên mây xanh, Ta là tinh cầu bay trong đêm *trăng*" thì thành ra "...tung hoành *giật* trên mây xanh" và "...bay trong đêm *xanh*."

Tạp ký của Trà Lũ là loại văn dựa trên sự kiện chính xác, giá trị của nó là từ cái chính xác ấy mà tác giả nhìn ra điều thú vị và tạo sự say mê cho người đọc. Cho nên thỉnh thoảng nhận ra cái không chính xác thì người đọc sẽ rất lấy làm tiếc, vì sự thú vị sẽ vì thế mà bớt đi.

Kinh Thi Quốc Phong bản dịch của **Kim Y Phạm Lệ Oanh**, Tủ Sách Cành Nam xuất bản, 602 trang, giá US$25.00. Liên lạc: Cành Nam, 2607 Military Rd. Arlington, VA 22207, USA. Tel&Fax: (703) 525-4538.

Ngày xưa các nhà nho trong chương trình thi cử phải học các bộ "kinh," tức các tác phẩm cổ điển quan trọng của Trung Hoa: Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu, trong đó Kinh Thi là tập hợp các câu ca dao của thời xưa. Kinh này gồm có bốn phần: Quốc Phong, Tiểu Nhã, Đại Nhã và Tụng, và Kim Y Phạm Lệ Oanh dịch toàn bộ phần Quốc Phong (tức ca dao của các nước thời Trung Hoa chưa thống nhất về một mối) trong tập sách này.

Phương pháp của dịch giả rất cẩn trọng. Một bài thơ trước hết đăng phần nguyên văn chữ Hán, rồi đến phiên âm, kế đến phần dịch thơ; sau bài dịch còn có phần chú thích, giải nghĩa một số các chữ Hán trong nguyên văn và một lời bàn giải ngắn. Lời thơ dịch theo lối ca dao, cho hợp với tinh thần dân giã của nguyên bản.

Suốt một thời gian dài trong quá khứ, Kinh Thi có một ảnh hưởng lớn trên thơ văn nước ta, từ hình ảnh, từ ngữ, thể thơ, đến cả những tâm tình, quan niệm về mỹ cảm, tín ngưỡng, tình yêu... Ngày nay nếu không hiểu Kinh Thi là gì

chúng ta khó hiểu trọn vẹn được nền thi ca của tổ tiên chúng ta. Đọc kỹ bản dịch và các chú thích của cuốn sách này, chúng ta sẽ hiểu được thêm nhiều hình ảnh hay điển tích thường gặp trong văn chương cổ điển Việt Nam [chẳng hạn, nhiều người trong chúng ta không ngờ rằng một thành ngữ tưởng như rất Việt Nam là câu "yểu điệu thục nữ" lại chính là một câu của Kinh Thi!] Cần phải đọc Kinh Thi để học về những di sản của chính ông cha chúng ta.

Phá Ngục Tù: Tiểu luận của **Trần Văn Kha** và **Trần Thiên Thanh**, các tác giả tự xuất bản, 732 trang, giá US$20.00, ngoài Hoa Kỳ $22.00. Liên lạc với nhà phát hành: Văn Nghệ, P.O. Box 2301 Westminster CA 92683, USA. Tel: (714) 527-5761.

Tạm gọi cuốn sách này là tiểu luận, mặc dù dày hơn bảy trăm trang, vì trong đó chứa nhiều bài viết, về nhiều đề tài khác nhau. Ngoài bìa đề tên hai tác giả, nhưng các bài bên trong không ký tên riêng biệt nên không biết ai viết phần nào, hay là hai người cùng viết chung tất cả các bài trong đó. Một vài nơi trong sách có nói về tiểu sử và bìa sau có đăng hình tác giả Trần Văn Kha, nhưng còn tác giả Trần Thiên Thanh thì không thấy nhắc đến.

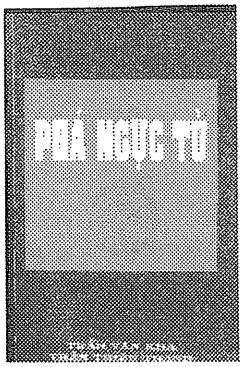

Theo lời tựa thì cuốn sách này gồm những bài báo của tác giả Trần Văn Kha đã viết "không có mục đích gì khác hơn là đóng góp ý kiến vào việc phục vụ Quê Hương Dân Tộc." Chống lại những quan niệm mà tác giả cho là sai lầm có hại cho dân tộc, các bài viết theo hai chủ đề chính: vấn đề Cộng Sản và đạo Gia Tô. Các lập luận của tác giả dựa trên nhiều nguồn tài liệu khá phong phú, và một đặc điểm của cây bút này là nói rất thẳng, không câu nệ, không sợ mích lòng. Đó là ưu điểm mà đôi khi cũng là khuyết điểm: có thể có những điều tác giả khẳng định sớm quá, sự thật không phải lúc nào cũng chắc chắn giống như những khẳng định đó. Tuy nhiên sự bồng bột trong khi viết ấy chỉ nhằm một điều mà tác giả mơ ước, là *phá tan cái nhà tù tư tưởng sai lầm* đang giam hãm chúng ta.

Mặt Trời, Lá Và Em: Thơ của **Thái Thụy Vi**, Sông Phố xuất bản 1996, 96 trang, không ghi giá bán. Liên lạc: Sông Phố, 600 N. Madison St #232, Arlington, VA 22203, USA. Tel: (703) 534-0724.

Đây là tập thơ thứ tư của Thái Thụy Vi được xuất bản, và điều gây chú ý đầu tiên là hình thức của nó: sách được trình bày rất công phu. Giấy màu tím nhạt và mực in màu tím cố hữu của tác giả, sách tập trung nhiều họa phẩm của các họa sĩ Đinh Cường, Thái Tuấn, Phạm Cơ, Minh Hoàng, Nguyễn Trọng Khôi, Nguyên Khai, Nguyễn Quốc Tuấn, trong đó một số bức được in màu rất đẹp, khiến cho mới thoạt nhìn, người ta nhận thấy ngay yếu tố hội họa đóng một vai trò quan trọng trong tác phẩm này. Nó tạo nên vẻ đẹp và một mỹ cảm cho người xem, trước khi đi vào thế giới thi ca.

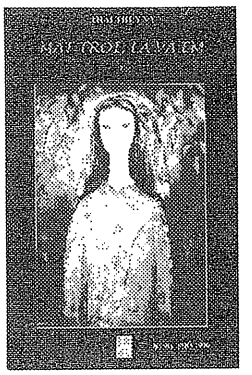

Lời tựa do tác giả viết, bài Trả Em Chiếc Lá Vàng Thu, lại là một bài viết đặc biệt về lá thu dành cho một cuốn thơ. Kinh ngạc vì chiếc áo lộng lẫy mà mùa thu khoác lên thiên nhiên vùng Bắc Mỹ, tác giả đã đi tìm một giải thích... khoa học cho hiện tượng ấy, và đó là một kiến thức rất thú vị, cho chúng ta biết vì sao lá lại đổi màu và đổi những màu khác nhau.

Phạm Lệ Thúy ghi cảm nghĩ của mình khi đọc thơ Thái Thụy Vi vào cuối sách, có câu: *Giở tập thơ đọc, lời thơ trau chuốt nhưng giản dị, có những âm điệu hiền hòa và dịu dàng.* Nhận xét đó đúng. Nhưng đó đây có thể gặp những bất ngờ, (giống như những lý giải khoa học cho một hiện tượng thiên nhiên gây nhiều thổn thức cho tâm hồn thi nhân trong bài tựa):

Một ngày không nghe tiếng
Là một ngày hết pin

hoặc một bài thơ mang tựa đề Trình Tấu Khúc Cung Đô La Trưởng, có những câu:

Tình yêu mà thiếu đô la
Ngày sau tình sẽ tà tà ra đi
Sau trình tấu khúc còn gì
Cung đô la trưởng thầm thì nhủ tim
Âm thanh thời đại cổ kim
Tiếng vọng dội ngược tiếng tiên tiếng kìm

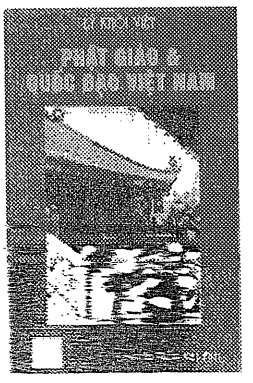

Đó là giọng điệu cợt, sử dụng các tiếng thông dụng của ngôn ngữ nói (hết pin, tà tà...), nhại tiếng ("cung đô la trưởng" từ chữ "cung la trưởng" trong âm nhạc), nói lái (tiếng tiên tiếng kìm = kim tiền) cho thấy một khía cạnh khác trong thơ Thái Thụy Vi và thấy rằng thi nhân không phải lúc nào cũng sầu mộng đắm đuối.

Phật Giáo và Quốc Đạo Việt Nam: Khảo luận của **Lý Khôi Việt**, Viện Tư Tưởng Việt Phật xuất bản 1997, 400 trang, giá US$15.00. Liên lạc: P.O. Box 915, Danville, CA 94526, USA. Tel:(510) 709-1063.

Tác giả vừa chứng minh bằng sử liệu, vừa kêu gọi, thuyết phục cho một niềm tin rằng Phật giáo từ khi có mặt trên đất nước ta cách đây hai ngàn năm đã đóng vai trò tích cực trong việc xây dựng văn hóa và gìn giữ dân tộc trường tồn. Theo tác giả, nước Việt Nam cổ đã có một nền tảng văn hóa đáng kể, nhưng từ khi bị Trung Hoa đô hộ, nền văn hóa ấy đã bị tiêu diệt với một chính sách đồng hóa tàn bạo. Nhưng may mắn là đạo Phật đã du nhập vào Việt Nam và đã phát triển mạnh, tạo nên một tinh thần và một sức mạnh mới cho dân tộc, khiến đưa Việt Nam đến thời kỳ tự chủ. Giao Châu xưa đã có những nhà Phật học tài ba làm cho Trung Hoa phải kính nể. Và tinh thần Phật giáo, đã bén rễ trong dân chúng trước khi được chính quyền độc lập công nhận như một quốc đạo, đã thành truyền thống văn hóa và tâm linh của dân tộc, sẽ đóng vai trò tích cực trong công cuộc hiện đại hóa Việt Nam trong ngày hôm nay.

Người Mẹ Da Vàng, Người Được Bạc: Hai chương trình ngâm thơ và đọc truyện do Bích Ty diễn ngâm và diễn đọc trong bộ băng cát xét 3 cuốn. Trung tâm Bích Thu Vân phát hành. Liên lạc: Bích Ty 9718S. 93rd E. Ave Tulsa OK 74133 Tel (918) 350-4844.

Bích Ty là giọng ngâm thơ và đọc truyện của nhiều chương trình thơ văn truyền hình truyền thanh trong nước trước 1975 như: Mây Tần, Trâm Hương. Với âm sắc trong sáng, giọng ngâm trau chuốt ngọt ngào, Bích Ty giới thiệu trong băng thơ Người Mẹ Da Vàng mười hai bài thơ của những nhà thơ thuộc nhiều thế hệ: Hà Thượng Nhân, Cao Tần, Xuân Bích, Vũ Trọng Khanh... Từng bài thơ nặng trĩu tâm sự của tác giả được trình bày một cách thông minh và đầy cảm xúc qua giọng ngâm của Bích Ty còn nguyên phong độ. Người Mẹ Da Vàng là băng thơ hay, hiếm hoi ở hải ngoại.

Băng truyện: Người Được Bạc cũng do Bích Ty dẫn truyện. Đây là một truyện ngắn của Phạm Nguyên Lương, đã đăng nhiều kỳ trên Thế Kỷ 21. Cốt truyện nhiều kịch tính, nên phần diễn đọc dễ dàng phô diễn, dẫn đưa, lôi cuốn người nghe theo từng chuyển động của mạch văn, ý tình của tác giả.

Tình Ca Nghĩa Mẹ, Trang Nhật Ký Hồng: Tập băng đọc truyện dành cho thiếu nhi. Ngọc Thủy thực hiện. Đại diện phát hành Việt Music Productions 2471 Alvin San Jose CA 95121 Tel (408) 270-0865. Liên lạc: TNT Productions Tel (408) 287-6714.

Đây là hai trong bộ băng đọc truyện dành cho lứa tuổi măng non của TNT Productions do Ngọc Thủy chủ trương và thực hiện. Thi sĩ Ngọc Thủy một khuôn mặt quen thuộc của cộng đồng Việt Nam tại San Jose rất yêu trẻ và lưu tâm đến việc chăm sóc lớp tuổi măng non. Những câu chuyện dành cho tuổi thơ như: Tiếng Chim Hót Cho Đời Đẹp Tươi, Mùa Hè Vui, Trang Nhật Ký Hồng, Tâm Sự Chú Gà Con,...hàm chứa chất giáo dục nhẹ nhàng, nhân hậu qua giọng đọc của Ngọc Thủy, Vương Đạo và hai Bé Thiên Nga, Ngọc Sơn. Trong rừng băng đủ loại, Tình Cha Nghĩa Mẹ và Trang Nhật Ký Hồng có riêng một vị trí và giá trị phục vụ con người, khởi đi từ tấm lòng yêu thương con người, yêu thương thiên nhiên.

RE/MAX
EXECUTIVES
9840 Carmel Mountain Road
San Diego, CA 92129
HOÀNG TỔNG
(Tony Hoàng)
Tel: (619) 484-5500 *(office)*
(619) 484-2222 *(home)*
Pager: 530-3466
(xin nói vào máy, không bấm số)
Fax: 484-1406
* Tốt nghiệp đại học chuyên khoa Địa Ốc
* Hành nghề Địa Ốc fulltime
liên tục từ năm 1979
* Top Agent của RE/MAX Executives
* Mọi dịch vụ địa ốc thuộc hành phố
San Diego và vùng phụ cận,
xin Quí vị liên lạc Hoàng Tổng (Tony Hoàng)

WHEN EAST MEETS WEST

NGUYEN HUNG VU

I read Mr. Khoi's new article (The Ky 21 #95) with much pleasure and interest. It is a necessary lengthy rebuttal where he expounded his points of view quite thoroughly.

This article is more or less written, as a reply and a chat with Mr. Khoi, and of course, with readers who are interested in scientific discussion.

I value Mr. Khoi highly for his careful explanations of the topics he rediscussed this time. His "wait and see" attitude also has its merit which I have to admit I am lacking. I must praise him for that. However, I paused from time to time when reading his new article due to a few arguments that I believe to contain some logical flaws. But, firstly, I need to clarify a few items in my article to avoid confusion and ambiguity on my last article: When I said the law of gravity and other forces, I mean the remaining 2 forces, which are the strong nuclear force and the electro-weak force. The strong nuclear force make matter possible. The electromagnetic force directly governs the law of chemistry. Without this force, no chemical bonding is possible, making life impossible. The electromagnetic force, therefore, can be said to be the prime force on earth that directly affects life. When I said the laws of probability, I mean the earth by sheer chance is located at just the right distance from the Sun so the 4 basic elements of living things can perform their tricks. These elements are C, H, N, O, which constitute more than 96% of living bodies. Had the earth been much closer to the sun like Mercury or much farther like Uranus, life as we know would have been impossible due to the extreme heat or coldness that will either vaporize or freeze the oceans. The earth, also by chance, has a volume that is neither as big as Jupiter, nor as small as Pluto. This right size contributes significantly to the development of a biosphere with proper climatic condition due to the thermal heat generated in the core of the earth by the weak nuclear force that causes rocks to decay. Another 2 critical factors are the tilt axis and the orbit of the earth, which allow 4 seasons on earth to happen, giving us a stable and temperate environment which is conducive to life. All these factors were the catalysts for the emergence of life, *sustainable* life that is long enough for living things with complex organs like eyes, nervous systems, and brains to evolve. The combination of these factors are *probabilistic* in nature that gave the earth its very special niche in the violent cosmos, and absolutely not a fiat ordered by a God or any gods.

On the subject of "pure chance" where the coin tossing example is cited, it is a good example for our discussion, eventhough it contains a serious logical flaw. Nature has worked incessantly from the beginning since the initial conditions were met 4 billion years ago. The powerful factors, "error tolerance," "genetic mutation," "complex adaptation" and "natural selection" working over billions of years resulting in complex living things like us now (the full explanation of these concepts is beyond the scope of this article). We only need to look around to see that freakish, short-lived creatures are abound everywhere, in the millions of species. For example, there are more than 100,000 species of flies, and more than 280,000 species of beetles alone. In the world of viruses and microbes, most molecular biologists believe them to be the strongest convincing argument for the theory of evolution since they defy any attempt to categorize between living and nonliving things. In fact, there were, and are, so many living things, from the smallest viruses, protozoa, bacteria, microbes, planktons to the bigger species, we don't know how to count and categorize them anymore. It has been estimated that the number of living organisms on earth far outnumber the stars in a trillion universes like our own. What can we say about this? The coin-tossing example is in beautiful agreement with nature that the outcomes based on probability does apply provided the initial conditions are right. If we try to draw a pictogram, we may see they fit into a pyramidal shape, with the simplest, weirdest organisms occupy the lowest stage, in the largest quantities, exactly like the way odds are divided in lottery winning scheme. When Mr. Khoi obtains what he calls "regularities" or HHH or TTT in the coin-tossing scheme, he used the

word "regularities" arbitrarily and erroneously, since there is nothing "irregular" about the other outcomes when applying to the living world based on the 4 elements C, H, N, O. In fact, it is the irregular outcomes of the combinations of these 4 elements that make the living world possible due to the mutating effects. If I toss 3 coins, and all my outcomes are TTT or HHH, I immediately suspect something is wrong, I would never consider these outcomes "regular" as Mr. Khoi has stated. On the other hand, if I toss the elements C, H, N, O randomly, then, due to chemical reactions among them, a lot of compounds will result.

By the way, freakish monocellular organisms are created constantly now, especially in oceans, however, they are quickly attacked and eaten by microbes and others living creatures the minute they are formed, unlike the primordial time where they floated freely for a long time to form replicators. Jack Monod, one of the founding fathers of molecular biology, Nobel prize winner in 1965, gave an authoritative treatment of this subject in his famous book Le Hasard et la Nécessité. I believe anybody who engage in conversation of this nature must first read this important book.

Another ambiguity should also be mentioned here: When Mr. Hawking talks about the irregularities or regularities, he wasn't quite clear on these. If we mean "chaotic" or "disorder" when we say "irregularities", then the entire universe is nothing but irregularities. We know that matter under normal condition exists in 3 forms: solid, liquid, and gaseous. But more than 99 percent of the matter in the universe are either amorphous or plasmatic, representing the uttermost chaotic and helllike condition. The fact that we are living on a stable planet orbiting a G-type stable star is a special incident, so special that a majority of people have to invoke a Creator in order to justify its situation.

On the subject of biochemistry, I know that around the world, molecular biologists/scientists are constantly at work to mimic nature. I am keenly aware of it and not trying to evade the issue. Significant breakthroughs have been made in the last 200 years, a blink of an eye compared to the 4.5 billion of years since the earth formed. Scientists and naturalists like Kimura, Margulis, Oparin, Von Neumann, Oro, Crick, Gould, Darwin, Cairns-Smith, etc. . . have contributed so much to the understanding of the origin and evolution of life. I also would like to remind us of the famous experiment carried out by 2 chemists Stanley Miller and Harold Urey in 1953, where their results gave way to an astounding conclusion about the primordial earth. I believe that it will be a matter of time, may be several hundreds, or thousands, of years, when the secret about life will be known. Remember we still have an eternity in front of us to study nature before the Sun burns out in 5 billion years. It is normal for us not to know the secret of life immediately since our technology is only several hundred years old. Since the time of Leeuwenhoek in 17th century to Linus Pauling in the last of the 20th century, we have amassed a respectable amount of knowledge about the living world a ridiculously short time of only 300 years in comparison to the 2 million years since homo erectus first appeared on earth. Nobody expect a three day old infant to understand calculus. So let us not be hurry.

I also would like to mention Mr. Melvin Calvin, a world renown chemist. He won a Nobel prize in 1961 for his famous analysis of the photosynthesis of plants where he used radioactive carbon-14 to demonstrate the steps plants use to make sugar from carbon dioxide and water. His monumental work gave us a clear understanding of how low-entropy energy of the sun is utilized by plants to make food. His colleagues affectionately called him "Mr. Photosynthesis" around campus. He died recently, leaving behind 7 books and more than 500 scientific research papers, a wealth of knowledge for mankind. Therefore, I must say that Mr. Khoi's conclusion, "...which is still completely unknown" is a humble acknowledgment of what we not yet know, but not a valid assessment of what we already knew.

The problem of semantics permeates any writing. The meaning of abstract words are very context-dependent. Mr. Khoi's intention was fine, his article was well written. However, when words are used to convey abstract concepts, misunderstandings are very likely to ensue, because nobody can ever define those concepts satisfactorily without resorting to some arbitrary precepts. The word "destruction" is ambiguous. When a teacup is broken, no law of destruction is involved, since the smashing of the cup only takes away the purpose of the cup, because the shape of the cup is lost. A thick plastic teacup or a steel teacup is just as hard to break as it is to make. This is another flaw of Mr. Hawking, who assumes all teacups are supposed to be ceramic, which is brittle and easily broken. To defeat the purpose of one item is not the same as destroying it. There is no creation or destruction in the universe in term of physics, only transformation.

The book of I Ching bothers me from time to time since I think it may have something to do with the concept of implicated order pioneered by the quantum physicist David Bohm, a

controversial scientist considered an intellectual giant in this century. I Ching was popularized by Carl Jung, a well-known figure in the world of psychoanalysis. Jung believed I Ching is a practice in which our deep subconscious is allowed to channel through and the results can be used to guide our actions, similar to the analysis of dreams by Sigmund Freud. To me, on a scientific standpoint, these practices are debatable. Another phenomenom, *synchronicity,* similar to the phenomenom "Than giao cach cam", researched and studied by Bohm and explained by Jung and his collaborator Wolfgang Pauli (another giant in the world of quantum physics) is a subject that is also worthy of a small discussion.

I was familiar I Ching and the concept of Yin/Yang quite a while back, but I doubt the way people interpreted them. Yin/Yang are supposed to be the two opposing aspects of nature that keep things in balance. Yin and Yang themselves can be viewed as the same thing, a *singularity,* or "Thai Cuc", but due to the breaking of a particular symmetry, it dichotomized into opposing forces, why? that is a profound secret of nature.

Vietnam was heavily influenced by China during a thousand year period of slavery-dom, a mental straitjacket that is psychologically unremovable within a few generations. I Ching is a remnant of this powerful influence that is deep-rooted in our culture. It is generally viewed that the ancient Chinese were famous for their fantasizing minds. By recognizing the patterns embedded on the carapaces (shells) of turtles, they could have cooked up anything in their heads. Chinese history was riddled with tales. Some were fanciful, heroic, inspirational, but some were outright atrocious (An assasin by the name of Kinh Kha was given a pair of bloody human hands, freshly chopped off from a female singer by a shogun to show appreciation to him before a deadly mission. This is an example of extreme stupidity, inhuman and barbaric behavior of ancient Chinese warlords towards women). I Ching could have stemmed from a humble origin, but due to unsuspecting eyes, it was turned into something seemingly important. Ancient Chinese revered 4 animals. Out of these 4, only the turtle is real, the rest are mythical (Dragon, Griffin, Phoenix). The tessellating hexagons arrangement patterns on the shells gave rise to the PaKua, or Bat Quai, diagram, with eight hexagons encircle two hexagons. This pattern obeys what is scientifically known as the parsimony principle in which the shell consumes the least amount of material to achieve the highest tensile strength, like the hex pattern of bee hives. Since the turtles were ubiquitous and were seen everywhere by anybody, the pattern on the shells slowly ingrained into the brains of those who have seen them. After a while, these patterns began to give meaning to the superstitious eyes. Since the ancient Chinese revered the turtle, they obviously made a connection, as if those hexagonal patterns have something to do with the cosmos (Legend has it that the turtle is supposed to carry the cosmos on its back). If a person keeps staring at a pattern of something for a long period, he is going to see things that he normally would not see just by glancing. Ancient Greek used to watch the night sky and due to this exercise, they dreamed up all kinds of animal figures known as constellations. By watching the moon, the Chinese imagined all kind of tales connected to it. Imagination is a very important aspect of our intellectual and spiritual lives, but it must be exercised in tandem with critical reasoning and bolstered with empirical proofs, otherwise, it can lead to false belief or fantasia. History has repeatedly shown that a single ugly and contradicting fact can easily destroy a beautiful theory or shatter a belief.

If we try to make an educated guess about the true meaning of I Ching, a complete understanding about the author, the society he lived in, and all the people that he interacted with and studied from, is necessary. Moreover, once we formulate a hypothesis about it, it must be testable, it must have some predicting power, and it must pass the severest criticism we challenge it. It must reveal the motive, the intention, the method, and most importantly, the purpose. Then, and only then, that we can accept the validity of the meaning of it. The rest are just crackpot hypotheses. About the number 2 and 3 that were assigned to Yin/Yang concept, I am very doubtful the way mathematical values were used in philosophical concepts. However, I like to mention that the product of 2 numbers: 2 to the power of 3 and 3, may have special meanings to theoretical physicists. The legendary Hinduist mathematician Srinivasa Ramanujan is famous for his invention of very strange modular equations. These equations are being used by physicists to model the universe into a consistent mathematical structure. These numbers are allegedly said to exist in I ching.

I also do not believe in a higher intelligent species that bother to interfere with our business on earth. This is based on the very convincing argument known as zoo hypothesis where the famous scientist Freeman Dyson has a lot to say about. To conclude this short talk, and to compensate for what Mr. Khoi feels to be an

emotionless article I wrote earlier, I would like to say something that is a little bit more philosophical. If what I am about to say has a religious overtone, it is my intention. We are, after all, an integral part of this universe. Materially speaking, we are nothing but a few pitiful specks of stardust peppered here and there in the immense void of the cosmos. But, if we view ourselves differently at a higher plane of perception, we realize that we are the universe at its pinnacle of development. At this very moment while you and me are consciously asking ourselves questions, searching for truths, resolving mysteries. or simply busying with our mundane lives, we. the universe, is going through the very arduous and tortuous process of selfactualization. 15 billion years after the Big Bang, the universe finally came to a point where it becomes aware of itself. Our brains, the seat of our consciousness, are at the final stage of evolution. In fact, holistically speaking, the brain is the universe, systematically codified into a small package that weighs merely three pounds and consists mostly of water. Yet, this three pound grey matter is the compactified version of the cosmos we are looking through the telescopes. The only difference is that the universe out there carries the substance, while the universe inside our brains carries the meaning and the psyche of the entity. Without one, the other becomes meaningless. The universe absolutely requires and demands the coexistence of our consciousness for it to be meaningful. The universe at the beginning was only a potentiality, or Yang but not yet Yin. The arrival of human awareness fulfills that requirement. Yin must unite with Yang for the potentia to become a reality. If we speak in the language of western philosophy, then the universe requires an intelligent observer to make it real (The notion of reality has caused headaches for philosophers since the dawn of civilization. Reality is an utterly undefinable concept. Our current espitemology based on modern philosophy, quantum physics and Einsteinian relativity concepts is hopelessly inadequate to explain what is reality. I was forced to use this word for lack of a better word) It is interesting to note that the physicist David Bohm and the philosopher Krisnamurti, after a fruitful talk, both unknowingly came to an conclusion on the Buddhism concept of Akasha, which is the totality of everything immanent in the universe. This was, to me, an unprecedented encounter between eastern and western thoughts.

The great scientist Steven Weinberg once lamented, ". . . the more the universe seems comprehensible. the more it also seems pointless. " So did the great mathematician Blaise Pascal. Three centuries ago, when pondering about the loneliness and purposeless of human, Pascal uttered, "So childish are we that we wander around in time". It is an overwhelming sense of hopelessness and despair that afflict a majority of western thinkers due to their viewpoint. I sympathize with them. For us, once we recognize that we are an intrinsic part of this cosmos, we are the cosmos, we should feel fabulously lucky. Consciousness itself is transcendental. When we die, our brains will decompose, and any experience we accumulated through our 5 senses will become forever lost. Yet, the meaning of the brain, the principle in which it was formed will transcend death.

Zen masters have known this principle for centuries. Not only they know this, they embody and reflect this principle in their personal lives. I believe a talk between Mr. Weinberg, Mr. Pascal and a Zen master, such as Dogen, or the contemporary Thich Nhat Hanh, will do them some good.

From the smallest organism to the most complex human, we can clearly discern a trend that goes from total reflexive response to complete reflection. Human have the most potential for total reflection. This is known as "Buddhahood" or "Phat tanh", which is innate in everything but expressly so in human. 25 centuries ago, an Indian prince by the name Gotama attained total reflection. His awareness penetrated beyond the boundary of earthly experiences and the physical limits imposed by space-time. The true domain of reality is unbounded by any physical constraints and mental entrapments. This domain is beyond what we can think, imagine, perceive, visualize, recognize or calculate. Yet, we can feel it momentarily within our psyches at the quietest moment of meditation, since we carry within our bodies the constituents and the essence of the universe.

In a sense, reality could very well be defined as the total and constant reflection of the human psyche.

The material universe has been waiting patiently for us for 15 billion years. Materially and spiritually, human represent the the fusion between mind and matter that embrace and manifest the ultimate principle of nature. Once we realize what we are, who we are, where we stand at this moment, and the deep significance of us being here and knowing that we are here, then the search for reality is not merely our purpose in life. It is the ultimate and final destiny of each one of us, and of the human race. With due respects to Mr. Khoi and THEKY 21 readers.

Tìm đọc:

LÊ HOA

Đặc san mùa Xuân 1997
của
LÊ TỘC HỘI HẢI NGOẠI

Liên lạc:

10444 Flanders Place, San Diego CA 92126 USA. ĐT: (619) 586-1867

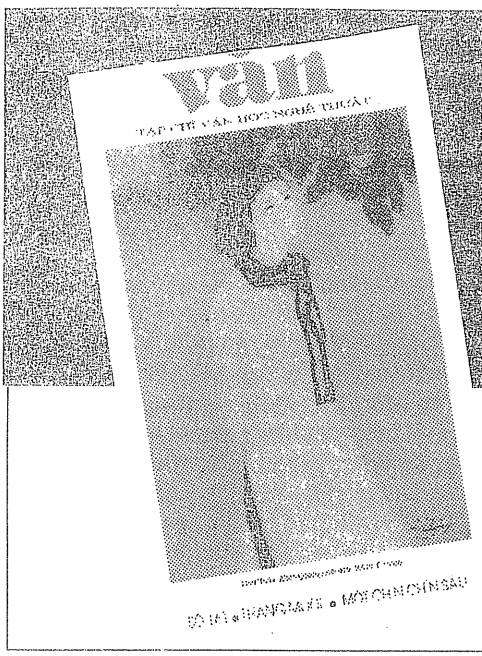

văn

tạp chí văn học nghệ thuật
phát hành hàng tháng

Chủ nhiệm: MAI THẢO
Chủ bút: NGUYỄN XUÂN HOÀNG
ĐT: (714) 531-7297

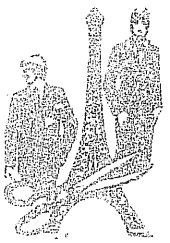

"THUẬN" PHOUTTA PHASOUK

Master Tailor
Diplome d'Honneur L'Académie Internationale
De Coupe de Paris

** Từ 1963 đã từng may mặc cho Hoàng Gia Lào và giới ngoại giao tại Vientiane*
** Hoạt động trong ngành May Mặc Paris trong 15 năm:*
Làm Huấn luyện viên tại Académie Internationale de Coupe de Paris
Làm Coupeur cho Trường Ecole Superieure de Guerre.

• Nhận cắt may đồ Veste,
sang trọng và nghệ thuật
• Huấn luyện từ A đến Z
những ai muốn học nghề may
hoặc muốn tu nghiệp
nâng cao tay nghề.

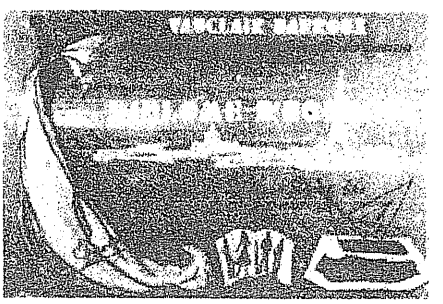

7871 Hazard Ave.,#B (at Beach) Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) **373-4085**

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẠP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: (714)537-2468

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ___. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không)
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove CA 92643

Orange County, California, USA

Thuh

Beauty Institute

8181 Bolsa Ave.
Midway City, CA 92655

325 5th Street
Huntington Beach
CA 92648

TỐT NGHIỆP VÀ KINH NGHIỆM

* State Board Certified in Cosmetics, CA. USA.
* Certified in Make Up + Maquillage, International Forum, Paris, France.
* Certified in Semi Permanent Make Up + Pigmentation, Biology Research, Paris, France.
* Pola Cosmetics, Tokyo, Japan.
* Lan Nomolee Cosmetics, Beijing, China.
* Member of Aestheticians International Association.
* Registered Nurse (R.N.) Cal. State Long Beach, CA, USA.
* Bachelor of Science in Nursing (B.S.N.) Cal. State San Francisco, CA, USA.
* Surgical Head Nurse & Office Manager, Plastic Surgery Clinic, Orange County, CA, USA.
* B.A. in Education (Pedagogy) and B.A. in Psychology, Univ. of Saigon, VietNam.
* Former Teacher at Gia Long High School, Saigon, VietNam.
* International Congress of Beauty 1990, Cannes, France.
* European Festival of Aesthetics 1990, La Baule, France.
* Aesthetics World Expo 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995 + 1996, CA, USA.
* Aesthetics Congress 1991 + 1992 + 1993 + 1994 + 1995, Paris, France.
* Cosmetics Expo Kospafu 1992, Zurich, Switzeland.
* Professional Beauty 1992, Olympia 2, West London, England.
* International Congress of Beauty 1992, Ethens, Greece.
* Cosmoprof 1993, Bologna, Italy.
* International Scientific Congress of Aesthetics, 1994 Rio De Janeiro, Brazil.
* Carol Priest Natural Cosmetics 1995, Wellington, New Zealand.
* Red and Earth Product 1995, Sydney, Australia.

Do Cô Bạch Thuhà chăm sóc và điều khiển

Tel. & Fax:
(714) 8-949-949
(714) 960-0311

NHẬN VISA & MASTER CARD

GIẢI PHẪU THẨM MỸ VÀ TẠO HÌNH

Do Bác sĩ chuyên môn đảm nhận

* GIẢI PHẪU
  - Mắt, mũi, môi, cằm, tai, bàn tay.
  - Căng da mặt, da bụng.
* PHƯƠNG PHÁP NỘI SOI: (Endoscopie plastic surgery)
  - Sửa ngực lớn với thẹo nhỏ ở nách.
  - Căng da trán, nâng chân mày với thẹo nhỏ trong tóc.
* TIA LASER:
  - Xóa nếp nhăn trên mắt.
  - Lấy mỡ mắt dưới không để thẹo, không chảy máu, không may chỉ, vì cắt bên trong mí mắt.
* HÚT MỠ:
  - Cằm, bắp tay, lưng, mông, bụng, đùi.
* Cấy tóc.
* Chích Mỡ
* Chữa trị các hình thức Silicone.
* Giải phẫu bộ phận sinh dục đã biến dạng sau khi sanh nở.

CHUYÊN MÔN:

* Facial	* Lột da mặt	* Dầu thơm Pháp
* Dưỡng Da	* Xâm Thẩm Mỹ	* Mỹ phẩm & Kem dưỡng da SOTHYS (Pháp)
* Trang điểm cô dâu, dạ hội		

* Chữa trị da nám, tàn nhang, vết seo vì mụn.
* Lớp dạy Trang điểm và Xâm thẩm mỹ
* Khách ở xa có xe đưa đón và chỗ ăn ở tiện nghi.

Bp: (714) 218-6262

Bằng phương pháp đặc biệt do Thuh Beauty nghiên cứu và chăm sóc sau một thời gian ngắn sẽ có làn da tươi mát và mịn màng

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢海鮮市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quý khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

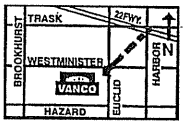

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

THẾ KỶ GOLDEN MATE INC.

HOÀN TOÀN MỚI

Hân Hạnh Giới Thiệu

ĐẠI TỪ ĐIỂN ĐIỆN TỬ TOÀN NĂNG

HOÀN MỸ EV-97

BA BỘ TỰ ĐIỂN ĐẦY ĐỦ, LỚN NHẤT

ANH-VIỆT, VIỆT-ANH, ANH-ANH

- Căn bản cho người học, dùng và nói tiếng Anh thường xuyên với bộ ANH-ANH hoàn chỉnh.
- Tự điển ANH-VIỆT lớn hơn các máy đã có trên thị trường.
- Thêm phần đặc biệt các tự điển chuyên môn Bách Khoa
- Tra cứu trực tiếp và đối chiếu (tra chéo) giữa các bộ

EV-96	EV-97
$249	$279

VEC-888 $289

* Giá có thể thay đổi tùy theo thời hạn. Xin gọi để hiểu chi tiết

ĐẶC BIỆT VỀ NGÀNH THẨM MỸ

Không một máy nào trên thị trường hiện nay có được:

- Luyện thi Thẩm Mỹ, với các câu hỏi trả lời có phê điểm đúng sai.
- Hỏi đáp có phát âm
- Từ điển Thẩm Mỹ, đủ các từ chuyên môn cần thiết.
- Một công trình biên soạn để đáp ứng nhu cầu thị trường lớn nhất nước Mỹ

TỪ ĐIỂN BÁCH KHOA CHUYÊN NGÀNH:

- Y KHOA
- ĐIỆN TỬ
- TOÁN HỌC
- ĐIỆN TOÁN
- CƠ KHÍ
- KINH TẾ
- THƯƠNG MẠI

Giáo sư Lê Chính Long: "Tôi giới thiệu bộ tự điển này."

Nếu quý vị không có nhu cầu dùng từ điển ANH-ANH
nên mua
THẾ KỶ HOÀN MỸ EV-96
Trên 40 công dụng - Máy tuyệt hảo, ổn định và xinh đẹp; không thiếu một chức năng nào, màn

HỆ THỐNG BẢO HÀNH TỐT NHẤT, UY TÍN NHẤT, BẢO VỆ

LINH KIỆN THIẾT BỊ CỦA SHARP CHẾ TẠO BẢO ĐẢM BỀN BỈ VÀ TINH VI.
HỆ THỐNG PHÁT ÂM CỦA VIỆN TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT BERKELEY - USA.

DD Whizmate
PHÂN BỘ CỦA GOLDEN MATE INC. THỰC HIỆN

ĐÃ CÓ BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG

Xin liên lạc đại lý bán máy gần nhất hoặc trực tiếp với các nơi dưới đây:

TỔNG ĐẠI LÝ TẠI HOA KỲ & CANADA:
GOLDEN MATE INC.
2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732
Tel: (818) 279-9898 Fax: (818) 279-9899
Nói riêng Việt:
1-800-248-3948, 818-279-9911

LITTLE SAIGON 9200 BOLSA AVE. #226 WESTMINSTER, CA 92683 Tel: (714) 897-9808	**PACIFIC GIFTS & SHOES** 2857 CENTER RD. #M SAN JOSE, CA 95111 Tel: (408) 226-2383	**PHONG LE CO.** 103 WESTBANK EXPWY. GRETNA, LA 70053 Tel: (504) 366-5758
PHƯƠNG MY LASER & VIDEO 8282 BELLAIRE BLVD. # 153, HOUSTON, TX 77036 Tel: (713) 523-1131	**SOUND CITY** 1012 WEBSTER ST. OAKLAND, CA 94607 Tel: (510) 444-7800	**VIETNAM BOOKSTORE (CANADA)** 415 SPADINA AVE. TORONTO, ONT M5T 2G6 Tel: (416) 595-5199

Ấn Phí: Bốn Mỹ Kim